CÔNG TY TIN HỌC CÔNG NGHỆ SAO VIỆT
54 Bình Giã, P13, Tân Bình, TP. HCM
ĐT: (08) **3 8132700**, Fax: (08) 3 8132701

PHẦN MỀM QUẢN LÝ TỔNG THỂ BỆNH VIỆN

TÀI LIỆU MÔ TẢ SẢN PHẨM

Tp. HCM, 08/2015

Mục Lục

CHƯƠNG I. QUẢN LÝ TỔNG THỂ BỆNH VIỆN SV.HOSPITAL 6
I. TỔNG QUÁT 6
I.1. Các phân hệ của phần mềm 6
I.2. Danh sách chức năng, màn hình theo phân hệ 7
II. MÔ TẢ CHI TIẾT 18
II.1. Phân hệ Tiếp nhận bệnh nhân 18
II.1.1. Giới thiệu – Quy trình nghiệp vụ 18
II.1.2. Các màn hình chính 18
II.1.2.1. Tiếp nhận bệnh nhân 18
II.1.2.2. Tìm kiếm thông tin bệnh nhân 21
II.1.2.3. Thông tin bệnh nhân 22
II.1.2.4. Danh sách bệnh nhân 23
II.1.2.5. Danh sách bệnh nhân đăng ký khám bệnh qua tổng đài vnpt 1080 24
II.1.2.6. Danh sách tiếp nhận 24
II.1.2.7. Thống kê thu tiền khám bệnh cuối ngày 24
II.2. Phân hệ Khám bệnh, bệnh án ngoại trú 26
II.2.1. Giới thiệu – Quy trình nghiệp vụ 26
II.2.2. Các màn hình chính 27
II.2.2.1. Quản lý thông tin khám bệnh 27
II.2.2.2. Danh sách bệnh nhân đã khám bệnh 30
II.2.2.3. Toa thuốc mẫu theo bác sĩ/ phòng khám/ theo phát đồ điều trị 31
II.2.2.4. Ra chỉ định cận lâm sàng 32
II.2.2.5. Xem kết quả xét nghiệm 33
II.2.2.6. Xem kết quả cận lâm sàng 34
II.2.2.7. Xem bệnh sử 34
II.2.2.8. Nhập xuất viện 34
II.2.2.9. Quản lý danh sách nhập xuất viện 35
II.2.2.10. Bệnh án ngoại trú 36
II.2.2.11. Các báo cáo phân hệ khám bệnh 39
II.3. Phân hệ quản lý viện phí 47
II.3.1. Giới thiệu – qui trình nghiệp vụ 47
II.3.2. Các màn hình chính 48
II.3.2.1. RC.1_Viện phí ngoại trú 48
II.3.2.2. RC.1_Viện phí nội trú 53
II.3.2.3. RC.3_Danh sách chứng từ viện phí 54
II.3.2.4. RC.4_Hủy, hoàn hóa đơn chứng từ viện phí 54
II.3.2.5. RC.5_Kiểm tra hóa đơn 55
II.3.2.6. RC.6_Báo cáo thu tiền hằng ngày 55
II.3.2.7. RC.7_Chi tiết công nợ bệnh nhân, tạm ứng, hoàn ứng 56
II.3.2.8. RC.8_ Bảng giá dịch vụ 57
II.3.2.9. RC.F.1_ Hóa đơn thu tiền 58
II.3.2.10. RC.F.2_ In bảng kê viện phí BHYT (mẫu 01/BV) 59
II.3.2.11. RC.R.1_ Báo cáo chi tiết thực thu hằng ngày theo cụm biên lai 59
II.3.2.12. RC.R.2_ Báo cáo chi tiết thực thu theo khoa 60
II.3.2.13. RC.R.3_ Báo cáo tổng hợp thực thu theo khoa 60
II.3.2.14. RC.R.4_ Báo cáo phân tích thực thu 61
II.3.2.15. RC.R.10_ BHYT – Danh sách đề nghị thanh toán chi phí KCB ngoại trú 25A61
II.3.2.16. RC.R.11_ BHYT – Danh sách đề nghị thanh toán chi phí KCB nội trú 26A 61
II.3.2.17. RC.R.21_Sở YT – Thống kê thuốc tân dược ngoại trú (20/BHYT/TT231) 62
II.4. Quản lý nội trú (lâm sàng) 62

II.4.1. Giới thiệu – Quy trình nghiệp vụ 62
II.4.2. Các màn hình chính 63
II.4.2.1. Quản lý thông tin bệnh án nội trú 63
II.4.2.2. Tờ điều trị 67
II.4.2.3. Thực hiện y lệnh 70
II.4.2.4. Xuất viện tại khoa 70
II.4.2.5. Viện phí khoa 71
II.4.2.6. Tổng hợp thuốc hằng ngày 72
II.4.2.7. Công khai vật tư 72
II.4.2.8. Lập phiếu trả vật tư 74
II.4.2.9. Quản lý thông tin buồn giường 75
II.4.2.10. Báo cáo tại khoa 75
II.5. Quản lý dược 76
II.5.1. Giới thiệu – Quy trình nghiệp vụ 76
II.5.2. Các màn hình chính 76
II.5.2.1. Nhập kho chẵn – nhập mua từ nhà cung cấp: 76
II.5.2.2. Nhập kho chẵn – khoa trả (nhập từ các khoa trả về) 77
II.5.2.3. Nhập kho chẵn – nhập mượn từ kho khác (dùng để nhập xuất nội bộ) 77
II.5.2.4. Xuất kho chẵn - xuất khác (xuất cho các kho) 78
II.5.2.5. Xuất kho chẵn - tổng hợp dịch truyền từ khoa nội trú (xuất dịch truyền cho các khoa) 78
II.5.2.6. Xuất trả nhà cung cấp (Xuất cho các nhà cung cấp) 78
II.5.2.7. Tồn kho chẵn (mỗi khi liên quan tới tồn kho bắt buộc phải xử lý tồn kho) 79
II.5.2.8. Kiểm kê dược(dùng kiểm kê dược và nhập số lượng thực tế sau khi kiểm kê) 79
II.5.2.9. Dự trù thuốc - thêm dự trù mới 80
II.5.2.10. Xem danh sách đã dự trù 81
II.5.2.11. Nhập kho lẻ 81
II.5.2.12. Xuất kho lẻ - Phòng khám khoa thận 83
II.5.2.13. Xuất kho lẻ - PK cấp cứu xuất viện. 83
II.5.2.14. Xuất kho lẻ - T.hợp phiếu lĩnh từ khoa nội trú 84
II.5.2.15. Xuất kho lẻ - Tổng hợp phát thuốc xuất viện 84
II.5.2.16. Xuất kho lẻ - Xuất nội bộ 85
II.5.2.17. Tồn kho lẻ (chỉ xử lý kho BHYT và kho lẻ) 85
II.5.2.18. Phát thuốc phòng khám BHYT 86
II.5.2.19. Phát thuốc phòng khám khoa thận 86
II.5.2.20. Phát thuốc xuất viện 86
II.5.3. Báo cáo nhập xuất 86
II.5.3.1. Báo cáo nhập xuất tồn 86
II.5.3.2. Phiếu nhập xuất cuối ngày 87
II.5.3.3. Phiếu nhập xuất cuối tháng 87
II.5.3.4. Phiếu nhập xuất cuối tháng tổng hợp 88
II.5.3.5. Xem chi tiết nhập xuất tồn 88
II.5.3.6. Thẻ kho 89
II.5.3.7. Báo cáo phiếu nhập xuất 89
II.5.3.8. Báo cáo dược bệnh viện(Báo cáo quý) 90
II.5.3.9. Báo cáo chi tiết nhập xuất tồn 90
II.5.4. Báo cáo kho dược 90
II.5.4.1. Báo cáo thuốc hết hạn. 90
II.5.4.2. Báo cáo hạn sử dụng thuốc 91
II.5.4.3. Danh sách kiểm kê 91
II.5.4.4. Bảng kiểm kê 91
II.5.4.5. Bảng kiểm kê chi tiết 92
II.5.4.6. Báo cáo tiền nhóm thuốc chi tiết 92

II.5.4.7. Báo cáo tiền thuốc nội ngoại *93*
II.5.4.8. Báo cáo tiền kháng sinh *94*
II.5.4.9. Báo cáo tiền thuốc sử dụng *95*
II.6. Quản lý cận lâm sàng 95
II.6.1. Giới thiệu – qui trình nghiệp vụ 95
II.6.2. Các màn hình chính 96
II.6.2.1. Thông số chung màn hình trả kết quả cận lâm sàng. *96*
II.6.2.2. Cấu hình cho màn hình trả kết quả CLS. *97*
II.6.2.3. Trả kết quả nội soi thực quản – dạ dày – tá tràng. *99*
II.6.2.4. Trả kết quả nội soi đại tràng *100*
II.6.2.5. Trả kết quả nội soi tai mũi họng *101*
II.6.2.6. Trả kết quả siêu âm *102*
II.6.2.7. Trả kết quả X-Quang *103*
II.6.2.8. Trả kết quả giải phẫu bệnh *105*
II.6.2.9. Kết quả thăm dò chức năng *105*
II.6.2.10. Kết quả MRI *106*
II.6.2.11. Kết quả CT - Scanner *108*
II.6.2.12. Kết quả DSA *108*
II.6.3. Báo cáo chung 109
II.6.3.1. Danh sách bệnh nhân theo ngày bác sĩ *109*
II.6.3.2. Sổ bệnh nhân CLS *110*
II.6.3.3. Sổ bệnh nhân CLS(A4) *111*
II.6.3.4. Báo cáo số ca theo khoa *112*
II.6.3.5. Thống kê số lượng bệnh nhân CLS *113*
II.6.3.6. Thống kê số lượng ca theo phân loại bác sĩ *113*
II.6.3.7. Báo cáo thủ thuật CLS *113*
II.7. Quản lý phẫu thuật thủ thuật 114
II.7.1. Giới thiệu – Quy trình nghiệp vụ 114
II.7.2. Các màn hình chính 114
II.7.2.1. Định nghĩa thông tin gói dịch vụ *114*
II.7.2.2. Các danh mục quản lý phẩu thuật thủ thuật *115*
II.7.2.3. Thông tin phẩu thuật thủ thuật *115*
II.7.2.4. Báo cáo phẫu thuật, thủ thuật thuật *117*
II.8. Quản lý vật tư tiêu hao 117
II.8.1. Giới thiệu 117
II.8.2. Các màn hình chính 118
II.8.2.1. Công khai vật tư cho bệnh nhân *118*
II.8.2.2. Lập phiếu yêu cầu vật tư *119*
II.8.2.3. Lập phiếu trả vật tư *119*
II.8.2.4. Phiếu nhập kho tại các kho *120*
II.8.2.5. Phiếu xuất kho tại các kho *120*
II.8.2.6. Báo cáo vật tư *121*
II.9. Kế toán 123
II.9.1. Giới thiệu 123
II.9.2. Tiền mặt 123
II.9.2.1. Phiếu thu tiền mặt *123*
II.9.2.2. Phiếu chi tiền mặt *126*
II.9.3. Ngân hàng 129
II.9.3.1. Phiếu thu chuyển khoản *129*
II.9.3.2. Phiếu chi chuyển khoản *132*
II.9.4. Vật tư 136
II.9.4.1. Phiếu nhập vật tư *136*
II.9.4.2. Phiếu xuất vật tư *140*

II.9.4.3. Cập nhật giá cho phòng khám *143*
II.9.4.4. Kiểm kê vật tư cuối năm *144*
II.9.5. Tìm kiếm 147
II.9.6. Nhập đầu kỳ 147
II.9.6.1. Nhập số dư tài khoản *147*
II.9.6.2. Nhập tồn kho đầu kỳ *149*
II.9.7. Danh mục 150
II.9.8. Báo cáo 151
II.9.8.1. Báo cáo kế toán thanh toán *151*
Số quỹ *151*
Nhật ký tiền gửi ngân hàng *151*
Bảng đối chiếu hạn mức kinh phí *152*
Số kinh phí *153*
Giấy đối chiếu xác nhận số dư ngân hàng *154*
Bảng liệt kê các hóa đơn nhập *155*
II.9.8.2. Báo cáo kế toán vật tư *156*
Báo cáo nhập kho *156*
Báo cáo xuất kho *157*
Báo cáo nhập/xuất cuối ngày *158*
Nhập xuất tồn kho cuối tháng *159*
Nhập xuất tồn kho *160*
Nhập xuất tồn kho theo nhóm hàng hóa *161*
Chi tiết nhập - xuất vật tư *162*
Phiếu kế toán vật tư *163*
Bảng giá vật tư *164*
Báo cáo tổng hợp – chi tiết nhập xuất tồn *165*
Bảng kê bông băng xuất cho khoa Chống nhiễm khuẩn *166*
Báo cáo nóng nhập xuất tồn kho. *167*
Lũy kế nhập xuất vật tư *168*
Chi tiết nhập – xuất sản phẩm dở dang *169*
II.9.8.3. Báo cáo kế toán tổng hợp *171*
Sổ chi tiết các tài khoản *171*
Số cái *171*
Bảng cân đối số phát sinh *172*
Phiếu kế toán *173*
Tổng hợp tạm ứng *175*

CHƯƠNG I. QUẢN LÝ TỔNG THỂ BỆNH VIỆN SV.HOSPITAL

I. TỔNG QUÁT

I.1. Các phân hệ của phần mềm

1. RC - Tiếp nhận bệnh nhân
2. EX - Khám bệnh, bệnh án ngoại trú
3. RC - Quản lý viện phí
4. CR - Quản lý nội trú
5. MC - Quản lý dược
6. PC - Quản lý cận lâm sàng
7. CR - Quản lý phẫu thuật thủ thuật
8. MC - Quản lý vật tư tiêu hao
9. AC - Kế toán

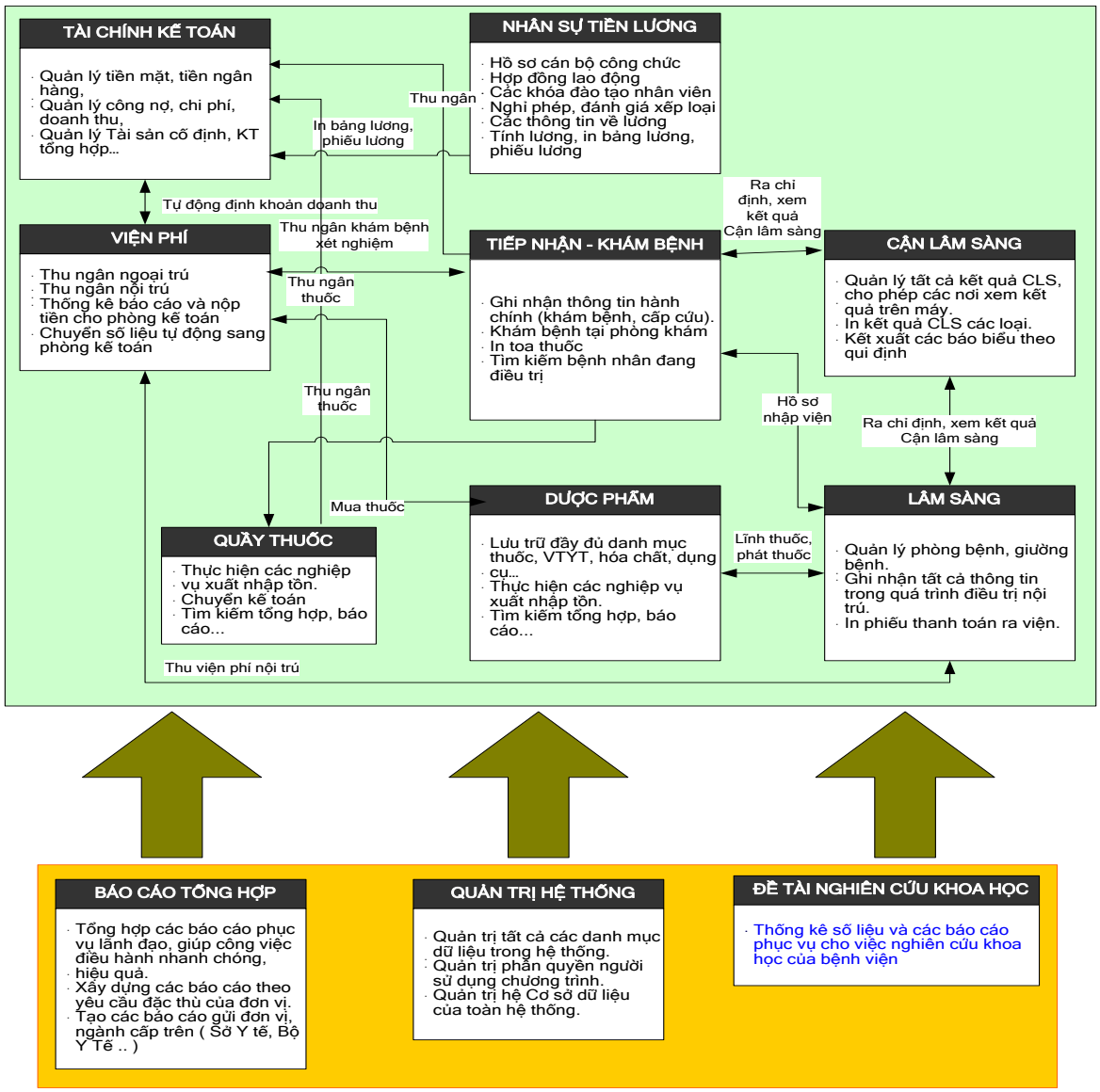

MÔ HÌNH TƯƠNG TÁC NGHIỆP VỤ GIỮA CÁC PHÂN HỆ TRONG PHẦN MỀM

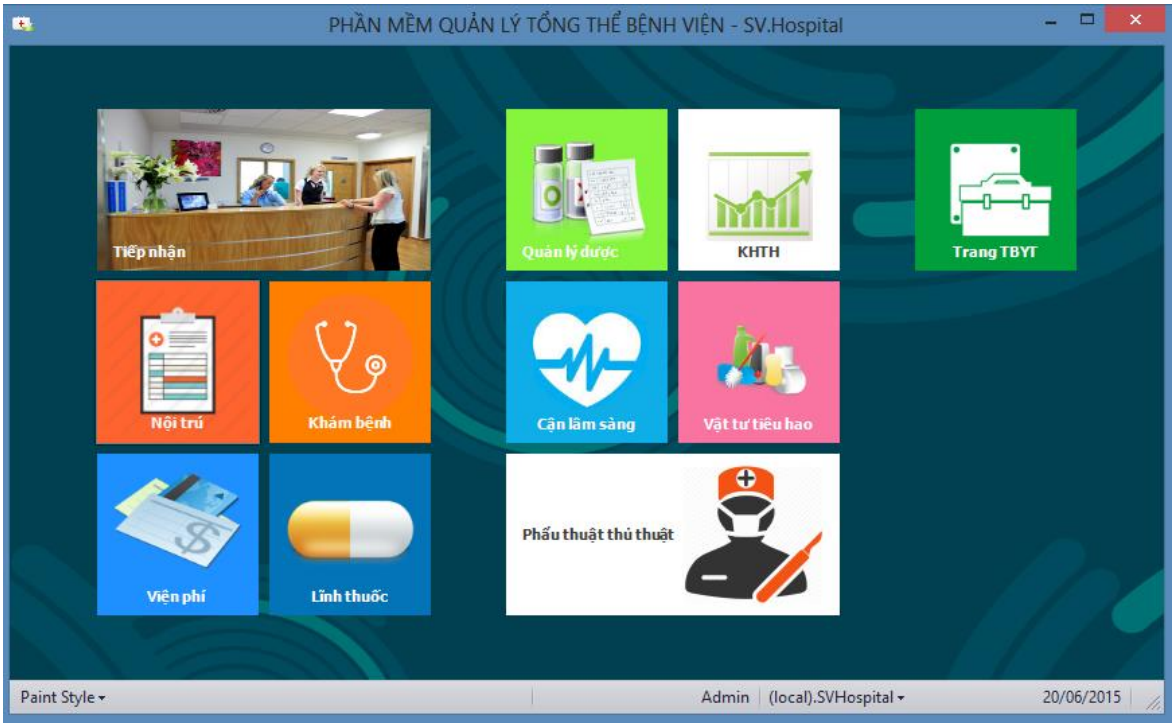

I.2. Danh sách chức năng, màn hình theo phân hệ

1. Phân hệ Tiếp nhận bệnh nhân

STT	Thông tin	Ghi chú
I.	**Màn hình**	
1	RC.1_Tiếp nhận bệnh nhân	
2	RC .2_Tìm kiếm thông tin bệnh nhân	
3	RC .3_Thông tin bệnh nhân	
4	RC .4_Danh sách bệnh nhân	
5	RC .5_Danh sách đăng ký khám bệnh qua tổng đài vnpt 1080	
6	RC .6_Danh sách tiếp nhận	
7	RC .7_Thống kê thu tiền khám bệnh (đối tượng khác BHYT)	
II.	**Báo cáo tiếp nhận**	
8	RC.R.1_In piếu thanh toán khám bệnh	
9	RC.R.2_Báo cáo thu tiền khám bệnh cuối ngày	

2. Phân hệ khám bệnh, bệnh án ngoại trú

STT	Thông tin	Ghi chú
I.	**Màn hình**	
10	EX.1_Khám bệnh	
11	EX .2_Danh sách khám bệnh	

12	EX .3_Toa thuốc mẫu theo bác sĩ/ phòng khám/ theo phát đồ điều trị	
13	EX .4_Ra chỉ định cận lâm sàng	
14	EX .5_Xem kết quả xét nghiệm	
15	EX .6_Xem kết quả cận lâm sàng	
16	EX .7_Xem bệnh sử	
17	EX.8_ Nhập xuất viện	
18	EX.9_ Quản lý danh sách nhập xuất viện	
19	EX.10_Bệnh án ngoại trú	
II.	**Báo cáo khám bệnh, bệnh án ngoại trú**	
20	EX.F.1_ In toa thuốc (mẫu BV01)	
21	EX.F.2_ In bảng kê viện phí BHYT (mẫu 01/BV)	
22	EX.F.3_ In bệnh sử của bệnh nhân	
23	EX.F.4_ In chỉ định cận lâm sàng	
24	EX.F.5_ Bệnh án ngoại trú – in tờ điều trị	
25	EX.F.6_ In bệnh án ngoại trú	
26	EX.F.7_ In giấy ra viện	
27	EX.R.1_ Sổ khám bệnh (bỏ sổ ngoài)	
28	EX.R.2_ Tình hình bệnh tật đến khám	
29	EX.R.3_ Báo cáo bệnh nhân cuối ngày	
30	EX.R.4_ Báo cáo phòng khám theo ICD	
31	EX.R.5_ Báo cáo bệnh nhân tỉnh	
32	EX.R.6_ Báo cáo bệnh nhân BHYT	
33	EX.R.7_ Báo cáo phòng khám	
34	EX.R.8_ Sổ bệnh khám	

3. Phân hệ quản lý viện phí

STT	Thông tin	Ghi chú
I.	**Màn hình**	
35	RC.1_Viện phí ngoại trú	
36	RC.2_Viện phí nội trú	
37	RC.3_Danh sách chứng từ viện phí	
38	RC.4_Hủy, hoàn hóa đơn chứng từ viện phí	

39	RC.5_Kiểm tra hóa đơn	
40	RC.6_Báo cáo thu tiền hằng ngày	
41	RC.7_Chi tiết công nợ bệnh nhân, tạm ứng, hoàn ứng	
42	RC.8_ Bảng giá dịch vụ	
II.	**Báo cáo viện phí**	
43	RC.F.1_ Hóa đơn thu tiền	
44	RC.F.2_ In bảng kê viện phí BHYT (mẫu 01/BV)	
45	RC.R.1_ Báo cáo chi tiết thực thu hằng ngày theo cụm biên lai	
46	RC.R.2_ Báo cáo chi tiết thực thu theo khoa	
47	RC.R.3_ Báo cáo tổng hợp thực thu theo khoa	
48	RC.R.4_ Báo cáo phân tích thực thu	
49	RC.R.5_ Báo cáo phân tích miễn giảm	
50	RC.R.6_ Báo cáo phân tích thất thu	
51	RC.R.7_ Tổng hợp thất thu miễn giảm theo khoa	
52	RC.R.8_ Tổng hợp thất thu miễn giảm theo đối tượng	
53	RC.R.9_ Tổng hợp thất thu miễn giảm theo tỉnh thành	
54	RC.R.10_ BHYT – Danh sách đề nghị thanh toán chi phí KCB ngoại trú 25A	
55	RC.R.11_ BHYT – Danh sách đề nghị thanh toán chi phí KCB nội trú 26A	
56	RC.R.12_ BHYT – Danh sách đề nghị thanh toán chi phí KCB ngoại trú thận 25A	
57	RC.R.13_ BHYT – Danh sách đề nghị thanh toán chi phí KCB nội trú thận 26A	
58	RC.R.14_ BHYT – Danh sách đề nghị thanh toán chi phí KCB ngoại trú tai nạn 25A	
59	RC.R.15_ BHYT – Danh sách đề nghị thanh toán chi phí KCB nội trú tai nạn 26A	
60	RC.R.16_ BHYT – Danh sách đề nghị thanh toán chi phí KCB ngoại trú đối tượng cận nghèo 25A	
61	RC.R.17_ BHYT – Danh sách đề nghị thanh toán chi phí KCB nội trú đối tượng cận nghèo 26A	
62	RC.R.18_ BHYT – Báo cáo tổng hợp chi phí chuẩn đoán hình ảnh	
63	RC.R.19_ Báo cáo chi tiết sử dụng dịch vụ	

64	RC.R.20_ Báo cáo chi tiết sử dụng nội viện theo nhóm	
65	RC.R.21_Sở YT – Thống kê thuốc tân dược ngoại trú (20/BHYT/TT231)	
66	RC.R.22_Sở YT – Thống kê thuốc tân dược nội trú (20/BHYT/TT231)	
67	RC.R.23_Sở YT – Thống kê vị thuốc YHCT ngoại trú (20/BHYT/TT231)	
68	RC.R.24_Sở YT – Thống kê vị thuốc YHCT nội trú (20/BHYT/TT231)	
69	RC.R.25_Sở YT – Thống kê chế phẩm YHCT ngoại trú (20/BHYT/TT231)	
70	RC.R.26_Sở YT – Thống kê chế phẩm YHCT nội trú (20/BHYT/TT231)	
71	RC.R.27_Sở YT – Thống kê tổng hợp vật tư y tế tiêu hao ngoại trú (20/BHYT/TT231)	
72	RC.R.28_Sở YT – Thống kê tổng hợp vật tư y tế tiêu hao nội trú (20/BHYT/TT231)	
73	RC.R.29_Sở YT – Thống kê tổng hợp dịch vụ kỹ thuật sử dụng ngoại trú (21/BHYT)	
74	RC.R.30_Sở YT – Thống kê tổng hợp dịch vụ kỹ thuật sử dụng nội trú (21/BHYT)	
75	RC.R.31_Báo cáo chi tiết sử dụng vụ theo cụm biên lai	
II.	**Thống kê số liệu**	
76	Thống kê dịch vụ sử dụng	
77	Thống kê chi phí phẩu thuật thủ thuật	
78	Danh sách bệnh nhân chưa đóng tiền	

4. Phân hệ quản lý nội trú (lâm sàng)

STT	Thông tin	Ghi chú
I.	**Màn hình**	
79	CR.1_Quản lý thông tin bệnh án nội trú	
80	CR.2_Tờ điều trị - toa thuốc	
81	CR.3_Thực hiện y lệnh	
82	CR.3_ Xuất viện tại khoa	
83	CR.4_ Viện phí khoa	
84	CR.5_ Tổng hợp lĩnh thuốc hằng ngày	

85	CR.5_ Tổng hợp trả thuốc	
86	CR.6_Công khai vật tư	
87	CR.6_Phiếu yêu cầu lĩnh vật tư từ các kho	
88	CR.6_Lập phiếu trả vật tư cho các kho	
89	CR.7_Quản lý thông tin buồn giường	
II.	**Báo cáo nội trú**	
90	CR.R.1_Báo cáo tổng hợp dịch vụ của bệnh nhân	
91	CR.R.2_Báo cáo bệnh tật tử vong tại bệnh viện	
92	CR.R.3_Báo cáo tổng hợp dịch vụ của khoa	
93	CR.R.4_Sổ theo dõi y dụng cu sử dụng	
94	CR.R.5_Tổng hợp sử dụng vật tư tiêu hao	
95	CR.R.6_Tổng hợp sử dụng cận lâm sàng	
96	CR.R.7_Tổng hợp sử dụng thuốc	
97	CR.R.6_Tổng hợp sử dụng cận lâm sàng	

5. Phân hệ quản lý dược

STT	Thông tin	Ghi chú
I.	**Màn hình**	
98	MC.1.1_ Nhập kho chẵn – nhập mua từ NCC	
99	MC.1.2_ Nhập kho chẵn – khoa trả (nhập từ các khoa trả về)	
100	MC.1.3_ Nhập kho chẵn – nhập mượn từ kho khác (dùng để nhập xuất nội bộ)	
101	MC.2_Phiếu mượn tạm NCC (chưa có hóa đơn)	
102	MC.3.1_Xuất kho chẵn - xuất khác (xuất cho các kho)	
103	MC.3.2_Xuất kho chẵn - tổng hợp dịch truyền từ khoa nội trú	
104	MC.3.3_Xuất kho chẵn - uất trả nhà cung cấp	
105	MC.4_Tồn kho chẵn	
106	MC.5_Kiểm kê thuốc	
107	MC.6_Dự trù thuốc - thêm dự trù mới	
108	MC.6_Dự trù thuốc - xem danh sách đã dự trù	
109	MC.7_Nhập kho lẽ (từ phiếu xuất kho chẵn)	
110	MC.8_Nhập kho lẽ	

111	MC.9.1_Phát thuốc phòng khám BHY	
112	MC.9.2_Phát thuốc phòng khám khoa thận	
113	MC.9.3_Phát thuốc xuất viện	
114	MC.10_Phiếu lĩnh thuốc nội trú	
115	MC.11_Xuất kho lẽ	
116	MC.12_Tồn kho lẽ	
117	MC.13_Tồn kho cơ số	
118	MC.14_Danh mục dược	
II.	**Báo cáo khoa dược**	
119	MC.F.1_Sổ kiểm nhập	
120	MC.F.2_Đề nghị thanh toán NCC	
121	MC.F.3_Bảng bàn giao hóa đơn	
122	MC.F.4_Phiếu lĩnh thuốc nội trú	
123	MC.F.5_Phiếu xuất kho	
124	MC.F.6_Biên bản thanh lý	
125	MC.F.7_Biên bản xác nhận hư, hỏng, vỡ	
126	MC.F.8_Biên bản kiểm kê	
127	MC.R.1_Sổ kiểm nhập theo thời gian	
128	MC.R.2_ Báo cáo phát thuốc BHYT phòng khám	
129	MC.R.3_Báo cáo cảnh báo thuốc hết	
130	MC.R.4_ Báo cáo nhập xuất tồn	
131	MC.R.5_ Phiếu nhập xuất cuối ngày	
132	MC.R.6_ Phiếu nhập xuất nội trú ngoại trú	
133	MC.R.7_ Phiếu nhập xuất cuối tháng	
134	MC.R.8_Phiếu nhập xuất cuối tháng tổng hợp	
135	MC.R.9_Báo cáo xuất theo kho	
136	MC.R.10_ Báo cáo tổng xuất nhân viên	
137	MC.R.11_Báo cáo tổng xuất phân tuyến	
138	MC.R.12_ Báo cáo tổng xuất các tuyến	
139	MC.R.13_Báo cáo phiếu nhập	
140	MC.R.14_Báo cáo phiếu nhập chi tiết	

141	MC.R.15_ Báo cáo Dược bệnh viện (07BVD)	
142	MC.R.16_Báo cáo chi tiết nhập xuất tồn	
143	MC.R.17_Báo cáo tiền tồn	
144	MC.R.18_Báo cáo thuốc hết hạn	
145	MC.R.19_ Báo cáo hạn sử dụng thuốc	
146	MC.R.20_Thẻ kho	
147	MC.R.21_Danh sách kiểm kê	
148	MC.R.22_Bảng kiểm kê	
149	MC.R.23_Bảng kiểm kê chi tiết	
150	MC.R.24_Bảng kiểm kê chi tiết theo kho	
151	MC.R.25_Báo cáo hoàn trả thuốc chi tiết	
152	MC.R.26_Báo cáo hoàn trả thuốc theo Khoa	
153	MC.R.27_Báo cáo tiền nhóm thuốc chi tiết	
154	MC.R.28_Báo cáo tiền nhóm thuốc tổng hợp	
155	MC.R.29_Báo cáo tiền thuốc nội ngoại	
156	MC.R.30_Báo cáo quyết toán khoa	
157	MC.R.31_Báo cáo tiền kháng sinh	
158	MC.R.32_Báo cáo tiền thuốc sử dụng	
159	MC.R.32_Dự trù thuốc – báo cáo sử dụng thuốc	
160	MC.R.34_Dự trù thuốc – danh sách dự trù thuốc	
161	MC.R.35_Dự trù thuốc – tổng hợp dự trù thuốc	
162	MC.R.36_Dự trù thuốc – danh sách dự trù thuốc theo nhà cung cấp	
II.	**Thống kê số liệu**	
163	Xem chi tiết nhập xuất tồn	
164	Xem chi tiết xuất sử dụng	
165	Kiểm tra tồn kho thuốc BHYT (tồn kho BHYT – đã ra chỉ định – tồn phòng khám)	
166	Chi tiết thuốc phòng khám đã ra chỉ định	

6. Phân hệ quản lý cận lâm sàng

STT	Thông tin	Ghi chú
I.	**Màn hình**	

167	PC.1_ Nội soi phế quản	
168	PC.2_Nội soi đại tràng	
169	PC.3_Nội soi thực quản-dạ dày- tá tràng	
170	PC.4_Nội soi tai mũi họng	
171	PC.5_Nội soi mũi xoang	
172	PC.6_Nội soi tai	
173	PC.7_Nội soi thanh quản	
174	PC.8_Siêu âm tổng quát	
175	PC.9_Siêu âm mắt	
176	PC.10_Siêu âm tim	
177	PC.11_Siêu âm chụp quỳnh quang mắt	
178	PC.12_X-Quang	
179	PC.13_Xét nghiệm	
180	PC.14_Giải phẫu bệnh	
181	PC.15_Thăm dò chức năng - điện cơ - điện não	
182	PC.16_Thăm dò chức năng - ECG gắng sức	
183	PC.17_Thăm dò chức năng - đo chức năng hô hấp	
184	PC.18_MRI	
185	PC.19_ CT-Scanner	
II.	**Báo cáo cận lâm sàng**	
186	PC.R.1_Sổ bệnh nhân cận lâm sàng	
187	PC.R.2_Danh sách bệnh nhân theo ngày	
188	PC.R.3_Báo cáo số ca theo khoa CLS	
189	PC.R.4_Thống kê số lượng bệnh nhân CLS	
190	PC.R.5_Thống kê số lượng ca theo phân loại bác sĩ	
191	PC.R.6_Báo cáo thủ thuật CLS	
192	PC.R.7_Báo cáo tháng CĐHA	
193	PC.R.8_Báo cáo số lượng ca nội ngoại CLS	
194	PC.R.9_Báo cáo công tác nội soi hằng tháng	
195	PC.R.10_Báo cáo tháng, số ca theo khoa CLS	
196	PC.R.11_Báo cáo xét nghiệm	

197	PC.R.12_Báo cáo danh sách bệnh nhân chụp MRI	
198	PC.R.13_Danh sách bệnh nhân làm xét nghiệm	
199	PC.R.14_Báo cáo xét nghiệm theo ngày	
200	PC.R.15_Báo cáo chụp CT-Scanner	
201	PC.R.16_Báo cáo siêu âm - thủ thuật	
202	PC.R.17_Báo cáo ngày siêu âm	

7. Quản lý phẩu thuật thủ thuật

STT	Thông tin	Ghi chú
I.	**Màn hình**	
203	SU.1_Định nghĩa thông tin gói dịch vụ	
204	SU.2_Các danh mục quản lý phẩu thuật thủ thuật	
205	SU.3_Thông tin phẩu thuật thủ thuật	
II.	**Báo cáo phẩu thuật thủ thuật**	
206	SU.R.1_Báo cáo các loại bệnh Phẩu thuật - Thủ thuật	
207	SU.R.2_Hoạt động phẩu thuật - thủ thuật	
208	SU.R.3_Tiểu phẩu	
209	SU.R.4_Số người cho mỗi loại Thủ thuật - Phẩu thuật	
210	SU.R.5_Báo cáo Phẩu thuật NVBC/NVHD (2 báo cáo)	
211	SU.R.6_Báo cáo thủ thuật NVBC/NVHD (2 báo cáo)	
212	SU.R.7_Sổ tổng kết Phẫu thuật	
213	SU.R.8_Sổ tổng kết thủ thuật	

8. Quản lý vật tư tiêu hao

STT	Thông tin	Ghi chú
I.	**Báo cáo**	
214	MC.1_Công khai vật tư cho bệnh nhân	
215	MC.2_Lập phiếu yêu cầu vật tư	
216	MC.3_Lập phiếu trả vật tư	
217	MC.4_Phiếu nhập kho tại các kho	
II.	**Báo cáo vật tư tiêu hao**	
218	MC.R.1_Báo cáo tình hình nhập xuất tồn vật tư của kho theo tháng	
219	MC.R.2_Báo cáo tình hình nhập các vật tư theo từng chứng từ nhập	

220	MC.R.3_Báo cáo tình hình xuất các vật tư theo từng khoa	
221	MC.R.4_Báo cáo tình hình xuất các vật tư theo từng ngày	
222	MC.R.5_Thống kê số liệu xuất của từng vật tư theo ngày, khoa	
223	MC.R.6_Thống kê tổng giá trị cấp phát vật tư cho các khoa theo tháng	

9. Quản lý kế toán

STT	Thông tin	Ghi chú
I.	**Màn hình**	
224	AC.1_Phiếu thu tiền mặt	
225	AC.2_Phiếu chi tiền mặt	
226	AC.3_Phiếu thu chuyển khoản	
227	AC.4_Phiếu chi chuyển khoản	
228	AC.5_Phiếu nhập vật tư	
229	AC.6_Phiếu xuất vật tư	
230	AC.7_ Cập nhật giá cho phòng khám	
231	AC.8_ Kiểm kê vật tư cuối năm	
232	AC.9_ Nhập số dư tài khoản đầu kỳ	
233	AC.10_ Nhập tồn kho đầu kỳ	
234	AC.11_ Danh mục tài khoản	
235	AC.12_ Danh mục loại đối tác	
236	AC.13_ Danh mục đối tác	
237	AC.14_ Danh mục ngân hàng	
238	AC.15_ Danh mục kho	
239	AC.16_ Danh mục nhóm vật tư	
240	AC.17_ Danh mục vật tư	
II.	**Báo cáo vật tư tiêu hao**	
241	AC.R.1_Mẫu báo cáo phiếu thu tiền mặt	
242	AC.R.2_Mẫu báo cáo phiếu thu chuyển khoản	
243	AC.R.3_Mẫu báo cáo Ủy nhiệm chi	
244	AC.R.4_Mẫu báo cáo phiếu lĩnh tiền mặt	
245	AC.R.5_Mẫu báo cáo rút tiền	

246	AC.R.6_Mẫu báo cáo biên bản kiểm nhập vật tư	
247	AC.R.7_Mẫu báo cáo phiếu nhập vật tư	
248	AC.R.8_Mẫu báo cáo xuất vật tư	
249	AC.R.9_Báo cáo chuyển giá	
250	AC.R.10_Báo cáo kiểm kê	
251	AC.R.11_Sổ quỹ	
252	AC.R.12_Nhật ký tiền gửi ngân hàng	
253	AC.R.13_Bảng đối chiếu hạn mức kinh phí	
254	AC.R.14_Sổ kinh phí	
255	AC.R.15_Giấy đối chiếu xác nhận số dư ngân hàng	
256	AC.R.16_Bảng liệt kê các hóa đơn nhập	
257	AC.R.17_Báo cáo nhập kho	
258	AC.R.18_Báo cáo xuất kho	
259	AC.R.19_Báo cáo nhập/xuất cuối ngày	
260	AC.R.20_Nhập xuất tồn kho cuối tháng	
261	AC.R.21_Nhập xuất tồn kho	
262	AC.R.22_Nhập xuất tồn kho theo nhóm hàng hóa	
263	AC.R.23_Chi tiết nhập - xuất vật tư	
264	AC.R.24_Phiếu kế toán vật tư	
265	AC.R.25_Bảng giá vật tư	
266	AC.R.26_Bảng kê bông băng xuất cho khoa Chống nhiễm khuẩn	
267	AC.R.27_Báo cáo nóng nhập xuất tồn kho	
268	AC.R.28_Lũy kế nhập xuất vật tư	
269	AC.R.29_Chi tiết nhập – xuất sản phẩm dở dang	
270	AC.R.30_Sổ chi tiết các tài khoản	
271	AC.R31_Sổ cái	
272	AC.R.32_Bảng cân đối số phát sinh	
273	AC.R.33_Phiếu kế toán	
274	AC.R.34_Tổng hợp tạm ứng	

II. MÔ TẢ CHI TIẾT

II.1. Phân hệ Tiếp nhận bệnh nhân

II.1.1. Giới thiệu – Quy trình nghiệp vụ

- Các đối tượng bệnh nhân trước khi khám bệnh được tiếp nhận đăng ký và cấp sổ khám chữa bệnh.

❒ ***Mô tả các bước trong quy trình***

- ✓ Mục đích chính: Ghi nhận thông tin hành chính, tiếp nhận và yêu cầu khám bệnh vào hệ thống
- ✓ Nhập thông tin hành chính của bệnh nhân với bệnh nhân mới; nhập mã y tế (mã bệnh nhân) hoặc tìm kiếm bệnh nhân từ hệ thống đối với bệnh nhân tái khám để lấy lại thông tin của bệnh nhân đã có. Phần mềm sẽ phát sinh **mã y tế (mã bệnh nhân)** theo định dạng quy định cho bệnh nhân mới đến lần đầu, mỗi bệnh nhân chỉ có một mã duy nhất. Điều này giúp tránh trùng lặp, một người bệnh chỉ có mã số duy nhất có thể sử dụng trong các lần khám chữa bệnh sau đó.
- ✓ Các thông tin của người bệnh: họ và tên, ngày tháng năm sinh (năm sinh hoặc tuổi), giới tính, địa chỉ: địa chỉ - xã/phường - huyện/quận – tỉnh/thành phố.
- ✓ Nhập thông tin về thẻ BHYT, loại thẻ, ngày hưởng dịch vụ kỹ thuật cao, ngày hết hạn thẻ đối với bệnh nhân diện BHYT
- ✓ Khi bệnh nhân cũ đến yêu cầu được khám bệnh, nhân viên tiếp nhận dựa vào mã y tế của bệnh nhân hoặc các chức năng tìm kiếm tổng hợp để có được thông tin của bệnh nhân.
- ✓ Nhân viên tiếp nhận ghi nhận các yêu cầu khám bệnh. Thông tin sẽ được chuyển qua bộ phận thu ngân để đóng phí hoặc chuyển vào phòng khám nếu là bệnh nhân BHYT.
- ✓ Bệnh nhân vào khám bệnh tại các phòng khám hoặc các nội dung cận lâm sàng tại các phòng cận lâm sàng theo số thứ tự do chương trình cấp.
- ✓ Xử lý tiếp: Tùy từng trường hợp mà bác sỹ tại phòng khám sẽ cấp toa thuốc cho bệnh nhân hoặc cho bệnh nhân nhập viện để điều trị nội trú.

II.1.2. Các màn hình chính

II.1.2.1. Tiếp nhận bệnh nhân

- Phục vụ cho nhân viên tiếp nhận ghi nhận thông tin bệnh nhân đến khám bệnh tại bệnh viện. Là thông tin đầu vào cho bộ phận thu phí, phòng khám, khoa/phòng cấp cứu, các khoa cận lâm sàng, khoa dược, nhà thuốc và các khoa lâm sàng
- Cấp mã y tế cho bệnh nhân mới, ghi nhận thông tin hành chính, thông tin tiếp nhận, thông tin thẻ BHYT (của BHXH Việt Nam), thông tin đăng ký khám bệnh
- Ghi nhận thông tin phân loại đối tượng bệnh nhân : Thu phí, BHYT. Thông tin phân loại bệnh nhân sẽ ảnh hưởng đến chí phí điều trị cho bệnh nhân ở các bước tiếp theo.
- Thực hiện các nghiệp vụ: đăng ký khám bệnh, cập nhật thông tin chuẩn đoán tuyến dưới nếu là chuyển tuyến.

❒ ***Những thông tin cần quản lý***

STT	Thông tin	Ghi chú

1	Mã y tế (mã bệnh nhân)	Hệ thống sẽ tự động phát sinh theo chuẩn sau cho bệnh nhân mới. Mã số này sẽ được sử dụng cho bệnh nhân sau này khi đến khám bệnh tại bệnh viện Ví dụ: 701 311 06 018012 701: Mã sở y tế 311: Mã bệnh viện 06: Năm 018012: Số thứ tự
2	Số tiếp nhận	Hệ thống sẽ tự động phát sinh theo ngày, số này là duy nhất cho 1 đợt điều trị của bệnh nhân từ khâu khám bệnh, nhập viện, viện phí,… Ví dụ : 130814-00002 130814 : năm – tháng – ngày 00002 : số thứ tự trong ngày
2	Thông tin cá nhân	Họ tên, giới tính, ngày sinh, năm sinh, tuổi, nghề nghiệp, địa chỉ.
3	Thông tin thẻ BHYT (với BN diện BHYT)	Loại thẻ, số thẻ, nơi đăng ký, tuyến khám bệnh, ngày cấp, thời gian hiệu lực (từ ngày – đến ngày), các ngày hưởng nhóm I, I, II
4	Những thông tin Tiếp nhận	Thời gian tiếp nhận, nơi tiếp nhận, lý do tiếp nhận, đối tượng (thu phí, BHYT), hình thức đến, nơi giới thiệu, chẩn đoán nơi giới thiệu.
5	Thông tin đăng ký khám bệnh	Nội dung khám bệnh, đơn giá

❒ ***Các bước xử lý chính***

- ✓ Nếu là bệnh nhân lần đầu tiên đến đăng ký khám bệnh thì chương trình tự động cấp mã y tế (mã bệnh nhân), mã vạch cho bệnh nhân theo quy định của Bộ Y Tế. Các thông tin hành chính của bệnh nhân sẽ được nhập vào CSDL của chương trình.
- ✓ Khi bệnh nhân đã đến bệnh viện khám: nhân viên tiếp nhận dựa vào sổ khám chữa bệnh của bệnh nhân hoặc các chức năng tìm kiếm tổng hợp để có được thông tin của bệnh nhân. Sau khi đã có được thông tin bệnh nhân, nhân viên tiếp nhận sẽ hỏi bệnh nhân cần khám hoặc tái khám gì để ghi nhận (các phòng khám dựa vào thông tin này để lấy danh sách bệnh nhân đợi khám bệnh).
- ✓ Cho phép nhân viên tiếp nhận nhập yêu cầu khám bệnh (khám bệnh, khám dịch vụ, khám theo yêu cầu bác sĩ,…).
- ✓ Trường hợp bệnh nhân BHYT: phải có số thẻ BHYT, nơi cấp thẻ, loại thẻ, từ ngày … đến ngày (mặc định là 6 tháng)…., nơi đăng ký khám chữa bệnh.

❒ ***Điều kiện kết thúc***

- ✓ Thông tin tiếp nhận được ghi vào dữ liệu
- ✓ Mã y tế (mã bệnh nhân) sẽ được phát sinh cho bệnh nhân mới đến lần đầu
- ✓ Số tiệp nhận được phát sinh

✓ Thông tin, yêu cầu của bệnh nhân được chuyển đến phòng khám tương ứng

❒ ***Giao diện***

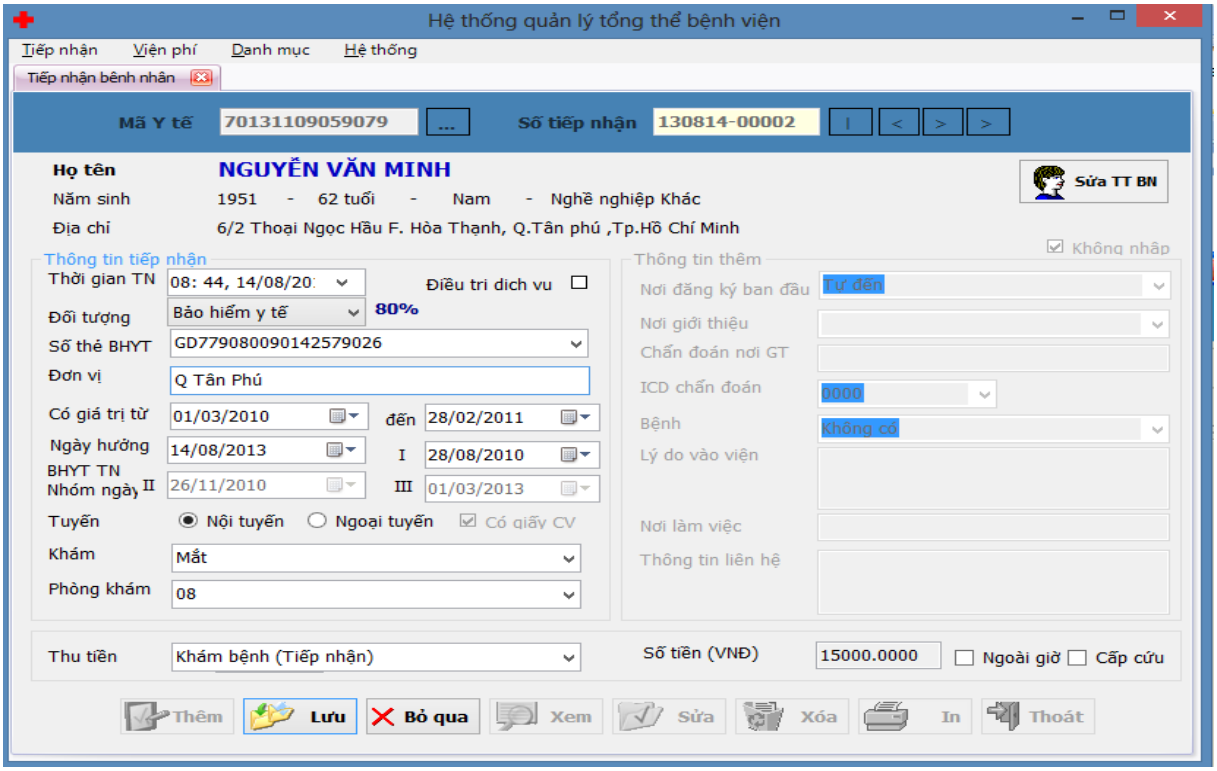

✓ Các phím tắt tìm nhanh bệnh nhân.

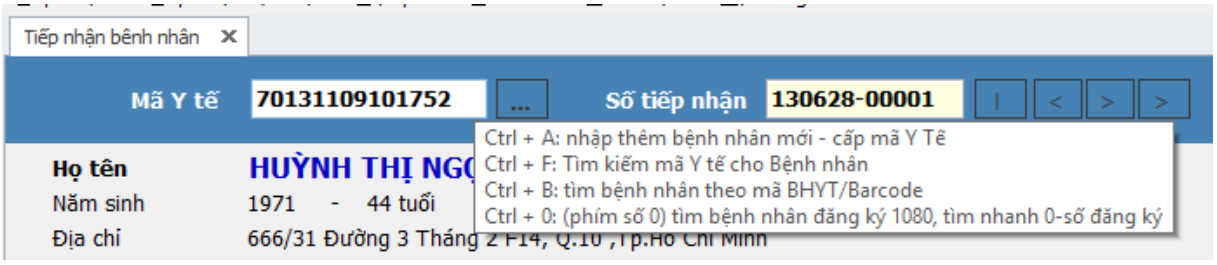

✓ Hoặc gõ nhanh theo mã bệnh nhân theo phiếu in ra hoặc ngoài sổ: chỉ cần gõ năm – số thứ tự, hoặc chỉ cần gõ số thứ tự (mặc định là năm hiện tại), ví dụ nếu gõ 9-101752 tứ là năm 2009 số thứ tự 101752.

✓ Lấy thông tin bệnh nhân khi có số thẻ bảo hiểm y tế hoặc quét mã vạch 2 chiều từ thẻ BHYT.

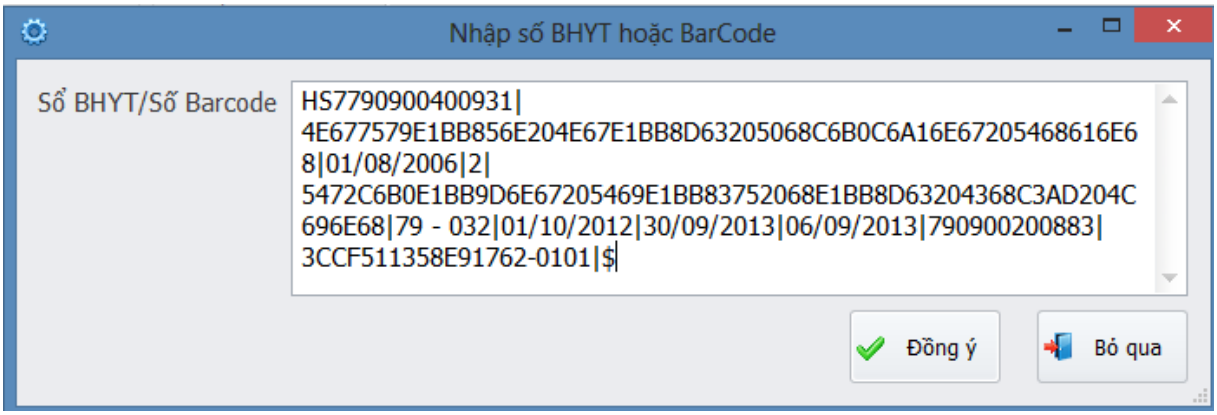

✓ Đối tượng thu phí:

- ✓ Phòng khám: lấy danh mục phòng ban Nhóm phòng là Khoa khám bệnh (mã nhóm 06)
- ✓ Thu tiền: lấy từ danh mục dịch vụ với Nhóm dịch vụ là Loại khám bệnh (mã nhóm dịch vụ LKB)
- ✓ In phiếu thanh toán trên giấy in sẵn hóa đơn

II.1.2.2. Tìm kiếm thông tin bệnh nhân

- Cho phép tìm kiếm nhanh thông tin bệnh nhân cũ.

❒ ***Giao diện***

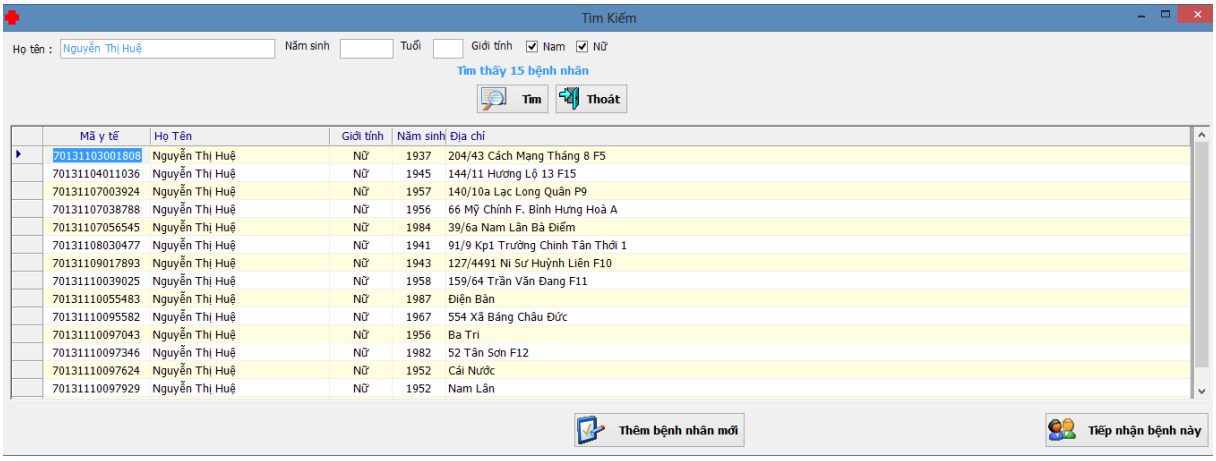

II.1.2.3. Thông tin bệnh nhân

- Dùng để thêm mới bệnh nhân vào hệ thống khi bệnh nhân đến khám lần đầu.
- Từ màn hình tiếp nhận, ô mã y tế nhấn Ctrl+A để gọi màn hình thêm mới bệnh nhân

❒ ***Các bước xử lý chính***

- ✓ Mã y tế (mã bệnh nhân): hệ thống sẽ tự động phát sinh theo chuẩn sau, mã số này sẽ được sử dụng cho bệnh nhân sau này khi đến khám bệnh tại bệnh viện :

  Ví dụ: 701 311 06 018012

  701: Mã sở y tế

  311: Mã bệnh viện

  06: Năm

  018012: Số thứ tự
- ✓ Họ và tên: hỗ trợ nhập liệu nhanh: ví dụ gõ nv => nguyễn văn, tự động gợi ý giới tính theo tên.
- ✓ Nam sinh, tuổi: gõ tuổi => năm sinh và ngược lại.
- ✓ Địa chỉ: hỗ trợ gõ tắt ví dụ ltk => Lý thường kiệt, …

❒ ***Giao diện***

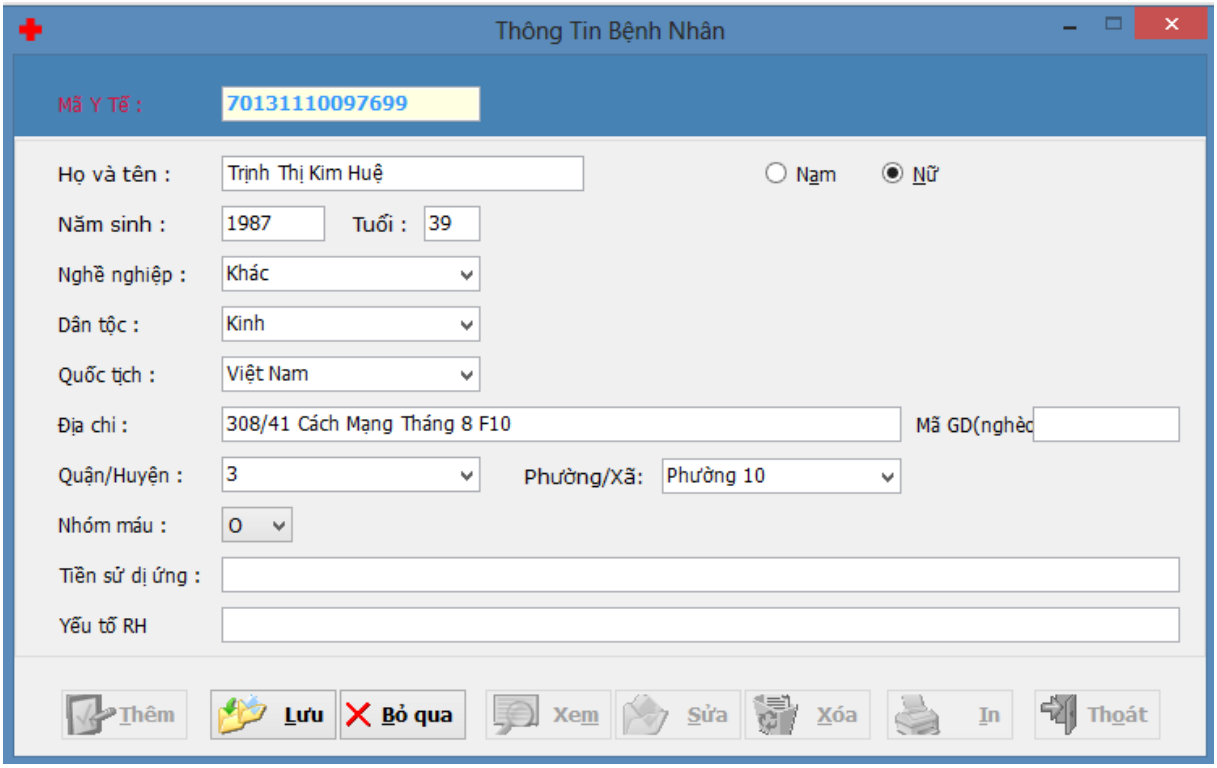

II.1.2.4. Danh sách bệnh nhân

- Cho phép tìm kiếm nhanh danh sách bệnh nhân theo thời gian.

❒ ***Giao diện***

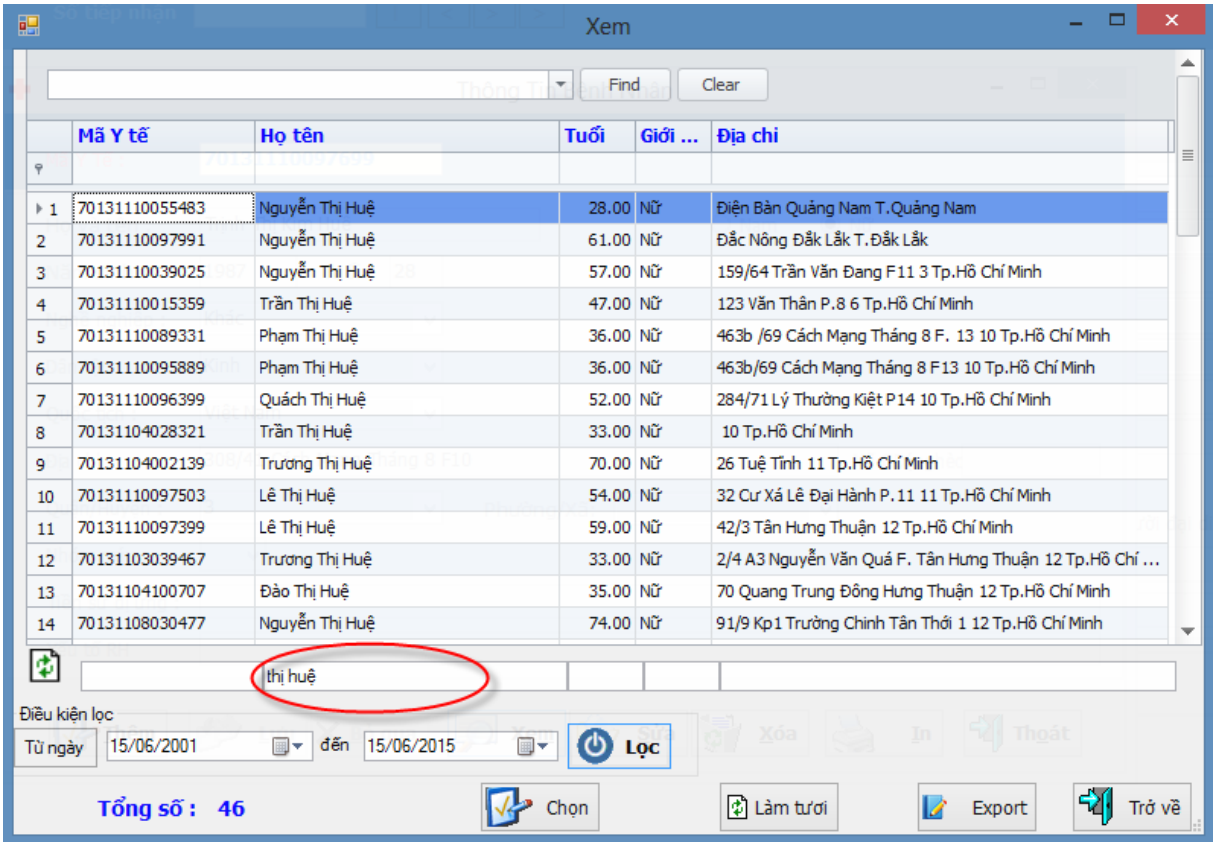

II.1.2.5. Danh sách bệnh nhân đăng ký khám bệnh qua tổng đài vnpt 1080

- Cho phép tìm kiếm nhanh danh sách bệnh nhân theo thời gian.

❒ ***Giao diện***

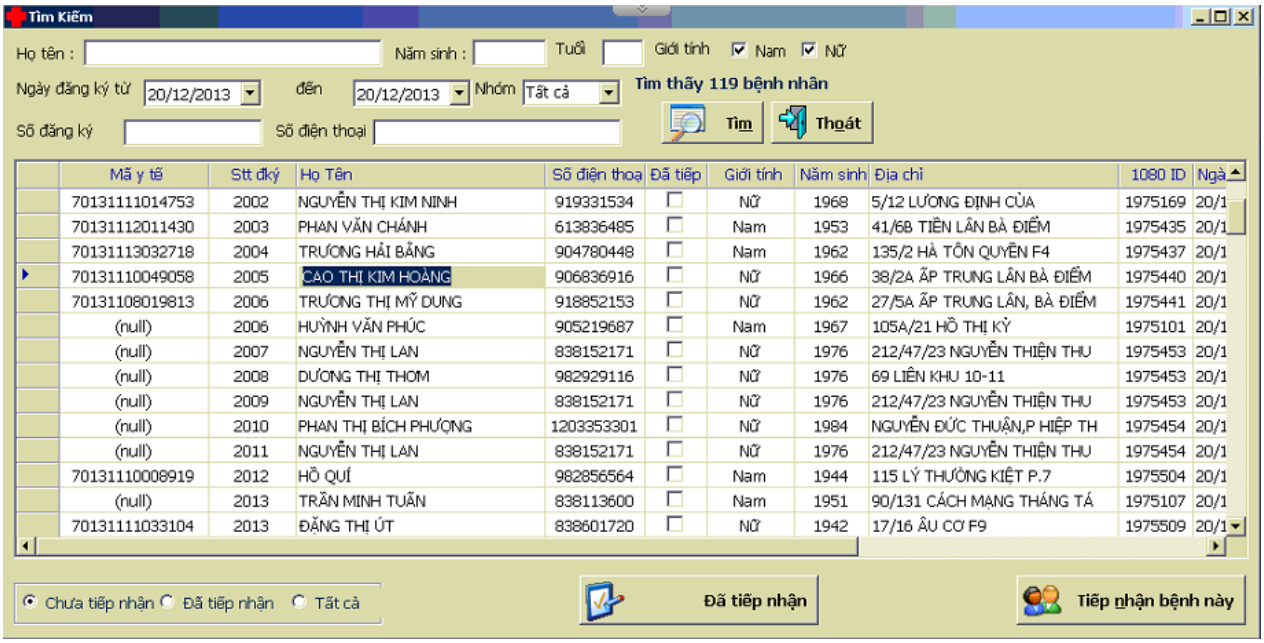

II.1.2.6. Danh sách tiếp nhận

- Cho phép tìm kiếm nhanh chóng thông tin tiếp nhận bệnh nhân.

❒ ***Giao diện***

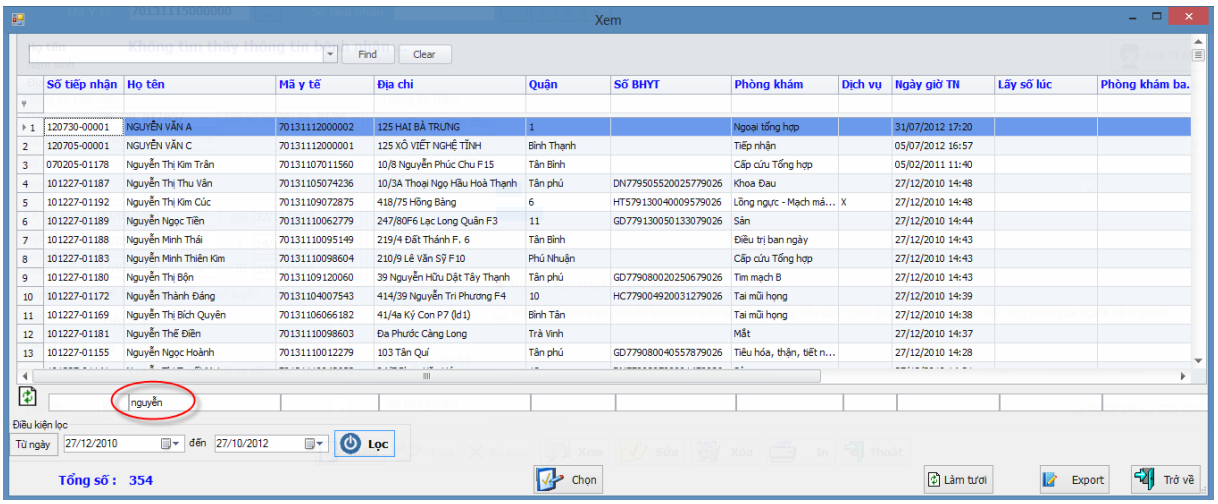

II.1.2.7. Thống kê thu tiền khám bệnh cuối ngày

- Cho phép thống kê thu tiền khám bệnh dịch vụ cuối ngày.

❒ ***Giao diện***

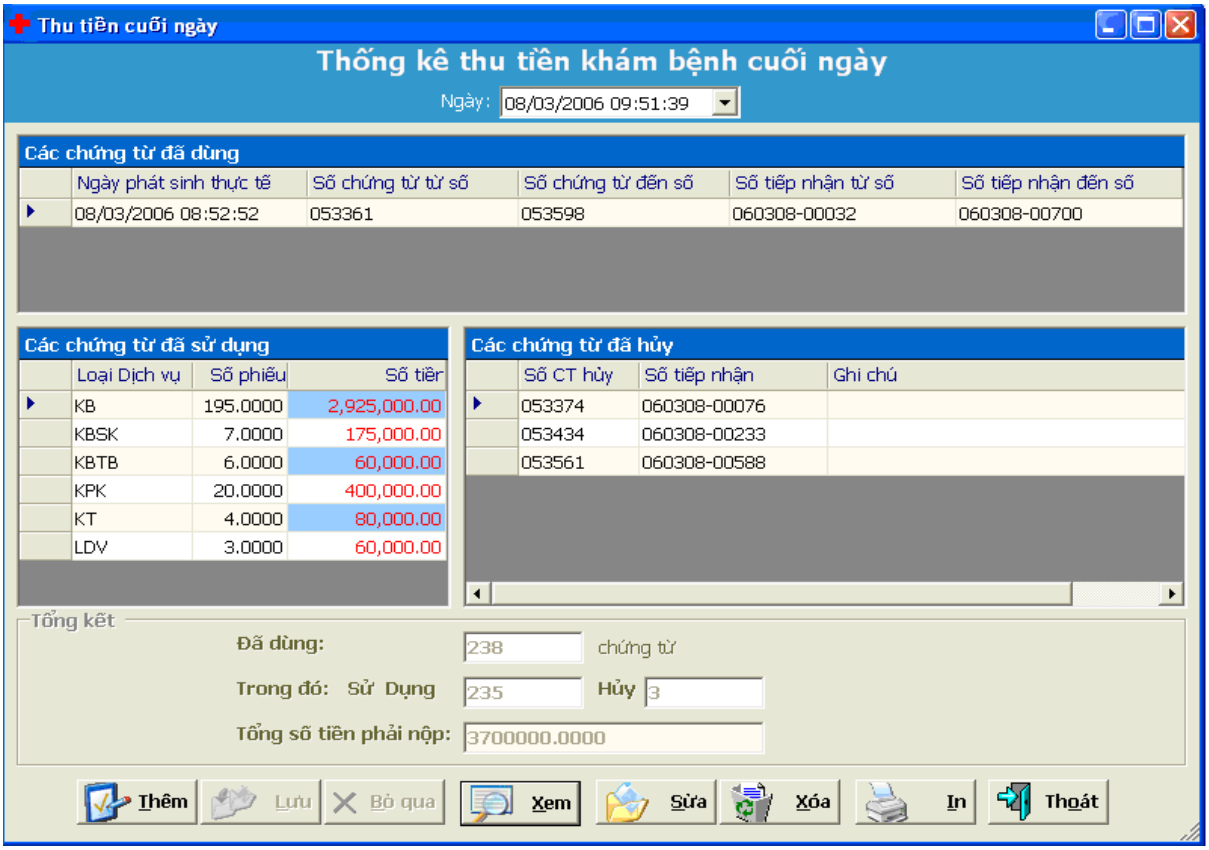

✓ Xem chi tiết theo dịch vụ.

✓ Báo cáo thu tiền khám bệnh cuối ngày

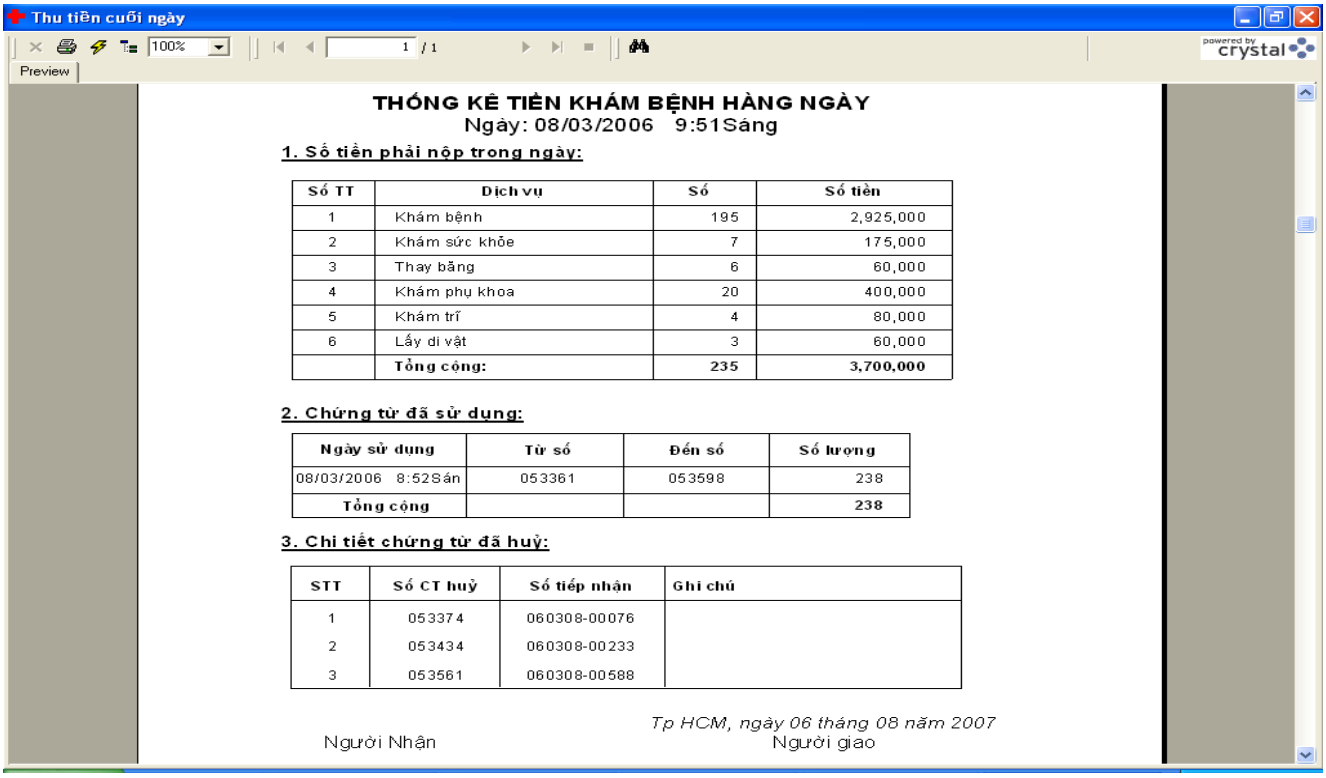

Thu tiền cuối ngày

Preview

THỐNG KÊ TIỀN KHÁM BỆNH HÀNG NGÀY
Ngày: 08/03/2006 9:51Sáng

1. Số tiền phải nộp trong ngày:

Số TT	Dịch vụ	Số	Số tiền
1	Khám bệnh	195	2,925,000
2	Khám sức khỏe	7	175,000
3	Thay băng	6	60,000
4	Khám phụ khoa	20	400,000
5	Khám trĩ	4	80,000
6	Lấy di vật	3	60,000
	Tổng cộng:	**235**	**3,700,000**

2. Chứng từ đã sử dụng:

Ngày sử dụng	Từ số	Đến số	Số lượng
08/03/2006 8:52Sán	053361	053598	238
Tổng cộng			**238**

3. Chi tiết chứng từ đã huỷ:

STT	Số CT huỷ	Số tiếp nhận	Ghi chú
1	053374	060308-00076	
2	053434	060308-00233	
3	053561	060308-00588	

Tp HCM, ngày 06 tháng 08 năm 2007

Người Nhận Người giao

II.2. Phân hệ Khám bệnh, bệnh án ngoại trú

II.2.1. Giới thiệu – Quy trình nghiệp vụ

- Các đối tượng bệnh nhân trước khi khám bệnh được tiếp nhận đăng ký và cấp sổ khám chữa bệnh.

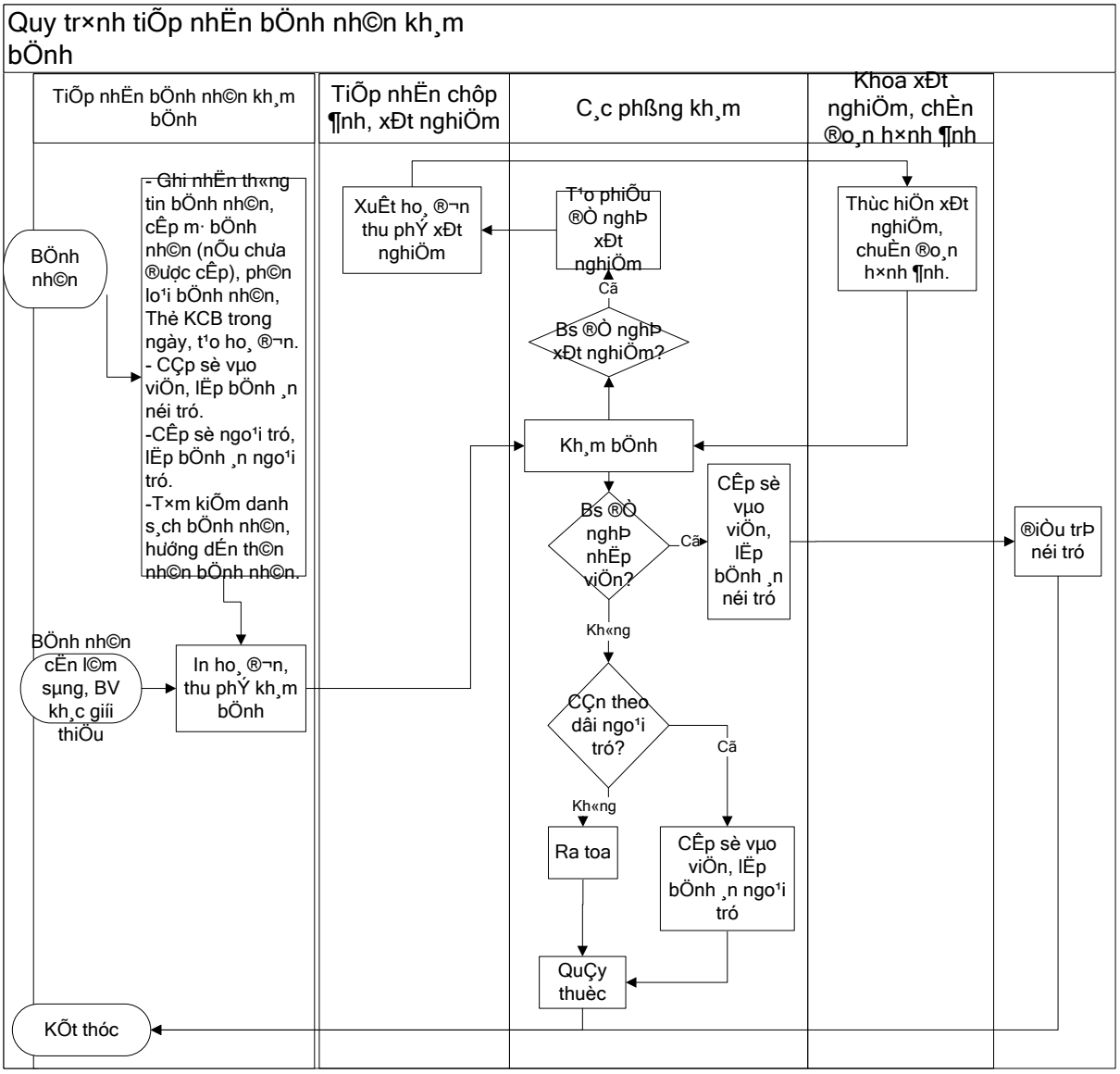

❒ ***Mô tả các bước trong quy trình***

- ✓ Mục đích chính: khám bệnh, ra chỉ định cận lâm sàn, ra toa, cho nhập viện, lập bệnh án ngoại trú.

II.2.2. Các màn hình chính

II.2.2.1. Quản lý thông tin khám bệnh

- Các thông tin khám và điều trị ngoại trú của bệnh nhân được cập nhật qua chức năng khám bệnh của bác sỹ.
- Quản lý thông tin khám bệnh và các toa thuốc mà bác sỹ đã kê cho bệnh nhân.

❒ ***Giao diện***

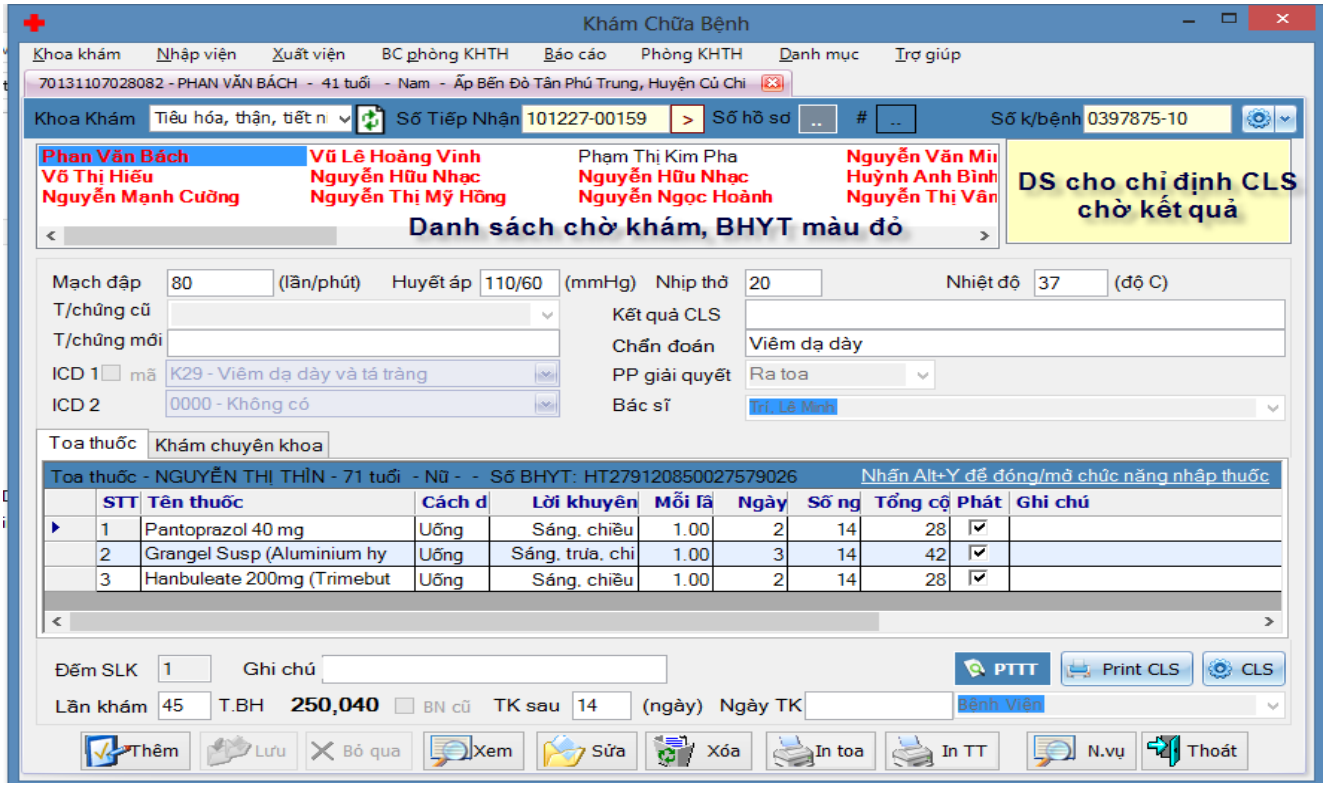

- Thông tin khám chuyên khoa (trường hợp bệnh nhân khám nhiều phòng khám)

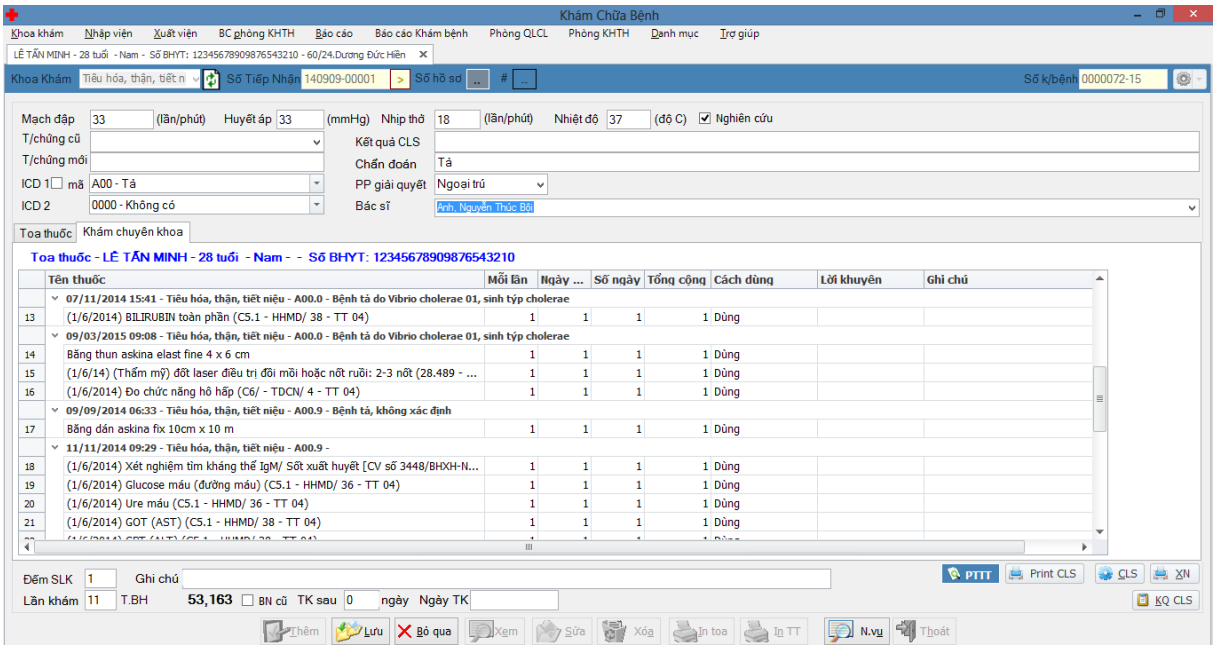

❒ *Các danh sách hỗ trợ*

- ✓ Danh sách bệnh nhân chờ khám
- ✓ Danh sách bệnh nhân hẹn cận lâm sàng (đang thực hiện CLS) (F7)
- ✓ Danh sách bệnh nhân đã khám (F6)

❒ *Thông tin quản lý*

- ✓ Mạch, huyết áp, nhiệt độ, nhịp thở, chiều cao, cân nặng
- ✓ Mã ICD bệnh chính, mã ICD bệnh kèm theo
- ✓ Cách giải quyết (cấp toa về, điều trị ngoại trú, nhập viện, chuyển viện, khác)

- ✓ Thông tin chuyển viện
- ✓ Thông tin nhập viện
- ✓ Thông tin khám chuyên khoa

❒ ***Phương án xử lý***

- ✓ Nếu bệnh nhân cần phải thực hiện CLS, bác sĩ sẽ tạo phiếu chỉ định CLS. Sau khi có kết quả CLS, bác sỹ có thể xem trực tiếp trên máy tính.
- ✓ Bác sỹ có thể tham khảo toa thuốc của các bác sỹ ở các phòng khám khác cho bệnh nhân này trong ngày để cho toa thuốc ở phòng khám của mình.
- ✓ Nhập toa thuốc, số lần uống sáng trưa chiều tối và in đơn thuốc (nếu bệnh nhân chỉ cần kê đơn và cho về), Phiếu cấp thuốc (Bệnh nhân BHYT), Giấy hẹn tái khám cho bệnh nhân điều trị ngoại trú, Bệnh án cho trường hợp bệnh nhân nhập viện điều trị nội trú
- ✓ Có thể cho chuyển sang bệnh viện khác
- ✓ Có thể cho bệnh nhân nhập viện điều trị nội trú
- ✓ Có thể chuyển bệnh nhân từ phòng này sang phòng khám khác nhiều lần.
- ✓ Sau khi lưu và một ca khám bệnh, chương trình sẽ có báo cáo tổng giá trị tiền của bệnh nhân.

❒ ***Các nghiệp vụ hỗ trợ***

- ✓ Hỗ trợ ra và in chỉ định cận lâm sàng theo nhóm (x-quang, siêu âm, xét nghiệm …)
- ✓ Hỗ trợ lấy thông tin từ toa thuốc mẫu: theo bác sĩ, theo toa cũ của bệnh nhân, toan của bệnh nhân khác, toa theo phòng, toa theo phát đồ điều trị.
- ✓ Xem kết quả xét nghiệm
- ✓ Xem kết quả cận lâm sàng
- ✓ Tiến hành thủ thuật

❒ ***Các ràng buộc***

- ✓ Phần mềm sẽ tự động cảnh báo nếu dịch vụ đã được ra chỉ định ở phòng khác

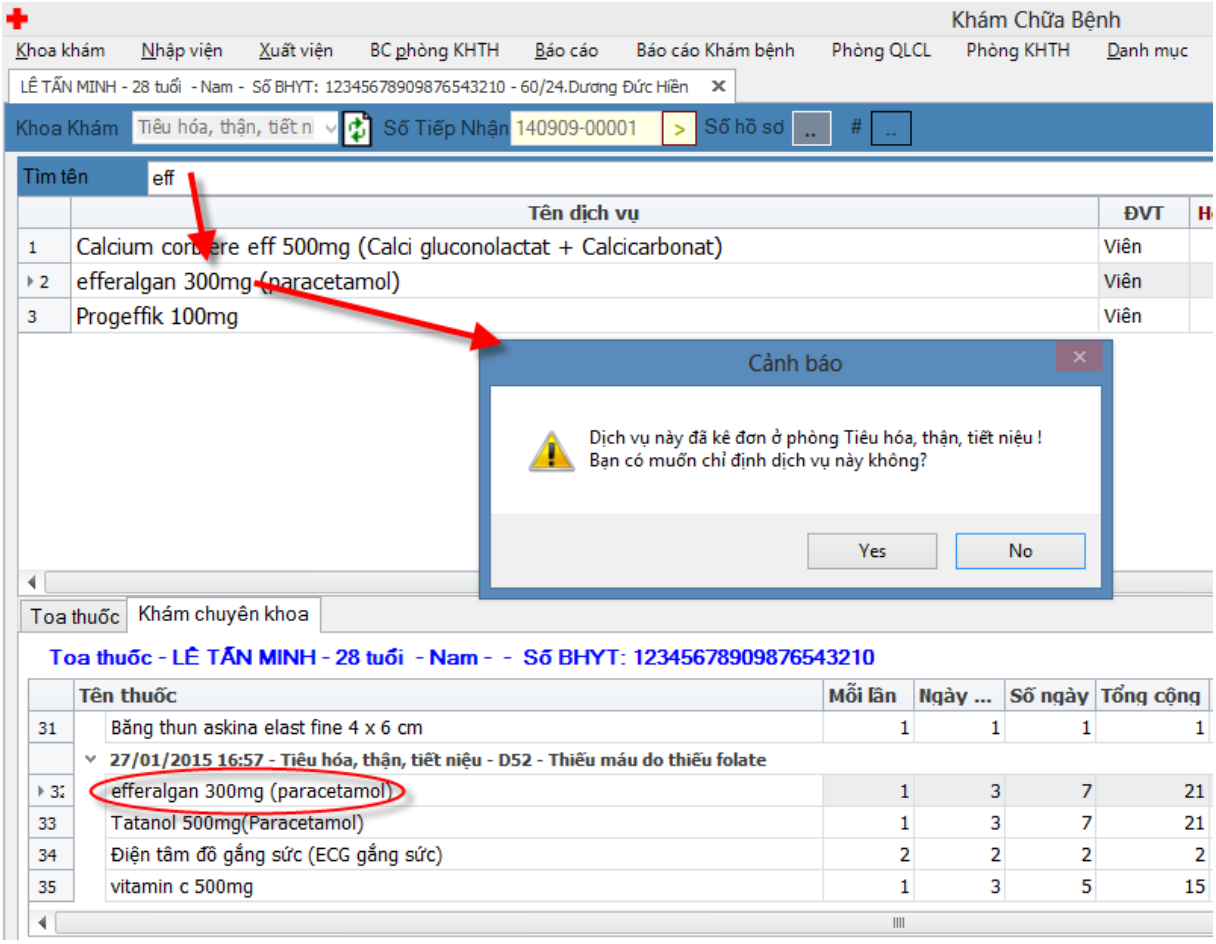

✓ Phần mềm sẽ tự động cảnh báo thuốc hết theo thời gian thực (số lượng tồn kho thực tại kho BHYT – tổng số lượng đã ra chỉ định = số lượng tồn kho):

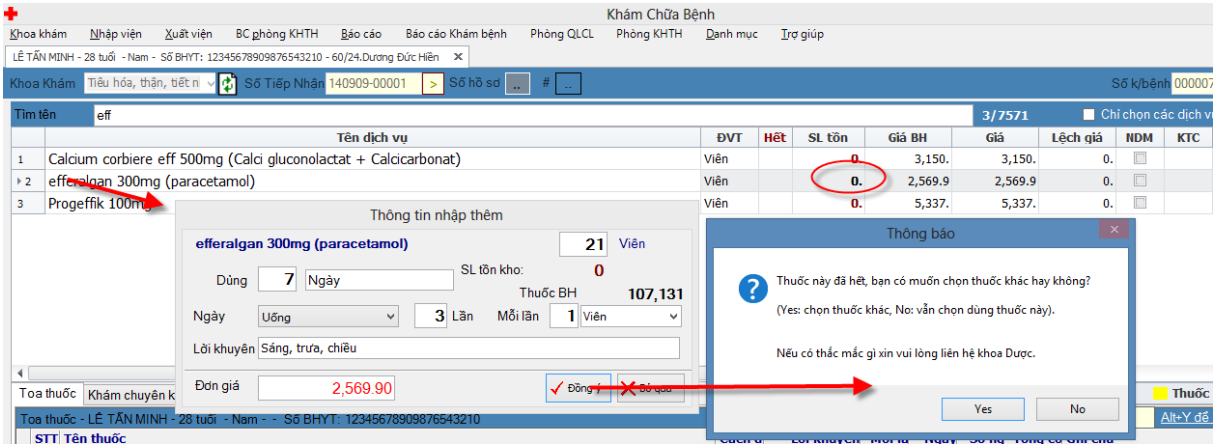

✓ Khi đã in viện phí thanh toán thì không được phép xóa thông tin khám bệnh.

✓ Khi bộ phận viện phí in hóa đơn, hoặc xác nhận không cùng chi trả (chưa đến mức phải đóng) thì phòng khám không được thêm, sửa, xóa.

II.2.2.2. Danh sách bệnh nhân đã khám bệnh

- Thể hiện danh sách các bệnh nhân đã khám bệnh tại phòng khám

❒ ***Giao diện***

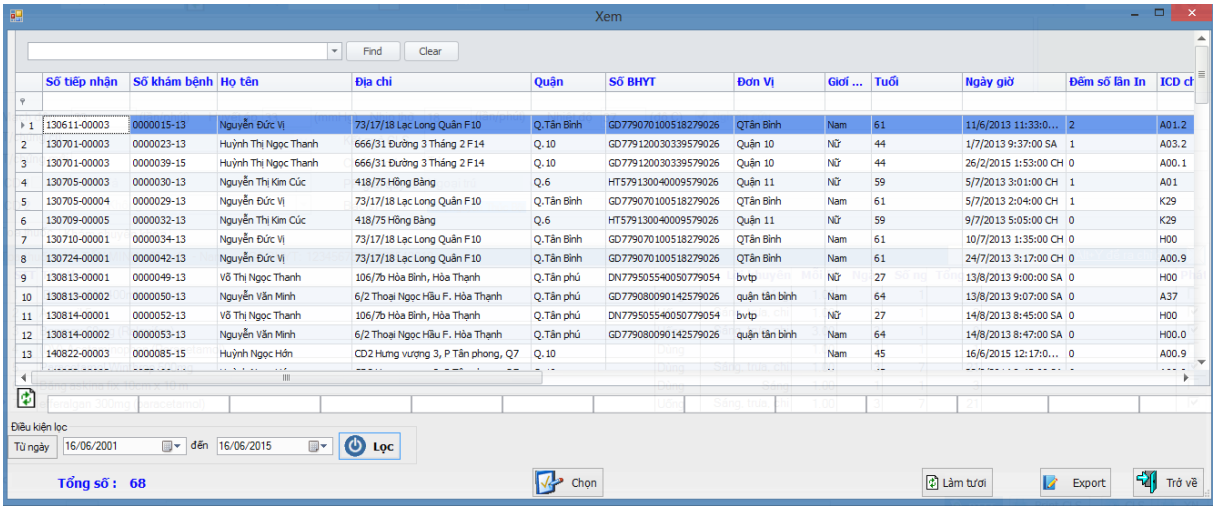

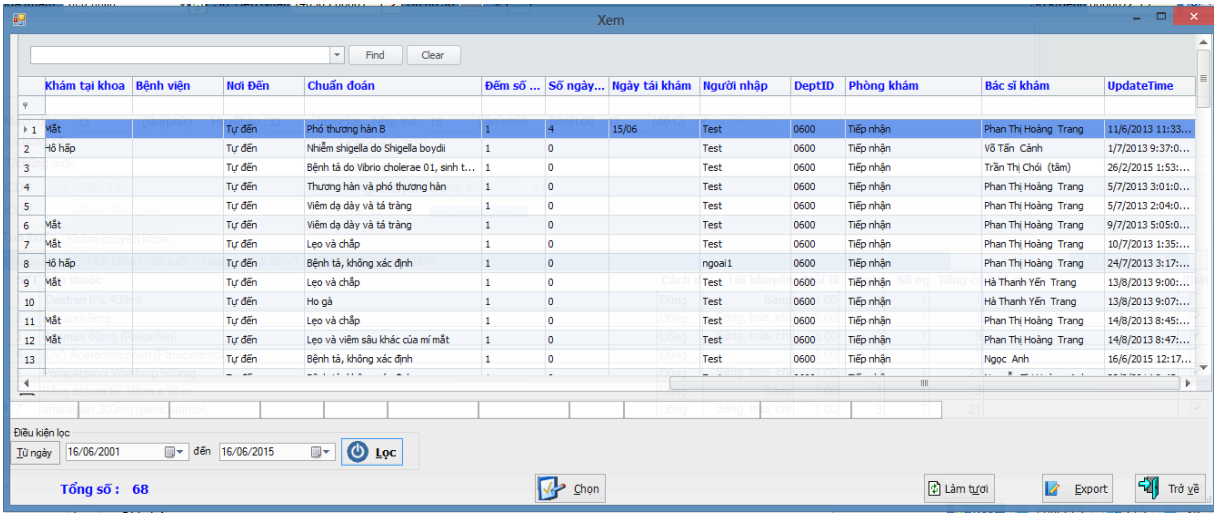

II.2.2.3. Toa thuốc mẫu theo bác sĩ/ phòng khám/ theo phát đồ điều trị

❒ ***Mô tả chức năng***

- ✓ Cho phép định nghĩa toa thuốc chuẩn theo bác sĩ, phòng khám, toa theo phát đồ điều trị.
- ✓ Hỗ trợ phím tắt cho phép lấy toa mẫu nhanh khi khám bệnh

❒ ***Mô tả màn hình***

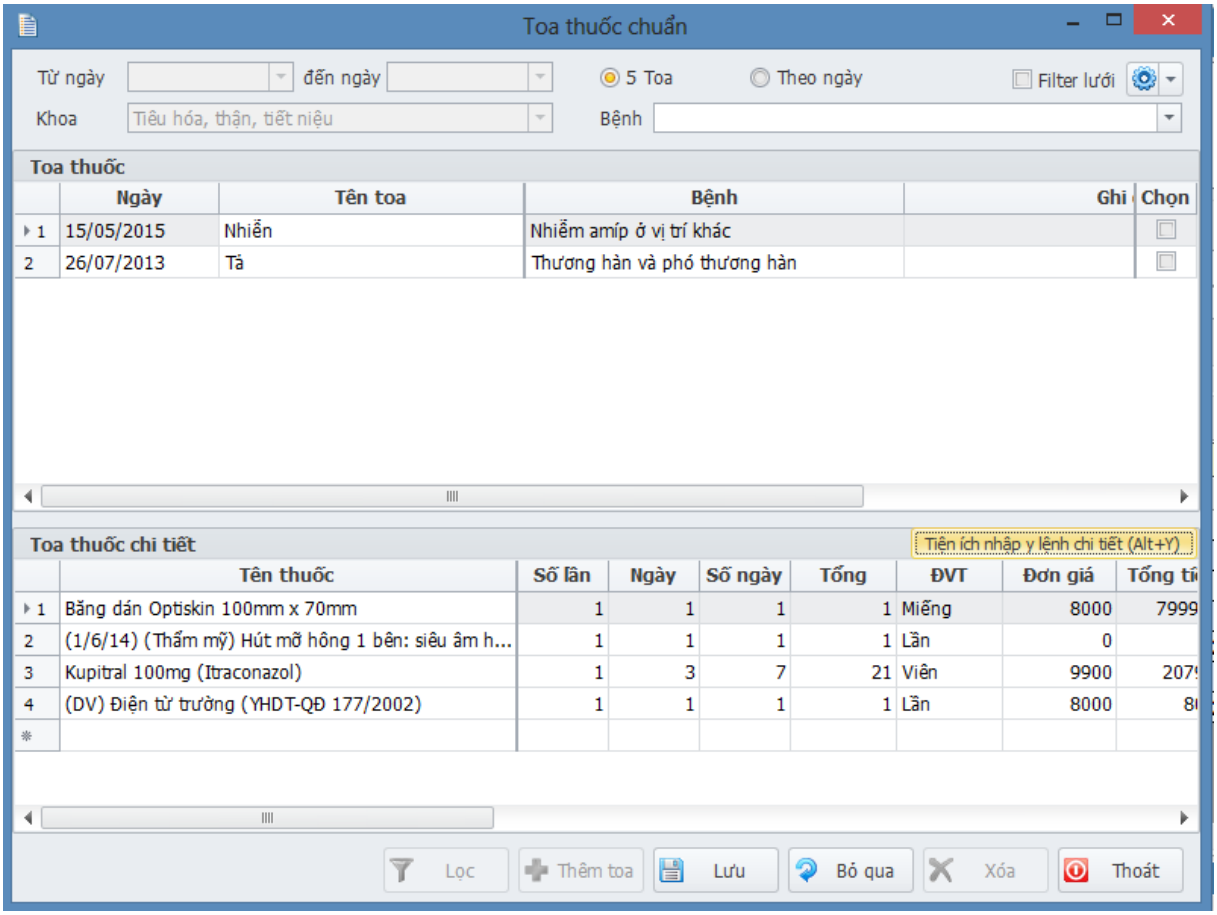

II.2.2.4. Ra chỉ định cận lâm sàng

- Hỗ trợ ra chỉ định cận lâm sàng theo nhóm.

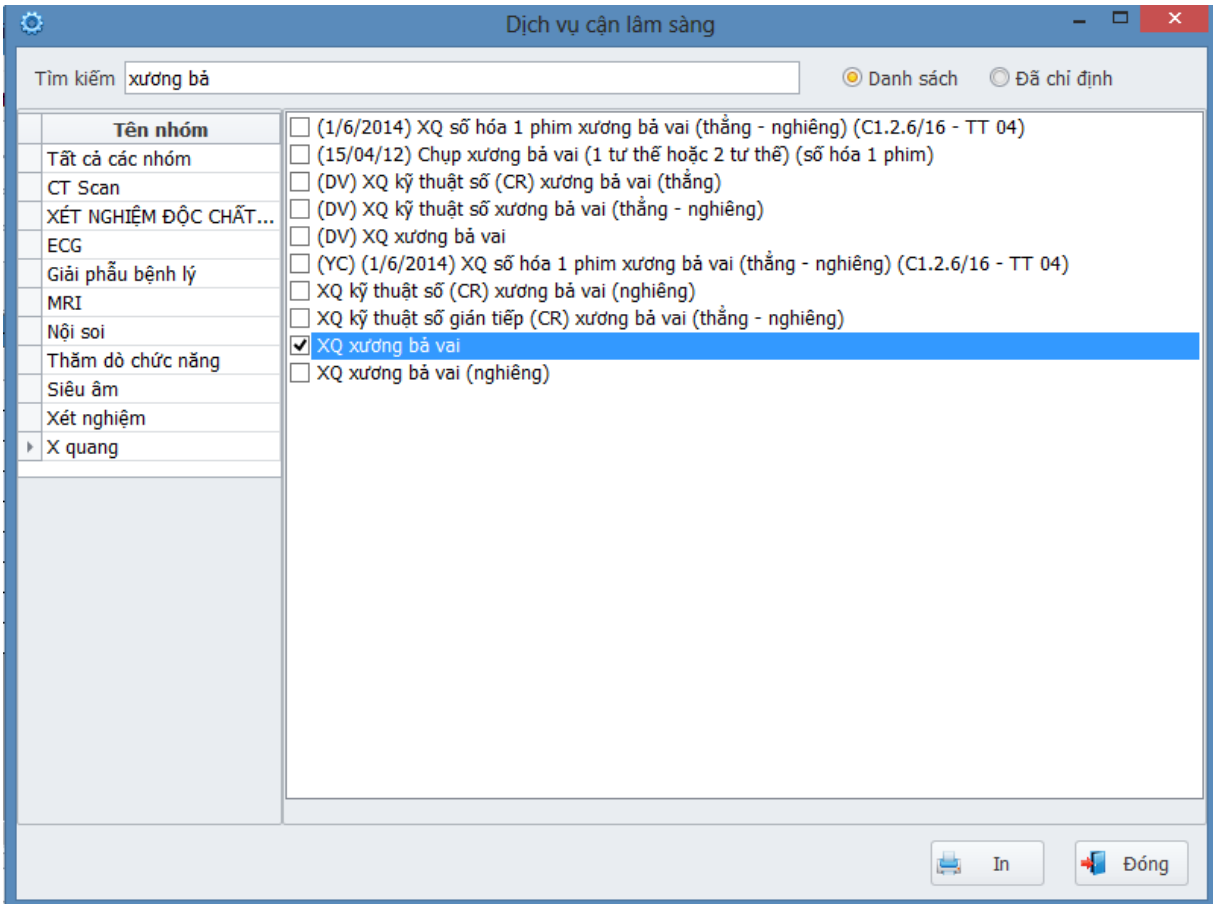

- Hỗ trợ ra chỉ định nhiều lần
- Cho phép in chỉ định theo từng nhóm

266Lý Thường Kiệt, P14, Q10
Điện thoại: 08.8656744- 08.8642750

Họ tên:Nguyễn Thúc Bội Anh

Số tiếp nhận: 140909-00001

PHIẾU YÊU CẦU X QUANG NGOẠI TRÚ

Họ tên người bệnh : **Lê Tấn Minh** Tuổi : 28 Giới tính : Nam
Địa chỉ : 60/24.Dương Đức Hiền,10,Tp.Hồ Chí Minh
Số BHYT : 12345678909876543210
Khoa : Tiêu hóa, thận, tiết niệu
Chẩn đoán : Tả

Yêu cầu	Số lượng	Nơi thực hiện
1. XQ xương bả vai	1	Phòng 1

BS ĐIỀU TRỊ

16/06/2015 15:04 Nguyễn Thúc Bội Anh

II.2.2.5. Xem kết quả xét nghiệm

- Cho bác sĩ xem nhanh kết quả xét nghiệm khi phòng xét nghiệm đã thực hiện xong

❒ ***Giao diện***

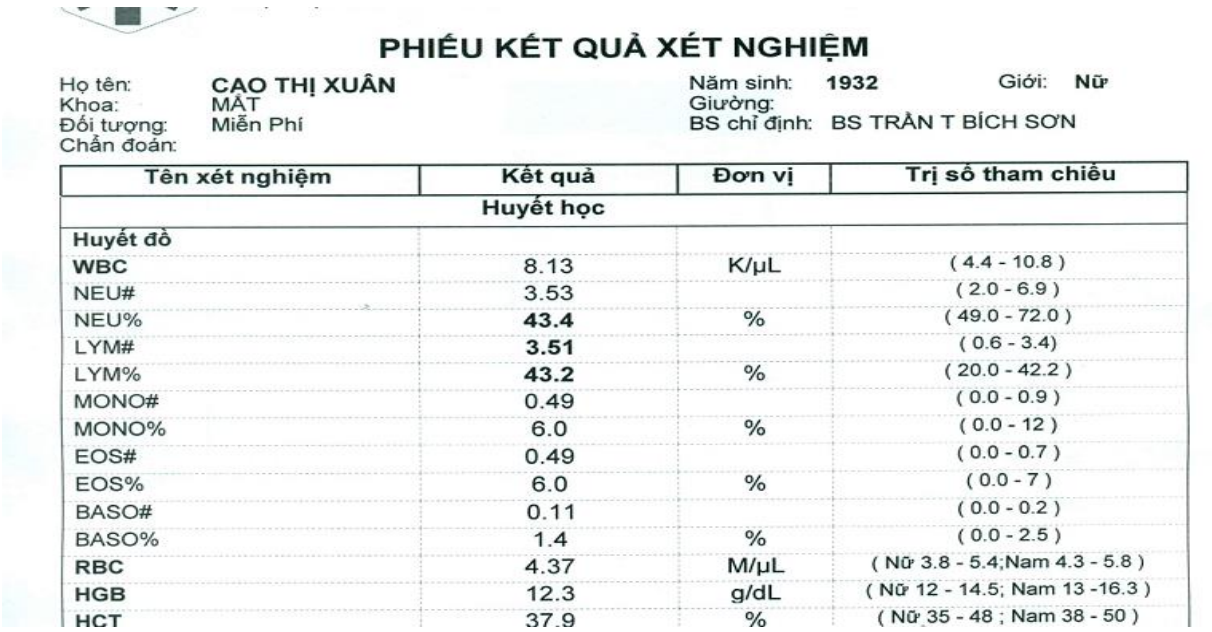

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Họ tên: **CAO THỊ XUÂN** Năm sinh: **1932** Giới: **Nữ**
Khoa: MẮT Giường:
Đối tượng: Miễn Phí BS chỉ định: BS TRẦN T BÍCH SƠN
Chẩn đoán:

Tên xét nghiệm	Kết quả	Đơn vị	Trị số tham chiếu
	Huyết học		
Huyết đồ			
WBC	8.13	K/µL	(4.4 - 10.8)
NEU#	3.53		(2.0 - 6.9)
NEU%	**43.4**	%	(49.0 - 72.0)
LYM#	**3.51**		(0.6 - 3.4)
LYM%	**43.2**	%	(20.0 - 42.2)
MONO#	0.49		(0.0 - 0.9)
MONO%	6.0	%	(0.0 - 12)
EOS#	0.49		(0.0 - 0.7)
EOS%	6.0	%	(0.0 - 7)
BASO#	0.11		(0.0 - 0.2)
BASO%	1.4	%	(0.0 - 2.5)
RBC	4.37	M/µL	(Nữ 3.8 - 5.4;Nam 4.3 - 5.8)
HGB	12.3	g/dL	(Nữ 12 - 14.5; Nam 13 -16.3)
HCT	37.9	%	(Nữ 35 - 48 ; Nam 38 - 50)

II.2.2.6. Xem kết quả cận lâm sàng

- Cho bác sĩ xem nhanh kết quả cận lâm sàng tại phòng khám
- Có thể xem theo bệnh nhân, xem theo phòng khám

❒ ***Giao diện***

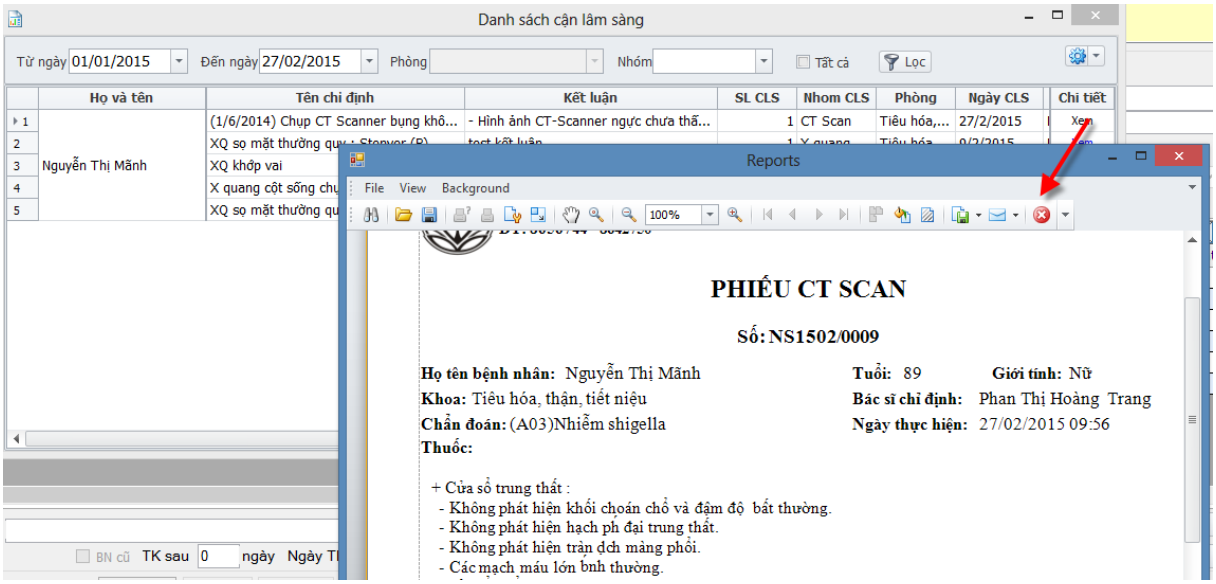

II.2.2.7. Xem bệnh sử

- Cho bác sĩ xem bệnh sử của bệnh nhân

❒ ***Giao diện***

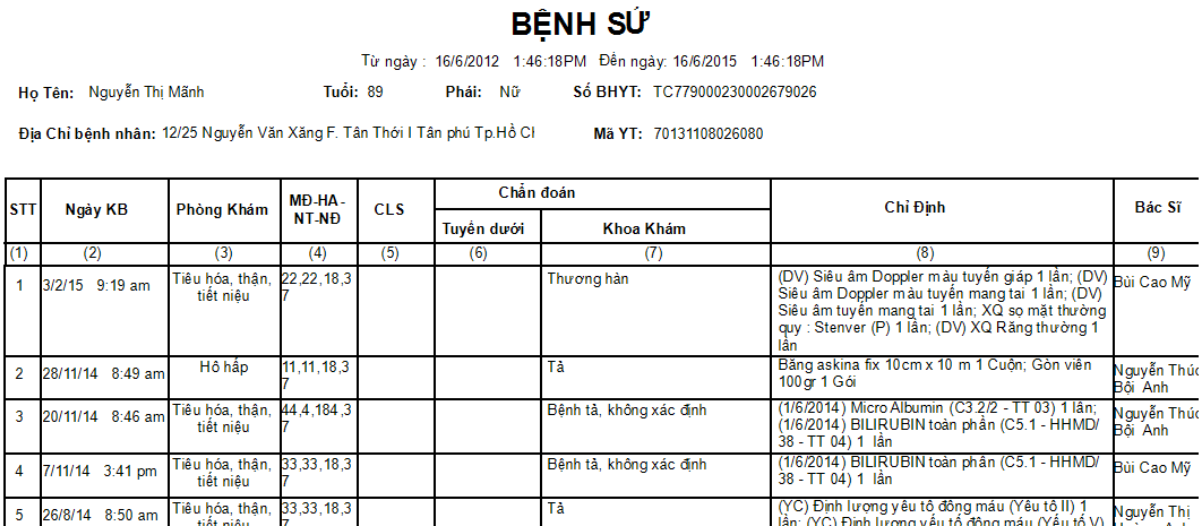

BỆNH SỬ

Từ ngày : 16/6/2012 1:46:18PM Đến ngày: 16/6/2015 1:46:18PM

Họ Tên: Nguyễn Thị Mãnh **Tuổi:** 89 **Phái:** Nữ **Số BHYT:** TC779000230002679026

Địa Chỉ bệnh nhân: 12/25 Nguyễn Văn Xăng F. Tân Thới I Tân phú Tp.Hồ Cl **Mã YT:** 70131108026080

STT	Ngày KB	Phòng Khám	MĐ-HA-NT-NĐ	CLS	Chẩn đoán		Chỉ Định	Bác Sĩ
					Tuyến dưới	Khoa Khám		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	3/2/15 9:19 am	Tiêu hóa, thận, tiết niệu	22,22,18,37			Thương hàn	(DV) Siêu âm Doppler màu tuyến giáp 1 lần; (DV) Siêu âm Doppler màu tuyến mang tai 1 lần; (DV) Siêu âm tuyến mang tai 1 lần; XQ sọ mặt thường quy : Stenver (P) 1 lần; (DV) XQ Răng thường 1 lần	Bùi Cao Mỹ
2	28/11/14 8:49 am	Hô hấp	11,11,18,37			Tả	Băng askina fix 10cm x 10 m 1 Cuộn; Gòn viên 100gr 1 Gói	Nguyễn Thúc Bội Anh
3	20/11/14 8:46 am	Tiêu hóa, thận, tiết niệu	44,4,184,37			Bệnh tả, không xác định	(1/6/2014) Micro Albumin (C3.2/2 - TT 03) 1 lần; (1/6/2014) BILIRUBIN toàn phần (C5.1 - HHMD/38 - TT 04) 1 lần	Nguyễn Thúc Bội Anh
4	7/11/14 3:41 pm	Tiêu hóa, thận, tiết niệu	33,33,18,37			Bệnh tả, không xác định	(1/6/2014) BILIRUBIN toàn phần (C5.1 - HHMD/38 - TT 04) 1 lần	Bùi Cao Mỹ
5	26/8/14 8:50 am	Tiêu hóa, thận,	33,33,18,37			Tả	(YC) Định lượng yếu tố đông máu (Yếu tố II) 1 lần; (YC) Định lượng yếu tố đông máu (Yếu tố V)	Nguyễn Thị

II.2.2.8. Nhập xuất viện

- Chức năng này cho phép tạo hồ sơ nhập viện, phần mềm sẽ phát sinh số hồ sơ bệnh án dùng xuyên suốt đợt điều trị nằm viện của bệnh nhân cho đến khi xuất viện.

❒ ***Giao diện***

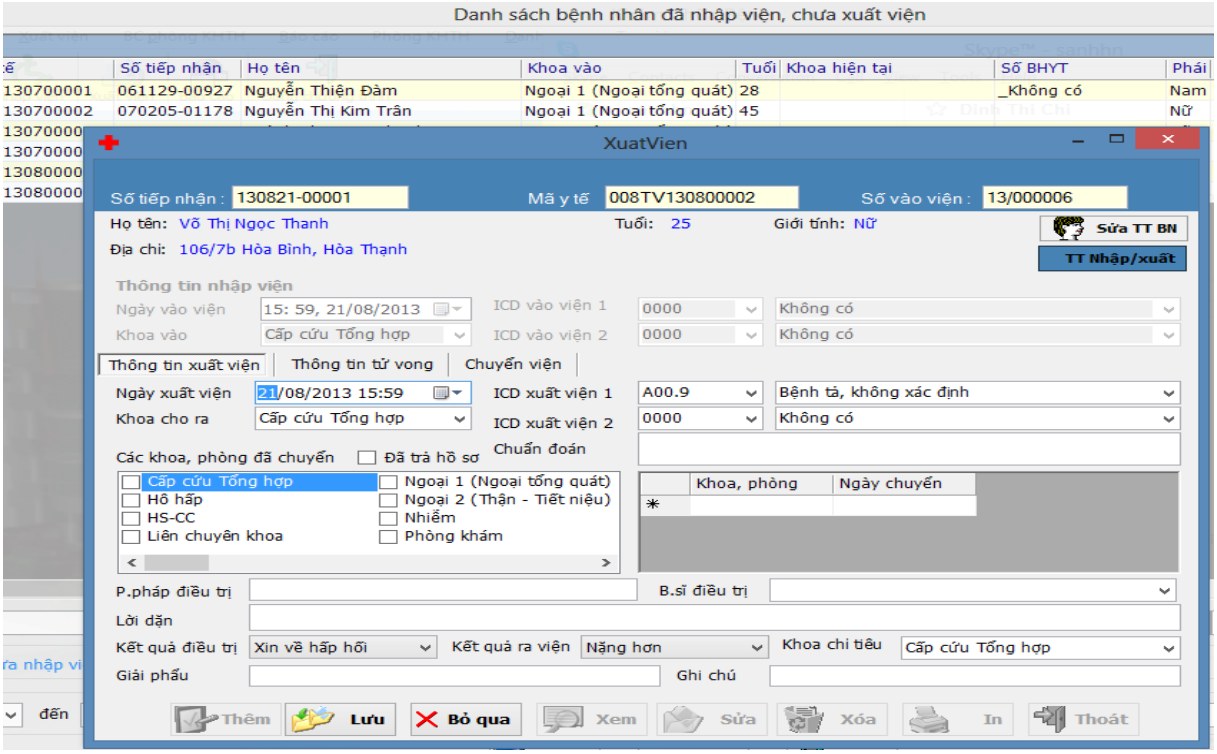

II.2.2.9. Quản lý danh sách nhập xuất viện

- Dùng để xem nhanh những bệnh nhân đã nhập viện, chưa nhập viện, đã xuất viện.
- Chức năng này hỗ trợ giải đáp thông tin cho người bệnh.

❒ *Giao diện*

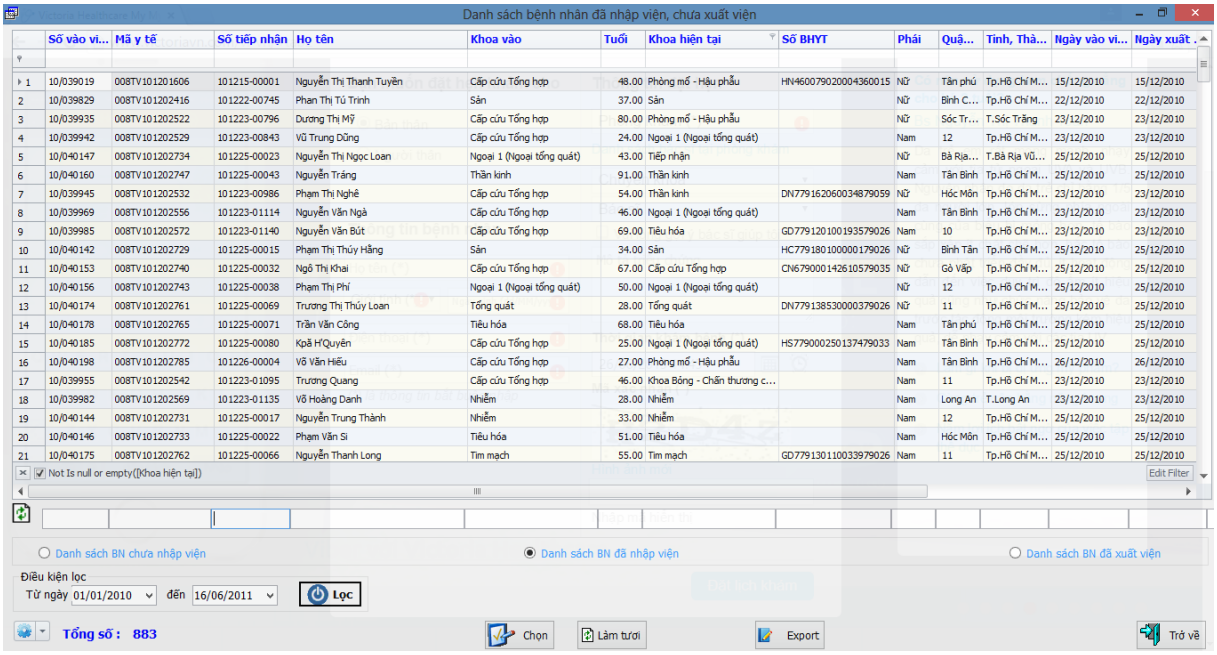

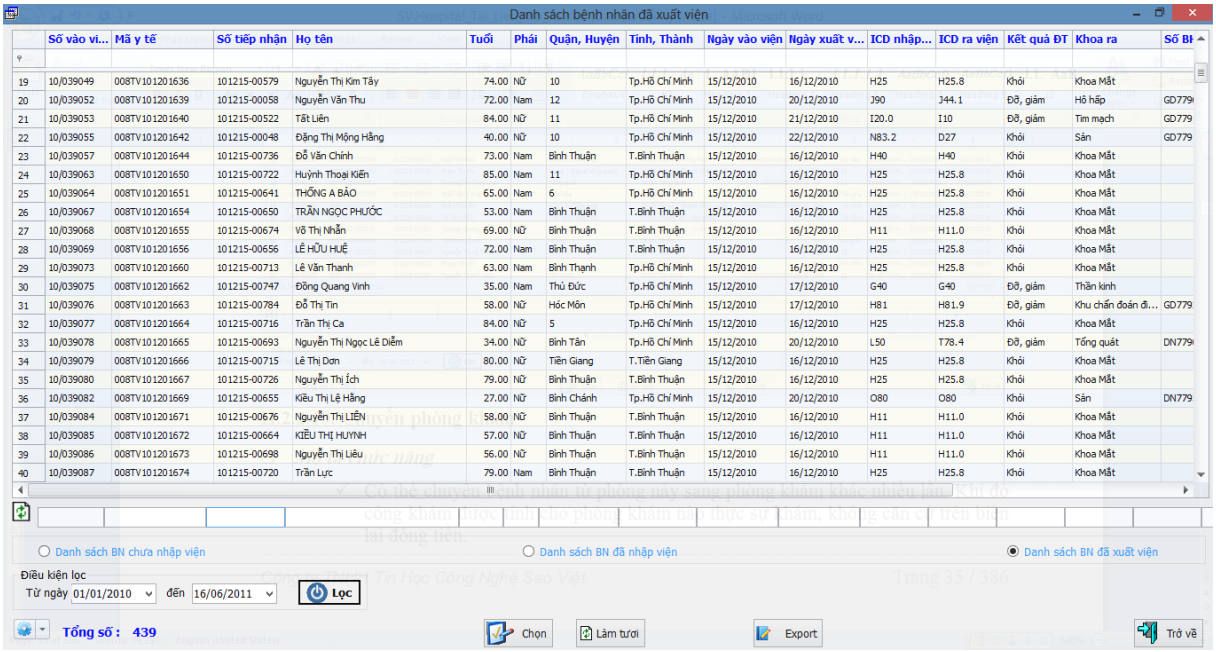

II.2.2.10. Bệnh án ngoại trú

❒ *Mô tả chức năng*

- ✓ Dùng để lập và theo dõi điều trị ngoại trú.
- ✓ Mỗi bệnh nhân có bệnh án ngoại trú tại từng khoa riêng
- ✓ Tự động lấy thông tin từ khám bệnh
- ✓ Tự động lấy dữ liệu bác sĩ kê đơn, đơn thuốc, chuẩn đoán , kết quả
- ✓ Báo cáo hỗ sơ bệnh án chi tiết

❒ *Giao diện*

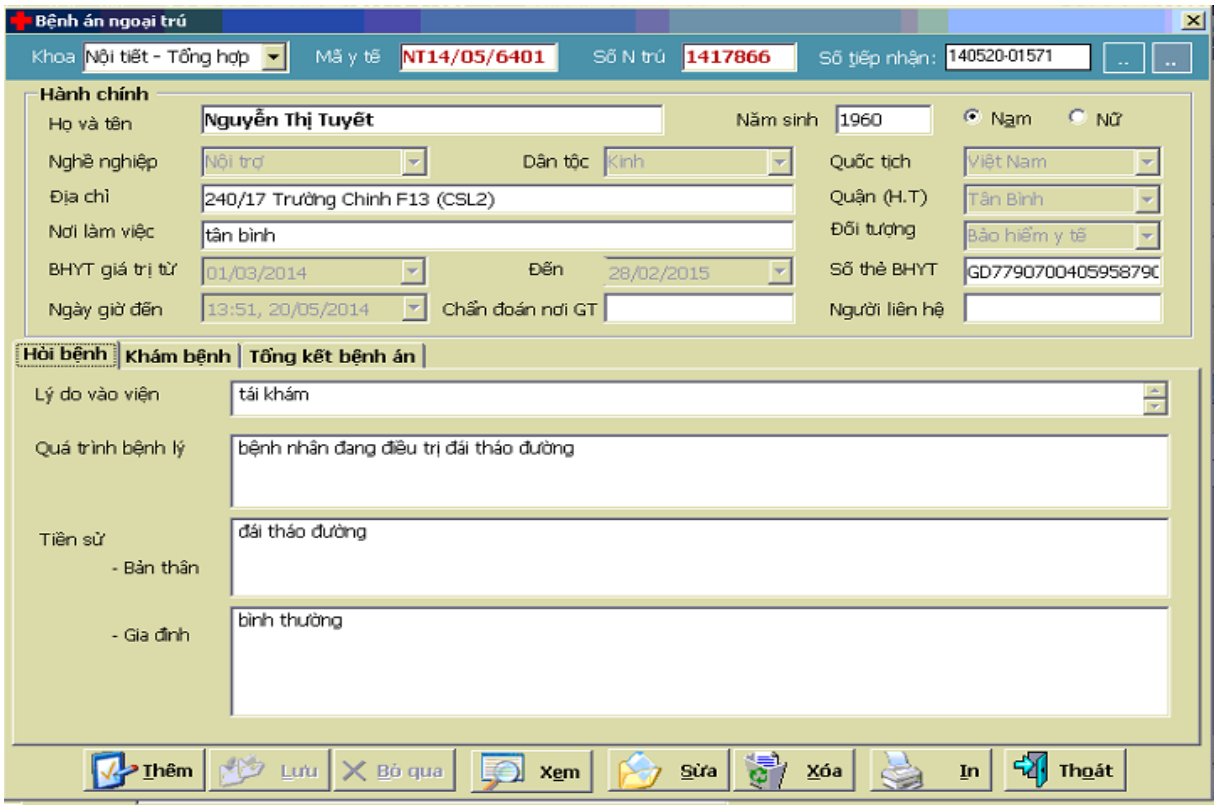

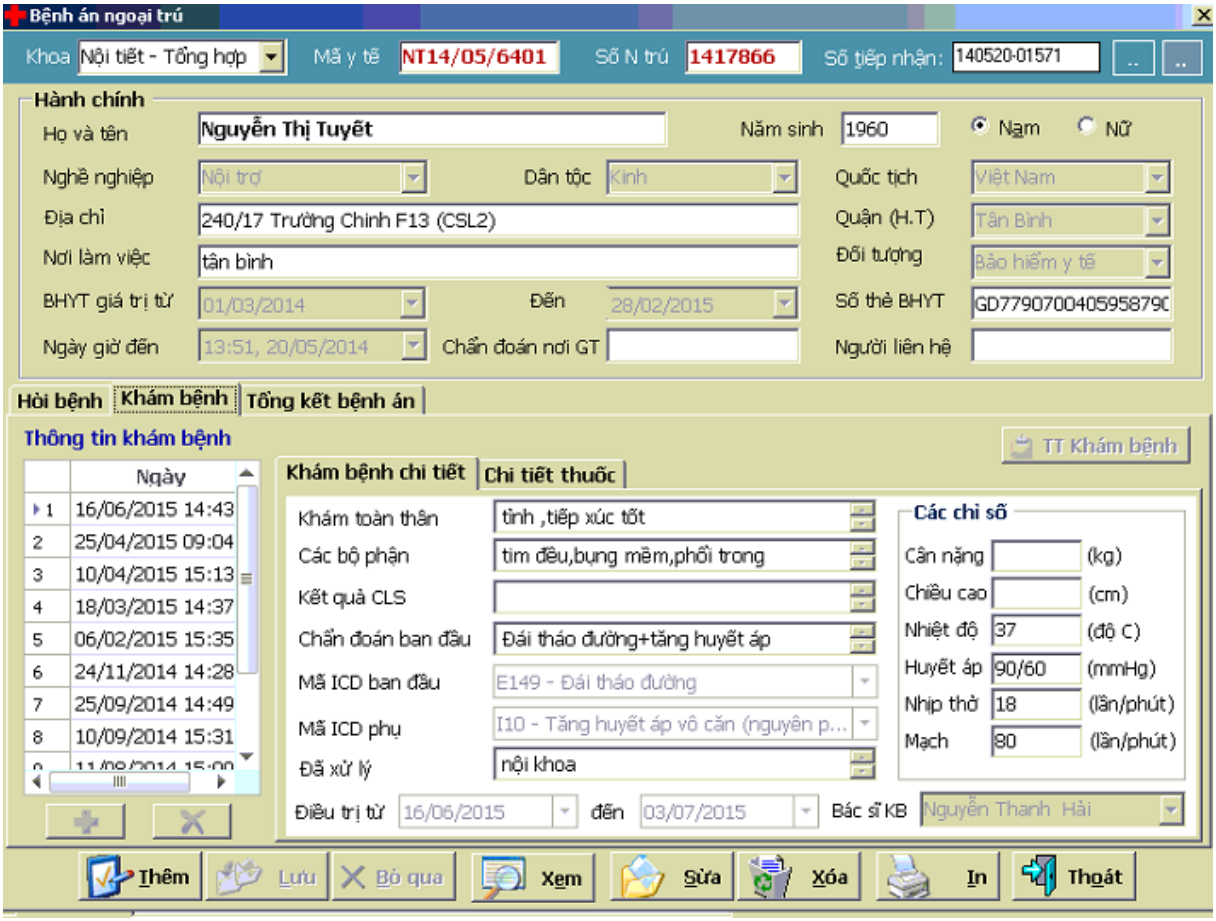
Bệnh án ngoại trú
Khoa Nội tiết - Tổng hợp
Mã y tế NT14/05/6401
Số N trú 1417866
Số tiếp nhận: 140520-01571
Hành chính
Họ và tên Nguyễn Thị Tuyết
Năm sinh 1960
Nam
Nữ
Nghề nghiệp Nội trợ
Dân tộc Kinh
Quốc tịch Việt Nam
Địa chỉ 240/17 Trường Chinh F13 (CSL2)
Quận (H.T) Tân Bình
Nơi làm việc tân bình
Đối tượng Bảo hiểm y tế
BHYT giá trị từ 01/03/2014
Đến 28/02/2015
Số thẻ BHYT GD7790700405958790
Ngày giờ đến 13:51, 20/05/2014
Chẩn đoán nơi GT
Người liên hệ
Hỏi bệnh
Khám bệnh
Tổng kết bệnh án
Thông tin khám bệnh
TT Khám bệnh
Ngày
1 16/06/2015 14:43
2 25/04/2015 09:04
3 10/04/2015 15:13
4 18/03/2015 14:37
5 06/02/2015 15:35
6 24/11/2014 14:28
7 25/09/2014 14:49
8 10/09/2014 15:31
Khám bệnh chi tiết
Chi tiết thuốc
Khám toàn thân tỉnh ,tiếp xúc tốt
Các bộ phận tim đều,bụng mềm,phổi trong
Kết quả CLS
Chẩn đoán ban đầu Đái tháo đường+tăng huyết áp
Mã ICD ban đầu E149 - Đái tháo đường
Mã ICD phụ I10 - Tăng huyết áp vô căn (nguyên p...
Đã xử lý nội khoa
Các chỉ số
Cân nặng (kg)
Chiều cao (cm)
Nhiệt độ 37 (độ C)
Huyết áp 90/60 (mmHg)
Nhịp thở 18 (lần/phút)
Mạch 80 (lần/phút)
Điều trị từ 16/06/2015 đến 03/07/2015
Bác sĩ KB Nguyễn Thanh Hải
Thêm
Lưu
Bỏ qua
Xem
Sửa
Xóa
In
Thoát

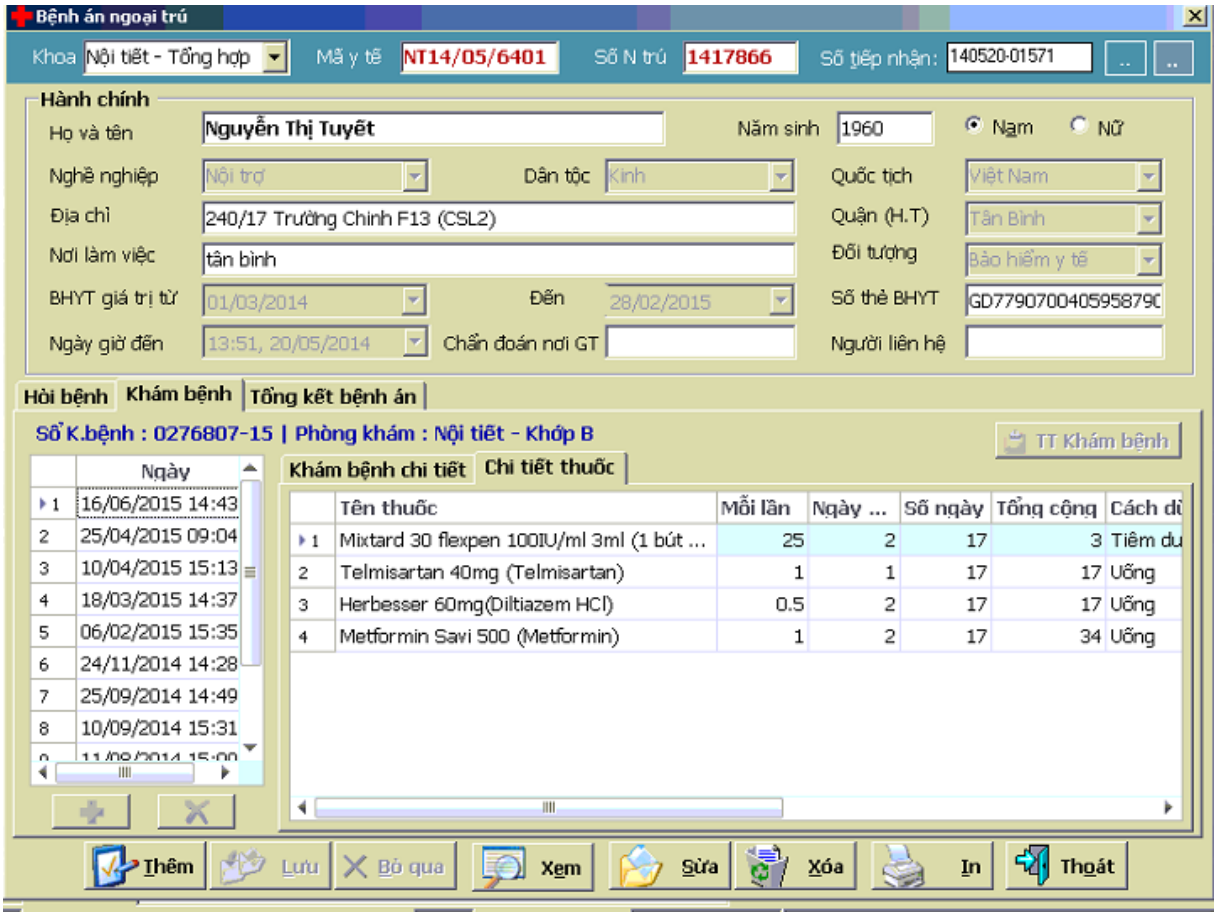
Bệnh án ngoại trú
Khoa Nội tiết - Tổng hợp
Mã y tế NT14/05/6401
Số N trú 1417866
Số tiếp nhận: 140520-01571
Hành chính
Họ và tên Nguyễn Thị Tuyết
Năm sinh 1960
Nam
Nữ
Nghề nghiệp Nội trợ
Dân tộc Kinh
Quốc tịch Việt Nam
Địa chỉ 240/17 Trường Chinh F13 (CSL2)
Quận (H.T) Tân Bình
Nơi làm việc tân bình
Đối tượng Bảo hiểm y tế
BHYT giá trị từ 01/03/2014
Đến 28/02/2015
Số thẻ BHYT GD7790700405958790
Ngày giờ đến 13:51, 20/05/2014
Chẩn đoán nơi GT
Người liên hệ
Hỏi bệnh
Khám bệnh
Tổng kết bệnh án
Sổ K.bệnh : 0276807-15 | Phòng khám : Nội tiết - Khớp B
TT Khám bệnh
Ngày
1 16/06/2015 14:43
2 25/04/2015 09:04
3 10/04/2015 15:13
4 18/03/2015 14:37
5 06/02/2015 15:35
6 24/11/2014 14:28
7 25/09/2014 14:49
8 10/09/2014 15:31
Khám bệnh chi tiết
Chi tiết thuốc
Tên thuốc | Mỗi lần | Ngày ... | Số ngày | Tổng cộng | Cách dù
1 Mixtard 30 flexpen 100IU/ml 3ml (1 bút ... | 25 | 2 | 17 | 3 | Tiêm du
2 Telmisartan 40mg (Telmisartan) | 1 | 1 | 17 | 17 | Uống
3 Herbesser 60mg(Diltiazem HCl) | 0.5 | 2 | 17 | 17 | Uống
4 Metformin Savi 500 (Metformin) | 1 | 2 | 17 | 34 | Uống
Thêm
Lưu
Bỏ qua
Xem
Sửa
Xóa
In
Thoát

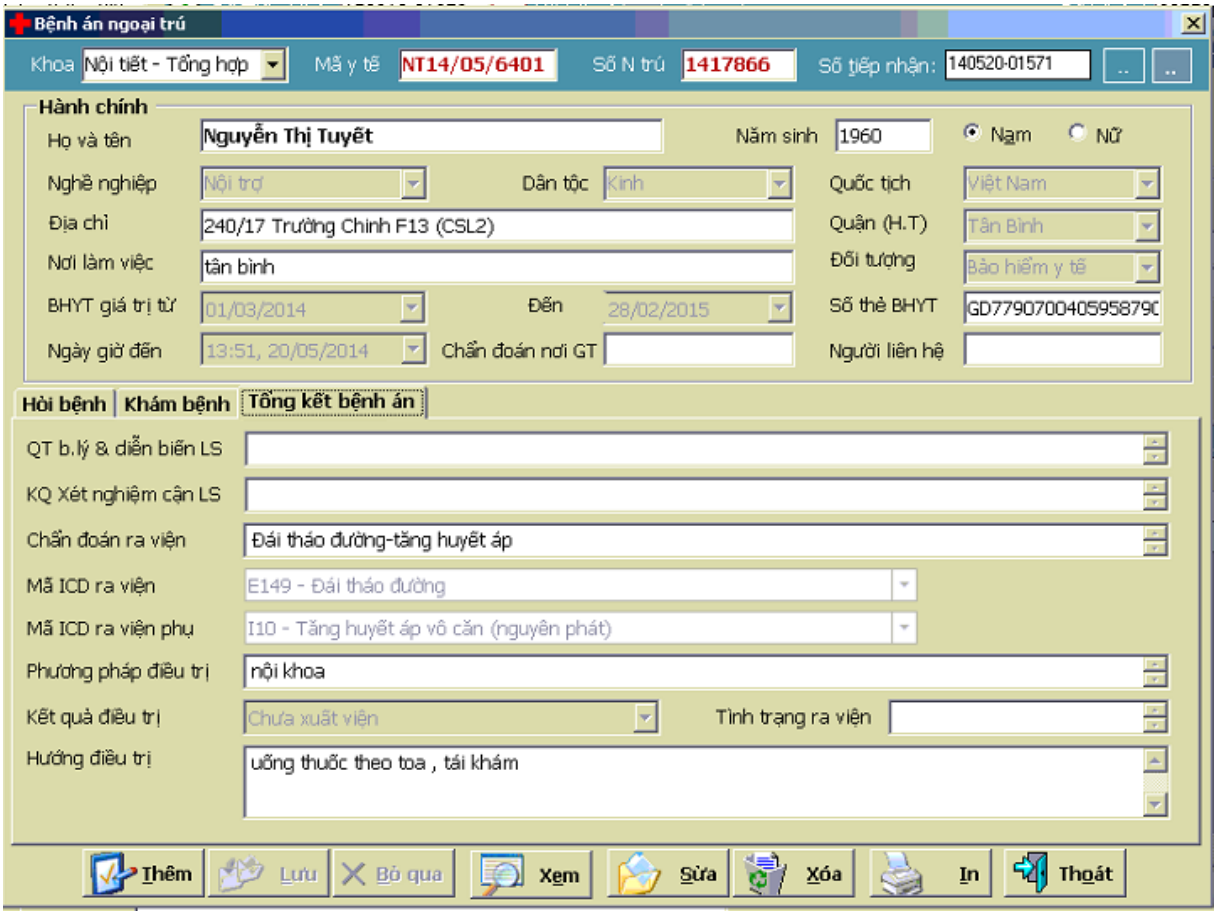

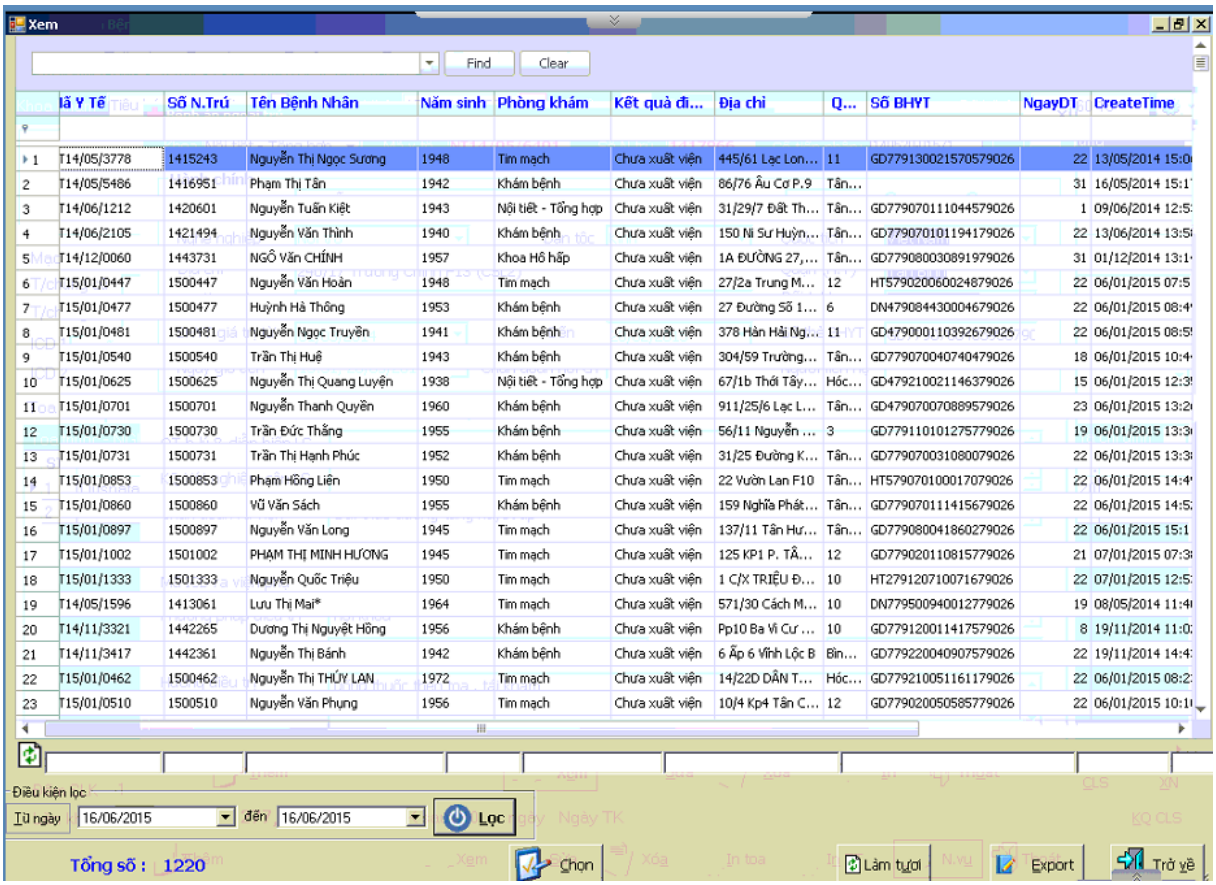

❒ ***Quy tình thực hiện***

✓ Đăng ký trên khám bệnh xong chọn Bệnh án ngoại trú.

- ✓ Hoặc vào Bệnh án ngoại trú trực tiếp từ màn hình trang chủ.
- ✓ Nhập mã số y tế hoặc số tiếp nhận (Nếu từ màn hình khám bệnh thì không cần).
- ✓ Dữ liệu khám bệnh sẽ tự động lấy bên khám bệnh nếu số tiếp nhận đã có khám.
- ✓ Mỗi bệnh án ngoại trú có thể có nhiều lần khám bệnh trong cùng 1 khoa(Nếu chưa điều trị xong thì lần khám bệnh sau sẽ tự động đưa vào bệnh án ngoại trú cũ)
- ✓ Xuất báo cáo bệnh án ngoại trú cho bệnh nhân

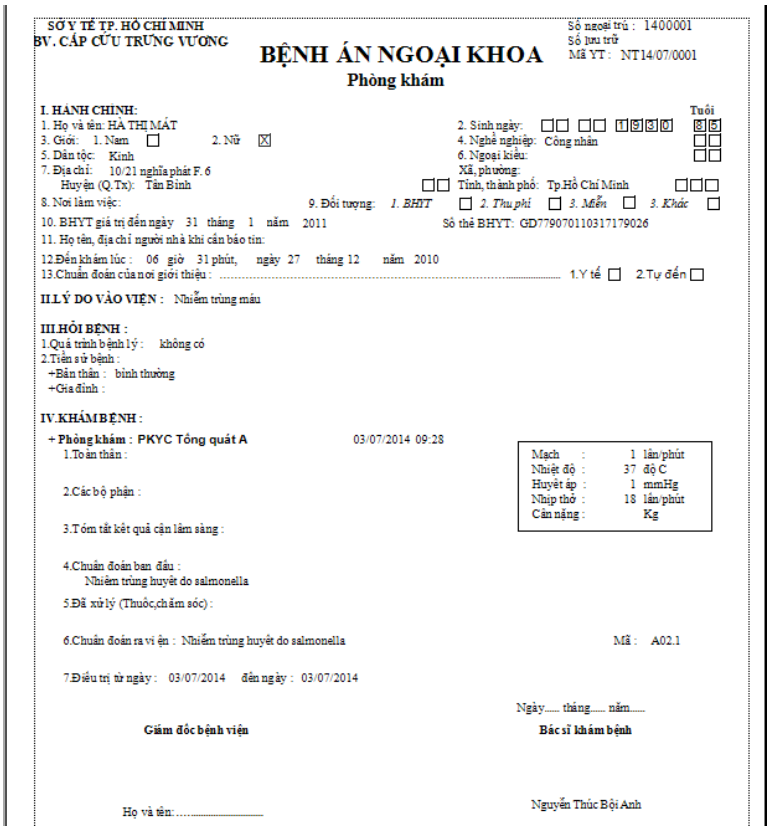

SỞ Y TẾ TP. HỒ CHÍ MINH
BV. CẤP CỨU TRƯNG VƯƠNG

Số ngoại trú : 1400001
Số lưu trữ
Mã YT : NT14/07/0001

BỆNH ÁN NGOẠI KHOA
Phòng khám

I. HÀNH CHÍNH:
1. Họ và tên: HÀ THỊ MẬT
2. Sinh ngày: 1950 — Tuổi 65
3. Giới: 1. Nam ☐ 2. Nữ ☒
4. Nghề nghiệp: Công nhân
5. Dân tộc: Kinh
6. Ngoại kiều:
7. Địa chỉ: 10/21 nghĩa phát F. 6
Xã, phường:
Huyện (Q.Tx): Tân Bình
Tỉnh, thành phố: Tp.Hồ Chí Minh
8. Nơi làm việc:
9. Đối tượng: *1. BHYT* ☐ *2. Thu phí* ☐ *3. Miễn* ☐ *3. Khác* ☐
10. BHYT giá trị đến ngày 31 tháng 1 năm 2011 Số thẻ BHYT: GD77907011031717 9026
11. Họ tên, địa chỉ người nhà khi cần báo tin:
12.Đến khám lúc : 06 giờ 31 phút, ngày 27 tháng 12 năm 2010
13.Chuẩn đoán của nơi giới thiệu : ..... 1.Y tế ☐ 2.Tự đến ☐

II.LÝ DO VÀO VIỆN : Nhiễm trùng máu

III.HỎI BỆNH :
1.Quá trình bệnh lý : không có
2.Tiền sử bệnh :
+Bản thân : bình thường
+Gia đình :

IV.KHÁM BỆNH :
+ Phòng khám : PKYC Tổng quát A 03/07/2014 09:28
1.Toàn thân :
2.Các bộ phận :
3.Tóm tắt kết quả cận lâm sàng :
4.Chuẩn đoán ban đầu :
Nhiễm trùng huyết do salmonella
5.Đã xử lý (Thuốc,chăm sóc) :
6.Chuẩn đoán ra viện : Nhiễm trùng huyết do salmonella Mã : A02.1
7.Điều trị từ ngày : 03/07/2014 đến ngày : 03/07/2014

Mạch :	1	lần/phút
Nhiệt độ :	37	độ C
Huyết áp :	1	mmHg
Nhịp thở :	18	lần/phút
Cân nặng :		Kg

Ngày..... tháng..... năm.....

Giám đốc bệnh viện **Bác sĩ khám bệnh**

Họ và tên:..... Nguyễn Thúc Bội Anh

II.2.2.11. Các báo cáo phân hệ khám bệnh

- EX.F.1_ In toa thuốc (mẫu BV01)

SỞ Y TẾ TP. HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN
266 Lý Thường Kiệt, P14, Q10
ĐT : 08.8656744 - 08.8642750
Website: bvtrungvuongvn

Mã TY: 09072875
MS : 17D/BV-01
Số TN: 130709-00005
Số Phòng Khám : 00

HT579130040009579026

ĐƠN THUỐC BHYT

Họ tên người bệnh : **NGUYỄN THỊ KIM CÚC** Tuổi : 59 Nữ
Địa chỉ : 418/75 Hồng Bàng, 6, Tp.Hồ Chí Minh ĐT :
ĐV ĐK BHYT : Quận 11
Chẩn đoán : Viêm dạ dày và tá tràng - (K29)

1 Negacef 500mg (Cefuroxime) 3 viên
Ngày Uống 3 lần Mỗi lần 1 Viên (Sáng, trưa, chiều)

Cộng khoản : 1 Ngày 9 tháng 7 năm 2013
Khám chuyên khoa: Mắt **BÁC SĨ KHÁM BỆNH**

(DV) Chụp động mạch vành bằng DSA
[C4.2.5/6 - QĐ 1143/SYT ngày 13/10/20
- 1
X quang cột sống chụp 2 đoạn liên tục -

Bác sĩ : Phan Thị Hoàng Trang

Đã nhận đủ thuốc Tổng tiền thuốc BHYT: **30,000**

- EX.F.2_ In bảng kê viện phí BHYT (mẫu 01/BV)

Sở Y tế: TP HỒ CHÍ MINH **BẢNG KÊ CHI PHÍ KHÁM, CHỮA BỆNH NGOẠI TRÚ** Mẫu số : 01/BV
BỆNH VIỆN *Số chứng từ:* VPPK0000049 /15;DVPK0000049 /15 Số KB: 130709 -00005
Khoa: Phòng khám MS BN: 70131109072875

Họ tên người bệnh: **Nguyễn Thị Kim Cúc** Năm sinh: 1956 Giới tính:Nữ
Địa chỉ: 418/75 Hồng Bàng Q 6 Tp.Hồ Chí Minh
Mã thẻ BHYT: HT579130040009579026 Giá trị từ: 01/01/2010 đến 31/12/2015
Cơ sở ĐK KCB ban đầu: Bệnh Viện Trưng Vương Mã số : 79026
Ngày khám bệnh: 9/7/2013 Ngày kết thúc đợt điều trị ngoại trú: 9/7/2013 Tổng số ngày ĐT : 1
Tái khám sau :
Số phòng khám: 00 - Tiếp nhận; 08 - Mắt Khám chuyên khoa: Mắt
Cấp cứu: ☐ Đúng tuyến : ☒ Nơi giới thiệu: Trái tuyến : ☐
Chẩn đoán: (H00) Lẹo và chắp; (K29) Viêm dạ dày và tá tràng

Nội dung	ĐVT	S.lg	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn thanh toán				
					Quỹ BHYT	Khác	Người bệnh trả		
							Chi phí BHYT	Ngoài DM	Lệch giá
CĐ hình ảnh									
1- (DV) Chụp động mạch vành bằng DSA [C4.2.5/6 - QĐ 1143/SYT ngày 13/10/2011]	lần	1	6,000,000	6,000,000	3,800,000		200,000		2,000,000
2- Siêu âm mô mềm	lần	1	20,000	20,000	19,000		1,000		
3- X quang cột sống chụp 2 đoạn liên tục	lần	1	40,000	40,000	38,000		2,000		
		Cộng		6,060,000	3,857,000		203,000		2,000,000

Thuốc									
Trong danh mục BHYT									
4- Fastopa 500mg (L-Ornithin - L-aspartat)	ống	1	35,009	35,009	33,259		1,750		
Ngày Nhỏ mắt 3 lần Mỗi lần 1 giọt (Sáng, trưa, chiều)									
5- Negacef 500mg (Cefuroxime)	viên	3	12,500	37,500	35,625		1,875		
Ngày Uống 3 lần Mỗi lần 1 Viên (Sáng, trưa, chiều)									
			Cộng	72,509	68,884		3,625		
			Tổng cộng:	6,132,509	3,925,884		206,625		2,000,000

Số tiền ghi bằng chữ: *Sáu triệu một trăm ba mươi hai ngàn năm trăm lẻ chín đồng*

Tổng chi phí đợt điều trị : 6,132,509
Tổng chi phí BHYT : 4,132,509
Số tiền Quỹ BHYT thanh toán : 3,925,884
Số tiền người bệnh trả : 2,206,625

Bằng chữ: Hai triệu hai trăm lẻ sáu ngàn sáu trăm hai mươi lăm đồng

Ngày 16 tháng 06 năm 2015

NGƯỜI LẬP BẢNG KÊ	KẾ TOÁN VIỆN PHÍ	BÁC SĨ KHÁM BỆNH
Test Tester	Họ tên BHYTVP BHYTVP:	Phan Thị Hoàng Trang
XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI BỆNH	Ngày..... Tháng..... Năm..... GIÁM ĐỊNH BHYT	

Họ tên : .....

Số Lần In : 1

- EX.F.3_ In bệnh sử của bệnh nhân: xem bệnh sử
- EX.F.4_ In chỉ định cận lâm sàng: xem phần in chỉ định cận lâm sàng
- EX.F.5_ Bệnh án ngoại trú – in tờ điều trị

SỞ Y TẾ TP.HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN

TỜ ĐIỀU TRỊ Số : .....

Mẫu số : 39/BV-01
Số ngoại trú : 1417866

Họ tên người bệnh : **Nguyễn Thị Tuyết** Tuổi : 55 Giới tính : Nữ

Khoa : Nội tiết - Tổng hợp Buồng : Giường :

Chẩn đoán : Đái tháo đường-tăng huyết áp

Ngày giờ	Diễn biến bệnh	Y Lệnh
20/05/2014 15:12	-Mạch:80 | H.Áp:120/70 | Nhịp thở:18 | Nhiệt độ:37 -Khám toàn thân:tỉnh tiếp xúc tốt -Các bộ phận: -Kết quả CLS: -Chuẩn đoán ban đầu:Đái tháo đường-tăng huyết áp	- Mixtard 1000 DV/10ml(Human Insulin 30/70 tác dụng kép), 1 Lọ, 23 ngày, Ngày Tiêm dưới da 2 lần, lần 0 Lọ (sáng 23ui chiều 20ui trước ăn 30 phút) - Pyzacar 50mg(Losartan kali), 23 Viên, 23 ngày, Ngày Uống 1 lần, lần 1 Viên (Sáng) - Peruzi 12,5mg(Carvedilol), 23 Viên, 23 ngày, Ngày Uống 2 lần, lần 0.5 Viên (Sáng, chiều)
11/08/2014 15:09	-Mạch:80 | H.Áp:120/80 | Nhịp thở:18 | Nhiệt độ:37 -Khám toàn thân:tỉnh tiếp xúc tốt -Các bộ phận: -Kết quả CLS: -Chuẩn đoán ban đầu:Đái tháo đường-tăng huyết áp +thoái hóa khớp gối +viêm dạ dày	- Mixtard 1000 DV/10ml(Human Insulin 30/70 tác dụng kép), 1 Lọ, 23 ngày, Ngày Tiêm dưới da 2 lần, lần 0 Lọ (sáng 23ui chiều 20ui trước ăn 30 phút) - Tatanol 500mg(Paracetamol), 30 Viên, 10 ngày, Ngày Uống 3 lần, lần 1 Viên (Sáng, trưa, chiều) - Pyzacar 50mg(Losartan kali), 23 Viên, 23 ngày, Ngày Uống 1 lần, lần 1 Viên (Sáng) - Meyerpanzol 40mg(Pantoprazol), 14 Viên, 14 ngày, Ngày

- EX.F.6_ In bệnh án ngoại trú

SỞ Y TẾ TP. HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN

Số ngoại trú: **1417866**
Số lưu trữ
Mã YT : **NT14/05/6401**

BỆNH ÁN NGOẠI TRÚ

Khoa: Nội tiết - Tổng hợp

I. HÀNH CHÍNH: Tuổi

1. Họ và tên: NGUYỄN THỊ TUYẾT — 2. Năm sinh: 1960 — 55
3. Giới: 1. Nam ☐ 2. Nữ ☒ — 4. Nghề nghiệp: Nội trợ — 27
5. Dân tộc: Kinh — 6. Ngoại kiều:
7. Địa chỉ: 240/17 Trường Chinh F13 (CSL2) — Xã, phường: 00000
Huyện (Q.Tx): Tân Bình 70127 — Tỉnh, thành phố: Tp.Hồ Chí Minh 701
8. Nơi làm việc: TÂN BÌNH — 9. Đối tượng: *1. BHYT* ☒ *2. Thu phí* ☐ *3. Miễn* ☐ *4. Khác* ☐
10. BHYT giá trị đến ngày: 28 tháng 2 năm 2015 — Số thẻ BHYT GD779070040595879026
11. Họ tên, địa chỉ người nhà khi cần báo tin:
12.Đến khám lúc 13 giờ 51 phút ngày 20 tháng 5 năm 2014
13.Chẩn đoán của nơi giới thiệu — 1.Y tế ☒ 2.Tự đến ☐
:

II.LÝ DO VÀO VIỆN : tái khám

III.HỎI BỆNH

1.Quá trình bệnh lý : bệnh nhân đang điều trị đái tháo đường

2.Tiền sử bệnh :
+Bản thân : đái tháo đường
+Gia đình : bình thường

IV.KHÁM BỆNH :

+ Phòng khám : Nội tiết - Khớp B 20/05/2014 15:

1.Toàn thân :
tỉnh tiếp xúc tốt

Mạch : 80 lần/phút
Nhiệt độ : 37 độ C
Huyết áp : 120/70 mmHg
Nhịp thở : 18 lần/phút

2.Các bộ phận :

Huyết áp : 120/70 mmHg
Nhịp thở : 18 lần/phút
Cân nặng : Kg

3.Tóm tắt kết quả cận lâm sàng :

4.Chẩn đoán ban đầu :
Đái tháo đường — Mã : **E149**

5.Đã xử lý (Thuốc,chăm sóc) :

6.Chẩn đoán ra viện Đái tháo đường-tăng huyết áp

7.Điều trị từ ngày : 20/05/2014 đến ngày : 12/06/2014

Ngày.....tháng.....năm.....

Giám đốc bệnh viện — **Bác sĩ khám bệnh**

Họ và tên:..... — Phạm Hoàng Vũ

- EX.F.7_ In giấy ra viện

SỞ Y TẾ TP. HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN
266 Lý Thường Kiệt, P14, Q10
ĐT : 08.8656744 - 08.8642750
Website : bvtrungvuongvn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MS : 01/ BV-01
Số lưu trữ: **15/016592**
Mã Y tế:70131115040608

GIẤY RA VIỆN

KHOA: **Ngoại tổng hợp**

- Họ tên người bệnh : **PHAN NHẬT MINH** Tuổi : 29 Nam
- Dân tộc : Kinh Nghề nghiệp : Khác
- BHYT : giá trị từ đến : Số :
- Địa chỉ :48b Cù Lao Trung Vĩnh Thọ, T.Khánh Hòa
- Vào viện lúc: 08 giờ 44 phút ngày 14 tháng 05 năm 2015
- Ra viện lúc : 09 giờ 00 phút ngày 16 tháng 06 năm 2015
- Chẩn đoán : Sỏi gan hai bên+Sỏi ống mật chủ/ Nối mật da túi mật
- Phương pháp điều trị :Phẫu thuật
- BS điều trị : Bác sĩ Trần Vũ Hiếu
- Lời dặn thầy thuốc: Tái khám sau 3 tháng tại phòng khám bệnh viện Trưng Vương .
- Nhóm máu : - Yếu tố Rh :

Ngày..... tháng..... năm 2015
TRƯỞNG KHOA ĐIỀU TRỊ

Họ tên: .....

Ngày..... tháng..... năm 2015
GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN

Họ tên: .....

CHỨNG NHẬN PHẪU THUẬT

MS: 04/BV-0

- Phẫu thuật ngày : **18/05/2015**
- Phương pháp vô cảm: Mê: gây mê NKQ.
- Phẫu thuật viên: Trần Vũ Hiếu
- Phương pháp phẫu thuật: PT mở ống mật chủ lấy sỏi + nối mật da túi mật
- Giải phẫu bệnh : Không .

Tình trạng ra viện : Đỡ, giảm

TÁI KHÁM		
Ngày	**Kết quả**	**BS Khám**

- EX.R.1_ Sổ khám bệnh (bỏ sổ ngoài)

Phòng khám : Ngoại tổng hợp (PK), từ 16/6/2015 07:30 đến 16/06/2015 16:45

Số TT	Họ tên người bệnh	Tuổi		Địa chỉ	Số Bảo hiểm y tế	Trái tuyến	Được hưởng	Nơi giới thiệu	
		Nam	Nữ						Tuyến dưới
1	Huỳnh Ngọc Long	51		33 Phan Xích Long F 3 Phú Nhuận Tp.Hồ Chí Minh	GD 779090030491 079026				
2	Nguyễn Thị Xuân		63	(ks)295/5 Trần Văn Kiểu Tân Thành Tân phú Tp.Hồ Chí Minh	CK279001190039 379026				
3	Lê Thị Kim Tuyền		43	19/4A Ấp Tam Đông 1, Xã Thới Tam Thôn Hóc Môn Tp.Hồ Chí Minh	GD 479210061695 979026				
4	Ưng A Sam	59		19/40/5S Bình Thới F11 11 Tp.Hồ Chí Minh	HT579130140008 579026				
5	Võ Thị Huỳnh Nga		55	708/1/10 Hồng Bàng,P1 11 Tp.Hồ Chí Minh	GD 479130131113 779026				

Chẩn đoán	Chỉ định điều trị	Cách giải quyết							Bác sĩ khám bệnh	Đối tượng	
Khoa Khám bệnh		Vào viện	Tuyến trên	Tuyến dưới	Ngoại trú	Về nhà	Thủ thuật	Khám C/khoa		Thu phí	Miễn phí
Trĩ nội độ 2	(Đ2) Nội soi trực tràng ống mềm không sinh thiết (C2/27 - TT 04)- TTL2 1 lần; Savi Dimin 500mg (Diosmin+Hesperidin) 28 Viên					X			Võ Đức Tâm		
Viêm đại tràng /viêm hậu môn/trĩ nội độ 2 ,	Trimebutin 100mg(Trimebutin) 14 Viên; Savi Dimin 500mg (Diosmin+Hesperidin) 14 Viên; Tai mũi họng							X	Võ Đức Tâm		
SM Ung thư rốn gan type IV di căn gan (T)/ VPM do thủng tá tràng + hoại tử gan HPT V + Xì miệng nối mật ruột	BV Chợ Rẫy		X						Võ Đức Tâm		
Trĩ nội / Polyp tuyến ống đại tràng	Savi Dimin 500mg (Diosmin+Hesperidin) 28 Viên					X			Võ Đức Tâm		

- EX.R.2_ Tình hình bệnh tật đến khám

PHÒNG KHÁM: Ngoại tổng hợp (PK)

TÌNH HÌNH BỆNH TẬT ĐẾN KHÁM

Từ Ngày: 16/6/2015 Đến Ngày: 16/6/2015

LOẠI BỆNH	TC	QUẬN					
		Q10	Q11	TB	HM	CC	KHÁC
C22-Bướu ác của gan và đường mật trong gan	1				1		
D17-Bướu mỡ	1		1				
I84-Trĩ	13	1	3	3		2	4
K29-Viêm dạ dày và tá tràng	1						1
K52-Viêm dạ dày-ruột và viêm đại tràng không nhiễm trùng khác	1						1
K60-Khe nứt và lỗ dò vùng hậu môn và trực tràng	1		1				
K80-Sỏi mật	1	1					
TỔNG CỘNG:	**19**	**2**	**5**	**3**	**1**	**2**	**6**

- EX.R.4_ Báo cáo phòng khám theo ICD

PHÒNG KHÁM: Tim mạch (PKA) 1

BÁO CÁO BỆNH TẬT THEO ICD

Tháng : 06/2015

BỆNH | NGÀY	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	TỔNG
E03-Suy giáp khác					1																											1
E11-Đái tháo đường không phụ								2								1																3
E14-Đái tháo đường không xác		1	2	2	2			4	2	2	1	2			2	3																23
E78-Rối loạn chuyển hóa		3	1	2	1							2																				9
F06-Rối loạn tâm thần khác do tổn				3																												3

- EX.R.5_ Báo cáo bệnh nhân tỉnh

Phòng Khám: Chọn Tất Cả Các Khoa

BÁO CÁO BỆNH NHÂN TỈNH

Tháng : 06/2015

Tỉnh / ngày	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	Total
T.An Giang	9	3	1	12	3		1	4	1	6	10	3			8	5																66
T.Bà Rịa Vũng T	3	4	6	3	25	1	1	4	1	5	1	4		1	7	5																71
T.Bạc Liêu	2			3	2			1	3	1	2		1		1	4																20
T.Bến Tre	12	4	6	12	6			13	5	6	4	6			6	9																89
T.Bình Dương	6	5	5	16	5	1		11	4	6	9	4			2	3																77
T.Bình Phước	3	5	7	2	1	1		9	3		3	2			5	3																44
T.Bình Thuận	6	4	5	1	29		1	2	3	2	2	4		1	3	2																65
T.Cà Mau	4	4	5	1	1			20	6		1	3	1	1	3																	50

- EX.R.6_ Báo cáo bệnh nhân BHYT

PHÒNG KHÁM : Chọn Tất Cả Các Khoa

BÁO CÁO BỆNH NHÂN BẢO HIỂM Y TẾ

Từ Ngày:10/06/2015 Đến Ngày:16/06/2015

NGÀY	Tổng số BHYT		CBCNVC		CB		Tự nguyện		Xóa đói giảm nghèo		Khác		Tổng số		
	Mới	Cũ	Mới	Cũ	Mới	Cũ	Mới	Cũ	Mới	Cũ	Mới	Cũ	Nhập	Chuyển	Toa
10/6	818	1.237	223	338	41	59	522	804	29	21	1.981	74	68	34	1.953
11/6	731	1.118	179	348	27	53	491	684	19	27	1.790	59	54	20	1.775
12/6	647	1.201	163	323	21	59	418	797	26	15	1.782	66	52	17	1.779
13/6	122		16		3		85		12		122		34	1	87
14/6	46		12		2		28		2		46		35		11
15/6	619	1.451	156	388	24	68	413	966	21	24	1.997	73	100	12	1.958
16/6	700	1.552	174	439	33	59	487	1.012	20	22	2.173	79	60	26	2.166
TỔNG SỐ:	3683	6559	923	1836	151	298	2444	4263	125	109	9891	351	403	110	9729

- EX.R.7_ Báo cáo phòng khám

BÁO CÁO PHÒNG KHÁM

Từ Ngày:16/6/2015 Đến Ngày:16/6/2015

TÊN PHÒNG	TỔNG SỐ			CÁN BỘ			DÂN			NỮ			VÀO VIỆN	CHUYỂN VIỆN	RA TOA
	MỚI	CŨ	LẦN	MỚI	CŨ	LẦN	MỚI	CŨ	LẦN	MỚI	CŨ	LẦN			
Cấp cứu (PK)	53		53	6		6	47		47	36		36	43		10
Châm Cứu	22	105	127	1	6	7	21	99	120	18	73	91			127
CTCH - Bỏng	25	4	29	3	1	4	22	3	25	13	2	15	2		27
Điều trị ban ngày	98		98				98		98	66		66			98
Đông Y	2	8	10				2	8	10	1	3	4		1	9
Hô hấp (PK)	5	29	34		6	6	5	23	28	2	18	20			34
Tim mạch (PKA)	2	122	124	1	12	13	1	110	111	2	63	65			124
Tim mạch (PKB)	1	59	60		2	2	1	57	58	1	32	33	1		59
Vật lý trị liệu	306	115	421	18	10	28	288	105	393	217	67	284			421
TỔNG:	1,029	1,657	2,686	103	190	293	926	1,467	2,393	651	1,033	1,684	95	26	2,565

- EX.R.8_ Sổ bệnh khám

SỐ BỆNH KHÁM

P.KHÁM: BHYT

Từ Ngày: 10/06/2015 Đến Ngày: 16/06/2015

NGÀY	CBCNV		DÂN		NỮ		V V	CV	Toa	CHUY ÊN KHOA								
	M	C	M	C	M	C				NỘI	NGOẠI	TMH	MẮT	RHM	PHỤ	LÁY	NHI	YHCT
10/6	122	175	6961	.062	557	777	68	34	.953	1.703	60	103	50	27	61	51		
11/6	102	186	629	932	497	750	54	20	.775	1.526	72	83	50	29	60	29		
12/6	90	182	5571	.019	409	771	52	17	.779	1.559	46	73	49	29	53	39		
13/6	11		111		65		34	1	87	122								
14/6	11		35		24		35		11	46								
15/6	107	196	5121	.255	425	934	100	12	.958	1.750	44	87	59	33	62	35		
16/6	103	190	5971	.362	459	965	60	262	.166	1.926	52	94	69	26	46	39		
T.Cộng	546	929	8,1375	,630	2,436	4,197	403	1109	,729	8,632	274	440	277	144	282	193		

Ng ày ..... tháng ..... năm 20....

Lập phiếu

II.3. Phân hệ quản lý viện phí

II.3.1. Giới thiệu – qui trình nghiệp vụ

- Nơi thực hiện: Bộ phận thu viện phí. Phân hệ cho phép bệnh viện quản lý viện phí một cách tự động và xuyên suốt tất cả chi phí phát sinh của bệnh nhân trong quá trình khám bệnh, điều trị ngoại trú tại bệnh viện. Mọi thông tin liên quan đến viện phí sẽ được ghi nhận chính xác và tự động thông qua hệ thống mạng máy tính toàn bệnh viện.
- Các chức năng chính:
- Biên lai viện phí ngoại trú
- Tạm ứng bệnh nhân ngoại trú
- Thu ứng trước
- Thanh toán bệnh nhân ra viện
- Theo dõi công nợ
- Quy trình hoạt động:

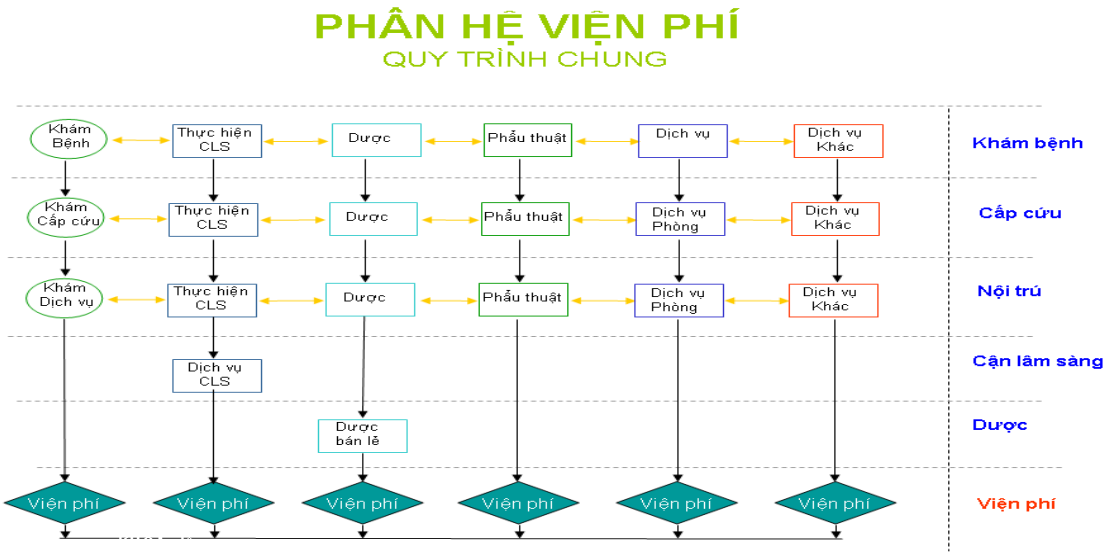

➢

- Hệ thống còn theo dõi các thông tin viện phí của bệnh nhân:
    - Thông tin chi phí khám bệnh của bệnh nhân
    - Thông tin chi phí về thuốc - vật tư y tế đã sử dụng trong quá trình điều trị
    - Thông tin chi phí các xét nghiệm đã làm
    - Thông tin chi phí tiền tạm thu khi vào viện và trong quá trình điều trị
- Chương trình tính chính xác chi phí điều trị của bệnh nhân trên cơ sở thực thu - thực chi của bệnh nhân theo các đối tượng:
    - Bệnh nhân dịch vụ phải thanh toán viện phí
    - Bệnh nhân diện chính sách được miễn một phần viện phí
    - Bệnh nhân có BHYT được miễn hoàn toàn hoặc phải đóng một phần viện phí
    - Bệnh nhân được miễn viện phí …
- Chương trình theo dõi chính xác độ chênh lệch giữa số tiền tạm thu và số tiền mà bệnh đã sử dụng cho việc điều trị, tránh được việc bệnh viện bị thất thu.
- In phiếu thanh toán viện phí cho bệnh nhân: Tiền khám bệnh, tiền giường, tiền thuốc, tiền xét nghiệm...

II.3.2. Các màn hình chính

II.3.2.1. RC.1_Viện phí ngoại trú

- Dùng để lập chứng từ thu tiền của bệnh nhân ngoại trú như: khám bệnh, xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng, thủ thuật và các dịch vụ khác.
- Tự động lấy các thông tin yêu cầu khám từ tiếp nhận, chỉ định CLS, thủ thuật, dịch vụ khác tại phòng khám đưa vào hóa đơn, không cần nhập lại từng nội dung.
- Hỗ trợ đọc thông tin bệnh nhân từ mã vạch in sẵn từ các phòng khám ra chỉ định CLS hay in toa thuốc, in phiếu thanh toán (phòng khám cuối với trường hợp bệnh nhân BHYT và khám nhiều phòng nếu có).

❒ ***Giao diện***

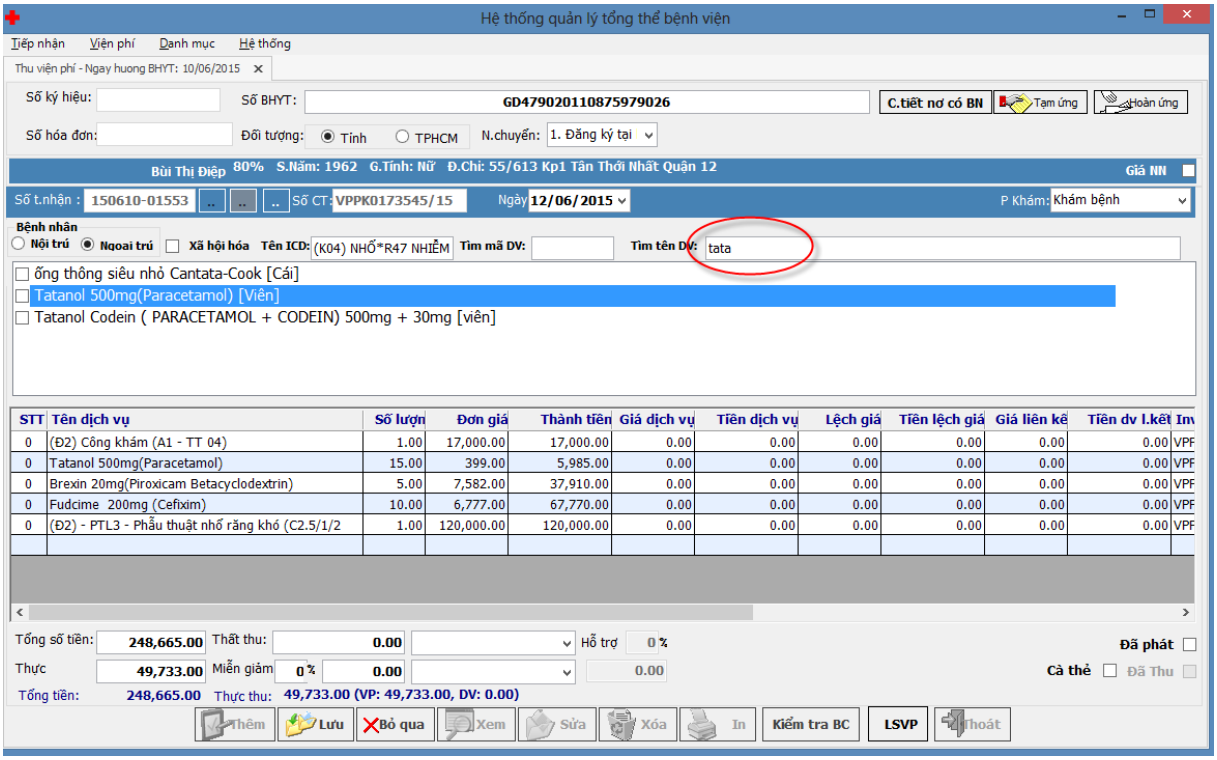

❒ ***Thông tin quản lý***

- ✓ Thông tin về bệnh nhân: mã y tế, họ tên, địa chỉ, …
- ✓ Số tiếp nhận
- ✓ Thông tin về BHYT: mã thẻ, đối tượng, nơi đăng ký ban đầu, % được hưởng.
- ✓ Số chứng từ
- ✓ Tên ICD
- ✓ Khoa phòng: khám bệnh, thận, khoa đau, vật lý trị liệu
- ✓ Thông tin về dịch vụ thanh toán
- ✓ Thông tin về thanh toán: tổng tiền, thực thu, miễn giảm, thất thu, thành phố hỗ trợ.
- ✓ Thông tin về hóa đơn: số hóa đơn, số seri, ngày giờ, nhân viên thu tiền

❒ *Các chức năng hỗ trợ*

✓ Chọn máy in hóa đơn, quản lý số hóa đơn, số seri

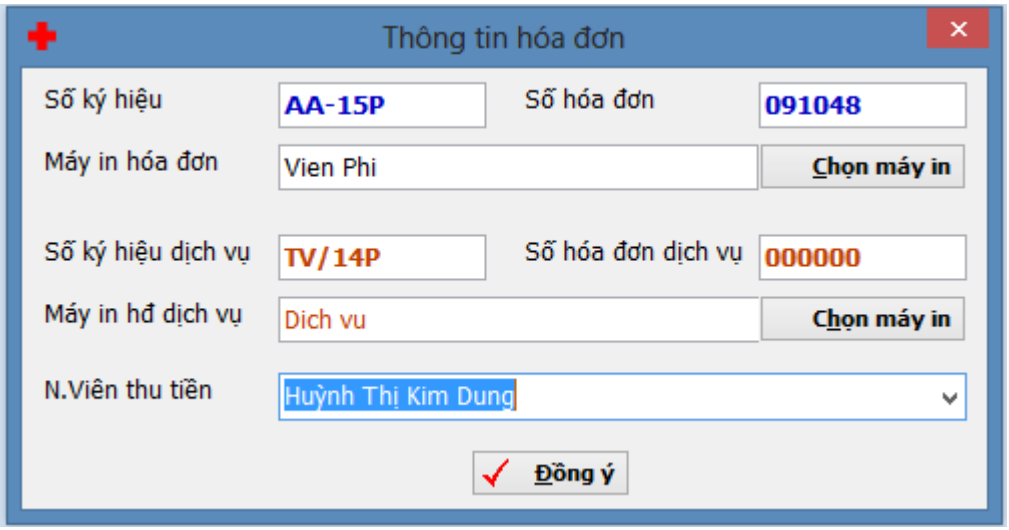

❒ *Bệnh nhân thu phí (không có BHYT)*

✓ Chọn bệnh nhân cần thu tiền theo số tiếp nhận bằng cách gõ nhanh số tiếp nhận trong ngày, ví dụ: 1553 => số thứ tự tiếp nhận trong ngày là 150610-01553 với ngày làm việc là ngày 10/06/2015. Nếu là số thứ tự của ngày 9 thì gõ "9-1553" => 150609-01553.

✓ Khi cần thu phí với bệnh nhân dạng thu phí (không có BHYT) thì sẽ dùng mã vạch in sẵn trong phiếu chỉ định CLS

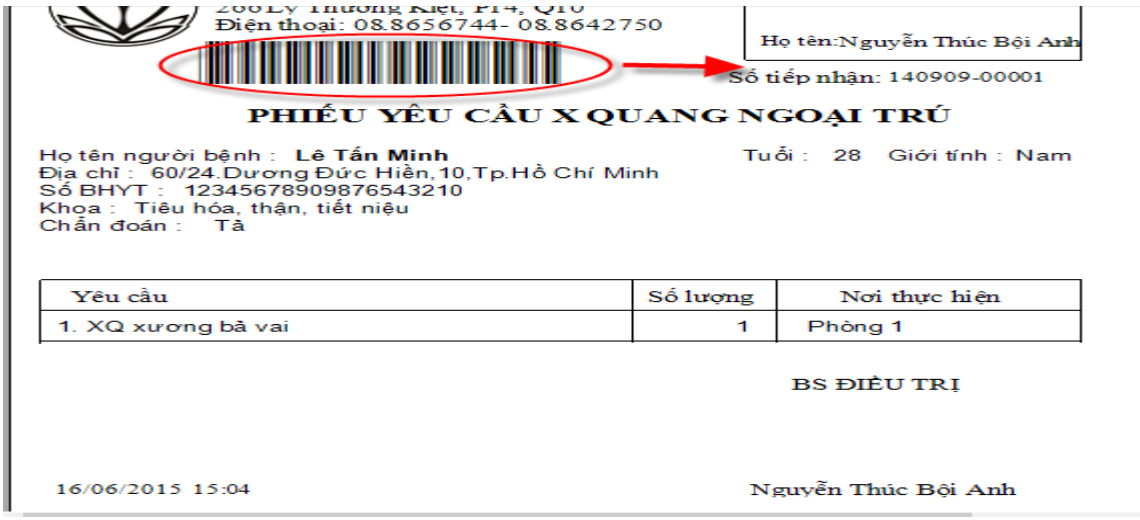

✓ Sau khi xác định chính xác thông tin bệnh nhân phần mềm sẽ hỏi là có muốn lấy thông tin từ phòng khám không:

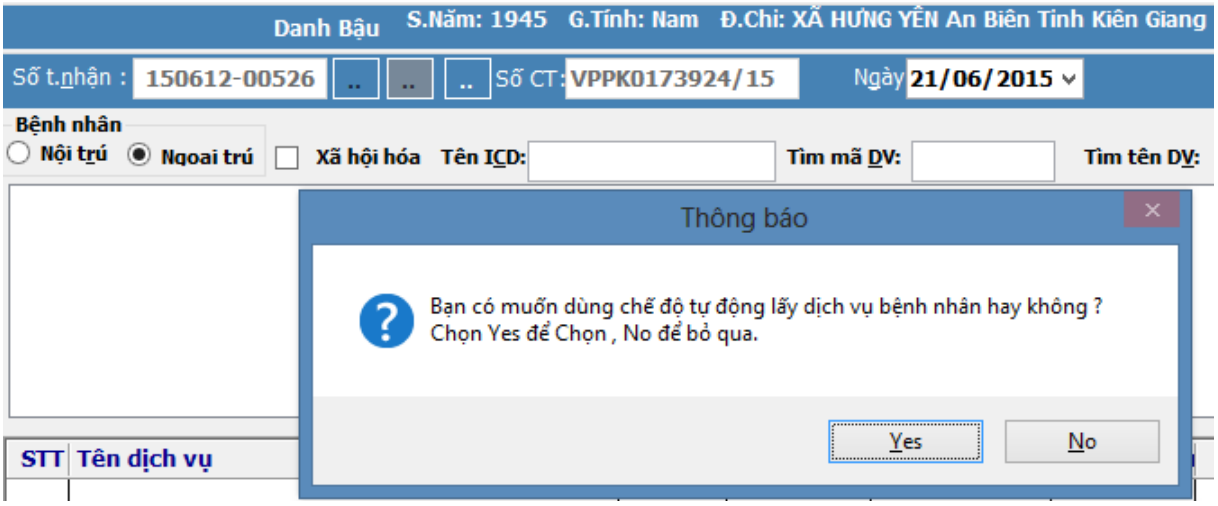

✓ Phần mềm sẽ tự động lấy tất cả các chỉ định từ phòng khám mà chưa được thu tiền (phần mềm tự động loại bỏ những dịch vụ đã ra chỉ định mà đã thu tiền rồi)

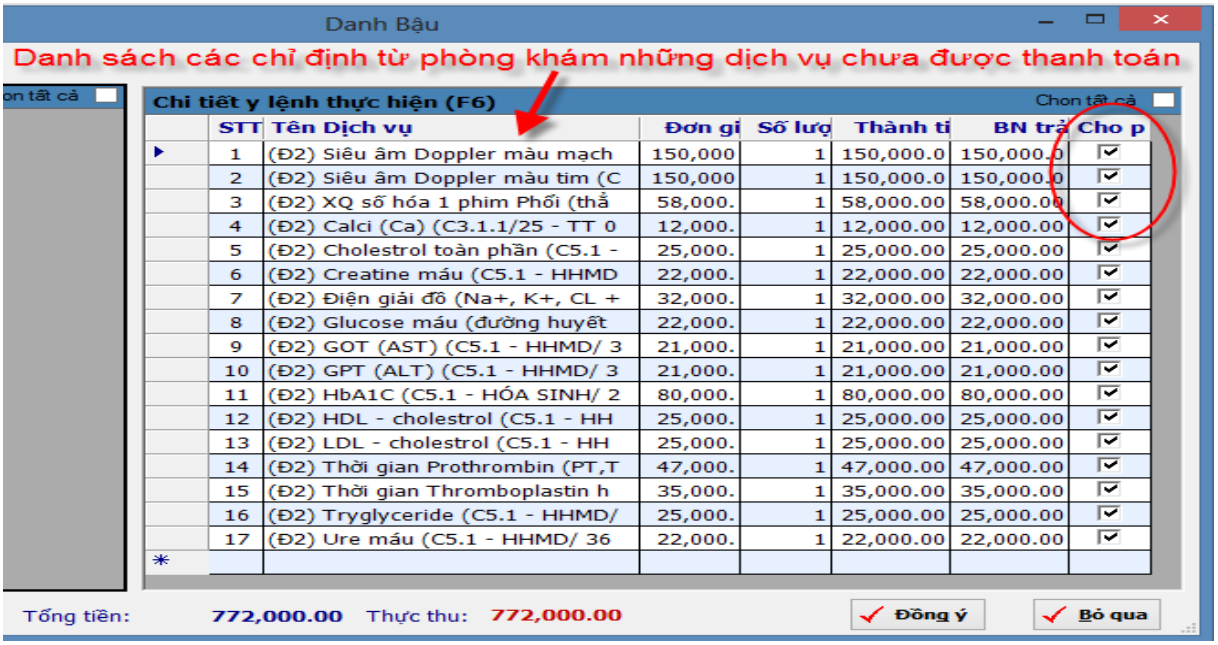

✓ Nếu cần bổ sung hay thay đổi gì thì người thu tiền có thể nhập thêm, thay đổi hoặc bỏ bớt dịch vụ:

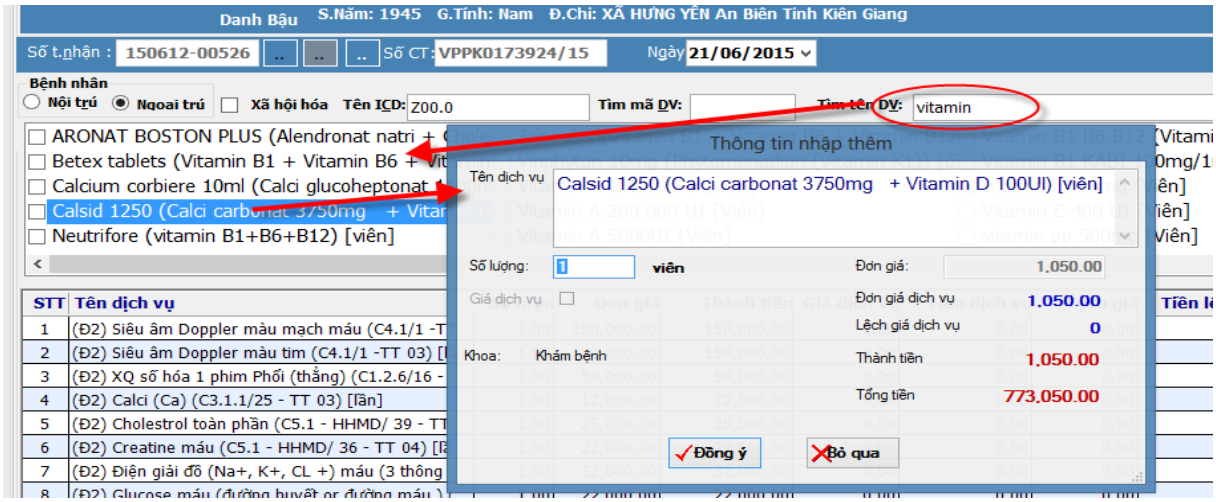

❒ *Đối với bệnh nhân bảo hiểm y tế*

- ✓ Đối với bệnh nhân báo hiểm y tế thì tại phòng khám sẽ in toan thuốc và chứng từ viện phí tại phòng khám cuối (trong trường hợp bệnh nhân khám nhiều phòng).
- ✓ Vì thế khi in chứng từ thanh toán BV01 phần mềm đã tự động phát sinh chứng từ viện phí chi tiết, bác sĩ ký tên, BHYT ký duyệt, trên chứng từ viện phí này đã in sẵn mã vạch là số chứng từ.

- ✓ Nếu số tiền thanh toán là chưa đến mức phải đóng thì bộ phận thu tiền viện phí sau khi kiểm tra chứng từ sẽ đóng dấu "Không cùng chi trả" đồng thời xác nhận trên phần mềm khi đó phần mềm sẽ khóa số liệu tại phòng khám không cho phép thêm, sửa, xóa.

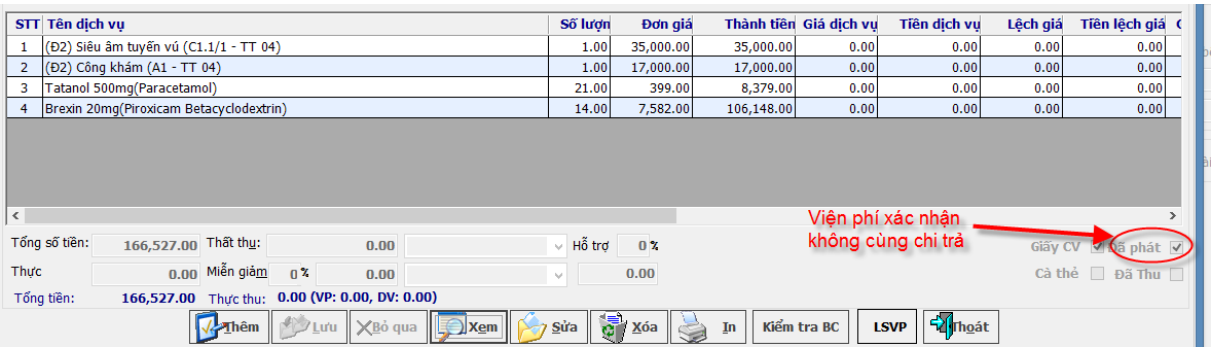

❒ ***Xác định phần trăm được hưởng BHYT (chung ngoại trú và nội trú)***

- ✓ Bảng qui định quyền lợi mức hưởng BHYT theo quyền lợi cũ (trước 2015) và mới (từ 01/01/2015):

Số TT	Mã thẻ	Mã Quyền lợi cũ	Mã quyền lợi mới
1	CC, TE	**1** (100%)	**1** (100%)
2	CK	**2** (100%)	**2** (100%)
3	QN, CY	**3** (100%)	**5** (100%)
4	CA	**3** (100%)	**5** (100%)
5	**CB, KC**	**7 (80%)**	**2 (100%)**
6	**HN, BT, DT**	**4 (95%)**	**2 (100%)**
7	**DK, XD, TS**	**4 (95%)**	**2 (100%)**
8	**HT**	**5 (95%)**	**3 (95%)**
9	**CN**	**6 (80%)**	**3 (95%)**

10	**TC**	**7 (80%)**	**3 (95%)**
11	DN, HX, CH, NN, TK, HC, XK, TB, NO, XB, TN, XN, MS, HD, TQ, TA, TY, HG, LS, HS, GD, **Thẻ mới:** CT,CS,SV,GB	**7 (80%)**	**4 (80%)**

- ✓ Mức hưởng bảo hiểm trái tuyến: bệnh nhân có thẻ BHYT trái tuyến khi nhập viện : **được hưởng 60%** chi phí điều trị nội trú theo mức quyền lợi được hưởng tùy đối tượng:

  Công thức tính:

  + Thẻ cùng chi trả 80%: Chi phí KCB x 60% x 80%

  + Thẻ cùng chi trả 95%: Chi phí KCB x 60% x 95%

  Đối với kỹ thuật cao: Khi xét 40 tháng lương tối thiểu

  (vd: Thẻ cùng chi trả 80%)

  + B1: Tính Tổng chi phí BHYT chi trả = Chi phí KCB x 60% x 80%

  + B2: Xét 40 tháng lương tối thiểu (40* 1.150.000 =46.000.000)

❒ ***Thành phố hỗ trợ 15% (chung ngoại trú và nội trú)***

- ✓ Đối với bệnh nhân BHYT thành phố HCM (mã tỉnh 79)
- ✓ Đúng tuyến hoặc trái tuyến có giấy chuyển viện
- ✓ Đối tượng cận nghèo mã CN
- ✓ Hoặc đối tượng GD có ít nhất 7 chữ số ở cuối trong ô địa chỉ trên thẻ BHYT.
- ✓ Nếu đối tượng BHYT (mã đối tượng đánh số từ 1-> 5 (thẻ mới, 1-7 với thẻ cũ) có tỷ lệ được hưởng BHYT + phần trăm hỗ trợ > 100% thì phần hỗ trợ bằng 100 – phần trăm được hưởng BHYT.

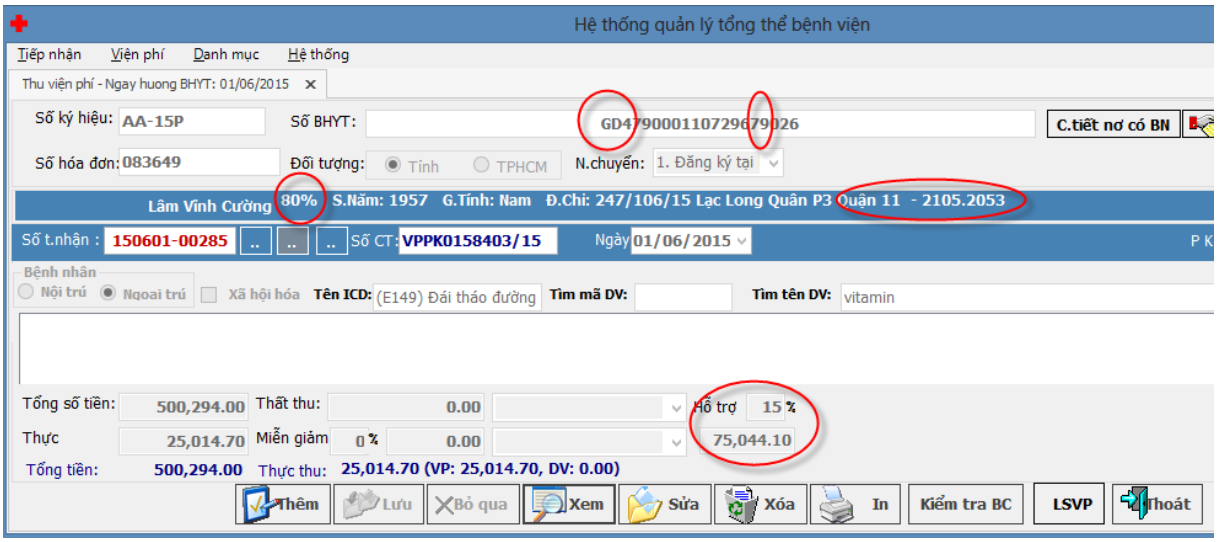

II.3.2.2. RC.1_Viện phí nội trú

- Chức năng này tương tự như thu viện phí ngoại trú dùng để lập chứng từ thu tiền của bệnh nhân nội trú.

❒ *Giao diện*

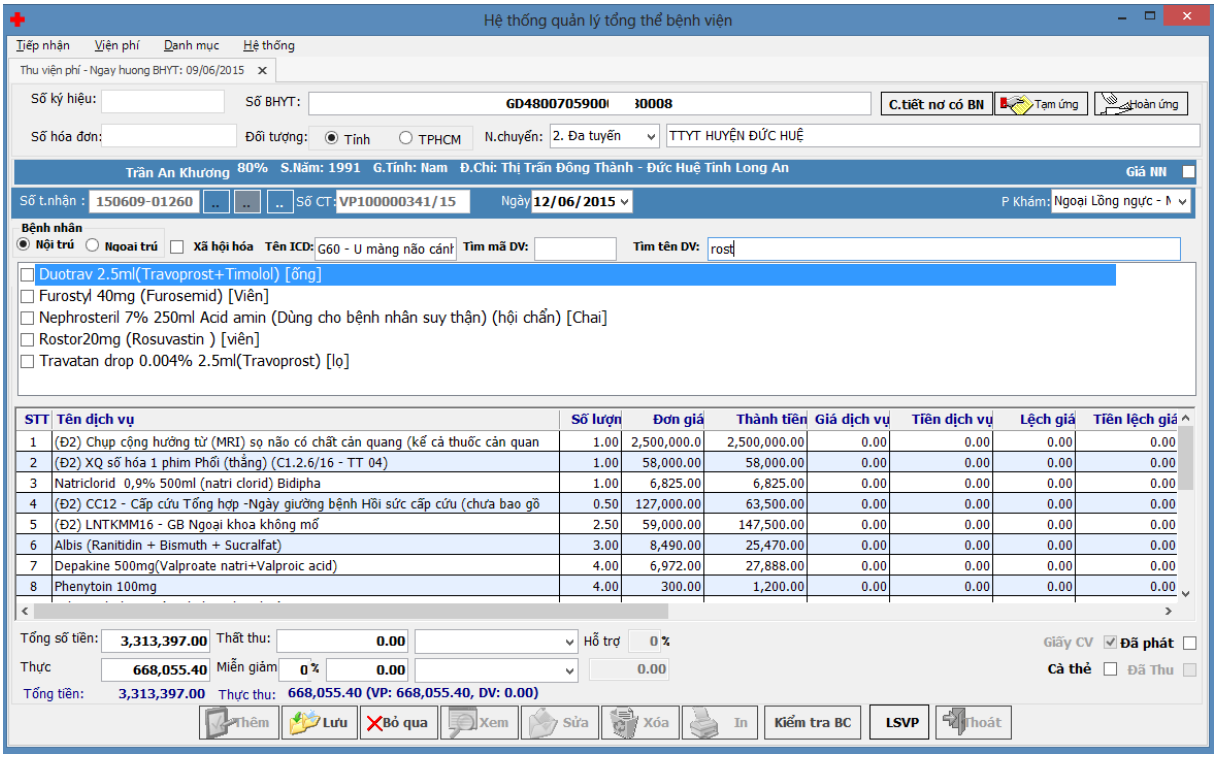

❒ *Các chức năng xử lý*

- ✓ Đối với bệnh nhân đối tượng thu phí (không có BHYT) thì hằng ngày hoặc 2 ngày một hoặc đến mức viện phí gần vượt số tiền tạm ứng thì các khoa nội trú sẽ tập hợp các dịch vụ sử dụng của bệnh nhân thành chứng từ thanh toán (viện phí khoa) và in "Phiếu tổng hợp thuốc y dụng cụ - XN – CLS". Phần mềm sẽ tự động đánh dấu các chứng từ chưa thanh toán để lập chứng từ viện phí.
- ✓ Đối với bệnh nhân BHYT vì yêu cầu của BHYT là 1 chứng từ thanh toán cho một đợt điều trị nên khi bệnh nhân xuất viện thì phần mềm cho phép tập hợp tất cả các chứng từ thanh toán từ các khoa để lập chứng từ viện phí.

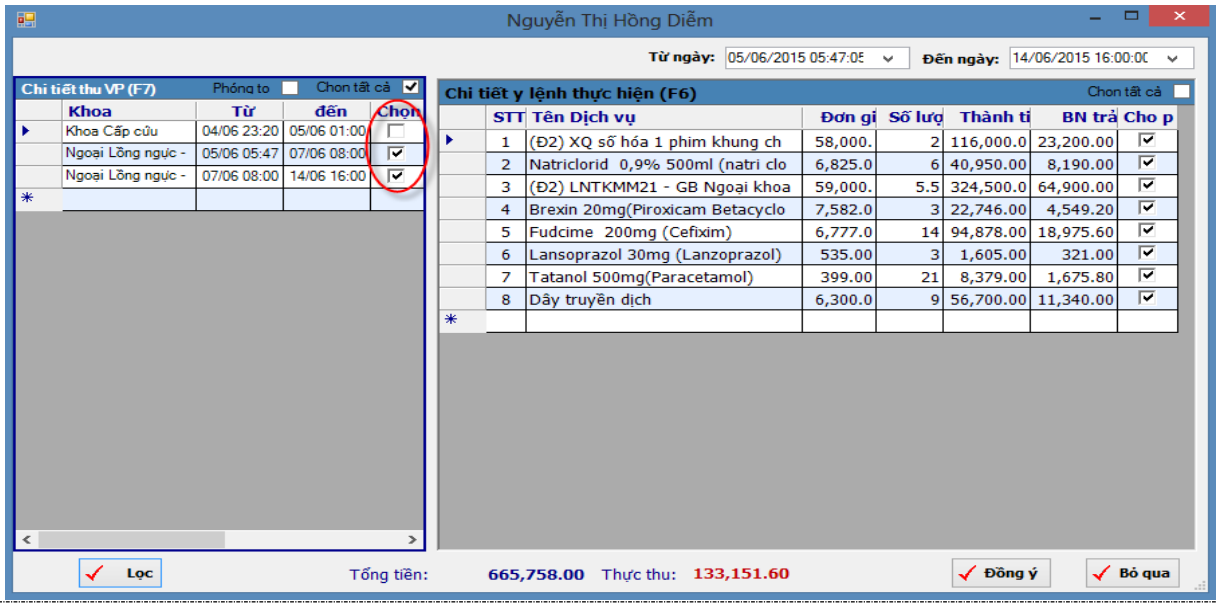

- ✓ Hóa đơn thu tiền: xem phần biểu mẫu RC.F.1_ Hóa đơn thu tiền
- ✓ Bảng kê viện phí chi tiết: RC.F.2_ In bảng kê viện phí BHYT (mẫu 01/BV)

II.3.2.3. RC.3_Danh sách chứng từ viện phí

- Thể hiện danh sách các bệnh nhân đã lập chứng từ thanh toán

❒ ***Giao diện***

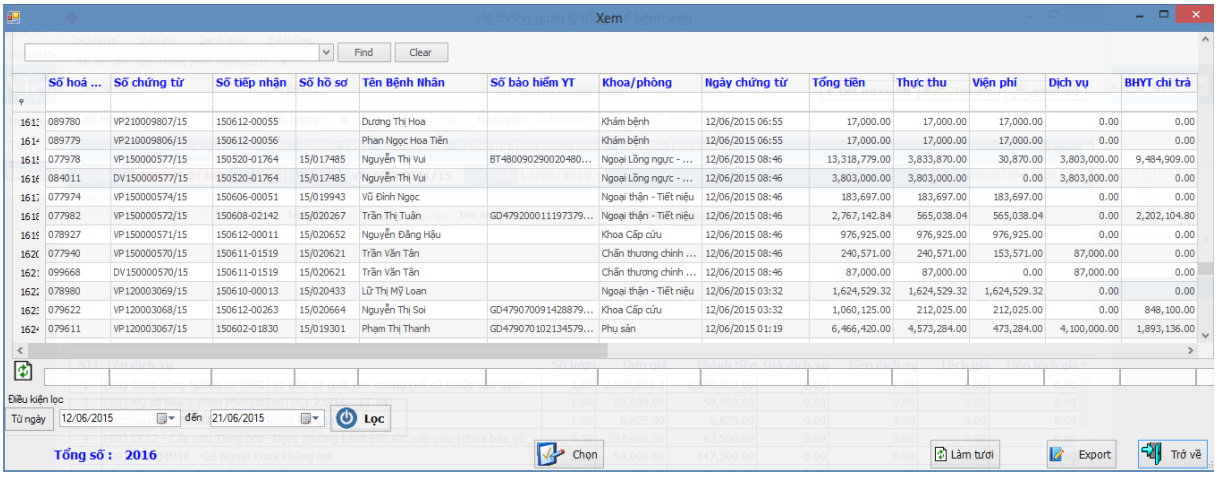

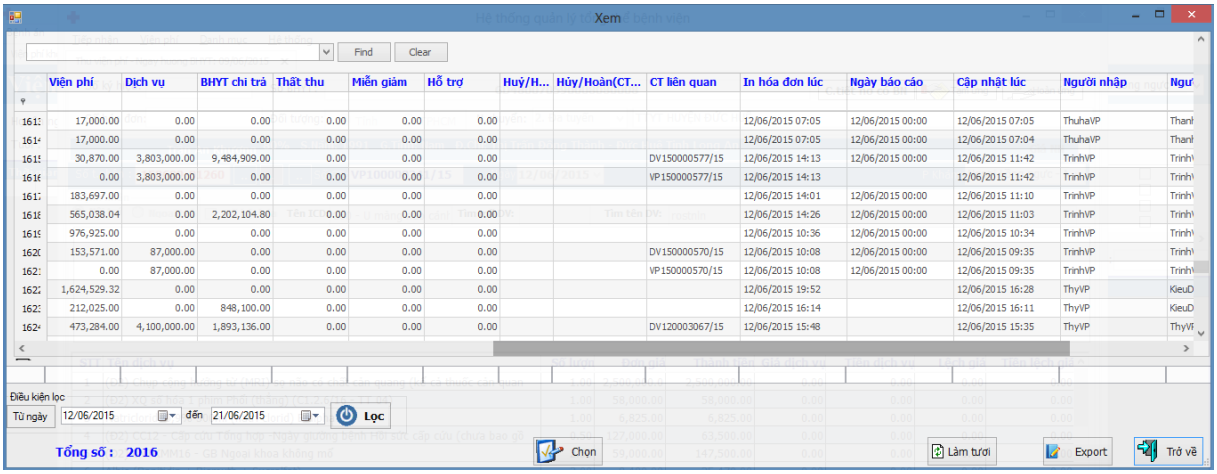

II.3.2.4. RC.4_Hủy, hoàn hóa đơn chứng từ viện phí

- Cho phép người thu tiền viện phí hủy, hoàn các hóa đơn, chứng từ viện phí đã lập.
- Hủy hóa đơn: khi các chứng từ viện phí đã được in hóa đơn (biên lai thu tiền), tuy nhiên sau đó có sự thay đổi mà chứng từ này chưa được báo cáo (còn trong ca làm việc) về phòng tài vụ thì nhân viên thu tiền sẽ thực hiện hủy hóa đơn, và phần mềm cho phép sao chép (copy) chứng từ này thành một chứng từ mới để nhân viên tiến hành thay đổi và đánh dấu hủy chứng từ cũ.
- Hoàn hóa đơn: tương tự như hủy hóa đơn, tuy nhiên hoàn là khi chứng từ này đã qua ngày (tức đã đã tiến hành báo cáo thu tiền cuối ngày).

❒ ***Thao tác thực hiện***

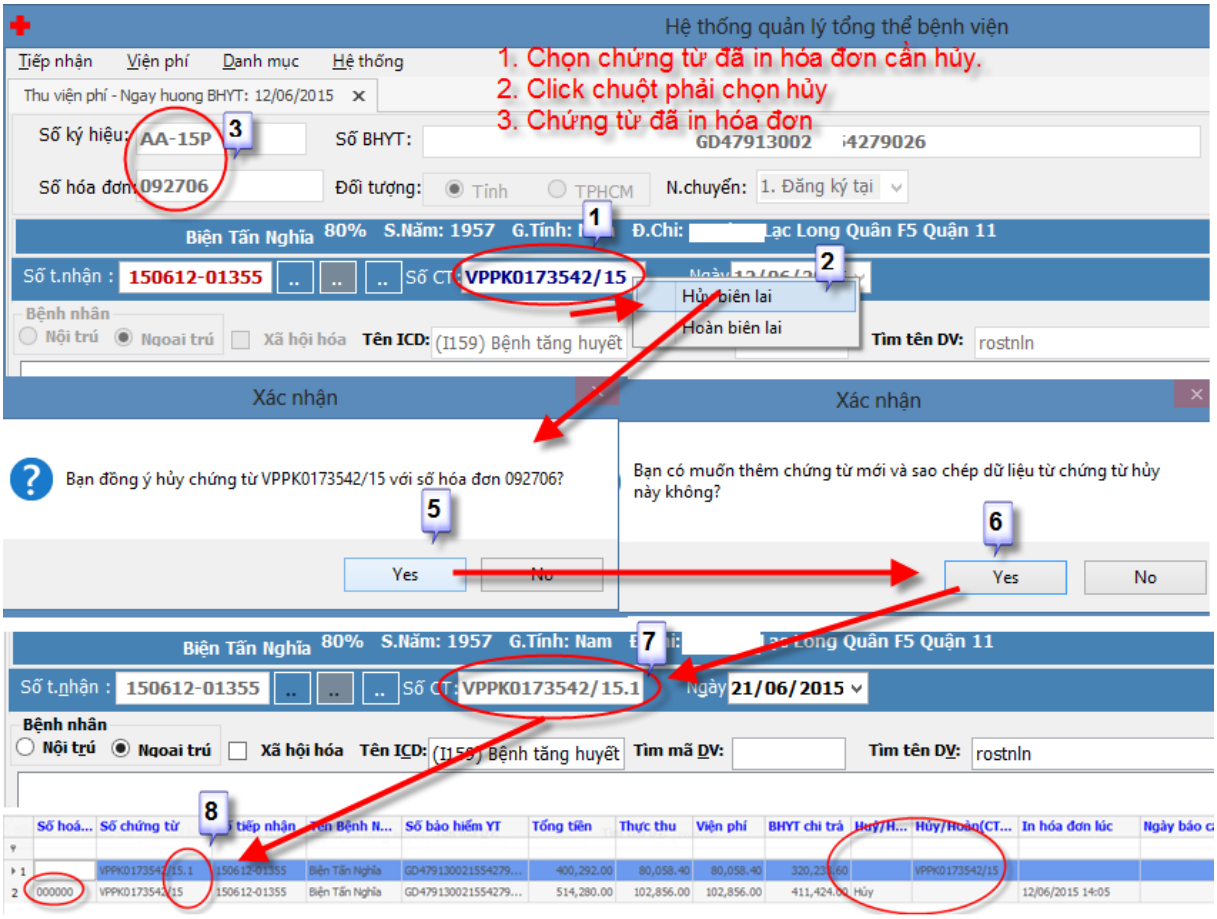

II.3.2.5. RC.5_Kiểm tra hóa đơn

- Quản lý, cập nhật thông tin số hóa đơn, ngày thu tiền (ngày giờ in hóa đơn), danh sách hóa đơn hủy trong ngày, lọc hóa đơn đã được báo cáo, chưa báo cáo.

❒ *Giao diện*

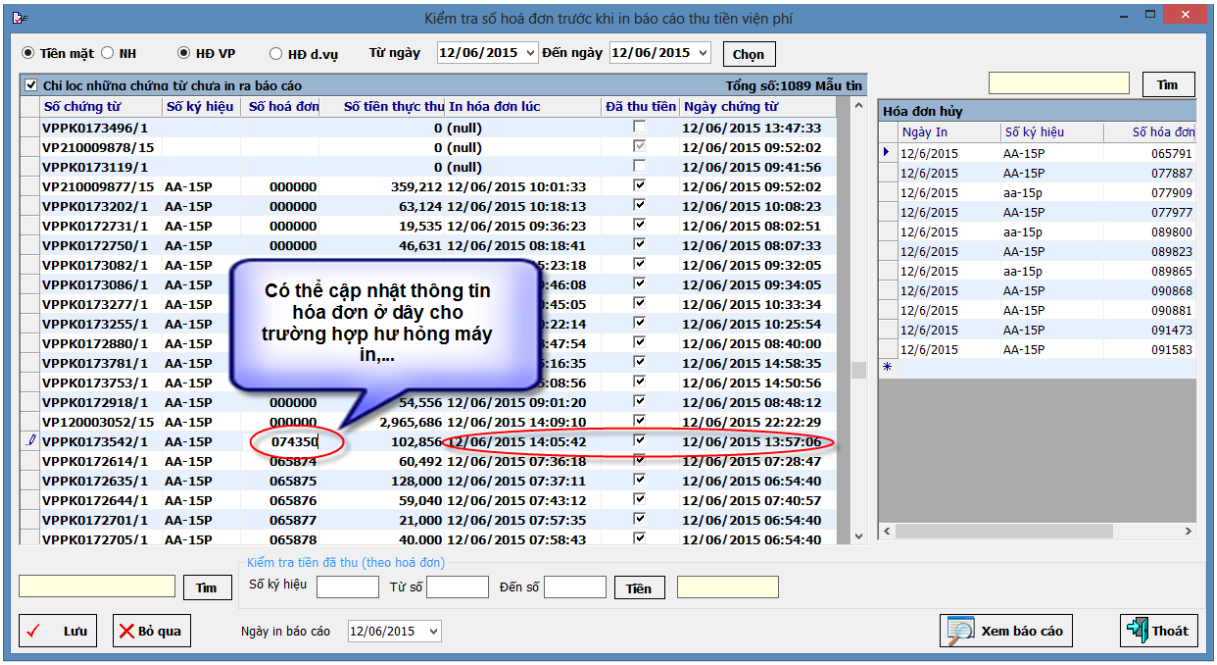

II.3.2.6. RC.6_Báo cáo thu tiền hằng ngày

- Dùng xem chi tiết công nợ của bệnh nhân.

❒ ***Giao diện***

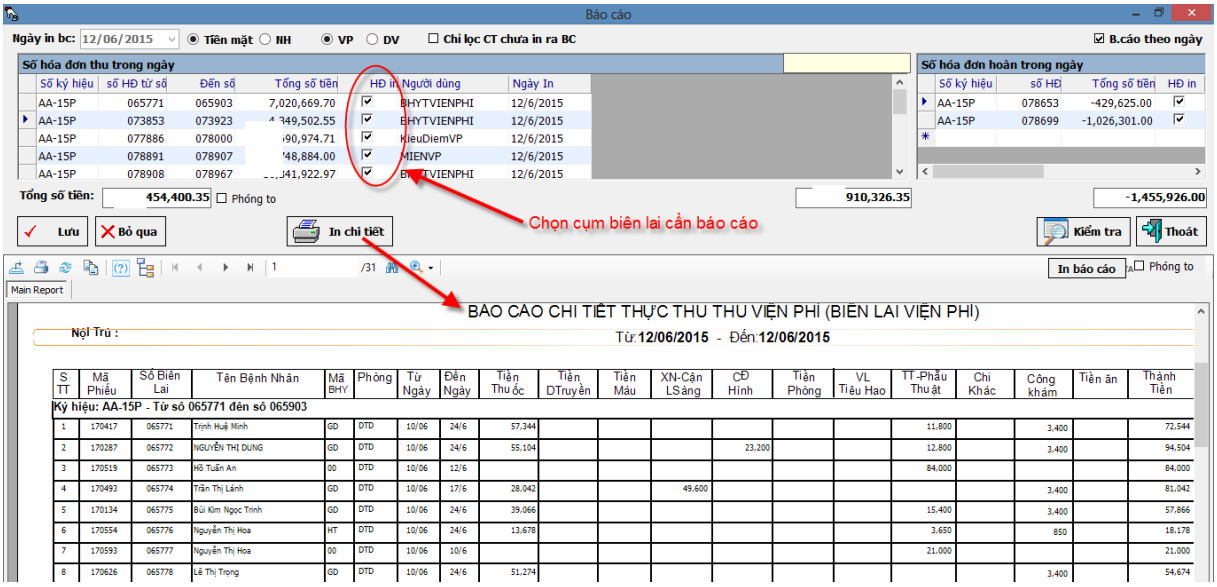

II.3.2.7. RC.7_Chi tiết công nợ bệnh nhân, tạm ứng, hoàn ứng

- Dùng xem chi tiết công nợ của bệnh nhân.

❒ ***Giao diện***

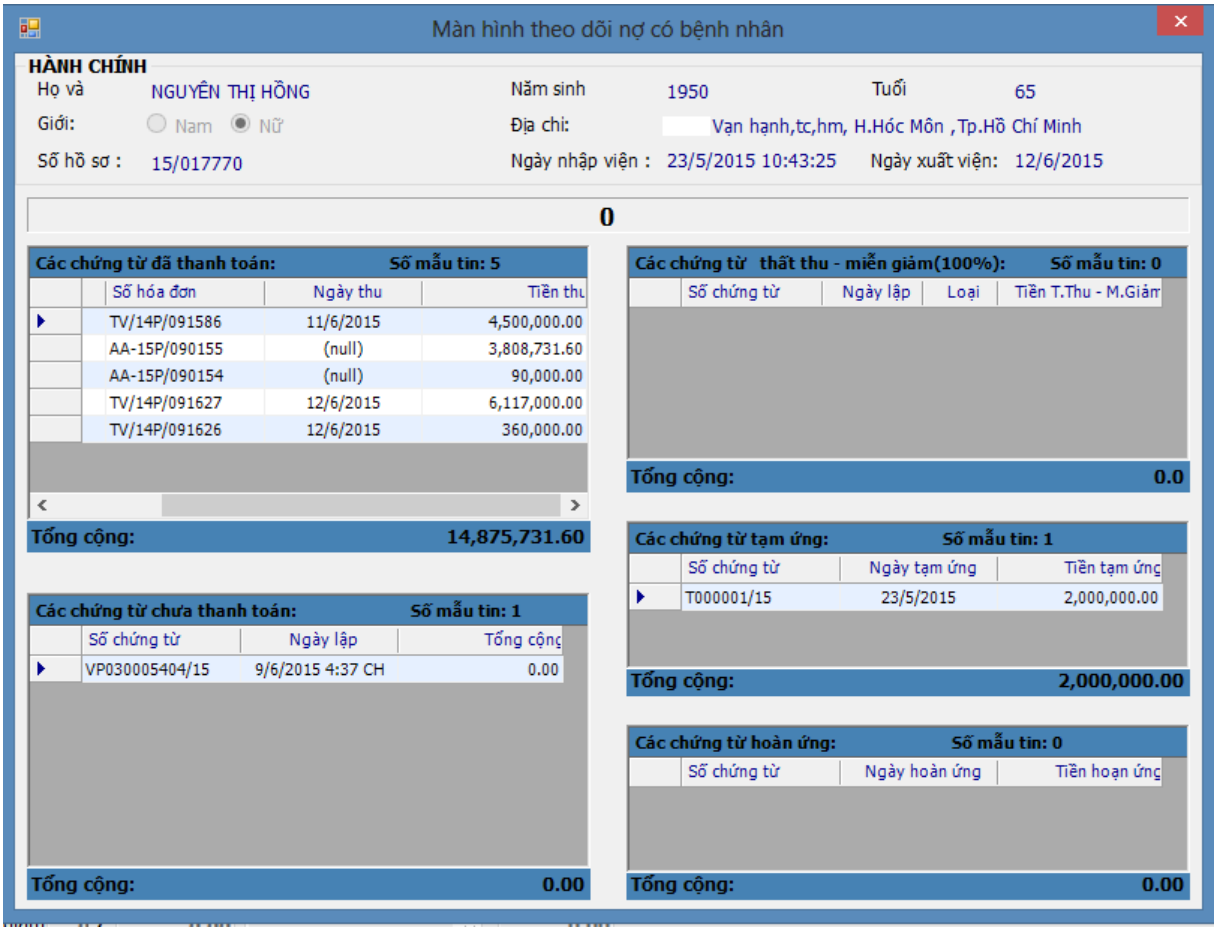

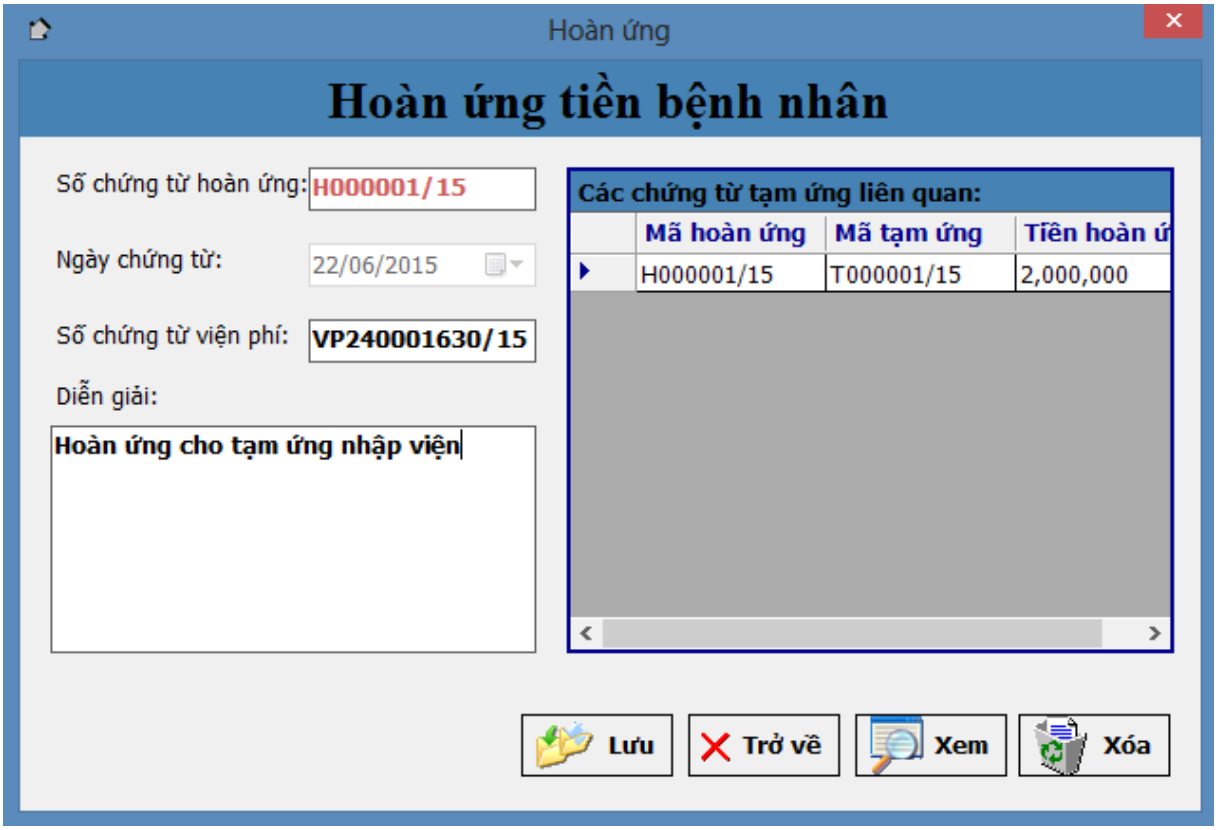

II.3.2.8. RC.8_ Bảng giá dịch vụ

- Dùng quản lý bảng giá dịch vụ.

❒ ***Giao diện***

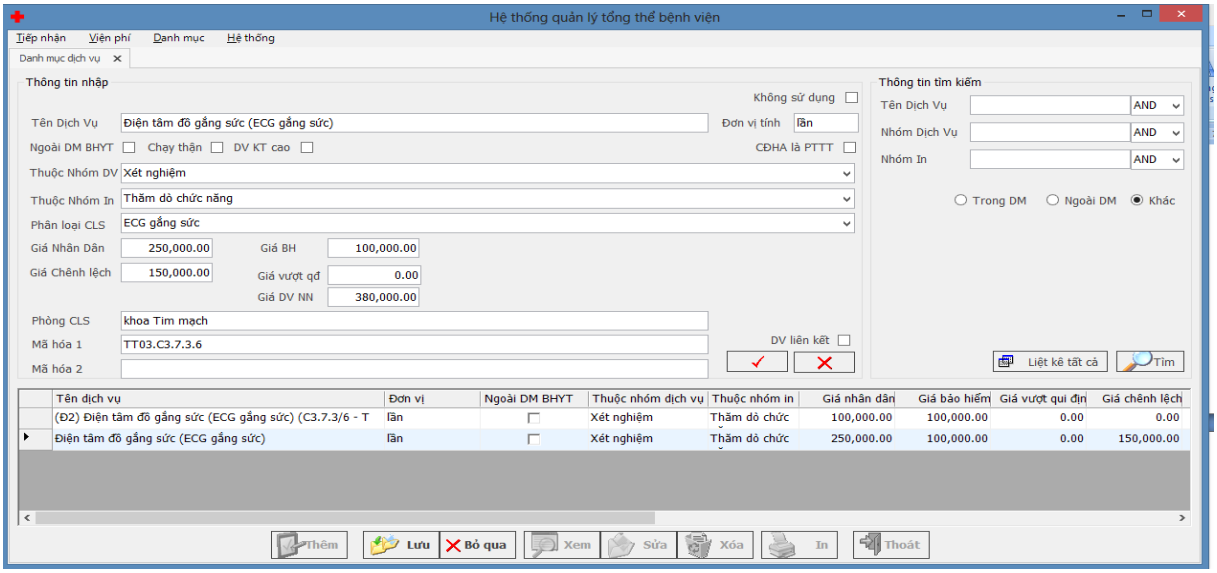

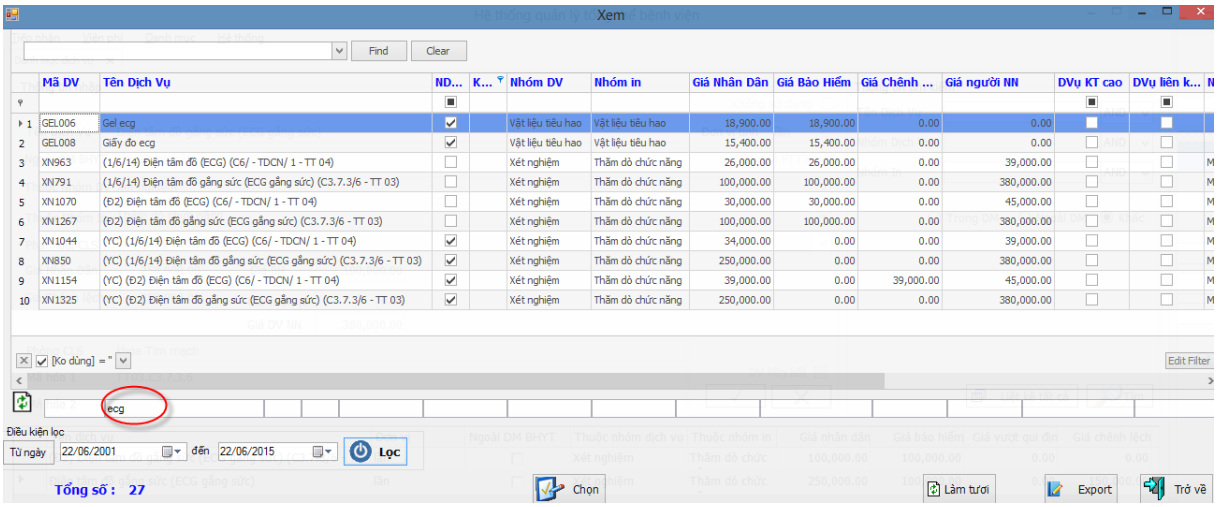

II.3.2.9. RC.F.1_ Hóa đơn thu tiền

- Hóa đơn viện phí in trên giấy in sẵn 3 liên.

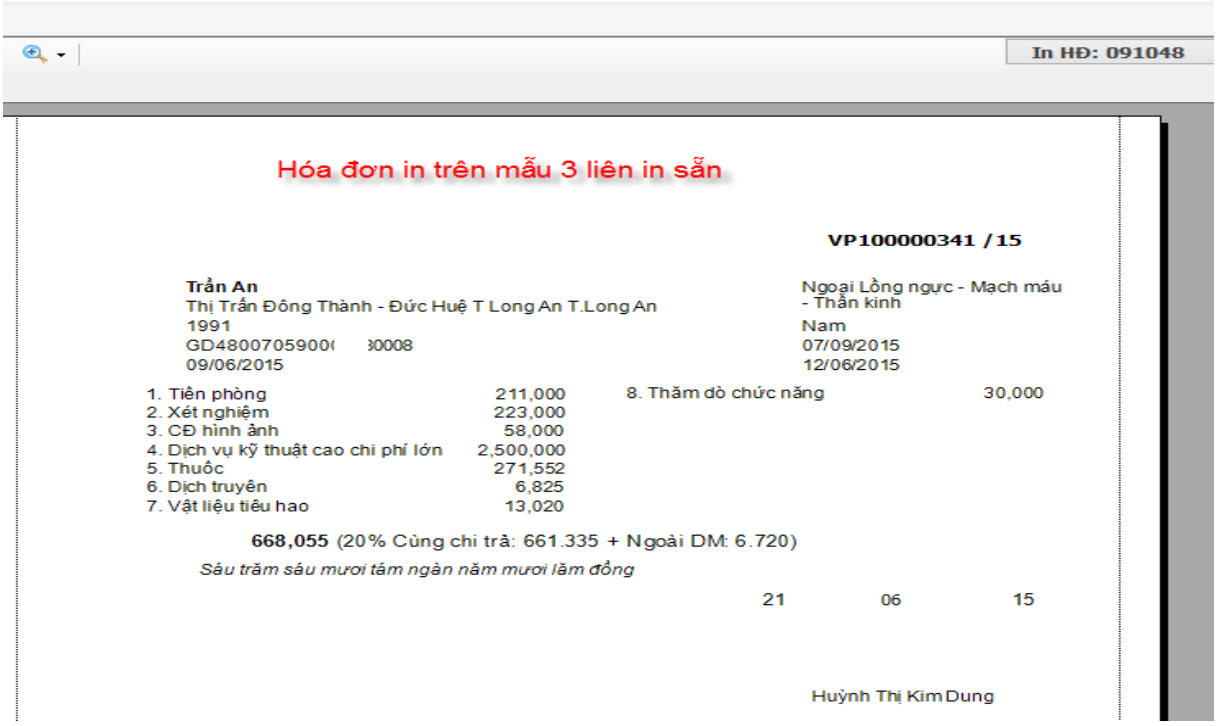

II.3.2.10. RC.F.2_ In bảng kê viện phí BHYT (mẫu 01/BV)

Sở Y tế: TP HỒ CHÍ MINH **BẢNG KÊ CHI PHÍ KHÁM, CHỮA BỆNH NỘI TRÚ** Mẫu số : 02/BV

BV: *Số chứng từ:* VP100000341 /15; Số BA: 15/020366

Khoa: Ngoại Lồng ngực - Mạch máu - Thần kinh MS BN: 70131115049092

Họ tên người bệnh: **Trần An** Năm sinh: 1991 Giới tính:Nam

Địa chỉ: Thị Trấn Đông Thành - Đức Huệ T Long An T.Long An -

Mã thẻ BHYT: GD48007059000)008 Giá trị từ: 08/06/2015 đến 07/09/2015

Cơ sở ĐK KCB ban đầu: TTYT Huyện Đức Huệ Mã số : 80008

Ngày vào viện: 9/6/2015 Ngày ra viện: 12/6/2015 Tổng số ngày ĐT : 3

Cấp cứu: [X] Đúng tuyến : [X] Nơi giới thiệu: Trái tuyến : [ ]

Chẩn đoán: G60 - U màng não cánh bé xương bướm trái

Nội dung	ĐVT	S.lg	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn thanh toán				
					Quỹ BHYT	Khác	Người bệnh trả		
							Chi phí BHYT	Ngoài DM	Lệch giá
Tiền phòng									
1 - (Đ2) CC12 - Cấp cứu Tổng hợp -Ngày giường bệnh Hồi sức cấp cứu (chưa bao gồm chi phí sử dụng máy thở)	ngày	0.5	127,000	63,500	50,800		12,700		
2 - (Đ2) LNTKMM16 - GB Ngoại khoa không mổ	ngày	2.5	59,000	147,500	118,000		29,500		
		Cộng		211,000	168,800		42,200		
Xét nghiệm									
3 - (Đ2) Điện giải đồ (Na+, K+, CL +) máu (3 thông số) (C5.1 - HHMD/ 34 - TT 04)	lần	1	32,000	32,000	25,600		6,400		
Thăm dò chức năng									
19 - (Đ2) Điện tâm đồ (ECG) (C6/ - TDCN/ 1 - TT 04)	lần	1	30,000	30,000	24,000		6,000		
		Cộng		30,000	24,000		6,000		
		Tổng cộng:		3,313,397	2,645,342		661,335	6,720	

Tổng chi phí ghi bằng chữ: *Ba triệu ba trăm mười ba ngàn ba trăm chín mươi bảy đồng*

Tổng chi phí đợt điều trị : 3,313,397

Tổng chi phí BHYT : 3,306,677

Số tiền Quỹ BHYT thanh toán : 2,645,342

Số tiền người bệnh trả : 668,055

Bằng chữ: Sáu trăm sáu mươi tám ngàn năm mươi lăm đồng

Biên lai số:

Ngày 21 tháng 06 năm 2015

NGƯỜI LẬP BẢNG KÊ **KẾ TOÁN VIỆN PHÍ**

Ngô Thị Hoa

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI BỆNH
(hoặc gia đình)

Ngày..... Tháng..... Năm.....
GIÁM ĐỊNH BHYT

Họ tên : .....

II.3.2.11. RC.R.1_ Báo cáo chi tiết thực thu hằng ngày theo cụm biên lai

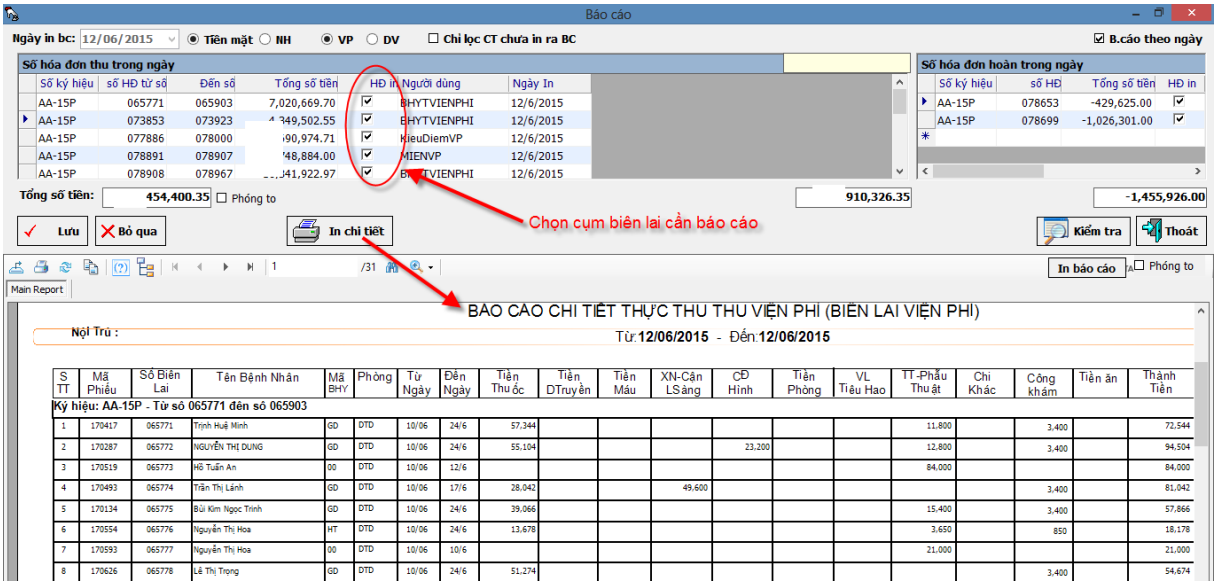

II.3.2.12. RC.R.2_ Báo cáo chi tiết thực thu theo khoa

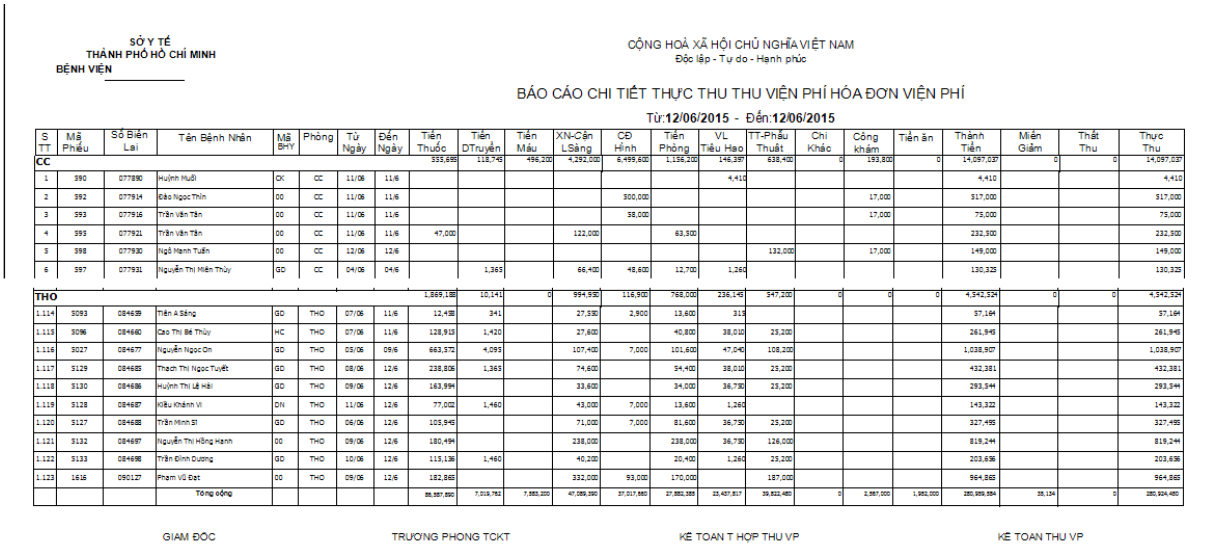

II.3.2.13. RC.R.3_ Báo cáo tổng hợp thực thu theo khoa

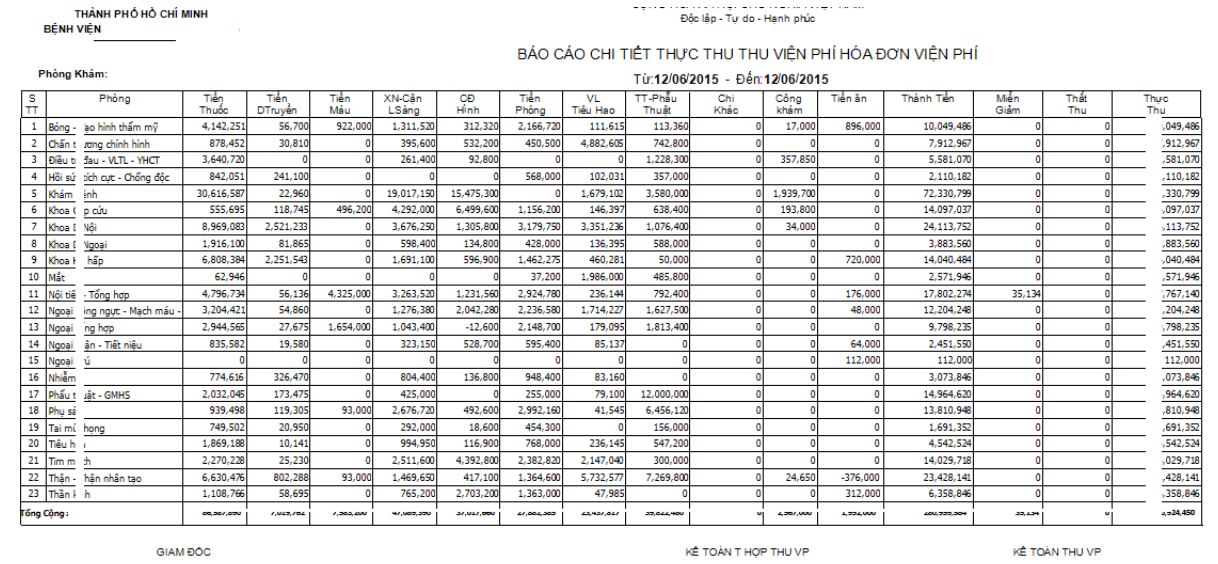

II.3.2.14. RC.R.4_ Báo cáo phân tích thực thu

SỞ Y TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG PHÂN TÍCH SỐ THỰC THU VIỆN PHÍ HÓA ĐƠN VIỆN PHÍ

Từ:**12/06/2015** - Đến:**12/06/2015**

STT	Phòng	Tiền Thuốc	Tiền DTruyền	Tiền Máu	XN-Cận LSàng	CĐ H'nh	Tiền Phòng	VL Tiêu Hao	TT Phẫu Thuật	Chi Khác	Công Khám	Tiền ăn	Loại Khám Bệnh	Thực Thu
1	Bỏng - Tạo hình thẩm mỹ	4,142,251	56,700	922,000	1,311,520	312,320	2,166,720	111,615	113,360	0	17,000	896,000		,049,490
2	Chấn thương chỉnh hình	878,452	30,810	0	395,600	532,200	450,500	4,882,605	742,800	0	0	0		,912,968
3	Điều trị đau - VLTL - YHCT	3,640,720	0	0	261,400	92,800	0	0	1,228,300	0	357,850	0		,581,070
4	Hồi sức tích cực - Chống độc	842,051	241,100	0	0	0	568,000	102,031	357,000	0	0	0		,110,182
5	Khám bệnh	30,616,587	22,960	0	19,017,150	15,475,300	0	1,679,102	3,580,000	0	1,939,700	0		,330,800
23	Tim mạch	2,270,228	25,230	0	2,511,600	4,392,800	2,382,820	2,147,040	300,000	0	0	0		,029,720
												51,632,65		,924,461

Chi tiết chẩn đoán hình ảnh

STT	Tên dịch vụ	Số Lượng	Thành Tiền	BHYT Trả	Thất Thu	Miễn Giảm	Thực Thu
1	CT Scan	37	6,682,500	17,355,500	0	0	,682,500
2	DSA	2	3,825,000	3,825,000	0	0	,825,000
3	MRI	8	6,800,000	9,200,000	0	0	,800,000
4	Siêu âm	309	13,765,100	12,124,900	0	0	,765,100
5	X quang	224	6,002,360	6,714,640	0	2,503	,999,857
		580	37,074,960	49,220,040	0	2,503	17,072,457

GIÁM ĐỐC | TRƯỞNG PHÒNG TCKT | KẾ TOÁN T HỢP THU VP | KẾ TOÁN THU VP

II.3.2.15. RC.R.10_ BHYT – Danh sách đề nghị thanh toán chi phí KCB ngoại trú 25A

SỞ Y TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN
oOo

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
oOo

Mẫu số : 25A/BHYT

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN CHI PHÍ KCB NGOẠI TRÚ

Từ ngày: **11/06/2015** - đến ngày: **12/06/2015**

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Số thẻ BHYT	Mã ĐK KCB BĐ	NGÀY KHÁM	Mã bệnh	Số phiếu thanh toán ra viện	Phòng Khám	CHI PHÍ KHÁM CHỮA BỆNH PHÁT SINH TẠI CƠ SỞ KCB: XN	CĐHA-TDCN	Thuốc, DT	Máu	TT,PT	VT YT	DVKT Cao	Thuốc K, thái ghép	Tiền Khám	CPVC	Khác	Tổng cộng	Ngân sách hỗ trợ (15%)	Người bệnh cùng chi trả	Chi phí đề nghị BHXH thanh toán	Thanh toán ngoài định xuất	Mã hoá	Mã bệnh phụ	Mã nơi KCB	Giá trị thẻ: Từ ngày	Đến ngày	Địa chỉ	Mức
A	B	C	D	E	G	H	I	K	L	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	15B	16	17	18	21	22	23	24
A	BỆNH NHÂN NỘI TỈNH KCB BAN ĐẦU																															
A																																
I	Nhóm I (mã thẻ DN, HX, CH, NN, TK, HC, XK)																															
1	Hoàng Kim Cúc	1966	Nữ	CH 4 0000	08.006 79026	BỆNH VIỆN CẤP CỨU TV	12/06	Z34	VPPK017291715	PKYC Số 6 Chín Gò		35,000	27,480					17,000			79,480			79,480		0	(Z34) TRẺ ĐẾN TRUẤT, PHỤ LÀ	79026	21/01/2015	20/06/2015	14 Đường Hồng Bàng F2	100
2	Trần Liết Chung Đại	1966	Nữ	CH 4 0000	08.006 79026	BỆNH VIỆN CẤP CỨU TV	11/06	M54.3	VPPK017286415	Chín Gò				83,000							83,000			83,000		0	(M54.3) Đau cổ lan xuống vai, vùng lưng, cột sống ngực, thắt lưng (M54.1) Đau lưng dây	79026	21/01/2015	21/12/2015	21 LÊ ĐẠI HÀNH F15 Tân Bình	100
2.326	Huỳnh Văn Minh	2000	Nam	HS 7 0000	10.009 52006	TTYT HUYỆN TUY PHƯỚC	12/06	B60	VPPK017158415	DTCH - Bông			213,960					17,000			230,960		46,192	184,768		0	(B60) Viêm màng não do Toxoplasma	52006	21/10/2014	20/09/2015	101 Lê Lai Long Phú Thành	80
	Cộng IV											213,960						17,000			230,960	,00 $	46,192	184,768								
	Tổng cộng I+II+III+IV+V+VI											851,150						51,000			902,150	,00 $	46,192	855,958								
												851,150						51,000			902,150	,00 $	46,192	855,958								
	Tổng cộng A+B+C									58,636,000	34,346,000	451,258,546		37,508,000			33,913,000			275,138,85	616,261,546	$ 88,275,556	527,706,851	3,175,281								

Số tiền đề nghị thanh toán (Viết bằng chữ):.....

Người lập | Trưởng phòng KHTH | Kế toán trưởng | Giám đốc

II.3.2.16. RC.R.11_ BHYT – Danh sách đề nghị thanh toán chi phí KCB nội trú 26A

SỞ Y TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN
---------- oOo----------

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
---------- oOo----------

Mẫu số : 26A/BHYT

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN CHI PHÍ KHÁM CHỮA BỆNH NỘI TRÚ

Từ ngày:11/06/2015 - đến ngày: 12/06/2015

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Số thẻ BHYT	Mã ĐK KCB BĐ	Mã bệnh	Số phiếu thanh toán ra viện	Số hồ sơ BA	Ngày vào viện	Ngày ra viện	Tổng số ngày điều trị	CHI PHÍ KHÁM CHỮA BỆNH PHÁT SINH TẠI CƠ SỞ KCB: XN	CEHA-TDCN	Thuốc, DT	Máu	TT, PT	VT YT	VTYT KTC	DVKT Cao	Thuốc K, thải ghép	Tiền giường	Tiền VC	Công khám	Tổng cộng	Ngân sách hỗ trợ 15%	Người bệnh cùng chi trả	Chi phí BHYT thanh toán	Tiền thanh toán ngoài định suất	Mã hoá	Mã bệnh phụ	Mã nơi KCB	Giá trị thẻ: Từ ngày	Đến ngày	Địa chỉ	Liệt kê khoa	Hỗ trợ tiền ăn	Mức
A	B	C	D	E	G	H	I	K	L	M	N	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	11B	12	13	14	15	15B	16	17	18	21	22	23	24	25	
A	BỆNH NHÂN NỘI TỈNH KCB BAN ĐẦU																																				
A.																																					
I	Nhãm I (mã thẻ DN, HX, CH, NN, TK, HC, XK)																																				
1	Trần Thị Oanh	1991	Nữ	DN 4 79 00 962 01289 79026	BỆNH VIỆN C.ẤP CỨU TV	B34.9	VP060005 057/15	S/C20062 2	08/06/2015	10/06/2015	3	323,000	88,000	11,908			6,300				136,000			535,208		107,041	428,164		0	Bệnh do Siêu vi gây viêm đường hô hấp trên	79026	01/01/2015	30/06/2015	Hà Tĩnh Lang Chánh Thanh Hóa Thanh Hóa	Tiêu hóa		50
2	Bùi Tấn Vỹ	1984	Nữ	DN 4 79 02 842 00796 79026	BỆNH VIỆN C.ẤP CỨU TV	J04.0	VP110001 310/15	S/C19969 7	08/06/2015	12/06/2015	5	40,000		1,003,294		108,000					206,500			1,354,794		270,959	1,083,835		0	Viêm thanh quản cấp do vi khuẩn	79026	01/01/2015	30/06/2015	Đồng Tháp Cao Lãnh Đồng Tháp	Tai mũi họng		50
162	Lý Tấn Kỳ	1981	Nữ	DD 7 89 01 832 05112 89001	BVĐK THÀNH PHỐ LONG XUYÊN	E11	VP070001 880/15	S/C15845 2	08/06/2015	12/06/2015	38	900,000		5,676,667	1	380,000					2,220,000			8,046,667		4,184,267	3,862,400		1	Đái tháo đường type 2 không kiểm soát biến chứng khác	89001	29/09/2014	28/09/2015	Ấp Mỹ Hòa, xã Tân Bình, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang	Tiêu hóa - Tiêu hóa		48
	Cộng V											1,131,000	70,000	5,156,455	1,796,000					2,751,000				10,546,455		5,652,177	5,254,318										
	Tổng cộng I+II+III+IV+V+VI											2,262,000	2,672,000	7,544,364	3,757,000	50,400				5,363,000				22,048,764		10,133,085	11,915,679										
												12,856,000.0	23,824,000	51,897,374	15,271,000	1,056,650				17,500,500				121,505,524		20,695,066	101,210,458										
	Tổng cộng A+B+C											97,787,000	86,234,000	263,152,810	87,715,500	7,764,453	60,900,000	18,380,000		104,360,500	170,000			737,610,261	975,333	111,071,740	625,563,181	16,889,520									

Số tiền đề nghị thanh toán (Viết bằng chữ):.....

Người lập	Trưởng phòng KHTH	Kế toán trưởng	Giám đốc
(ký, họ tên)	*(ký, họ tên)*	*(ký, họ tên)*	*(ký, họ tên)*

II.3.2.17. RC.R.21_Sở YT – Thống kê thuốc tân dược ngoại trú (20/BHYT/TT231)

Sở Y Tế TP Hồ Chí Minh
Bệnh Viện
***

Mẫu số 20/BHYT/TT31

THỐNG KÊ TỔNG HỢP THÀNH PHẨM TÂN TÂN DƯỢC

Từ ngày **11/06/2015** đến ngày **12/06/2015**
CHO NGƯỜI BỆNH BHYT ĐIỀU TRỊ NGOẠI TRÚ

STT	STT theo DMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Tên thành phẩm của thuốc	Số ĐK/ GPNK	Nồng độ hàm lượng	Đường dùng, dạng bào	Nhà sản xuất: Hãng SX	Nhà sản xuất: Nước SX	ĐV tính	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền	BV áp thầu
1	270	VIEN540	Acyclovir Boston 800mg (Aciclovir)	Aciclovir	Acyclovir Boston 800mg	VD-19769 -13	800mg	uống, Vi	Boston Pharma		viên	1,280	140	179,200	
2	532	GD004	Adalate 10mg(Nifedipin) (thuốc dành cho khoa thận)	Nifedipin	Adalate 10mg	VN-14010 -11	10mg	uống, vi	R.P Scherer GmbH & Co.KG, CHLB Đức	Đức	Viên	2,253	1	2,253	
162		VIEN519	Zoamco-A(Amlodipin 5mg+ Atorvastatin 10mg)	Amlodipin+	Zoamco-A		5mg+10m	uống, vi	PYMEPHARCO	Việt Nam	viên	3,150	21	66,150	
163	61	VIEN410	Zuryk 300mg (Allopurinol)	Allopurinol	Zuryk 300mg	VN-8207 - 09	300mg	uống, vi	Công Ty TNHH DP Đạt Vi Phú	Việt Nam	Viên	370	803	297,110	
											Tổng cộng		7	5,607	

Ngày..... tháng..... năm.....

Người lập	Trưởng khoa dược	Kế toán trưởng	GIÁM ĐỐC

II.4. Quản lý nội trú (lâm sàng)

II.4.1. Giới thiệu – Quy trình nghiệp vụ

- Nơi thực hiện :
- Các khoa nội
- Các khoa ngoại
- Khoa phẫu thuật
- Khoa gây mê - Hồi sức cấp cứu
- Tổng quan chung: Điều trị và tiếp nhận bệnh từ phòng khám bệnh, nơi khác đến và nội trú trong bệnh viện.

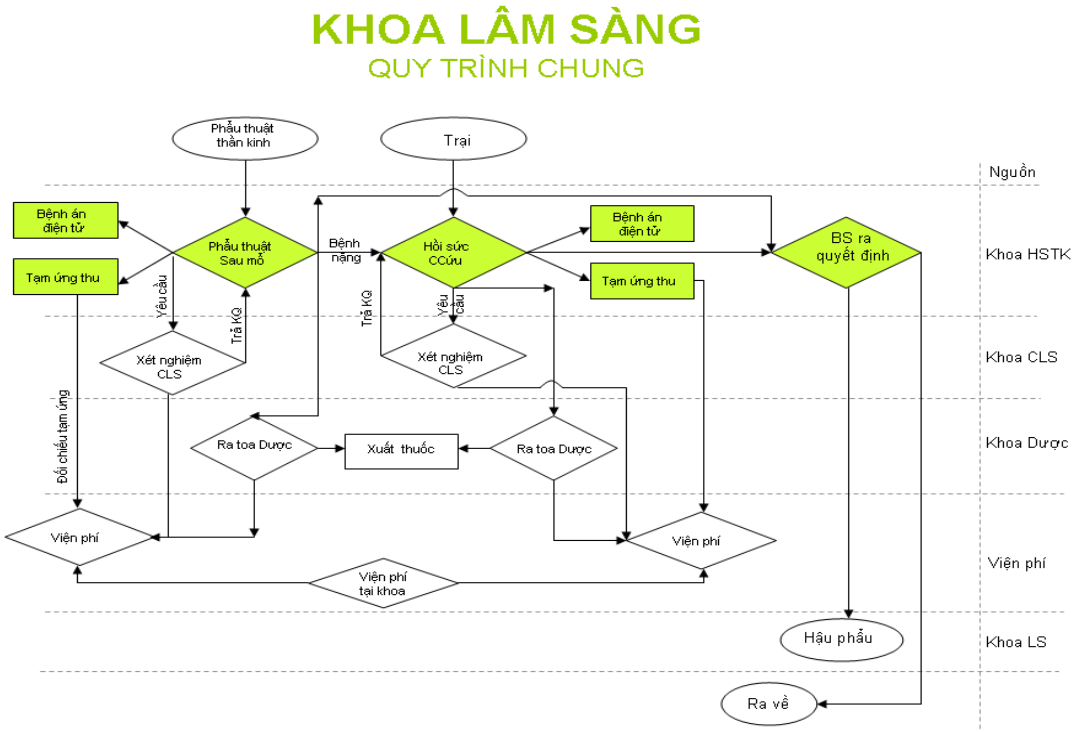

➢

II.4.2. Các màn hình chính

II.4.2.1. Quản lý thông tin bệnh án nội trú

- Tại các khoa nội trú, điều dưỡng sẽ nhập thông tin chăm sóc hàng ngày. Máy vi tính sẽ cho biết đầy đủ thông tin về bệnh nhân đang điều trị bất cứ thời điểm nào.Các thông tin của một bệnh nhân được nhập nhiều lần, do đó, chức năng tra cứu thông tin về bệnh nhân phải nhanh chóng, chính xác và cập nhật để cho phép cập nhật hay thay đổi thông tin về bệnh nhân này.
- Bệnh nhân sau khi đã xuất viện thì các thông tin của họ không được phép thay đổi (thời gian lưu trữ theo quy định của Bộ Y tế) và những thông tin này được sử dụng cho những lần khám và điều trị tiếp theo tại các bệnh viện khác.
- Hồ sơ bệnh án: (nội khoa, ngoại khoa, sản khoa)
- Thông tin người bệnh: vào viện, ra việt, chuyển khoa
- Trình trạng lúc ra viện
- Chuẩn đoán
- Lý do vào viện - hỏi bệnh
- Vào viện - Khám bệnh
- Vào viện – chuẩn đoán điều trị
- Tổng kế bệnh án

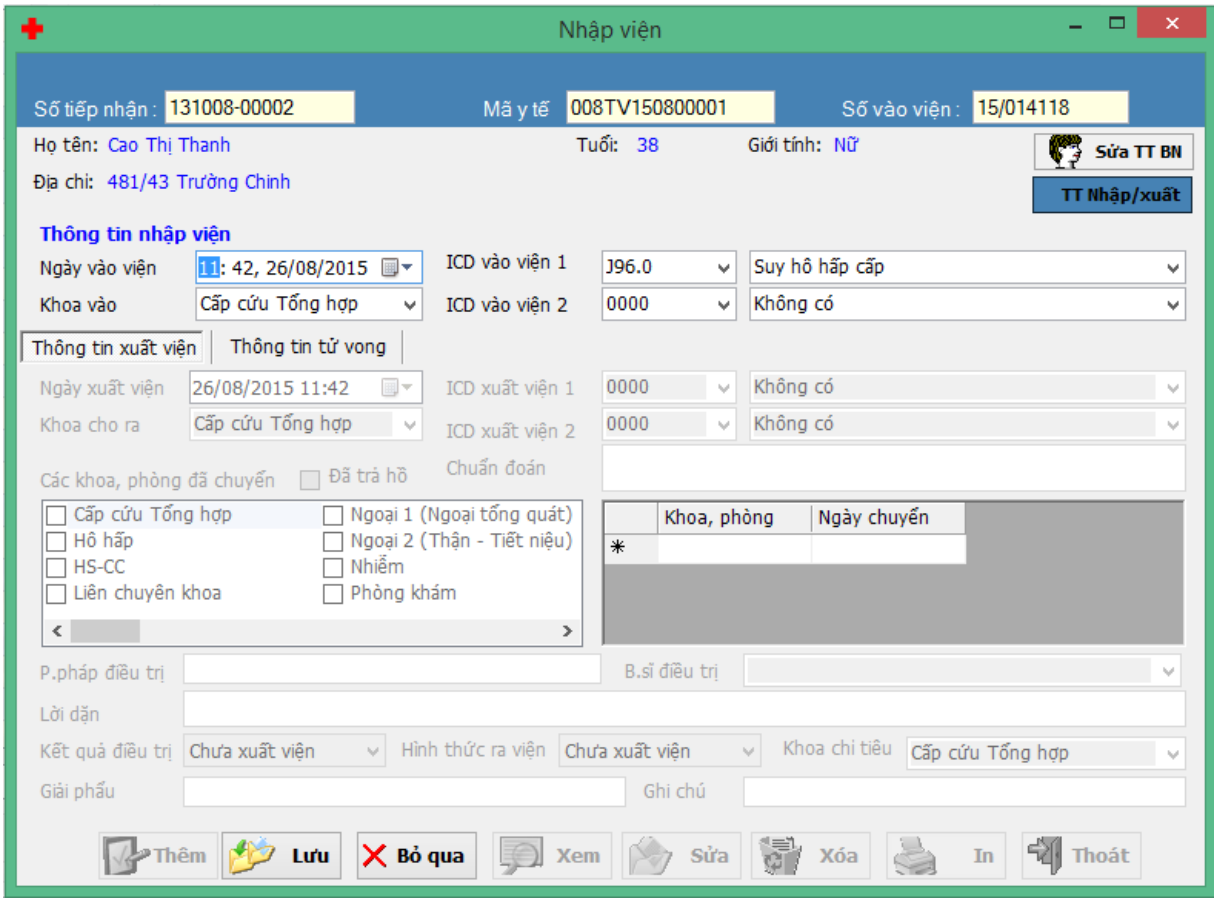
Nhập viện
Số tiếp nhận : 131008-00002
Mã y tế 008TV150800001
Số vào viện : 15/014118
Họ tên: Cao Thị Thanh
Tuổi: 38
Giới tính: Nữ
Sửa TT BN
Địa chỉ: 481/43 Trường Chinh
TT Nhập/xuất
Thông tin nhập viện
Ngày vào viện 11: 42, 26/08/2015
ICD vào viện 1 J96.0 Suy hô hấp cấp
Khoa vào Cấp cứu Tổng hợp
ICD vào viện 2 0000 Không có
Thông tin xuất viện
Thông tin tử vong
Ngày xuất viện 26/08/2015 11:42
ICD xuất viện 1 0000 Không có
Khoa cho ra Cấp cứu Tổng hợp
ICD xuất viện 2 0000 Không có
Các khoa, phòng đã chuyển
Đã trả hồ
Chuẩn đoán
Cấp cứu Tổng hợp
Hô hấp
HS-CC
Liên chuyên khoa
Ngoại 1 (Ngoại tổng quát)
Ngoại 2 (Thận - Tiết niệu)
Nhiễm
Phòng khám
Khoa, phòng
Ngày chuyển
P.pháp điều trị
B.sĩ điều trị
Lời dặn
Kết quả điều trị Chưa xuất viện
Hình thức ra viện Chưa xuất viện
Khoa chỉ tiêu Cấp cứu Tổng hợp
Giải phẫu
Ghi chú
Thêm
Lưu
Bỏ qua
Xem
Sửa
Xóa
In
Thoát

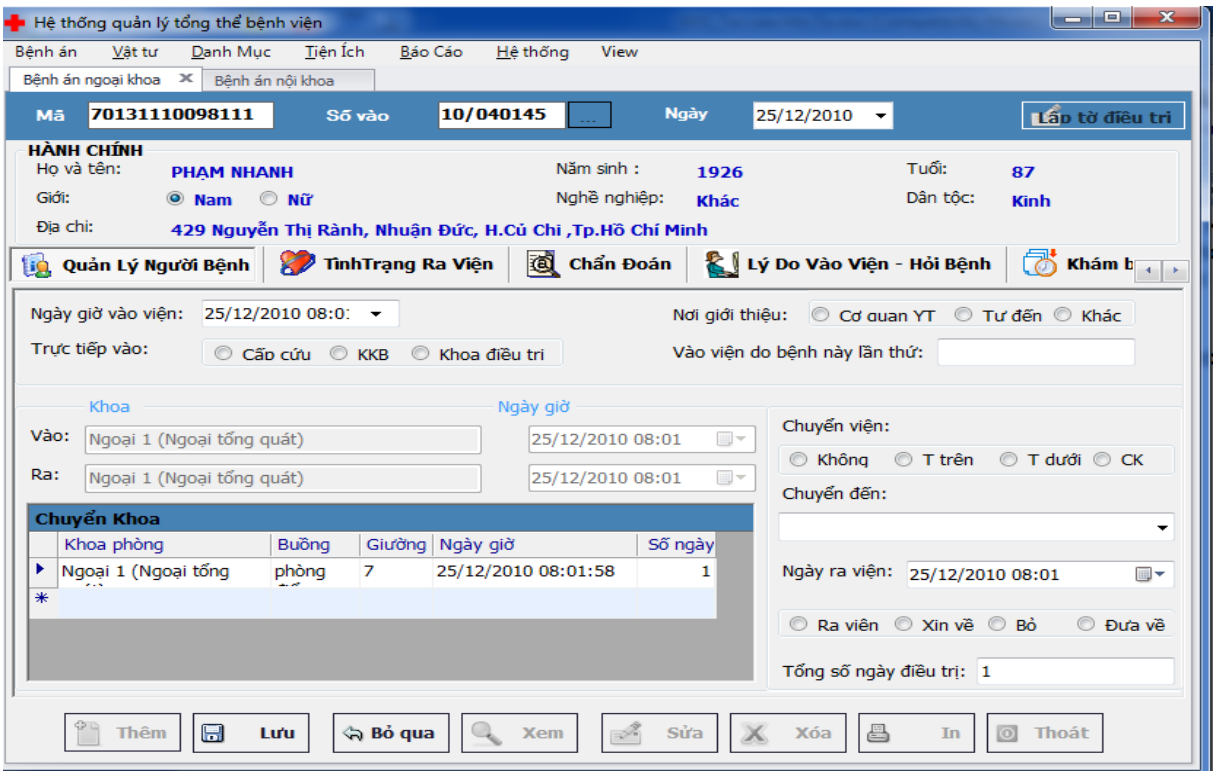
Hệ thống quản lý tổng thể bệnh viện
Bệnh án
Vật tư
Danh Mục
Tiện Ích
Báo Cáo
Hệ thống
View
Bệnh án ngoại khoa
Bệnh án nội khoa
Mã 70131110098111
Số vào 10/040145
Ngày 25/12/2010
Lập tờ điều trị
HÀNH CHÍNH
Họ và tên: PHẠM NHANH
Năm sinh : 1926
Tuổi: 87
Giới: Nam Nữ
Nghề nghiệp: Khác
Dân tộc: Kinh
Địa chỉ: 429 Nguyễn Thị Rành, Nhuận Đức, H.Củ Chi ,Tp.Hồ Chí Minh
Quản Lý Người Bệnh
TìnhTrạng Ra Viện
Chẩn Đoán
Lý Do Vào Viện - Hỏi Bệnh
Ngày giờ vào viện: 25/12/2010 08:0
Nơi giới thiệu: Cơ quan YT Tự đến Khác
Trực tiếp vào: Cấp cứu KKB Khoa điều trị
Vào viện do bệnh này lần thứ:
Khoa
Ngày giờ
Vào: Ngoại 1 (Ngoại tổng quát) 25/12/2010 08:01
Ra: Ngoại 1 (Ngoại tổng quát) 25/12/2010 08:01
Chuyển viện:
Không T trên T dưới CK
Chuyển đến:
Chuyển Khoa
Khoa phòng
Buồng
Giường
Ngày giờ
Số ngày
Ngoại 1 (Ngoại tổng
phòng
7
25/12/2010 08:01:58
1
Ngày ra viện: 25/12/2010 08:01
Ra viện Xin về Bỏ Đưa về
Tổng số ngày điều trị: 1
Thêm
Lưu
Bỏ qua
Xem
Sửa
Xóa
In
Thoát

Quản Lý Người Bệnh | TìnhTrạng Ra Viện | Chẩn Đoán | Lý Do Vào Viện - Hỏi Bệnh | Khám bệnh

Kết quả điều trị: Khỏi

Giải phậu bệnh: Không có / Lành tính / Nghi ngờ / Ác

TÌNH HÌNH TỬ VONG

Ngày giờ: 25/12/2010 05:35 — Do bệnh / Do tai biến điều trị / Khá

Trạng thái tử vong:

Nguyên nhân TV chính:

Khám nghiệm tử thi:

Chẩn đoán giải phẫu tử thi:

Quản Lý Người Bệnh | TìnhTrạng Ra Viện | Chẩn Đoán | Lý Do Vào Viện - Hỏi Bệnh | Khám bệnh

CHẨN ĐOÁN — MÃ ICD

Nơi chuyển đến:

KKB. Cấp cứu:

Khi vào khoa ĐT:

Tai biến — Biến chứng — Phẫu thuật — Gây — Nhiễm khuẩn — Khá

Tổng số ngày điều trị sau khi phẫu thuật: — Tổng số lần phẫu thuật: — MÃ ICD

RA VIỆN

Bệnh chính:

B kèm theo:

Chẩn đoán trước PT

Chẩn đoán sau PT:

Quản Lý Người Bệnh | TìnhTrạng Ra Viện | Chẩn Đoán | Lý Do Vào Viện - Hỏi Bệnh | Khám bệnh

Lý do vào viện: — Vào ngày thứ — của bệnh

HỎI BỆNH

1. Quá trình bệnh lý: (khởi phát, diễn biến, chẩn đoán, điều trị của tuyến dưới v.v..)

2. Tiền sử bệnh: Bản thân

STT	Ký hiệu		T.Gian (theo tháng)	STT	Ký hiệu		T.Gian (theo tháng)
01	Dị ứng			04	Thuốc lá		
01	Ma túy			05	Thuốc lào		
01	Rượu bia			06	Khác		

Gia đình:(Những người trong gia đình: bệnh đã mắc, đời sống, tinh thần, vật chất v.v..)

TìnhTrạng Ra Viện | Chẩn Đoán | Lý Do Vào Viện - Hỏi Bệnh | Khám bệnh | Khám Bệnh(tt)

1. Toàn thân: (ý thức, da niêm mạc, hệ thống hạch, tuyến giáp, vị trí, kích thước, số lượng, di động v.v..)

2. Bệnh ngoại khoa:

3. Các cơ quan

Tuần hoàn:

Chẩn đoán định kỳ

	Mạch(lâ	Nhiệt Độ	Huyết áp	Nhịp Thở	Cân nặng
*					

Hô hấp:

Tiêu hóa:

Thận tiết niệu - sinh dục:

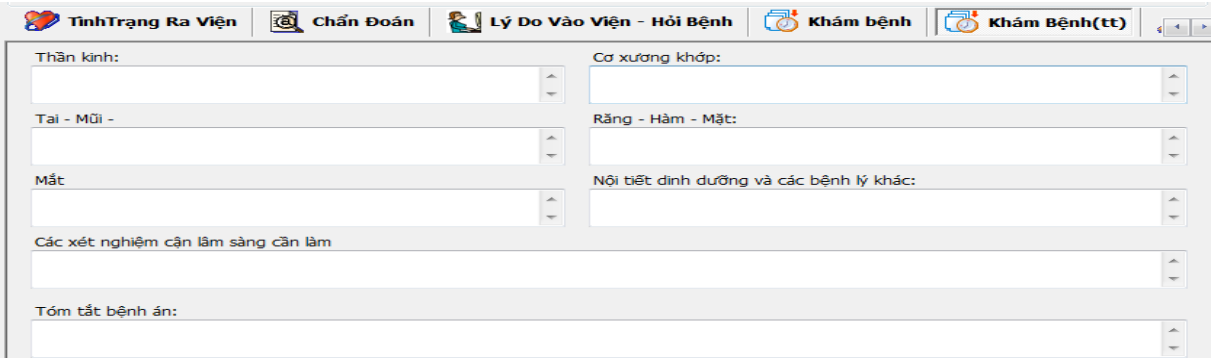

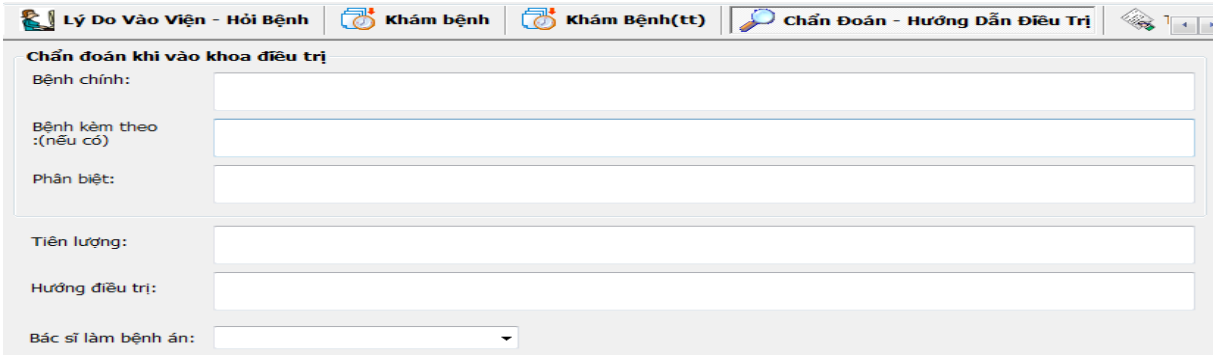

- **Quy trình nhập viện**
  - Vào màn hình nhập xuất viện từ menu : Nhập viện , chọn bệnh nhân chưa nhập viện.
  - Nếu đã chọn buồng giường cho bệnh nhân thì chỉ khoa đó mới có thể nhập thông tin cho bệnh nhân.
  - Chuyển khoa cho bệnh nhân vào màn hình chuyển khoa. Khoa được chuyển tới sẽ điều chỉnh buồng giường cho bệnh nhân. Nếu khoa cũ chuyển nhầm có thể điều chỉnh lại nếu khoa chuyển đến chưa chọn buồng giường.
- Danh sách bệnh nhân nội trú

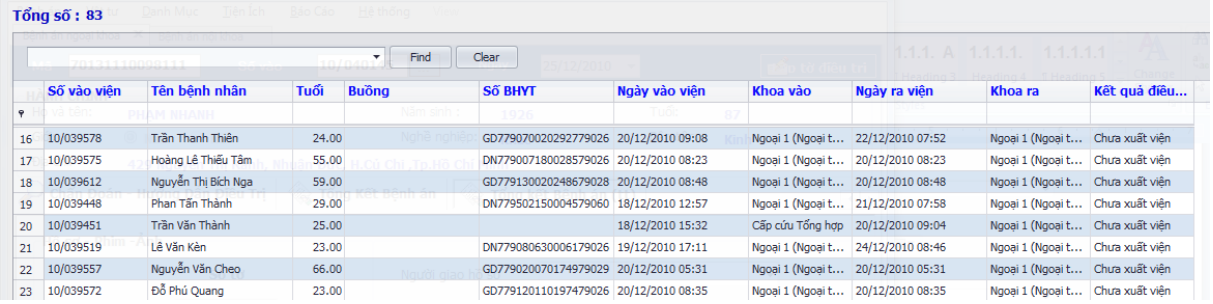

	Số vào viện	Tên bệnh nhân	Tuổi	Buồng	Số BHYT	Ngày vào viện	Khoa vào	Ngày ra viện	Khoa ra	Kết quả điều...
16	10/039578	Trần Thanh Thiên	24.00		GD779070020292779026	20/12/2010 09:08	Ngoại 1 (Ngoại t...	22/12/2010 07:52	Ngoại 1 (Ngoại t...	Chưa xuất viện
17	10/039575	Hoàng Lê Thiếu Tâm	55.00		DN779007180028579026	20/12/2010 08:23	Ngoại 1 (Ngoại t...	20/12/2010 08:23	Ngoại 1 (Ngoại t...	Chưa xuất viện
18	10/039612	Nguyễn Thị Bích Nga	59.00		GD779130020248679028	20/12/2010 08:48	Ngoại 1 (Ngoại t...	20/12/2010 08:48	Ngoại 1 (Ngoại t...	Chưa xuất viện
19	10/039448	Phan Tấn Thành	29.00		DN779502150004579060	18/12/2010 12:57	Ngoại 1 (Ngoại t...	21/12/2010 07:58	Ngoại 1 (Ngoại t...	Chưa xuất viện
20	10/039451	Trần Văn Thành	25.00			18/12/2010 15:32	Cấp cứu Tổng hợp	20/12/2010 09:04	Ngoại 1 (Ngoại t...	Chưa xuất viện
21	10/039519	Lê Văn Kèn	23.00		DN779080630006179026	19/12/2010 17:11	Ngoại 1 (Ngoại t...	24/12/2010 08:46	Ngoại 1 (Ngoại t...	Chưa xuất viện
22	10/039557	Nguyễn Văn Cheo	66.00		GD779020070174979029	20/12/2010 05:31	Ngoại 1 (Ngoại t...	20/12/2010 05:31	Ngoại 1 (Ngoại t...	Chưa xuất viện
23	10/039572	Đỗ Phú Quang	23.00		GD779120110197479026	20/12/2010 08:35	Ngoại 1 (Ngoại t...	20/12/2010 08:35	Ngoại 1 (Ngoại t...	Chưa xuất viện

II.4.2.2. Tờ điều trị

- Mỗi ngày bác sĩ sẽ ra y lệnh cho bệnh nhân. Hằng ngày các điều dưỡng sẽ dựa vào y lệnh của bác sĩ để phát thuốc cho bệnh nhân
- Theo dõi diễn biến bệnh, y lệnh hằng ngày (sáng, trưa, chiều, tối)
    - Lập y lệnh:
        - Kê toan thuốc
        - Công khai vật tư
    - In:
        - Công khai thuốc
        - Công khai vật tư
        - Toa thuốc xuất viện
- Thông tin chi tiết:

-

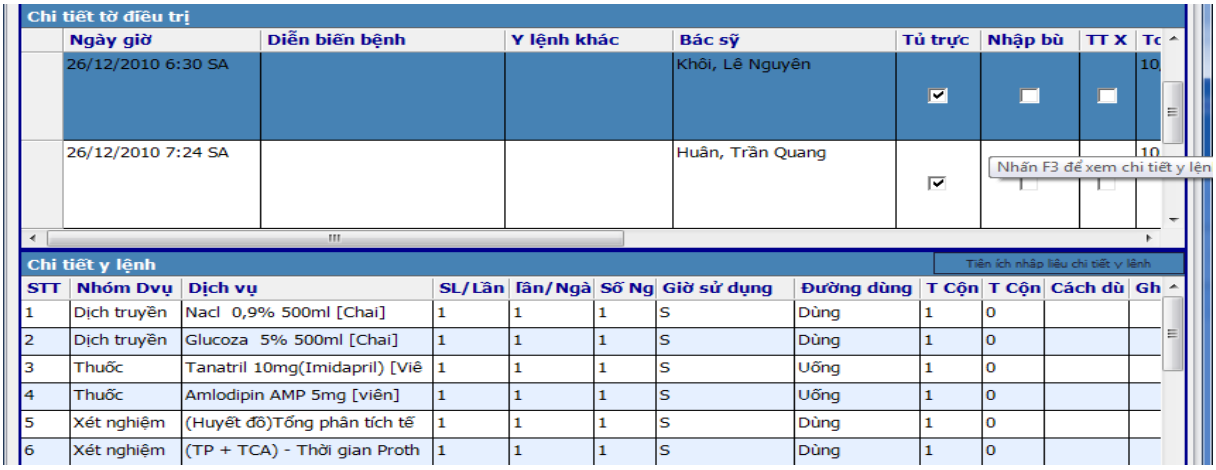

- Thông tin chi tiết kê toa:

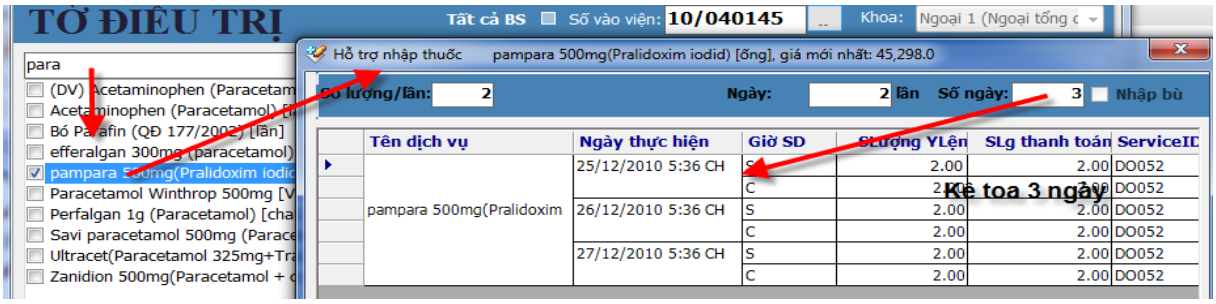

- Hỗ trợ nhập bù: lùi ngày, toa thuốc xuất viện

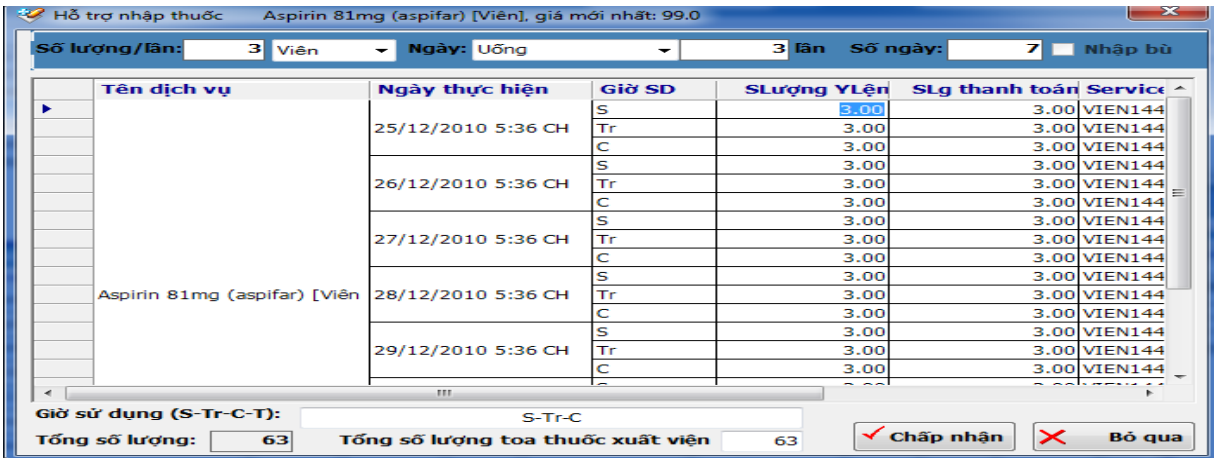

-

- Hỗ trợ nhập công khai vật tư cho dịch vụ kỹ thuật, cho phép định nghĩa sẵn bộ vật tư của dịch vụ kỹ thuật sử dụng, có thể điều chỉnh, thêm bớt khi sử dụng thực tế

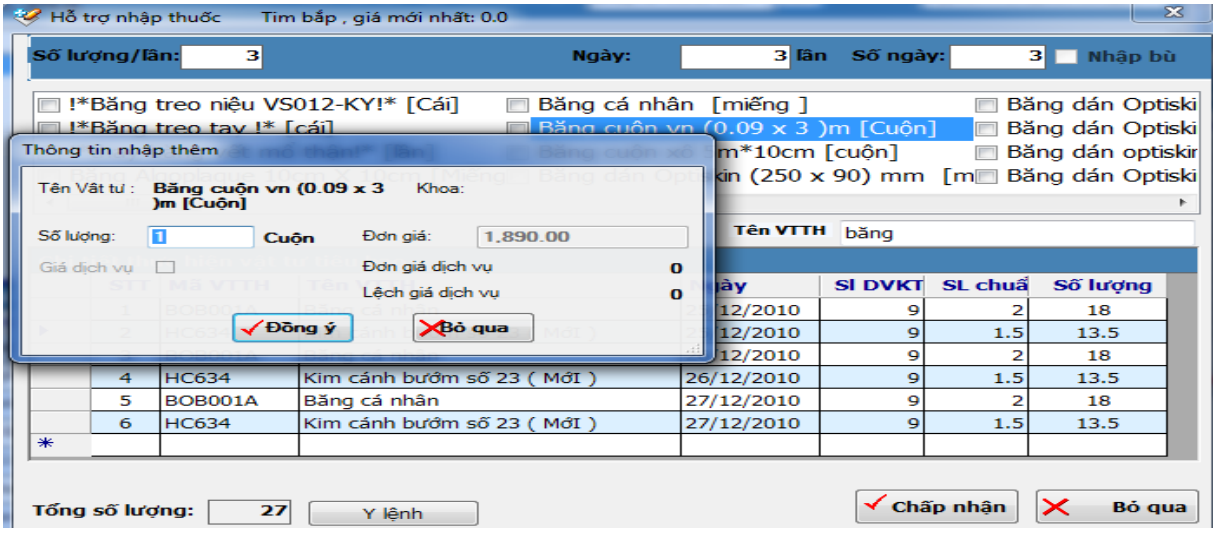

-

- Hỗ trợ nhập dịchh vụ dạng gói (bộ), thông tin gói dịch vụ được định nghĩa trước:

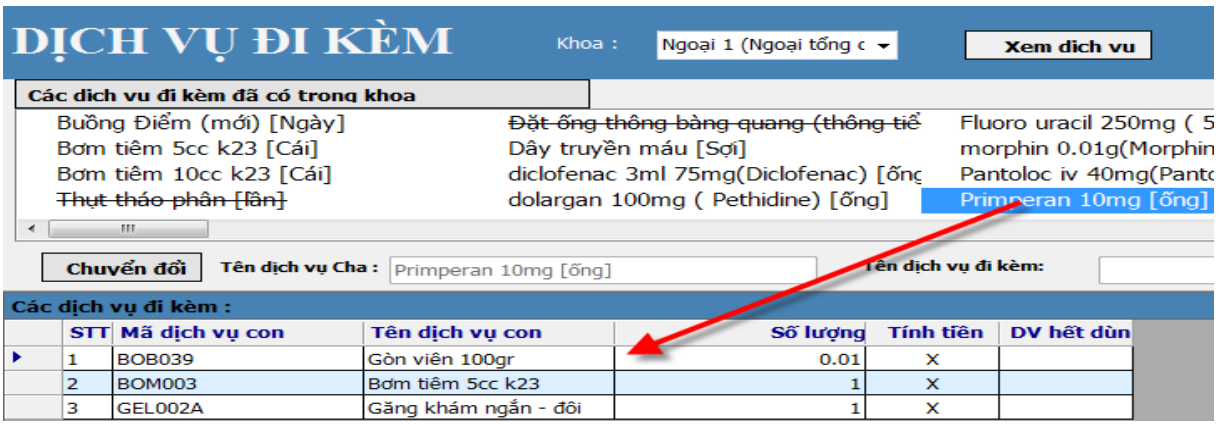

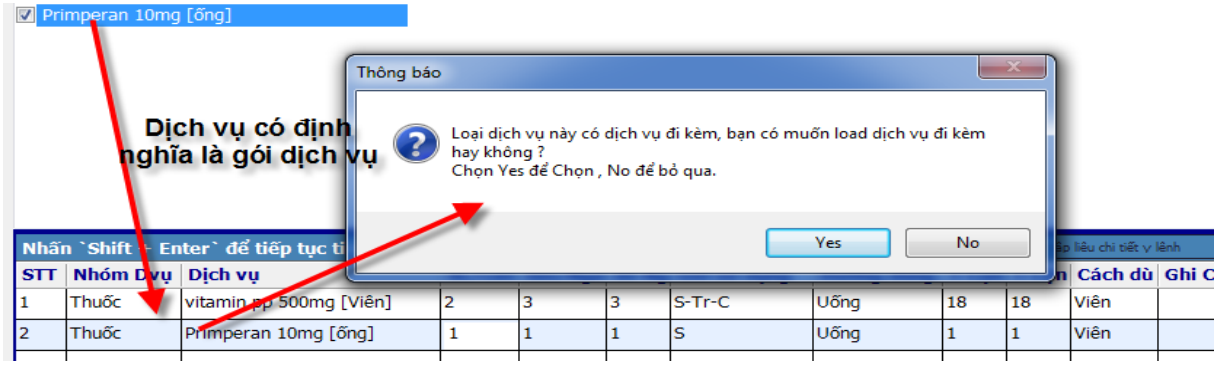

-

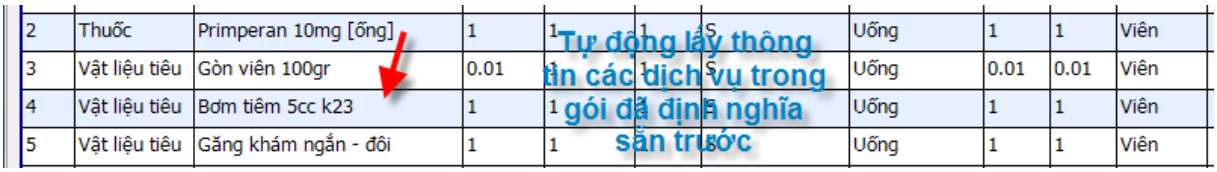

- Thông tin danh sách bệnh nhân tại khoa:

	Số Vào Viện	Họ Tên	Buồng	Giường	tuoi	Bù	TT ...	Thời gian	Chẩn Đoán	Khoa
25	10/040177	Nguyễn Thị Phượng	Phong Di...	D2	43.00			26/12/2010 14:24		Ngoại 1 (Ngoại t...
26	10/040216	Trương Thị Thu	02	19	61.00			27/12/2010 09:08		Ngoại 1 (Ngoại t...
27	10/040216	Trương Thị Thu	BT	19	61.00			27/12/2010 06:17		Ngoại 1 (Ngoại t...
28	10/040246	La Trung Định	06	Giường bố	66.00			27/12/2010 08:33		Ngoại 1 (Ngoại t...
29	10/040246	La Trung Định	BT	Giường bố	66.00			27/12/2010 06:20		Ngoại 1 (Ngoại t...
30	10/040219	Trần Thanh Minh	BT	3	43.00			27/12/2010 06:23		Ngoại 1 (Ngoại t...
31	10/040219	Trần Thanh Minh	phòng đi...	3	43.00			27/12/2010 08:18		Ngoại 1 (Ngoại t...
32	10/040238	Phạm Thị Tạo	phòng đi...	7	80.00			27/12/2010 08:21		Ngoại 1 (Ngoại t...

- Quy trình thiết lập tờ điều trị :
  - Chọn bệnh nhân trên danh sách hoặc đánh số vào viện của bệnh nhân thuộc khoa đó
  - Thêm mới hoặc chỉnh sửa tờ điều trị (Nếu tờ điều trị đã được tổng hợp thuốc thì sẽ không cho phép chỉnh sửa)
  - Nhập thông tin tờ điều trị : ngày giờ , diễn tiến bệnh , bác sĩ ……
  - Nhập thuốc điều trị và các vật tư đi kèm (có thể sử dụng phím nhanh atl+T để hiện thị danh sách thuốc và vật tư)

II.4.2.3. Thực hiện y lệnh

- Cho phép cập nhật thời gian thực hiện y lệnh thực tế theo chỉ định điều trị

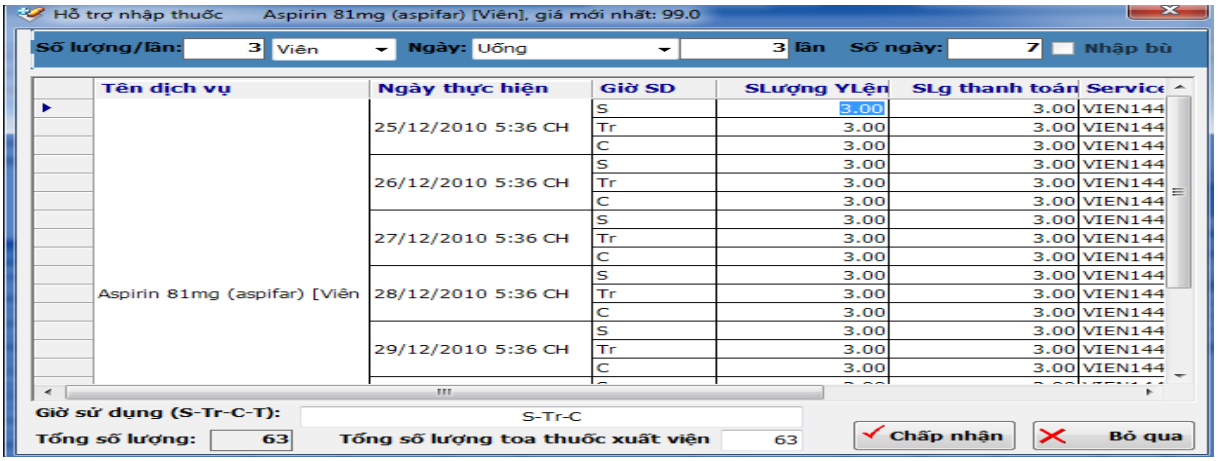

II.4.2.4. Xuất viện tại khoa

- Cho phép lập thông tin xuất viện tại khoa
- Lập toa thuốc xuất viện
- Cập nhật thông tin xuất viện
- In giấy xuất viện, giấy xuất viện có chứng nhận phẩu thuật
- In giấy chuyển viện

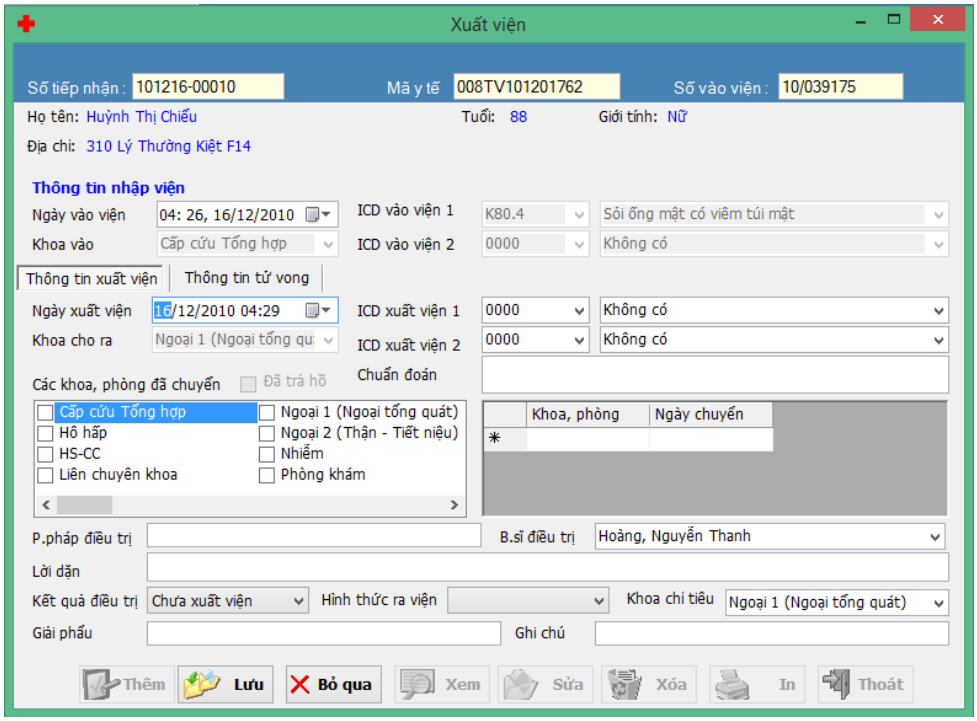

II.4.2.5. Viện phí khoa

- Lập phiếu tổng hợp thanh toán tại khoa: phiếu này làm cơ sở theo dõi chi phí điều trị bệnh nhân tại khoa và tổng hợp thanh toán tại viện phí:
- Với bệnh nhân thường: không có bảo hiểm y tế: cứ 2 ngày hoặc khi cần thì khoa sẽ tổng hợp viện phí và báo bệnh nhân để bệnh nhân thanh toán viện phí.
- Đối với bệnh nhân bảo hiểm y tế: sẽ tập hợp chi phí bảo hiểm y tế để khi xuất viện sẽ làm căn cứ lập chứng từ viện phí khi xuất viện và yêu cầu bệnh nhân tạm ứng nếu cần.

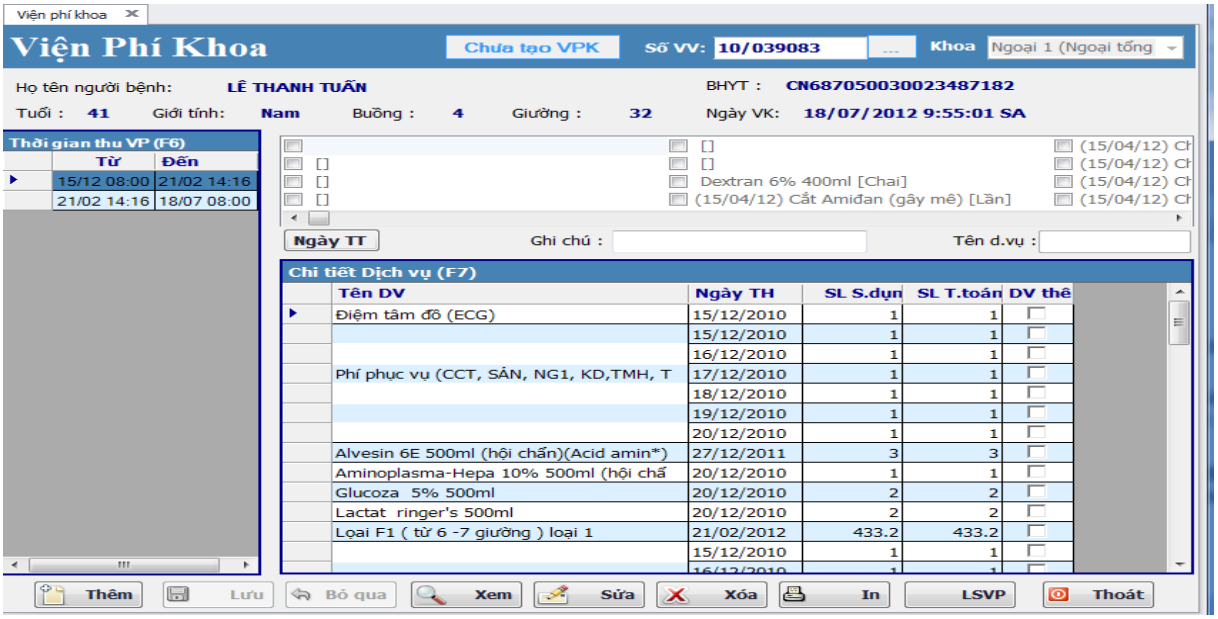

-

SỞ Y TẾ TP. HỒ CHÍ MINH
BV. CẤP CỨU TRƯNG VƯƠNG
Khoa : Ngoại 1 (Ngoại tổng quát
Phòng : 4
Số giường : 32.

PHIẾU TỔNG HỢP THUỐC Y DỤNG CỤ - XN - CLS DÙNG HÀNG NGÀY VÀ THANH TOÁN TIỀN CHO BỆNH NHÂN RA VIỆN

Từ ngày : đến ngày :
Số BHYT: **CN687050030023487182**

- Họ tên bệnh nhân : **Lê Thanh Tuấn** Tuổi : 41 Số hồ sơ : 10/039083

TÊN THUỐC VÀ NỒNG ĐỘ HÀM LƯỢNG	Đơn vị	25/2	18/7	5/3	Tổng SL
Loại F1 (từ 6 -7 giường) loại 1	Ngày	437.1			437.1
Khâu rách cùng đồ	lần		1.0		1.0
Paracetamol Winthrop500mg	Viên			2.0	2.0
Ultracet (Paracetamol 325mg+Tramadol hydrocloride	Viên			1.0	1.0
(DV) Anti HBeAg	lần		1.0		1.0
(DV) PCT (Procalcitonin)	lần		1.0		1.0

Thành tiền: **4,929,422** BN đóng: **1,361,884**

...ngày....tháng....năm 200...

GIÁM ĐỐC/ TRƯỞNG KHOA Y TÁ (ĐD) TRƯỞNG KHOA Y TÁ PHỤ TRÁCH

- Xem lịch sử thanh toán của bệnh nhân:

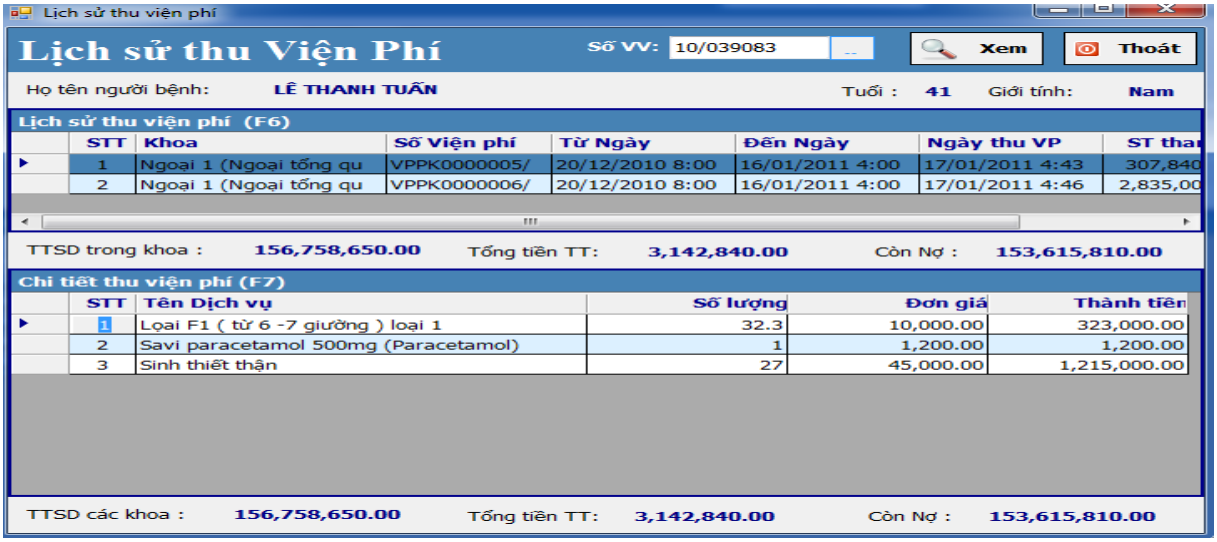

II.4.2.6. Tổng hợp thuốc hằng ngày

- Tổng hợp thuốc cho mỗi khoa
- Phân loại thuốc và vật tư tiêu hao choa bệnh nhân trong khoa
- Phiếu tổng hợp thuốc sẽ được gởi đến khoa dược để cấp phát thuốc

- Lập phiếu trả thuốc

II.4.2.7. Công khai vật tư

- Quản lý vật tư y dụng cụ sử dụng cho bệnh nhân trong quá trình điều trị
- Cập nhật công khai vật tự theo tờ điều trị hằng ngày: ví dụ chi tiết các vật tư trong bộ tim bắp được định nghĩa sẵn:

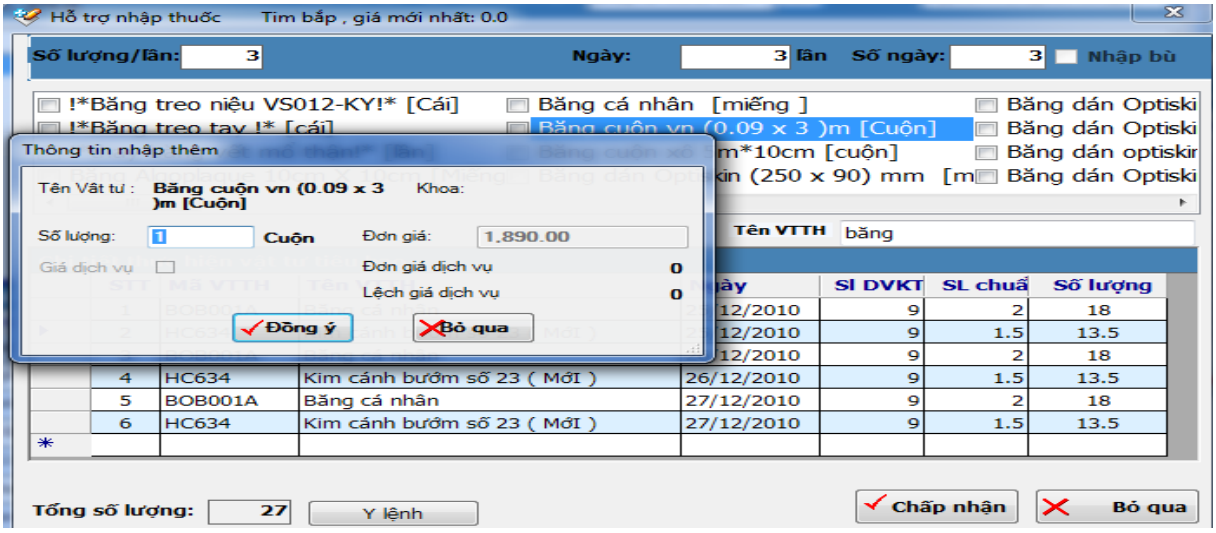

- Tự cập nhật trong tờ điều trị
- Vật tư phát sinh trong các dịch vụ dạng gói
- Vật tư sử dụng trong các gói phẫu thuật thủ thuật
- In phiếu công khai vật tư

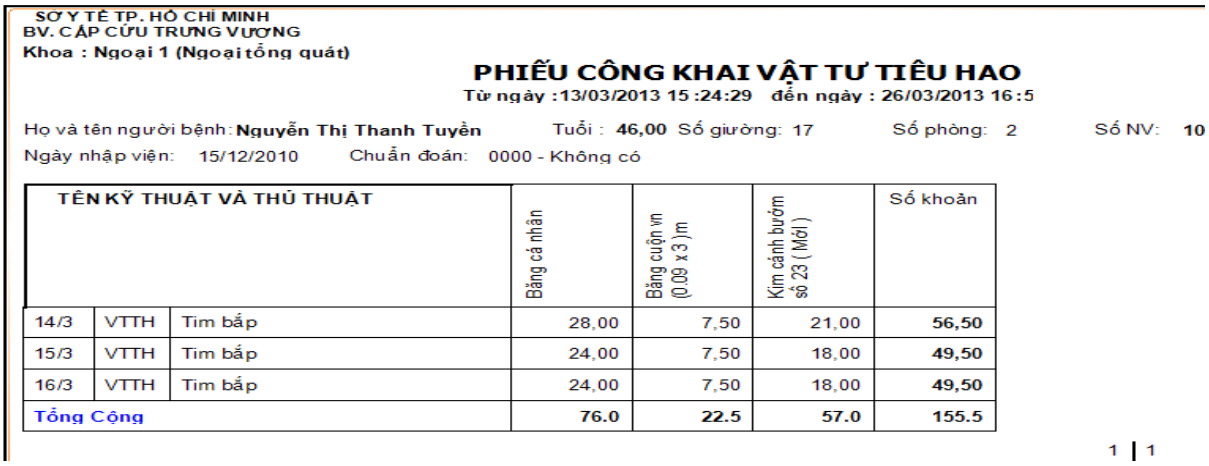

SỞ Y TẾ TP. HỒ CHÍ MINH
BV. CẤP CỨU TRƯNG VƯƠNG
Khoa : Ngoại 1 (Ngoại tổng quát)

PHIẾU CÔNG KHAI VẬT TƯ TIÊU HAO

Từ ngày :13/03/2013 15:24:29 đến ngày : 26/03/2013 16:5

Họ và tên người bệnh: Nguyễn Thị Thanh Tuyền Tuổi : 46,00 Số giường: 17 Số phòng: 2 Số NV: 10
Ngày nhập viện: 15/12/2010 Chuẩn đoán: 0000 - Không có

TÊN KỸ THUẬT VÀ THỦ THUẬT			Băng cá nhân	Băng cuộn vn (0.09 x 3)m	Kim cánh bướm số 23 (Mới)	Số khoản
14/3	VTTH	Tim bắp	28,00	7,50	21,00	56,50
15/3	VTTH	Tim bắp	24,00	7,50	18,00	49,50
16/3	VTTH	Tim bắp	24,00	7,50	18,00	49,50
Tổng Cộng			76.0	22.5	57.0	155.5

1 | 1

-
- Lập phiếu yêu cầu vật tư của khoa cho từng kho

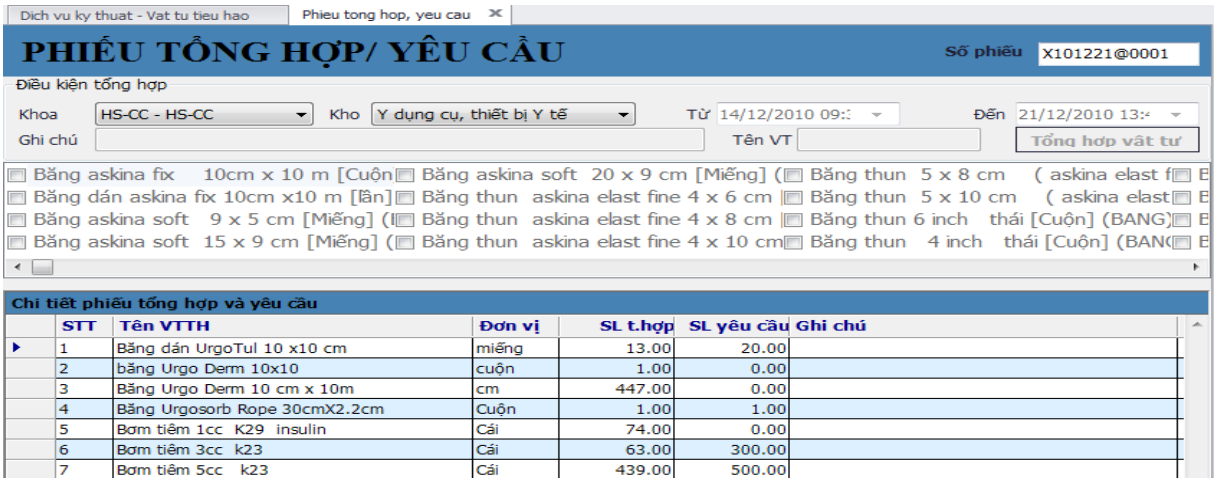

- Lập phiếu trả vật tư

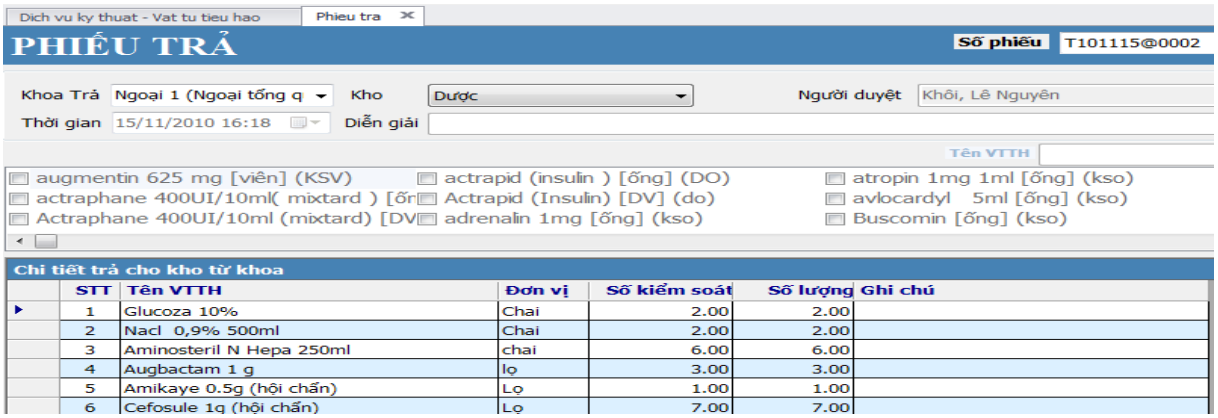

-

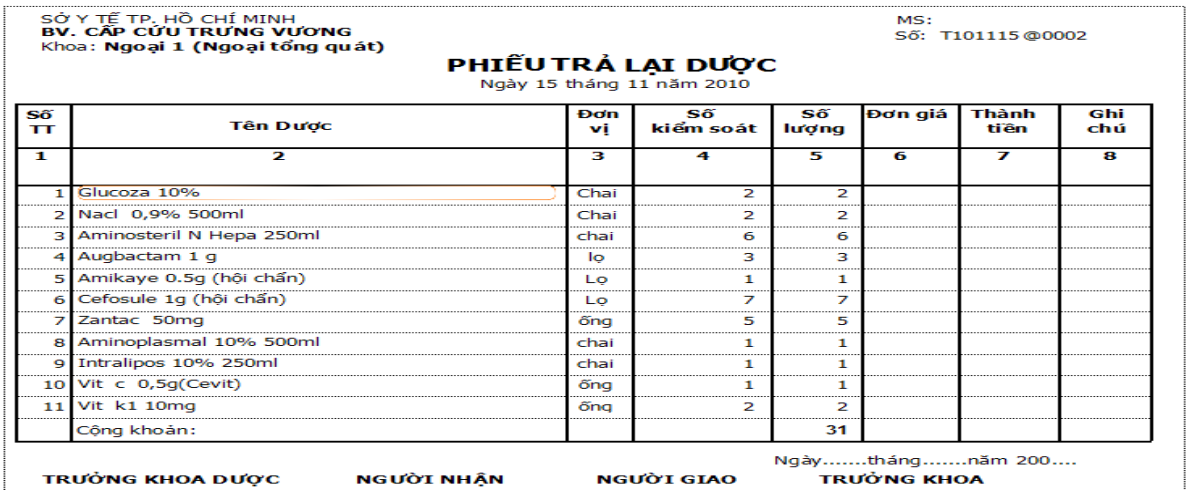

SỞ Y TẾ TP. HỒ CHÍ MINH
BV. CẤP CỨU TRƯNG VƯƠNG
Khoa: **Ngoại 1 (Ngoại tổng quát)**

MS:
Số: T101115@0002

PHIẾU TRẢ LẠI DƯỢC
Ngày 15 tháng 11 năm 2010

Số TT	Tên Dược	Đơn vị	Số kiểm soát	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Glucoza 10%	Chai	2	2			
2	Nacl 0,9% 500ml	Chai	2	2			
3	Aminosteril N Hepa 250ml	chai	6	6			
4	Augbactam 1 g	lọ	3	3			
5	Amikaye 0.5g (hội chẩn)	Lọ	1	1			
6	Cefosule 1g (hội chẩn)	Lọ	7	7			
7	Zantac 50mg	ống	5	5			
8	Aminoplasmal 10% 500ml	chai	1	1			
9	Intralipos 10% 250ml	chai	1	1			
10	Vit c 0,5g(Cevit)	ống	1	1			
11	Vit k1 10mg	ống	2	2			
	Cộng khoản:			31			

Ngày.....tháng.....năm 200....

TRƯỞNG KHOA DƯỢC **NGƯỜI NHẬN** **NGƯỜI GIAO** **TRƯỞNG KHOA**

II.4.2.8. Lập phiếu trả vật tư

- Tổng hợp trả lại thuốc và vật tư không sử dụng cho Kho
- In phiếu trả vật tư

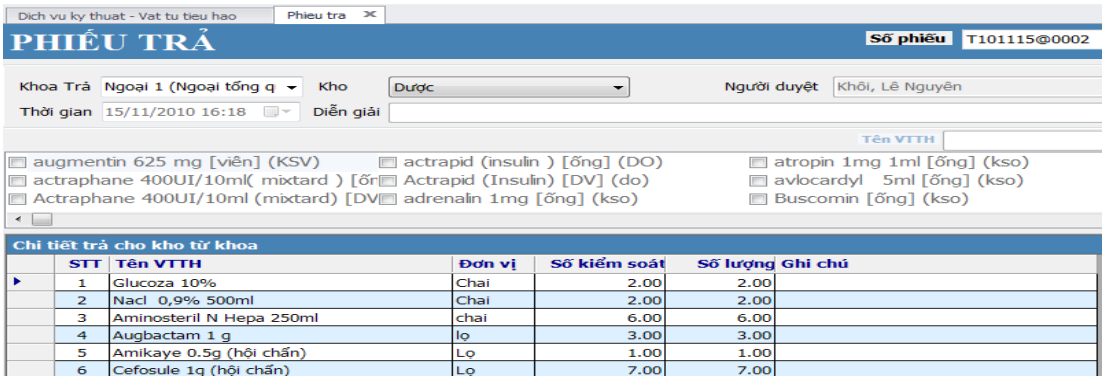

-

SỞ Y TẾ TP. HỒ CHÍ MINH
BV. CẤP CỨU TRƯNG VƯƠNG
Khoa: **Ngoại 1 (Ngoại tổng quát)**

MS:
Số: T101115@0002

PHIẾU TRẢ LẠI DƯỢC
Ngày 15 tháng 11 năm 2010

Số TT	Tên Dược	Đơn vị	Số kiểm soát	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Glucoza 10%	Chai	2	2			
2	Nacl 0,9% 500ml	Chai	2	2			
3	Aminosteril N Hepa 250ml	chai	6	6			
4	Augbactam 1 g	lọ	3	3			
5	Amikaye 0.5g (hội chẩn)	Lọ	1	1			
6	Cefosule 1g (hội chẩn)	Lọ	7	7			
7	Zantac 50mg	ống	5	5			
8	Aminoplasmal 10% 500ml	chai	1	1			
9	Intralipos 10% 250ml	chai	1	1			
10	Vit c 0,5g(Cevit)	ống	1	1			
11	Vit k1 10mg	ống	2	2			
	Cộng khoản:			31			

Ngày.....tháng.....năm 200....

TRƯỞNG KHOA DƯỢC NGƯỜI NHẬN NGƯỜI GIAO TRƯỞNG KHOA

II.4.2.9. Quản lý thông tin buồn giường

- Thống kê chi tiết tất cả buồng, giường của các khoa
- Đưa ra sơ đồ tổng quát của các buồng trong khoa, các giường trong mỗi buồng để dễ dàng quản lý
- Hiện thông tin hiện tại của bệnh nhân tại mỗi giường

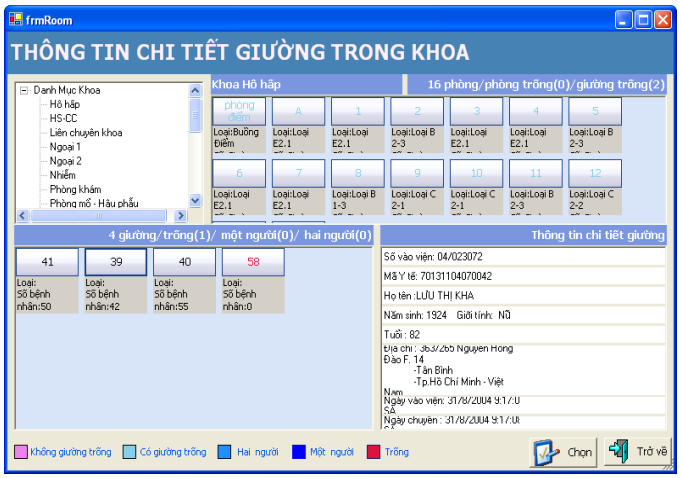

II.4.2.10. Báo cáo tại khoa

- Khi một bệnh nhân nhập viện vào khoa lâm sàng bệnh van tim, bệnh nhân này sẽ được lập một bệnh án lâm sàng bệnh van tim.
- Thuốc y dụng cụ - XN – CLS tổng hợp của bệnh nhận

Khoa : Hô hấp				Hô hấp						
				Thuốc độc	Thuốc nước			Thuốc thường		
NGÀY : 10/06/07 9:14				Actrapid (Insulin)	Dây truyền dịch	Glucoza 5%	Kim cánh bướm	acodein(Terpincodein)	vitamin a 5000 ui	vitamin b1 250mg
				DV	Sợi	Chai	Cái	Viên	Viên	Viên
04/06/2	P10	44	Tran Van Cong	1.00				1.00		
			Tổng phòng	1.00				1.00		
	Tổng ngày			1.00				1.00		
08/06/2	P12	49	Huynh Nhat Cuong		1.00	1.00	12.00		7.00	21.00
			Tổng phòng		1.00	1.00	12.00		7.00	21.00
	Tổng ngày				1.00	1.00	12.00		7.00	21.00
Tổng cộng				1.00	1.00	1.00	12.00	1.00	7.00	21.00

Text Object

- Thuốc y dụng cụ - XN – CLS tổng hợp của khoa
- Thuốc y dụng cụ - XN – CLS tổng hợp của phòng
- Báo cáo tình hình bệnh tật tử vong

II.5. Quản lý dược

II.5.1. Giới thiệu – Quy trình nghiệp vụ

- Quản lý nhập xuất tồn kho Dược
- Hỗ trợ liên kết số liệu tự động: tập hợp chứng từ phát thuốc bảo hiểm để lập phiếu xuất, tổng hợp phiếu lĩnh thuốc các khoa để lập phiếu xuất đảm bảo số liệu chặc chẽ, chính xác, nhanh chóng.
- Tập hợp số liệu báo cáo theo từng kho (kho chẵn, kho lẽ, kho bảo hiểm) và báo cáo chung toàn kho Dược

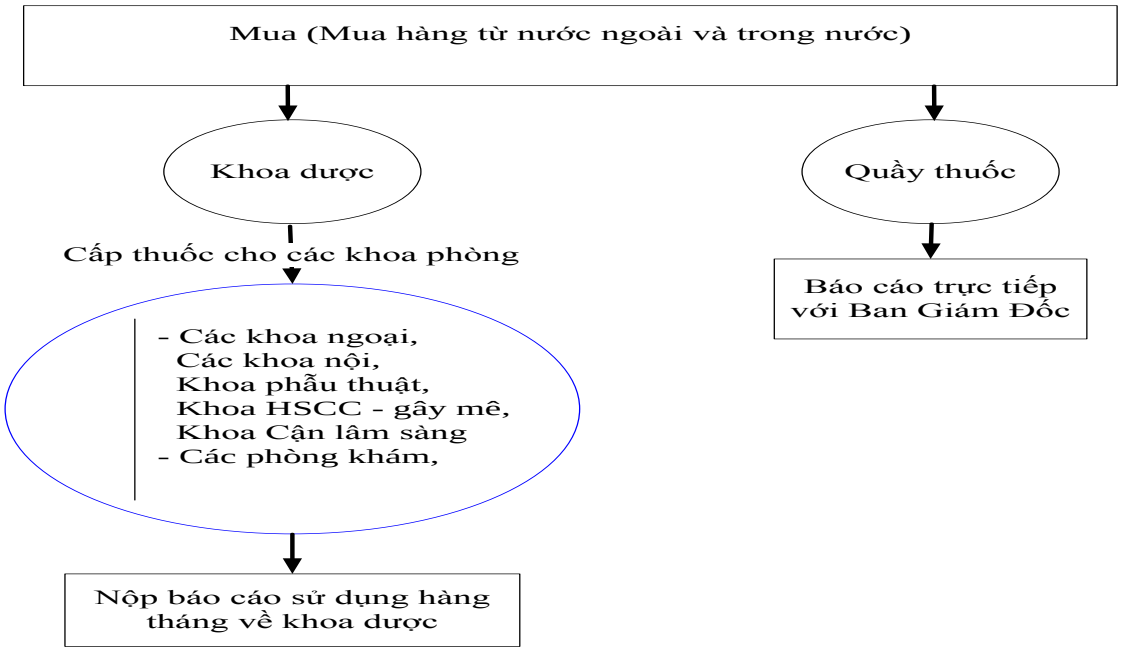

II.5.2. Các màn hình chính

II.5.2.1. Nhập kho chẵn – nhập mua từ nhà cung cấp:

- Phải chọn nhà cung cấp

- Nhập số chứng từ

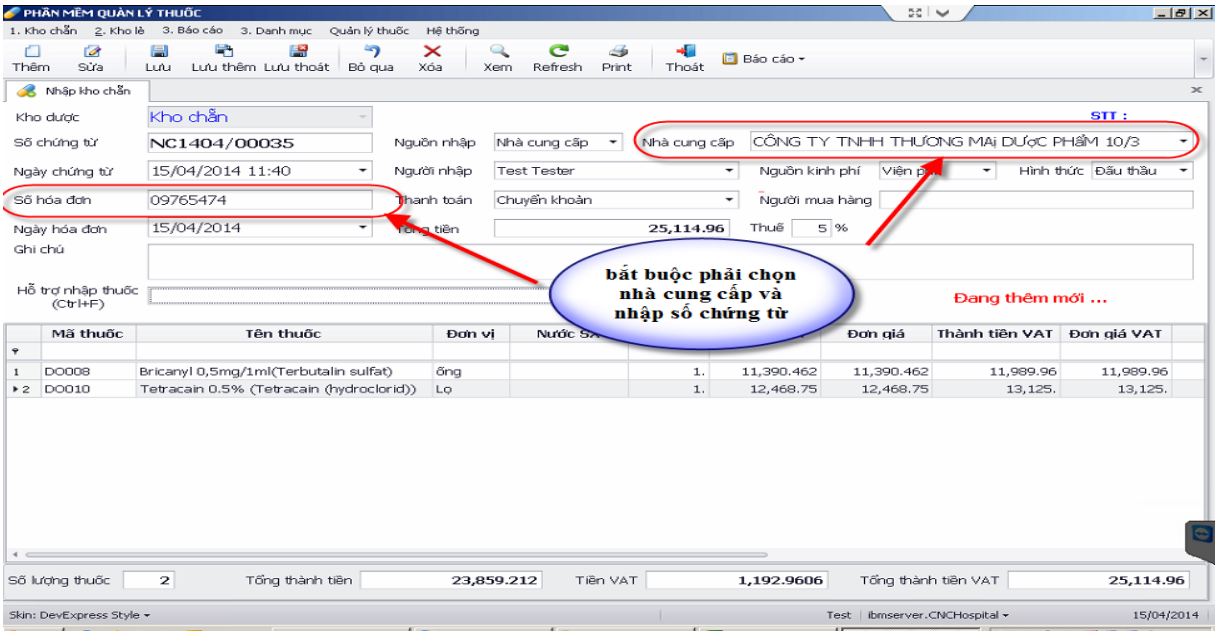

II.5.2.2. Nhập kho chẵn – khoa trả (nhập từ các khoa trả về)

- Phải chọn khoa trả
- Không cần nhập hóa đơn

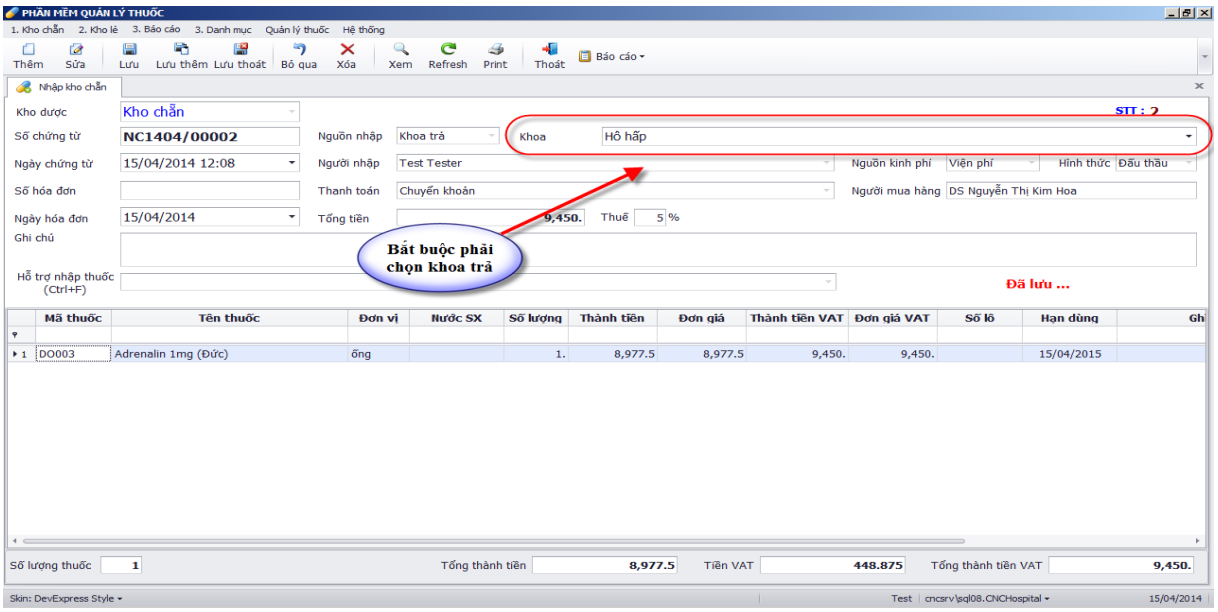

II.5.2.3. Nhập kho chẵn – nhập mượn từ kho khác (dùng để nhập xuất nội bộ)

- Phải chọn nhà cung cấp là kho:BHYT hoặc Kho lẻ
- Số hóa đơn không cần nhập

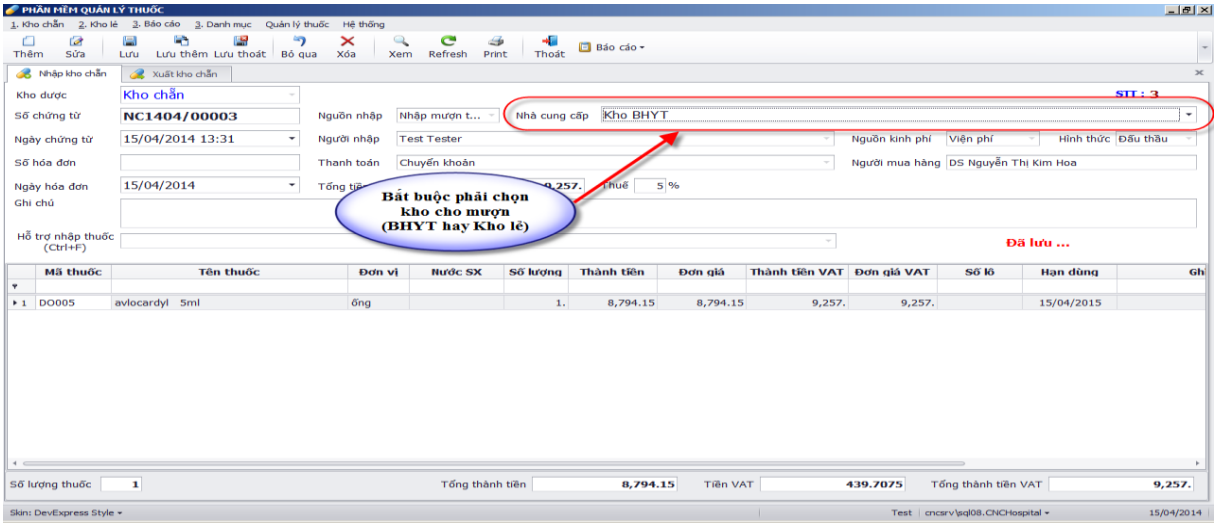

II.5.2.4. Xuất kho chẵn - xuất khác (xuất cho các kho)

- Chức năng: Xuất cho các kho(BHYT ,Kho lẻ)
- Chọn kho xuất (là kho chẵn xuất cho kho nào)

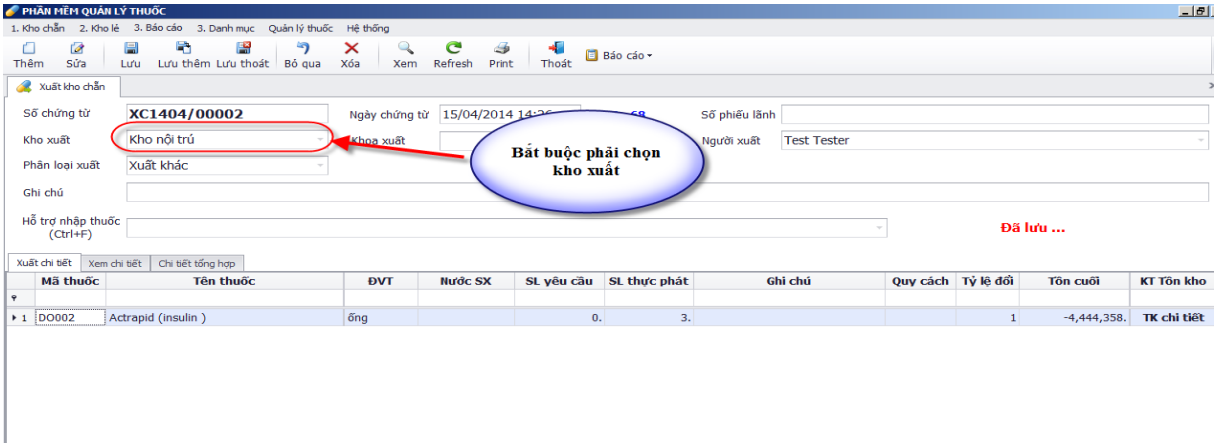

II.5.2.5. Xuất kho chẵn - tổng hợp dịch truyền từ khoa nội trú (xuất dịch truyền cho các khoa)

- Chọn kho xuất (là kho chẵn xuất cho kho nào)
- Số yêu cầu : Chọn số yêu cầu của dịch truyền đã sử dụng
- Sau khi chọn xong Nhấn nút tổng hợp

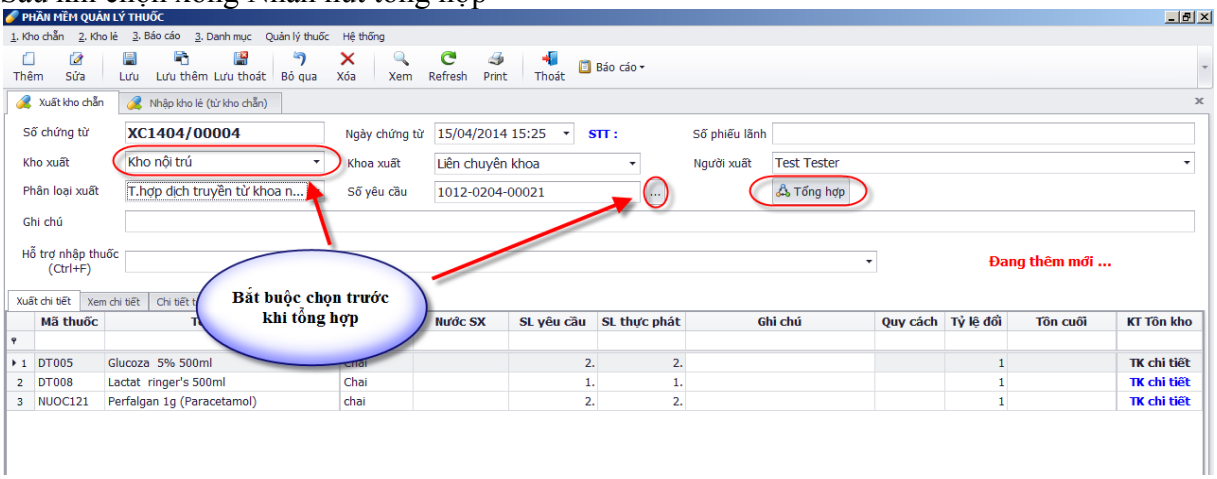

II.5.2.6. Xuất trả nhà cung cấp (Xuất cho các nhà cung cấp)

- Chọn NCC: Bắt buộc chọn nhà cung cấp

- Nhập thuốc cần trả

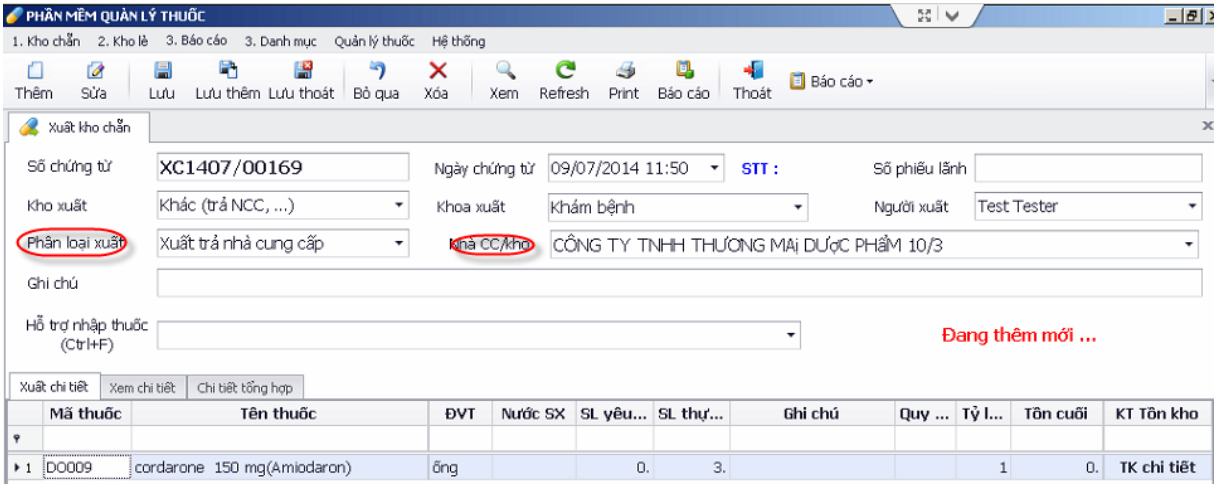

II.5.2.7. Tồn kho chẵn (mỗi khi liên quan tới tồn kho bắt buộc phải xử lý tồn kho)

- Xử lý tồn kho chẵn bạn làm như sau: nhập tháng, năm, kho cần xử lý, Nhấn nút xử lý nếu dữ liệu tồn kho thay đổi
- Mỗi thuốc được tính theo số lô và hạn dùng.
- Công thức tính: (A + B) – C
- Trong đó:

  A: Số lượng tồn của tháng trước .

  B: Số lượng nhập của tháng cần xử lý tồn kho.

  C: Số lượng xuất của tháng cần xử lý tồn kho.

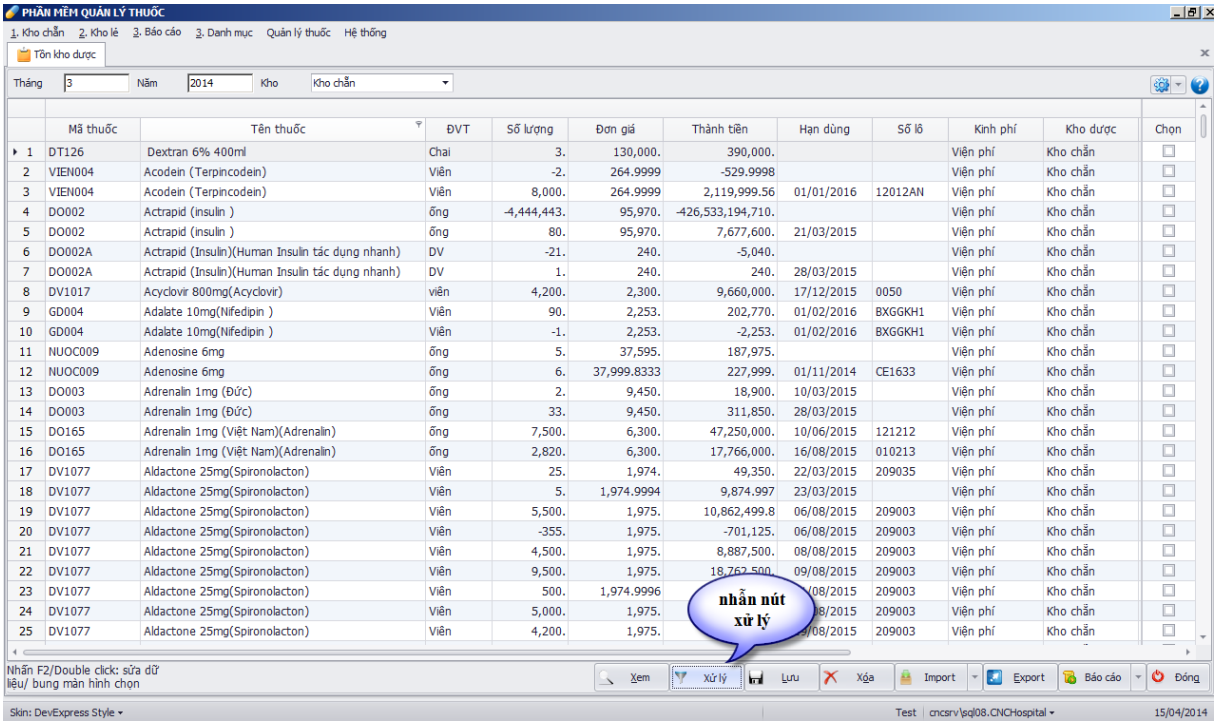

II.5.2.8. Kiểm kê dược(dùng kiểm kê dược và nhập số lượng thực tế sau khi kiểm kê)

- Trước khi kiểm kê phải xử lý tồn kho của tất cả các kho(Kho chẵn, kho lẻ, kho BHYT).
- Nhập ngày kiểm kê, tháng cần kiểm kê, kho kiểm kê

- Nhấn nút xử lý nếu tồn kho ở một trong các kho **thay đổi**
- Nhấn nút xem nếu tồn kho ở tất cả các kho **không thay đổi**
- Nhấn nút thêm thuốc để kiểm kê nếu thuốc đó sau khi xử lý tồn bằng 0.
- Khi có số lượng thực tế thì điền số lượng thực tế vào phần mền sẽ tự động làm theo công thức->Nhấn nút lưu

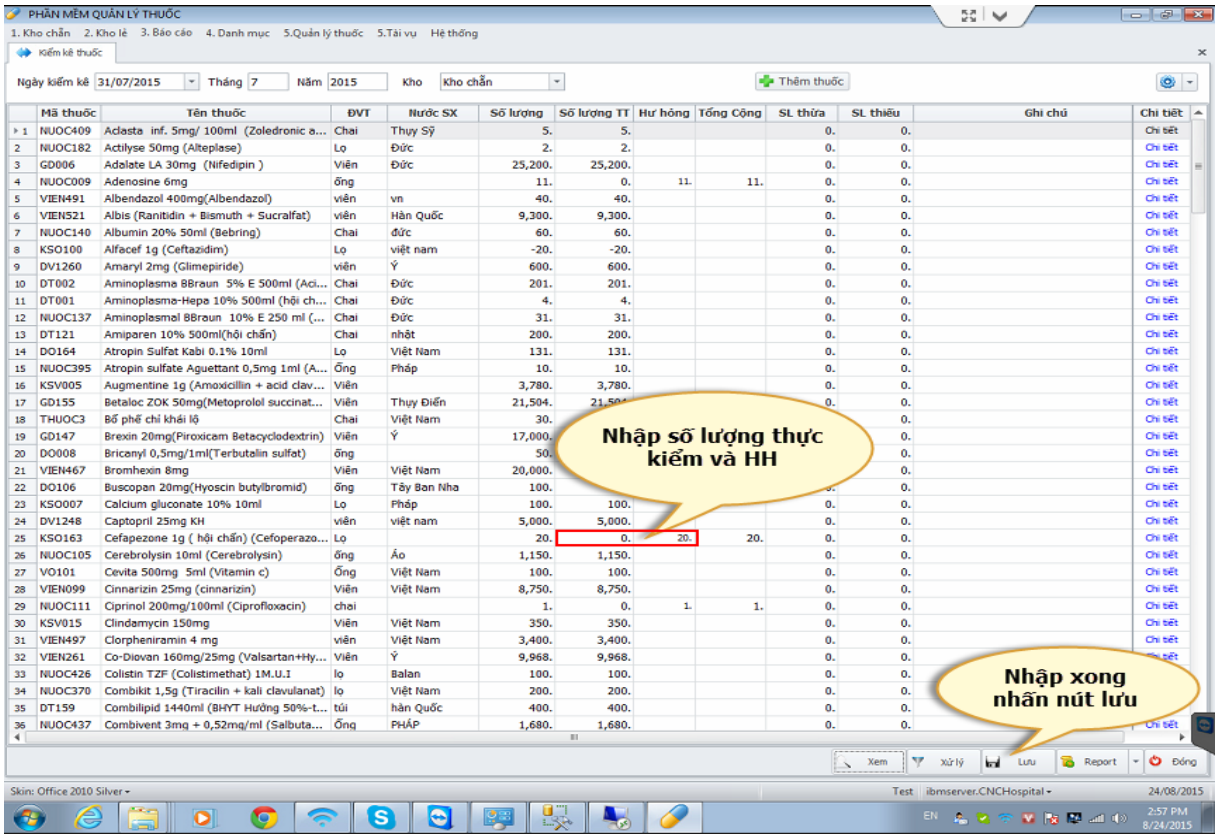

- Xem chi tiết thì nhấn nút chi tiết

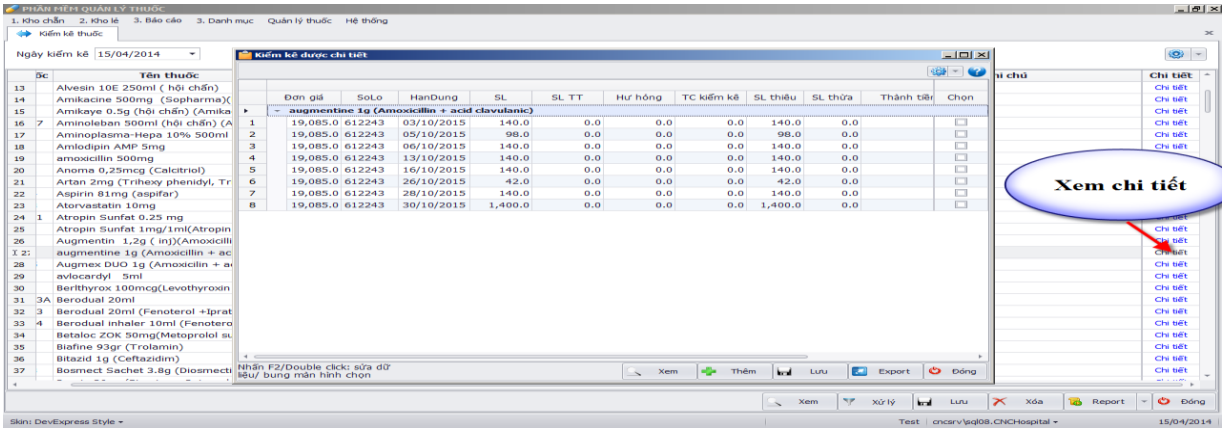

II.5.2.9. Dự trù thuốc - thêm dự trù mới

- Trước khi dự trù phải xử lý tồn kho của tất cả các kho (bắt buộc).

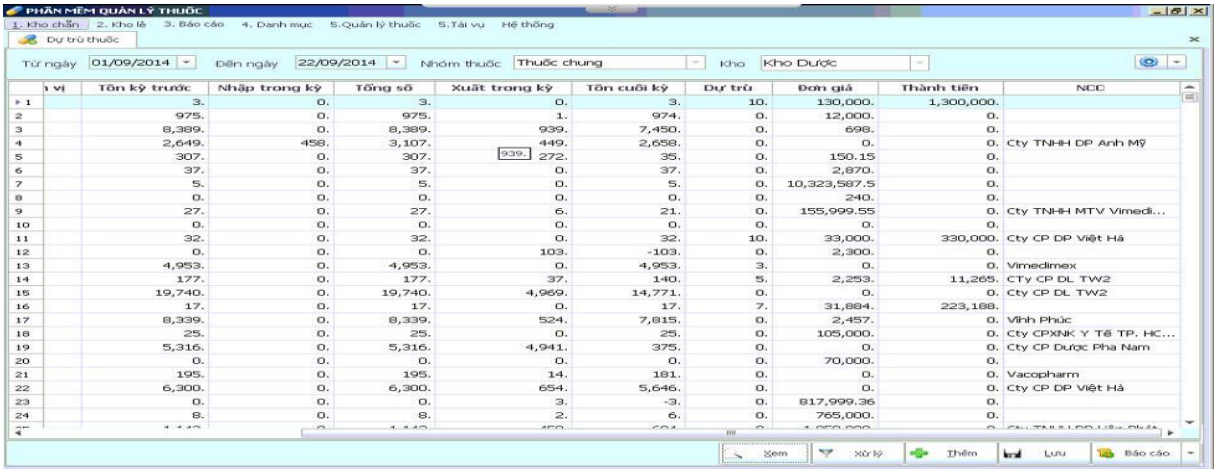

- Cột đơn giá và cột NCC sẽ tự động lấy trong danh mục thuốc của dược
- Nhập vào cột dự trù, đơn giá,thành tiền của thuốc cần dự trù
- Thành tiền dự trù (tự động cập nhật theo số lượng dự trù và đơn giá dự trù)

II.5.2.10. Xem danh sách đã dự trù

- Chọn kho trước khi xem

II.5.2.11. Nhập kho lẻ

- <u>Nhập kho lẻ từ kho chẵn:</u>
- Chức năng: Xác nhận những phiếu kho chẵn xuất cho kho lẻ(kho lẻ, kho BHYT).

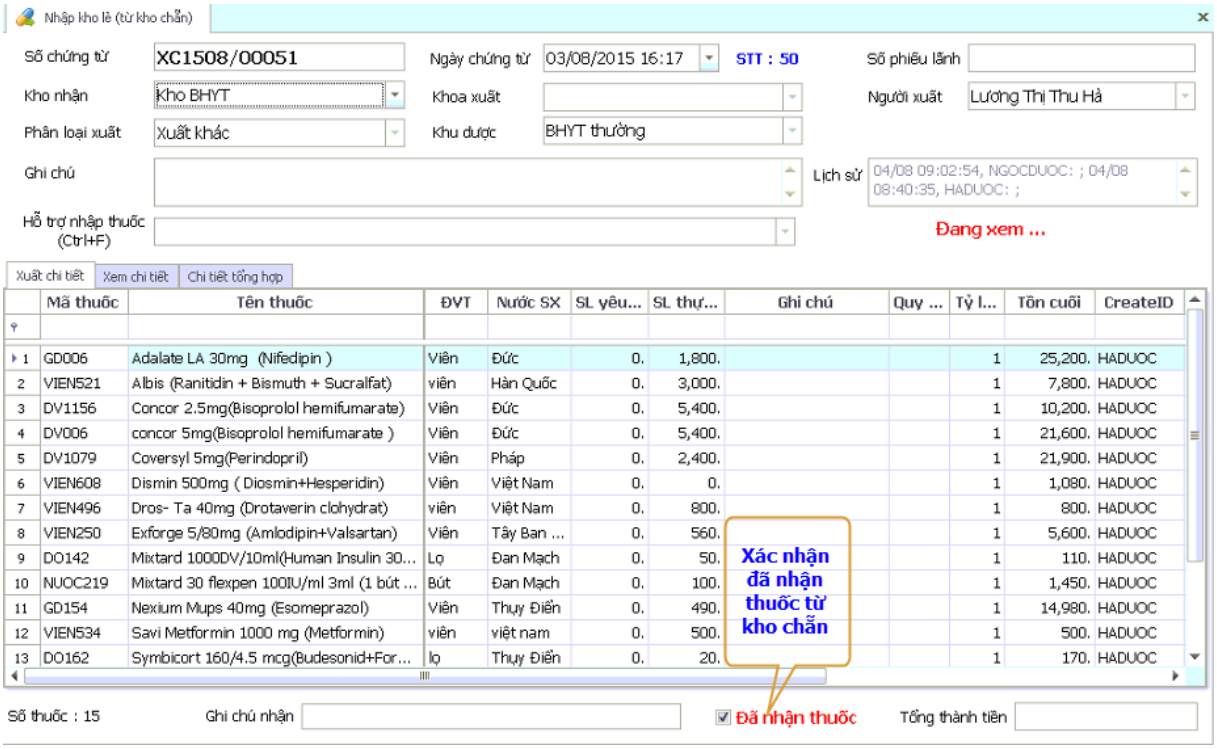

- <u>Nhập kho lẻ từ khoa trả:</u>
- Chức năng: Dùng để nhập thuốc từ các khoa trả về.
- Phân loại: Khoa trả
- Số yêu cầu: Click vào nút 3 chấm để tìm theo số yêu cầu.
- Chọn nhóm thuốc: Dịch truyền, thuốc viên …
- Nút tổng hợp: Click sẽ tự động lấy thuốc theo phiếu yêu cầu.

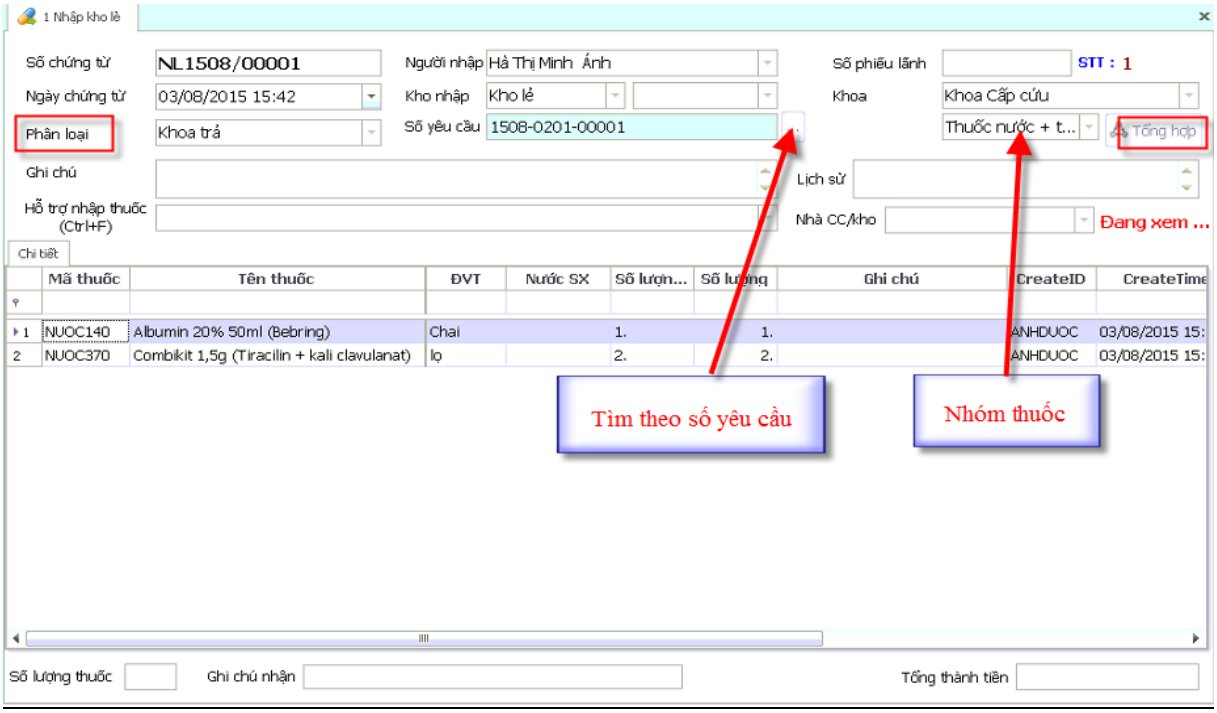

- <u>Nhập kho lẻ từ kho khác:</u>
- Chức năng: Dùng để nhập nội bộ từ các kho với nhau.
- Phân loại: Nhập từ kho khác.

- Kho nhập: Kho nhập thuốc về
- Nhà CC/kho: Chọn kho xuất thuốc cho kho nhập.
- Số yêu cầu: Tìm và chọn số yêu cầu tương ứng.
- Tổng hợp: Dùng để tổng hợp thuốc từ phiếu yêu cầu.

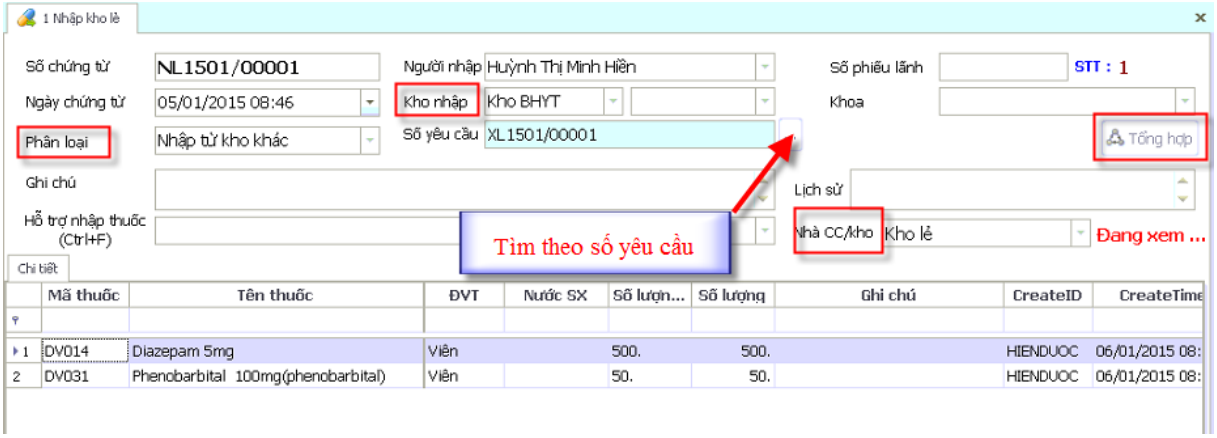

II.5.2.12. Xuất kho lẻ - Phòng khám khoa thận

- Chức năng: Xuất thuốc cho khoa thận từ những phiếu yêu cầu khoa thận làm.
- Khoa xuất: chọn khoa thận.
- Phân loại xuất: PK khoa thận
- Ngày: Ngày khoa thận làm phiếu yêu cầu từ STT đến STT bao nhiêu.
- Tổng hợp: Lấy thuốc từ các phiếu có STT đã được chọn.

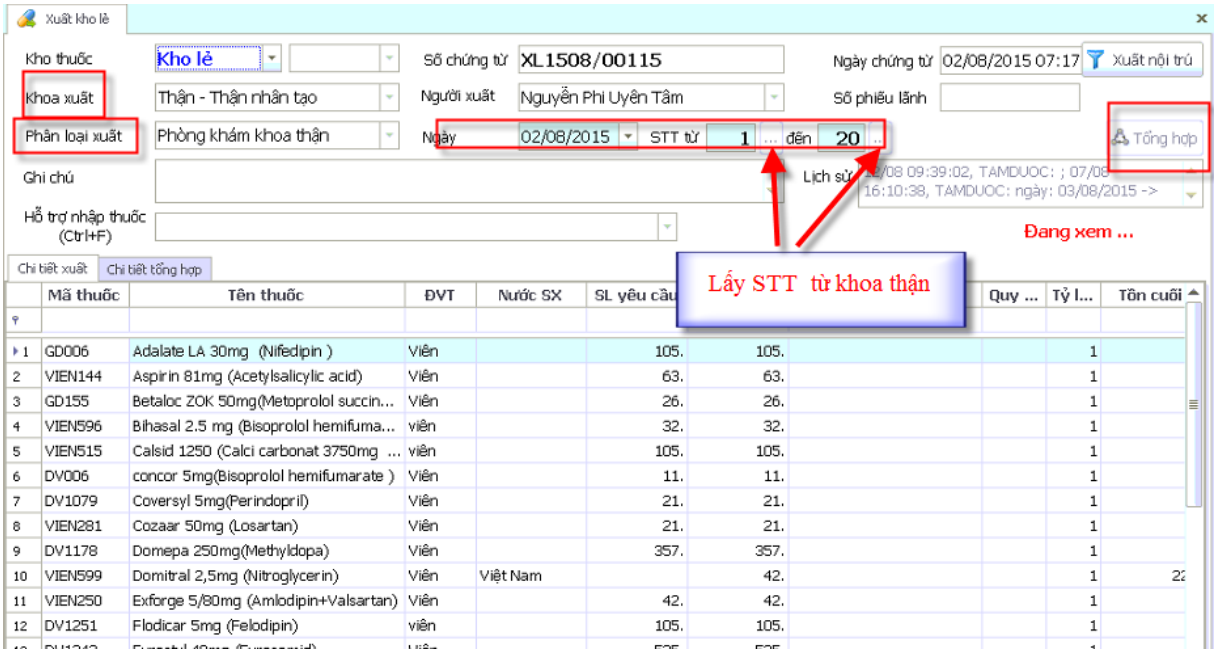

II.5.2.13. Xuất kho lẻ - PK cấp cứu xuất viện.

- Chức năng: Xuất thuốc cho khoa cấp cứu khi có phiếu viện phí.
- Kho xuất: Chọn khoa cấp cứu.
- Phân loại xuất: PK cấp cứu xuất viện.
- Số viện phí: Chọn số viện phí cần xuất thuốc.
- Tổng hợp: Lấy thuốc từ phiếu viện phí để xuất.

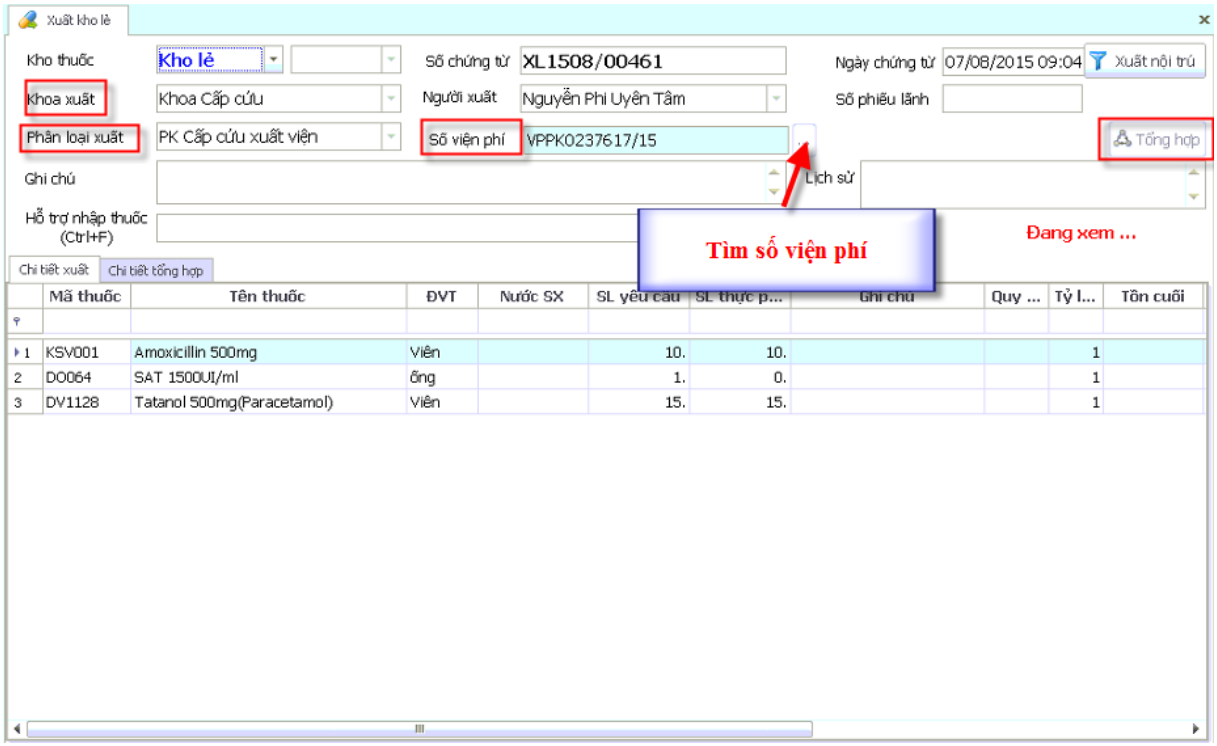

II.5.2.14. Xuất kho lẻ - T.hợp phiếu lĩnh từ khoa nội trú

- Chức năng: Xuất thuốc cho khác khoa nội trú.
- Khoa xuất: Chọn khoa nội trú cần xuất.
- Phân loại xuất: T.hợp phiếu lĩnh thuốc từ khoa nội trú.
- Số yêu cầu: Tìm và chọn số yêu cầu theo khoa.
- Nhóm thuốc: Mỗi số yêu cầu sẽ có từng loại nhóm thuốc khác nhau(Dịch truyền,thuốc viên, thuốc nước …)
- Tổng hợp: Lấy thuốc theo nhóm từ số yêu cầu.

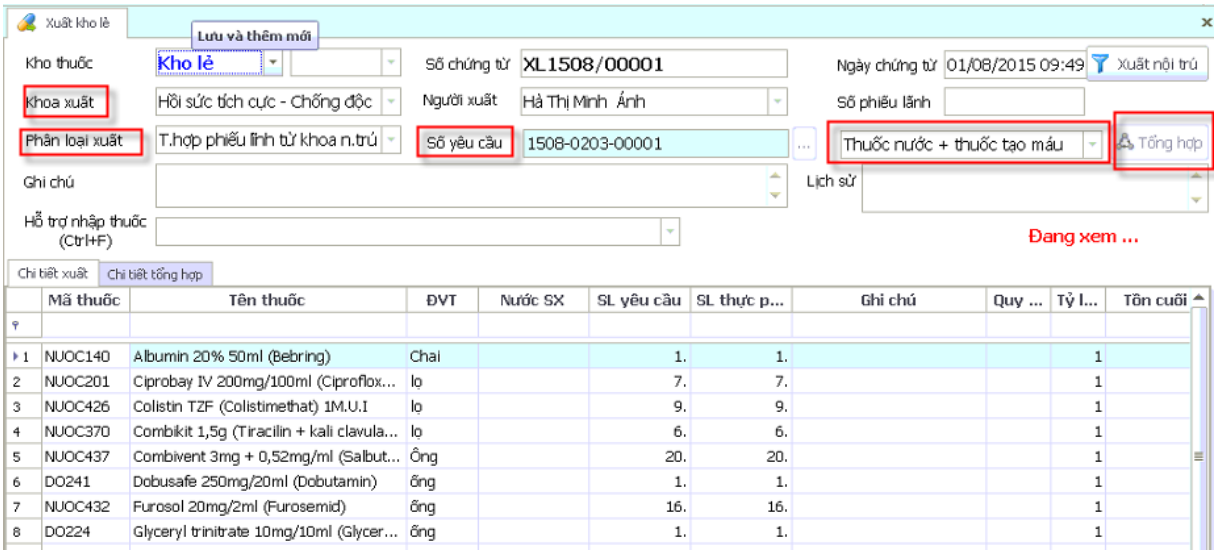

II.5.2.15. Xuất kho lẻ - Tổng hợp phát thuốc xuất viện

- Chức năng: Xuất thuốc cho các khoa có phiếu xuất viện.
- Khoa xuất: Chọn khoa có phiếu xuất viện
- Phân loại xuất: Tổng hợp phát thuốc xuất viện.

- Ngày: Chọn ngày khoa làm phiếu xuất viện từ STT đến STT bao nhiêu.
- Tổng hợp: Lấy thuốc từ những ngày có STT đã chọn trong khoa có làm phiếu xuất viện.

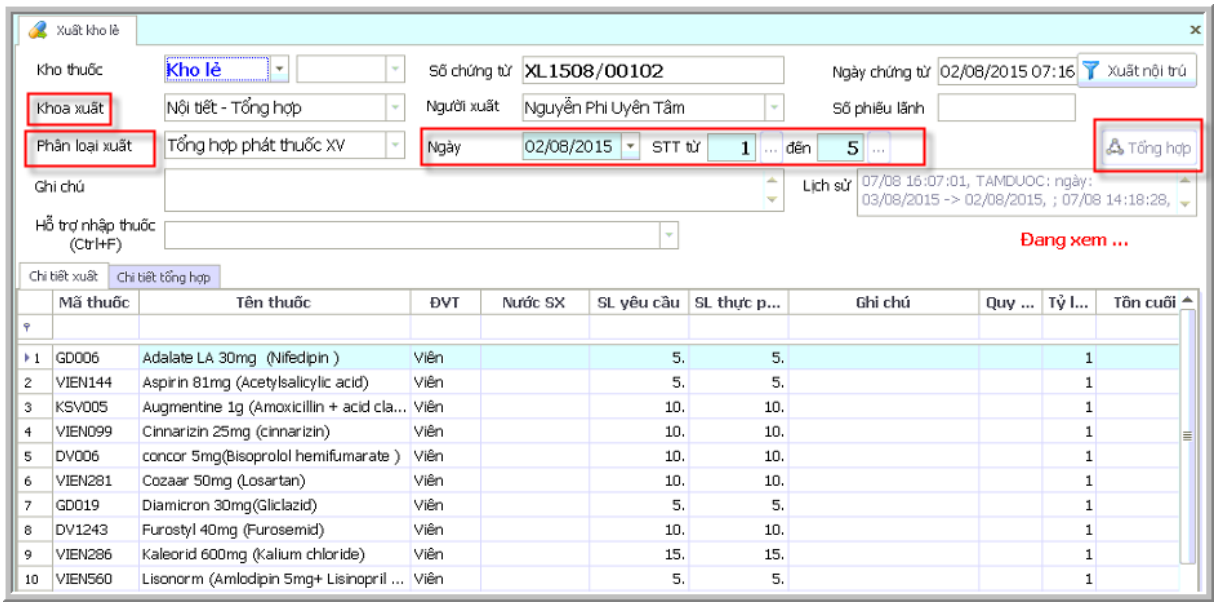

II.5.2.16. Xuất kho lẻ - Xuất nội bộ

- Chức năng: Xuất thuốc nội bộ cho các kho (kho chẵn. kho BHYT).
- Kho xuất: Chọn kho làm phiếu xuất.
- Phân loại xuất: Xuất nội bộ.
- Nhà CC/ kho: Chọn kho muốn xuất thuốc tới(kho BHYT,kho chẵn).
- Hỗ trợ nhập thuốc: Nhập thuốc cần xuất nội bộ.

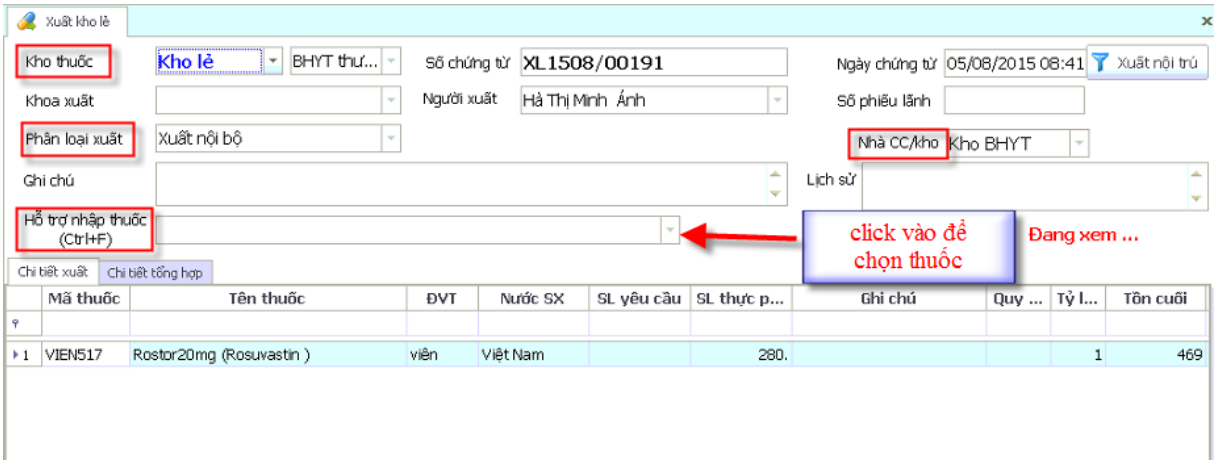

II.5.2.17. Tồn kho lẻ (chỉ xử lý kho BHYT và kho lẻ)

- Tồn kho lẻ xử lý giống tồn kho chẵn chỉ khắc là tồn kho lẻ xử lý không theo số lô hạn dùng.

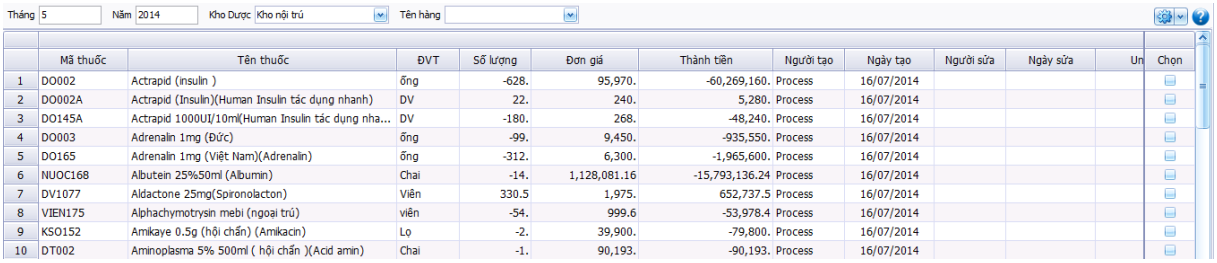

II.5.2.18. Phát thuốc phòng khám BHYT

- Nhập thông tin cần lọc.
- Nhấn vào bệnh nhân cần phát thuốc. Thuốc bệnh nhận được chọn tự động hiện ở bảng bên phải.
- Nhấn nút phát để xác định bệnh nhân đã phát thuốc.

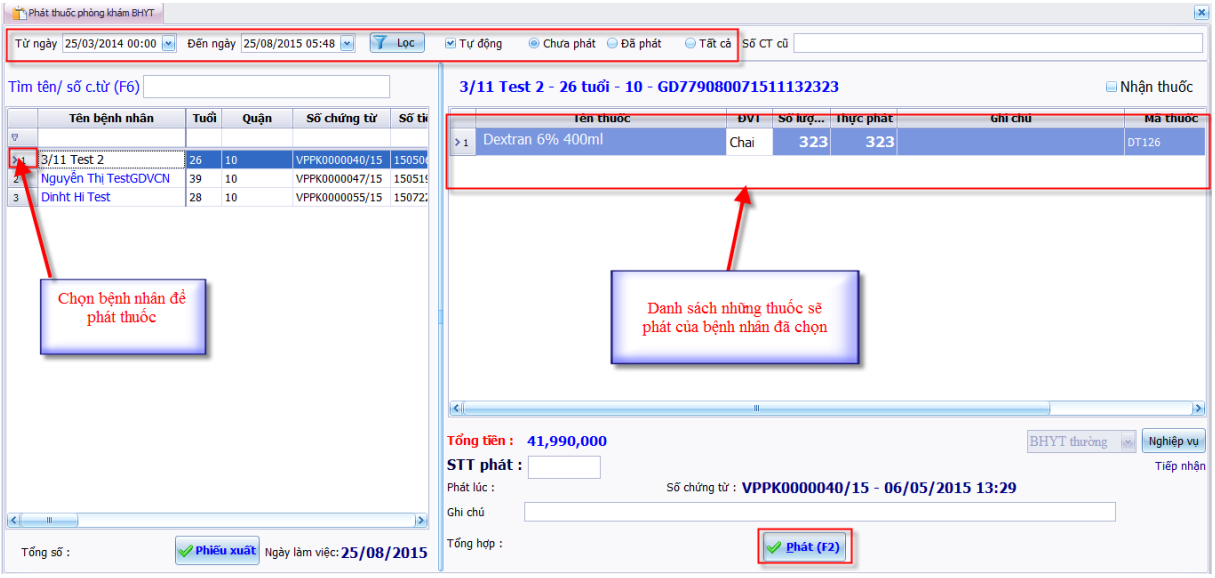

II.5.2.19. Phát thuốc phòng khám khoa thận

- Phát thuốc phòng khám khoa thận làm giống phát thuốc phòng khám BHYT.

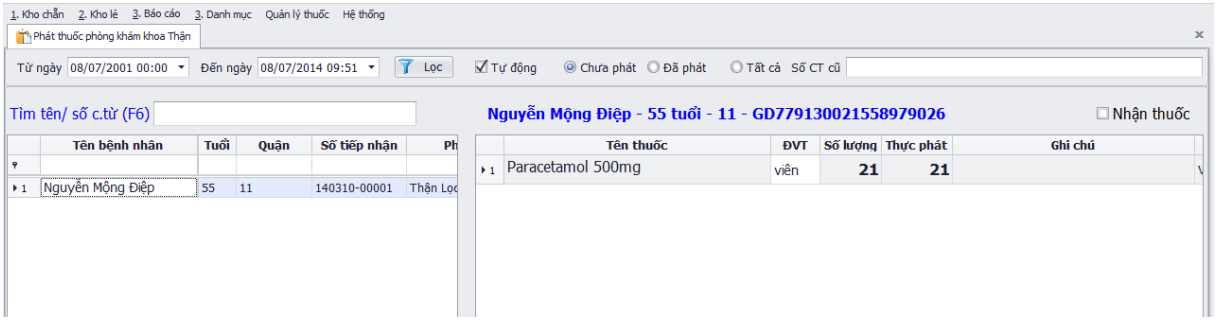

II.5.2.20. Phát thuốc xuất viện

- Phát thuốc xuất viện làm giống phát thuốc phòng khám BHYT.

II.5.3. Báo cáo nhập xuất

II.5.3.1. Báo cáo nhập xuất tồn

- Chức năng:Xem tồn đầu kỳ, nhập trong tháng, xuất trong tháng, các khoa trả về của từng loại thuốc

- Cách lấy số liệu(nguồn nhập:để rỗng) : Lấy tất cả mọi phiếu nhập xuất và tồn
- Cách lấy số liệu(nguồn nhập:sử dụng) : Lấy tất cả trừ những phiếu nội bộ.

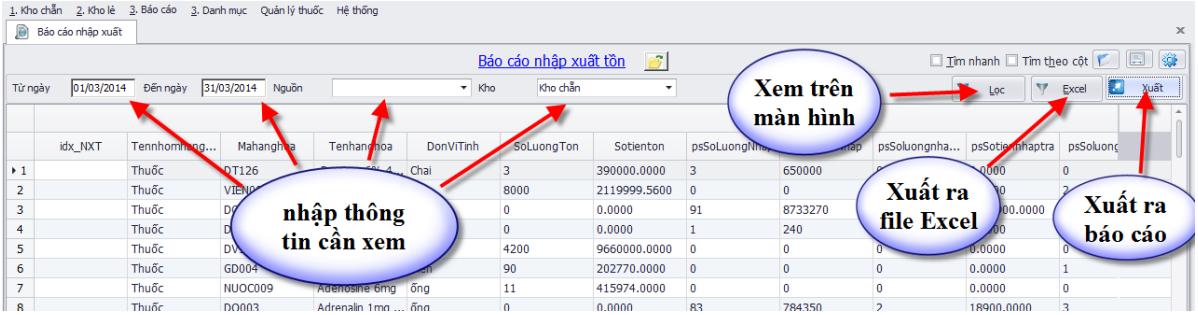

II.5.3.2. Phiếu nhập xuất cuối ngày

- Chức năng: Báo cáo xem số lượng nhập hoặc xuất của thuốc theo nơi xuất và nơi nhập.

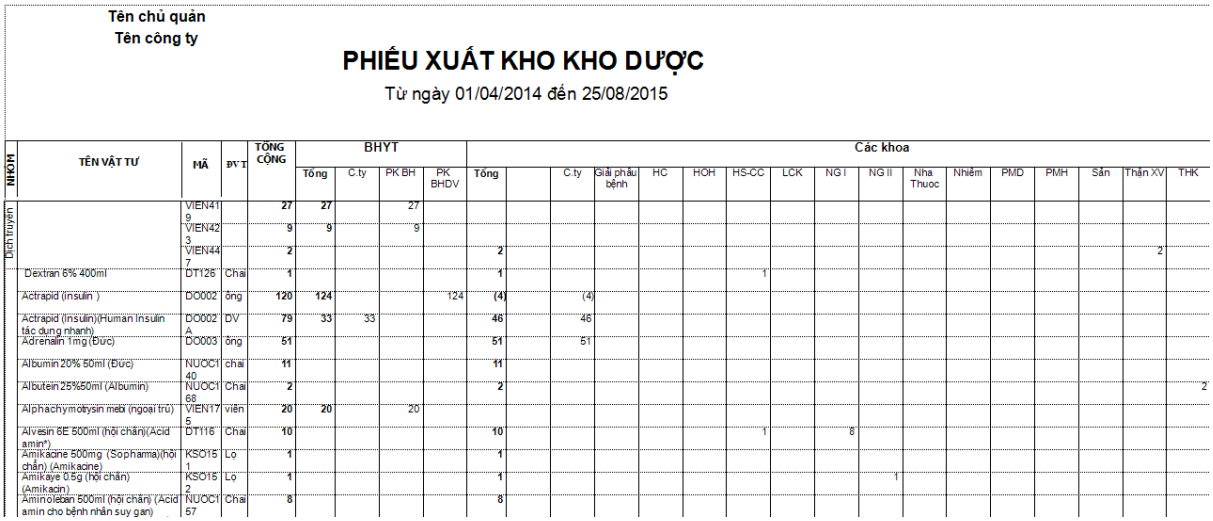

Tên chủ quản
Tên công ty

PHIẾU XUẤT KHO KHO DƯỢC

Từ ngày 01/04/2014 đến 25/08/2015

NHÓM	TÊN VẬT TƯ	MÃ	ĐVT	TỔNG CỘNG	BHYT				Các khoa																
					Tổng	C.ty	PK BH	PK BHDV	Tổng		C.ty	Giải phẫu bệnh	HC	HOH	HS-CC	LCK	NG I	NG II	Nha Thuoc	Nhiễm	PMD	PMH	Sản	Thận XV	THK
Dịch truyền		VIEN419		27	27		27																		
		VIEN423		9	9		9																		
		VIEN447		2					2															2	
	Dextran 6% 400ml	DT126	Chai	1					1						1										
	Actrapid (insulin)	DO002	ống	120	124			124	(4)		(4)														
	Actrapid (Insulin)(Human Insulin tác dụng nhanh)	DO002A	DV	79	33	33			46		46														
	Adrenalin 1mg (Đức)	DO003	ống	51					51		51														
	Albumin 20% 50ml (Đức)	NUOC140	chai	11					11																
	Albutein 25%50ml (Albumin)	NUOC168	Chai	2					2																2
	Alphachymotrysin mebi (ngoai trú)	VIEN175	viên	20	20		20																		
	Alvesin 6E 500ml (hội chẩn)(Acid amin*)	DT116	Chai	10					10						1		8								
	Amikacine 500mg (Sopharma)(hội chẩn) (Amikacine)	KSO151	Lọ	1					1																
	Amikaye 0.5g (hội chẩn) (Amikacin)	KSO152	Lọ	1					1									1							
	Aminoleban 500ml (hội chẩn) (Acid amin cho bệnh nhân suy gan)	NUOC157	Chai	8					8																

II.5.3.3. Phiếu nhập xuất cuối tháng

- Chức năng: Báo cáo xem số lượng nhập hoặc xuất của thuốc theo từng ngày.
- Cách lấy số liệu(nguồn nhập:để rỗng) : Lấy tất cả mọi phiếu nhập xuất và tồn
- Cách lấy số liệu(nguồn nhập:sử dụng) : Lấy tất cả mọi trừ những phiếu xuất nội bộ.
- Cách lấy số liệu(nguồn nhập:nội trú) : Chỉ lấy phiếu nhập và xuất có khoa.

Tên chủ quản
Tên công ty

PHIẾU XUẤT KHO KHO DƯỢC

Từ ngày 01/04/2014 đến 25/08/2015

			TC	10/4	23/4	6/5	7/5	8/5	9/5	3/6	22/7	4/8	5/8	6/8	7/8	8/8	25/9	23/10	21/11	24/12	25/12	12/1	12/3	13/3	16/3	19/3	20/7
Dịch truyền			38															2						9	27		
	Dextran 6% 400ml	Chai	1									1															
	Actrapid (insulin)	ống	120	(5)																			2			123	
	Actrapid (Insulin)(Human Insulin tác dụng nhanh)	DV	79				44								2			33									
	Adrenalin 1mg (Đức)	ống	51		3	44	3						1														
	Albumin 20% 50ml (Đức)	chai	11													11											
	Albutein 25%50ml (Albumin)	Chai	2																	2							
	Alphachymotrysin mebi (ngoại trú)	viên	20													20											
	Alvesin 6E 500ml (hội chẩn) (Acid amin*)	Chai	10									9				1											
	Amikacine 500mg (Sopharma) (hội chẩn) (Amikacine)	Lọ	1													1											
	Amikaye 0.5g (hội chẩn) (Amikacin)	Lọ	1													1											

II.5.3.4. Phiếu nhập xuất cuối tháng tổng hợp

- Chức năng: Báo cáo xem tổng số lượng đã xuất hoặc đã nhập của từng thuốc theo điều kiện đã chọn.

SỞ Y TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BV CẤP CỨU TRƯNG VƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO TỔNG HỢP CUỐI THÁNG KHO DƯỢC

Từ Ngày : 01/06/2014 **Đến Ngày :**31/08/2014

STT	TÊN THUỐC-DỤNG CỤ	ĐƠN VỊ	TỔNG CỘNG
1	Dextran 6% 400ml	Chai	1
2	Actrapid (insulin)	ống	
3	Actrapid (Insulin)(Human Insulin tác dụng nhanh)	DV	2
4	Adrenalin 1mg (Đức)	ống	1
5	Albumin 20% 50ml (Đức)	chai	11
6	Alphachymotrysin mebi (ngoại trú)	viên	20
7	Alvesin 6E 500ml (hội chẩn)(Acid amin*)	Chai	10
8	Amikacine 500mg (Sopharma)(hội chẩn) (Amikacine)	Lọ	1
9	Amikaye 0.5g (hội chẩn) (Amikacin)	Lọ	1
10	Aminoleban 500ml (hội chẩn) (Acid amin cho bệnh nhân suy gan)	Chai	8
11	Aminoplasma 5% 500ml (hội chẩn)(Acid amin)	Chai	2

II.5.3.5. Xem chi tiết nhập xuất tồn

- Chức năng: Xem chi tiết từng phiếu nhập hoặc xuất của kho để kiểm tra mỗi khi cần.(Màn hình này không xuất báo cáo)

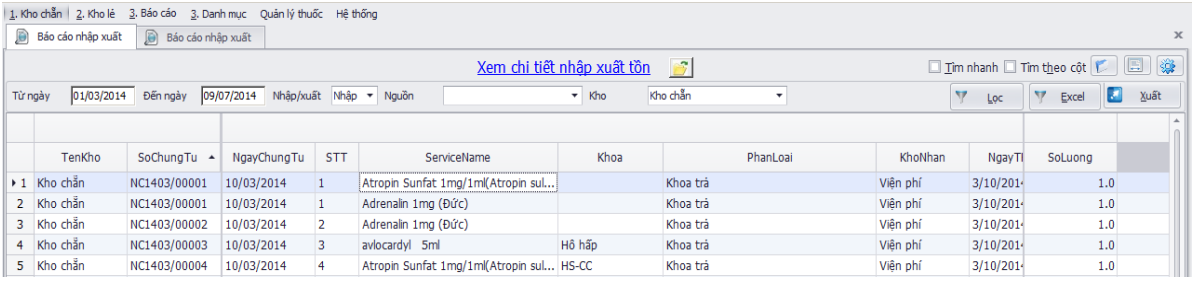

II.5.3.6. Thẻ kho

- Chức năng: Theo dõi quá trình nhập xuất tồn của một tên thuốc từ ngày đến ngày mà người dùng muốn biết.

SỞ Y TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BV CẤP CỨU TRƯNG VƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THẺ KHO CHẴN

MS : 04D/BV-01

Mã số : DT126 Từ ngày : 01/08/2014 Đến ngày : 25/08/2015
Tên thuốc : Dextran 6% 400ml
Đơn vị : Chai

NGÀY THÁNG	SỐ CHỨNG TỪ		LÔ SẢN XUẤT	HẠN DÙNG	DIỄN GIẢI	SỐ LƯỢNG			GHI CHÚ
	NHẬP	XUẤT				TỒN ĐẦU	NHẬP KHO	XUẤT KHO	
25/09/2014		XC1409/00002		29/05/2015	Kho chẵn xuất cho Kho nội trú			10	
25/08/2015	NC1508/00001			25/08/2016	Ampharco USA [123653]		40		
					Tổng cộng :		40	10	
					Tồn kho cuối kỳ :				

II.5.3.7. Báo cáo phiếu nhập xuất

- Chức năng: Xem từng phiếu nhập của kho theo loại nhập nếu nhấn vào nút chi tiết sẽ hiện chi tiết của phiếu đó.(Màn hình chi tiết xuất báo cáo, màn hình cha không xuất báo cáo)

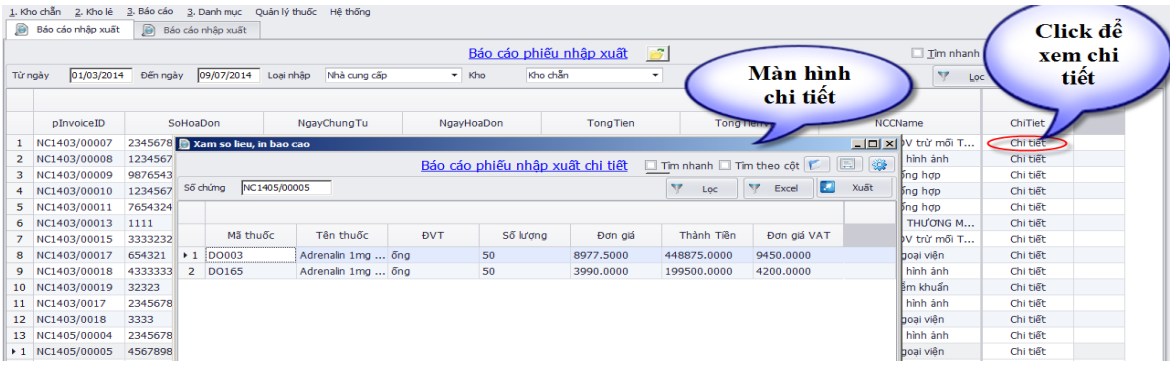

II.5.3.8. Báo cáo dược bệnh viện(Báo cáo quý)

- Chức năng: Báo cáo quý thể hiện từng chỉ mục theo kho.

SỞ Y TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BV CẤP CỨU TRƯNG VƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biểu 07-DBV

DƯỢC BỆNH VIỆN NĂM 2015

Từ ngày : 01/08/2014 Đến ngày : 25/08/2015

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG
1. Tổng tiền thuốc hóa chất thuốc thử		1.000đ	11,808
	Tổng tiền thuốc nội ngoại	1.000đ	11,808
	Hóa chất, thuốc thử cận lâm sàng	1.000đ	
2. Tổng tiền thuốc theo phân loại		1.000đ	1
	Kháng sinh, kháng ký sinh trùng	1.000đ	
	Vitamin, khoáng chất	1.000đ	
	Corticoid	1.000đ	1
	Thuốc gây tê, mê	1.000đ	
3. Tổng số dịch truyền đã sử dụng		lít	
	Dịch truyền tự pha chế	lít	
5. Tai biến trong thuốc sử dụng		trường hợp	
	Do tai biến của thuốc	trường hợp	
	Do tai sai sót chuyên môn	trường hợp	
6. Chuẩn loại thuốc sử dụng trong BV		loại	98

II.5.3.9. Báo cáo chi tiết nhập xuất tồn

- Chức năng: Báo cáo thể hiện số lượng chi tiết thuốc theo loại nhập xuất của kho dược
- Cách lấy số liệu : lấy tất cả mọi phiếu nhập và xuất.

1. Kho chẵn 2. Kho lẻ 3. Báo cáo 3. Danh mục Quản lý thuốc Hệ thống

Báo cáo nhập xuất | Báo cáo nhập xuất

Báo cáo chi tiết nhập xuất tồn

Tìm nhanh Tìm theo cột

Từ ngày 01/03/2014 Đến ngày 31/03/2014 Lọc Excel Xuất

	Mahanghoa	Tenhanghoa	DonViTinh	TonDau	KCNhapHoaDon	KCNhapTuKho...	NhapKhoLe	NhapKhoBH	NhapTraKC	NhapTraKhoLe	NhapTraKhoBH	TongNh
79	VIEN025	daflon 500mg...	Viên	32372	0	0	2	0	0	0	0	2
80	NUOC032	Dalacin C IV 60...	Lọ	383	0	0	0	0	0	0	0	0
81	VIEN027	Debridat 100m...	Viên	4793	0	0	0	0	0	0	0	0
82	DO132	Depakine 500...	viên	15529	0	0	1	0	0	0	0	1
83	DO013	dexa 4mg(Dex...	ống	1528	0	0	444	444	0	0	0	888
84	DO012	dexacol collyre...	Lọ	2722	0	0	3	0	0	0	0	3
85	DV013	dexamethason...	Viên	686	0	0	0	0	0	0	0	0
86	DV1104	DHA Glucosami...	Viên	588	0	0	0	45	0	0	0	45
87	GD019	Diamicron 30m...	Viên	160914	0	0	5	5	0	0	0	10
88	VIEN028	diamox 250mg...	Viên	11450	0	0	4	0	0	0	0	4

II.5.4. Báo cáo kho dược

II.5.4.1. Báo cáo thuốc hết hạn.

- Chức năng: Báo cáo liệt kê thuốc đã hết hạn so với ngày lọc.

	thuốc	Tên thuốc	ĐVT	Nước SX	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Hạn dùng
1	4	Stablon 12.5mg(Tianeptin)	Viên		2.	3,489.15	6,978.3	4/1/2014
2		Renitec 5mg(Enalapril)	Viên		22.	2,897.	63,734.	4/1/2014
3	0	aspegic 100mg (Acetylsalicylic acid)	Gói		42.	960.75	40,351.5	2/1/2014
4	6	Hepatox-bvp (Actiso+biến súc+bìm bìm biếc+diệp ...	Viên		1,799.	900.0001	1,619,100.257	5/30/2014

II.5.4.2. Báo cáo hạn sử dụng thuốc

- Chức năng: Báo cáo liệt kê thuốc gần hết hạn trong khoảng mấy tháng kể từ ngày và tháng lọc.

	thuốc	Tên thuốc	ĐVT	Nước SX	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Hạn dùng
1	0	aspegic 100mg (Acetylsalicylic acid)	Gói		42	961	40,352	2/1/2014
2	3	Berithyrox 100mcg(Levothyroxin natri)	Viên		1,404	405	568,620	11/1/2014
3		dexacol collyre(Chloramphenicol + Dexamethason)	Lọ		52	3,675	191,100	11/5/2014
4	4	Diệp hạ châu	Viên		842	504	424,368	9/26/2014
5	6	Hepatox-bvp (Actiso+biến súc+bìm bìm biếc+diệp ...	Viên		1,799	900	1,619,100	5/30/2014
6	2	Lowlip 40mg(Telmisartan)	Viên		305	6,200	1,891,000	8/21/2014
7	0	Praxilene 200mg (Naftidrofuryl)	Viên		609	4,105	2,499,945	7/18/2014
8	0	Praxilene 200mg (Naftidrofuryl)	Viên		2,000	4,105	8,210,000	7/27/2014
9		Rebure 10mg(Atorvastatin)	Viên		232	2,950	684,394	10/5/2014
10		Renitec 5mg(Enalapril)	Viên		22	2,897	63,734	4/1/2014
11	7	Sedacoron 200mg(Amiodaron)	viên		5	3,570	17,850	7/31/2014
12		Sibelium 5mg(Flunarizin)	Viên		1,851	4,965	9,190,215	10/24/2014

II.5.4.3. Danh sách kiểm kê

- Chức năng: Xuất ra báo cáo in danh sách kiểm kê thuốc mỗi tháng theo kho.

SỞ Y TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KIỂM KÊ THÁNG 8/2014

KHO CHẴN

STT	MÃ SỐ	TÊN THUỐC - HÀM LƯỢNG	ĐVT	SL KIỂM KÊ	THANH LÝ	NỢ	TỔNG KK
1	VIEN004	Acodein (Terpincodein)	Viên				
2	DO002	Actrapid (insulin)	ống				
3	DO002A	Actrapid (Insulin)(Human Insulin tác dụng nhanh)	DV				
4	DV1017	Acyclovir 800mg(Acyclovir)	viên				
5	DO003	Adrenalin 1mg (Đức)	ống				
6	DO165	Adrenalin 1mg (Việt Nam) (Adrenalin)	ống				
7	DV1077	Aldactone 25mg(Spironolacton)	Viên				
8	KSO100	Alfacef 1g (Ceftazidim)	Lọ				
9	VIEN175	Alphachymotrysin mebi (ngoại trú)	viên				
10	DTT0	Alvesin 10E 250ml (hội chẩn)	chai				
11	KSO151	Amikacine 500mg (Sophama)(hội chẩn) (Amikacine)	Lọ				

II.5.4.4. Bảng kiểm kê

- Chức năng: Xuất ra báo cáo tổng hợp thuốc sau khi đã kiểm kê và điền số lượng thực tế.

SỞ Y TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KIỂM KÊ KHO CHẨN

Ngày : 31/08/2014

Tổ kiểm kê gồm có :

1/..... 4/.....
2/..... 5/.....
3/..... 6/.....

Đã kiểm kê từ : giờ đến giờ ngày 31/08/2014

STT	TÊN THUỐC-DỤNG CỤ	ĐƠN VỊ	TỒN MÁY	THỰC KIỂM	HỎNG/HH	TC KIỂM KÊ	SL THỪA	SL THIẾU
1	Acodein (Terpincodein)	Viên		7,998		7,998	7,998	
2	Actrapid (insulin)	ống		-4,444,299		-4,444,299		4,444,299
3	Actrapid (Insulin)(Human Insulin tác dụng nhanh)	DV		-18		-18		18
4	Acyclovir 800mg(Acyclovir)	viên		4,200		4,200	4,200	
5	Adrenalin 1mg (Đức)	ống		50		50	50	
6	Adrenalin 1mg (Việt Nam)(Adrenalin)	ống		10,399		10,399	10,399	
7	Aldactone 25mg(Spironolacton)	Viên		40,875		40,875	40,875	
8	Alfacef 1g (Ceftazidim)	Lọ		20,342		20,342	20,342	

II.5.4.5. Bảng kiểm kê chi tiết

- Chức năng: Xuất ra báo cáo chi tiết thuốc theo số lô hạn dùng sau khi đã kiểm kê và điền số lượng thực tế.

STT	TÊN THUỐC-DỤNG CỤ	ĐƠN VỊ	ĐƠN GIÁ	HẠN DÙNG	TỒN MÁY	THÀNH TIỀN TỒN MÁY	THỰC KIỂM	HỎNG/HH	TC KIỂM KÊ	SL THỪA	SL THIẾU	THÀNH TIỀN THỪA	THÀNH TIỀN THIẾU
14	Aminoplasma-Hepa 10% 500ml (hội chẩn)(Acid amin cho bệnh nhân suy gan*)	Chai	179,655		88	15,809,640	88		88				
15	Amlodipin AMP 5mg	viên	840		307,682	258,452,880	307,682		307,682				
16	amoxicillin 500mg	Viên	615		8,000	4,919,999	8,000		8,000				
17	Anoma 0,25mcg (Calcitriol)	viên	2,100		47,037	98,777,700	47,037		47,037				
18	Artan 2mg (Trihexy phenidyl, Trihex)	Viên	112		11,479	1,289,666	11,479		11,479				
19	Aspirin 81mg (aspifar)	Viên	155		167,295	25,930,717	167,295		167,295				
20	Atorvastatin 10mg	Viên	1,890		-2		-2		-2				
21	Atropin Sunfat 0.25 mg	ống	500		221	110,500	221		221				
22	Atropin Sunfat 1mg/1ml(Atropin sulfat)	ống	9,865		-169		-169		-169				
23	Augmentin 1,2g (inj)(Amoxicillin+ Acid clavulanic)	Lọ	42,308		410	17,346,280	410		410				
24	augmentine 1g (Amoxicillin + acid clavulanic)	Viên	19,085		2,240	42,750,401	2,240		2,240				
25	Augmex DUO 1g (Amoxicilin + acid clavulanic)	Viên	11,900		34,744	413,453,588	34,744		34,744				
26	avlocardyl 5ml	ống	7,199		23	165,574	23		23				
27	Berlthyrox 100mcg(Levothyroxin natri)	Viên	405		13,600	5,507,998	13,600		13,600				
28	Berodual 20ml	ml	4,248		-100		-100		-100				
29	Berodual 20ml (Fenoterol +Ipratropium)	Lọ	96,870		252	24,411,202	252		252				
30	Berodual inhaler 10ml (Fenoterol +Ipratropium)	Lọ	132,322		16	2,117,153	16		16				

II.5.4.6. Báo cáo tiền nhóm thuốc chi tiết

- Chức năng: Báo cáo thể hiện chi tiết thành tiền thuốc nội ngoại theo kho và phân loại thuốc.
- Cách lấy số liệu : Số liệu xuất sử dụng(Không tính xuất nội bộ) – Số liệu các khoa trả về.

SỞ Y TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GIÁ THUỐC THÁNG

Từ ngày : 01/07/2015 đến ngày: 30/07/2015

Trang 1/2

STT	MÃ SỐ	TÊN THUỐC-CÔNG CỤ	ĐƠN VỊ	S. LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
Phân loại thuốc : Dịch truyền							
	Ngoại						
1	DT159	Combilipid 1440ml (BHYT Hưởng 50%-từ 1/1/2015)	túi	10	495,000	4,950,000	
2	NUOC121	Perfalgan 1g/100ml (Paracetamol)	Chai	1,488	47,730	71,022,147	
3	DT110	Refortan 6% 500ml(Tinh bột este hóa (hydroxyetyl starch))	Chai	10	145,000	1,449,998	
4	NUOC231	Sevorane sol 250ml (Sevoflurane)	Chai	31	3,578,600	110,936,600	
					Cộng nhóm : **Ngoại**		188,358,745
					Tỷ lệ % nhóm :		46.82
	Nội						
5	DT005	Glucose 5% 500ml	Chai	2,251	7,300	16,432,300	
6	DT123	Glucose 30% 250ml	chai	92	11,865	1,091,580	
7	DT008	Lactat ringer's 500ml (Ringer lactat)	Chai	1,785	7,100	12,673,500	
8	DT008	Lactat ringer's 500ml (Ringer lactat)	Chai	-2	6,992	-13,985	
9	DT008	Lactat ringer's 500ml (Ringer lactat)	Chai	4	6,800	27,200	
10	DT018	NaCl 0.45% 500ml (Natri clorid	Chai	-1	9,501	-9,502	
11	DT018	NaCl 0.45% 500ml (Natri clorid	Chai	15	9,502	142,522	
12	DT109	Nacl 0.9% 100ml (Natri clorid)	Chai	6,594	6,500	42,857,703	
13	DT019	NaCl 3% 100ml (Natri clorid)	Chai	78	6,825	532,350	
14	DT161	Natriclorid 0,9% 500ml (natri clorid) Bidiphar	chai	16,031	6,825	109,411,575	

II.5.4.7. Báo cáo tiền thuốc nội ngoại

- Chức năng: Báo cáo thể hiện tiền thuốc nội ngoại theo kho.
- Cách lấy số liệu : Số liệu xuất sử dụng(Không tính xuất nội bộ) – Số liệu các khoa trả về.

SỞ Y TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO SỬ DỤNG THUỐC NỘI NGOẠI

Từ ngày : 01/07/2015 Đến ngày : 30/07/2015

TUYẾN : KHO CHẴN

Trang 1/2

STT	MÃ SỐ	TÊN THUỐC - HÀM LƯỢNG	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
THUỐC : Ngoại						
1	DT002	Aminoplasma BBraun 5% E 500ml (Acid amin) (hội chẩn)	Chai	181	110,182	19,942,941
2	DT002	Aminoplasma BBraun 5% E 500ml (Acid amin) (hội chẩn)	Chai		110,497	
3	DT002	Aminoplasma BBraun 5% E 500ml (Acid amin) (hội chẩn)	Chai	92	111,865	10,291,580
4	DT001	Aminoplasma-Hepa 10% 500ml (hội chẩn)(Acid amin cho bệnh nhân suy gan*)	Chai	11	174,500	1,919,500
5	NUOC137	Aminoplasmal BBraun 10% E 250 ml (hội chẩn)	Chai	94	90,125	8,471,750
6	DT121	Aminparen 10% 500ml(hội chẩn)	Chai	11	88,500	973,500
7	DT159	Combilipid 1440ml (BHYT Hưởng 50%-từ 1/1/2015)	túi	10	495,000	4,950,000
8	DT143	Dianeal 1.5% 2lit	túi	2,427	74,453	180,698,402
9	DT144	Dianeal 2.5% 2lit	túi	703	74,453	52,340,740
10	DT144	Dianeal 2.5% 2lit	túi	77	74,454	5,732,958
11	DT156	Dianeal 4,25% 2lit	túi	3	74,453	223,360
12	DT009	Lipofundin 10% 250ml (Nhũ dịch lipid)	Chai	30	142,800	4,284,000
13	DV1076	Meglucon 850mg(Metformin)	Viên	3	1,716	5,148
14	DT015	Morihepamin 200ml (hội chẩn)	Bịch	74	104,979	7,768,446
15	DT101	Morihepamin 500ml (hội chẩn)(Acid amin cho bệnh nhân suy gan*)	Bịch	99	169,758	16,806,012
16	DT020	NaHCO3 4,2% 250ml	Chai	61	88,620	5,405,820
17	DT017	Neo amiyu 200ml (hội chẩn)	Bịch	195	105,999	20,669,718
18	DT017	Neo amiyu 200ml (hội chẩn)	Bịch		114,141	

II.5.4.8. Báo cáo tiền kháng sinh

- Chức năng: Báo cáo thể hiện tiền thuốc kháng sinh theo khoa.
- Cách lấy số liệu : Số liệu xuất sử dụng(Không tính xuất nội bộ) – Số liệu các khoa trả về.

BV CẤP CỨU TRƯNG VƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO TIỀN KHÁNG SINH SỬ DỤNG TẠI CÁC KHOA

Từ ngày : 01/07/2015 Đến ngày : 30/07/2015

STT	TÊN KHOA	TỔNG TIỀN	TỔNG TIỀN KS	% KS	TIỀN KS NỘI	% KS NỘI	TIỀN KS NGOẠI	%KS NGOẠI
1	Xuất Điều chỉnh	1,619,361	169,200	10.45	169,200	100		
2	Bỏng - Tạo hình thẩm mỹ	77,200,408	34,682,214	44.92	24,182,631	69.73	10,499,583	30.27
3	Chẩn đoán hình ảnh	201,302,668						
4	Chấn thương chỉnh hình	253,960,350	189,920,458	74.78	113,625,351	59.83	76,295,106	40.17
5	Đơn vị can thiệp mạch máu	18,490,153	48,890	.26	48,890	100		
6	Hồi sức tích cực - Chống độc	478,564,670	360,174,402	75.26	225,383,326	62.58	134,791,076	37.42
7	Khám bệnh	2,742,500	99,000	3.61	99,000	100		
8	Khoa Cấp cứu	124,243,932	67,877,189	54.63	38,233,424	56.33	29,643,766	43.67

II.5.4.9. Báo cáo tiền thuốc sử dụng

- Chức năng: Báo cáo thể hiện tiền thuốc nội ngoại đã sử dụng theo từng khoa.
- Cách lấy số liệu : Số liệu xuất sử dụng(Không tính xuất nội bộ) – Số liệu các khoa trả về.

Exit
Close Preview

BV CẤP CỨU TRUNG VƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO TIỀN THUỐC SỬ DỤNG TẠI CÁC KHOA

Từ ngày : 01/07/2015 Đến ngày : 30/07/2015

STT	TÊN KHOA	TỔNG TIỀN	% NỘI	%NGOẠI
1	Xuất Điều chỉnh	1,619,361	30.8	69.2
2	Bỏng - Tạo hình thẩm mỹ	77,200,408	32.64	67.36
3	Chẩn đoán hình ảnh	201,302,668	8.31	91.69
4	Chấn thương chỉnh hình	253,960,350	49.99	50.01
5	Đơn vị can thiệp mạch máu	18,490,153	16.17	83.83
6	Hồi sức tích cực - Chống độc	478,564,670	48.78	51.22
7	Khám bệnh	2,742,500	3.61	96.39
8	Khoa Cấp cứu	124,243,932	35.69	64.31
9	Khoa D Ngoại	172,425,121	49.33	50.67
10	Khoa D Nội	485,170,034	27.8	72.2
11	Khoa Dược	39,648,126	-47.01	147.01
12	Khoa Hô hấp	987,972,461	42.73	57.27

II.6. Quản lý cận lâm sàng

II.6.1. Giới thiệu – qui trình nghiệp vụ

➢ Nơi thực hiện:

- Khoa xét nghiệm
- Các phòng chẩn đoán hình ảnh
- Các phòng thăm dò chức năng

➢ Các yêu cầu:

- Xét nghiệm vi sinh
- Xét nghiệm sinh hóa - huyết học
- X quang - CT scaner - Cộng hưởng từ - Siêu âm - Nội soi - Tán sỏi

➢ Quy trình hoạt động:

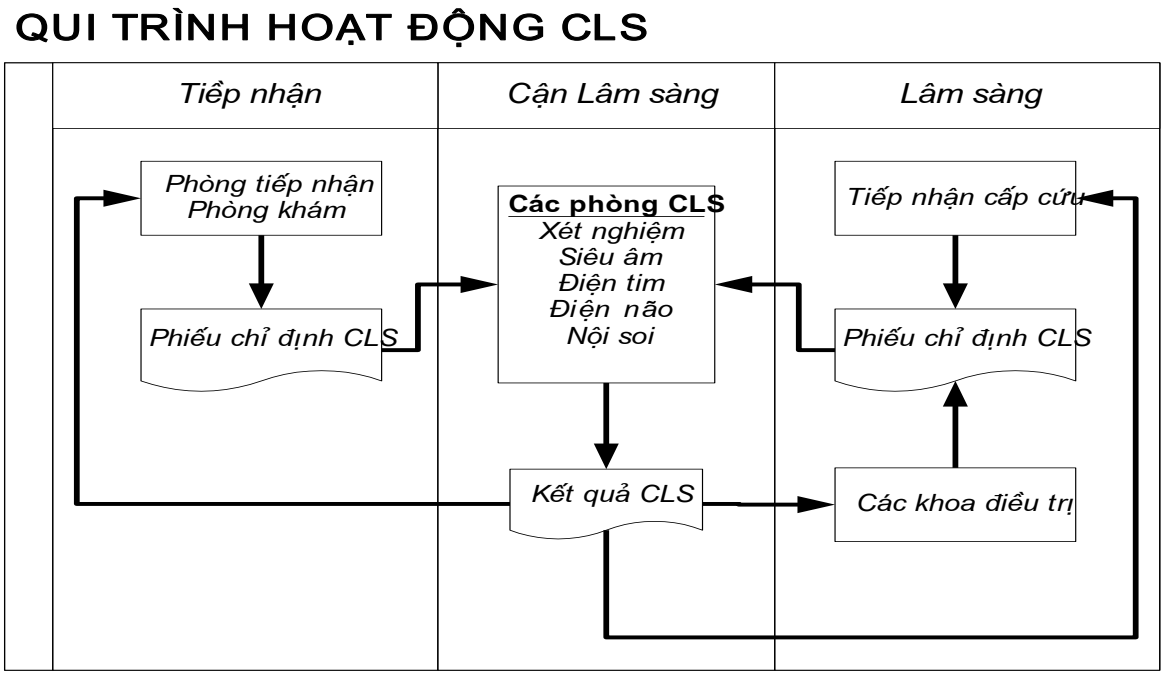

II.6.2. Các màn hình chính

II.6.2.1. Thông số chung màn hình trả kết quả cận lâm sàng.

- ***Số TN***: Nhập số tiếp nhận hoặc tìm theo danh sách bệnh nhân được chỉ định CLS theo ngày.
- ***Số VV***: Nhập số vào viện hoặc tìm theo danh sách bệnh nhân được chỉ định CLS theo ngày.
- ***Số NS***: Số CLS tự phát sinh để quan lý từng kết quả CLS.
- ***Danh sách chờ***: Danh sách sẽ tự cập nhật những bệnh nhân được chỉ định trong ngày hoặc tùy người dùng định nghĩa ngày lấy danh sách chờ.
- ***Tìm nhanh:*** Chức năng tìm nhanh tên trên danh sách chờ
- Tổng BN: Tổng bệnh nhân có trong danh sách chờ + tổng bệnh nhân đã được thực hiện trong ngày.
- Chờ: Tổng số bệnh nhân có trong danh sách chờ.
- TH: Số ca thực hiện trong ngày.
- ***Họ và tên , Tuổi, giới tính***: Thông tin cơ bản của bệnh nhân.
- ***BHYT***: Số bảo hiểm y tế của bệnh nhân.
- ***Khoa***: Tim mạch.
- ***Thủ thuật***: Nhập thủ thuật nếu bệnh nhân có thực hiện thủ thuật.
- ***Chẩn đoán***: Lấy chẩn đoán từ phòng khám hoặc tờ điều trị.
- ***Ngày***: Ngày trả kết quả CLS.
- ***Số lam***: Số lam làm giải phẫu bệnh.
- ***Đã mổ***: Nhập phương pháp mô mà bệnh nhân đã từng mổ.
- ***Dụng cụ***: Nhập dụng cụ làm trả kết quả.
- ***Phân loại***: Tự động chọn phân loại khi chọn mẫu kết quả.
- ***Thuốc***: Nhập thuốc đã dùng khi làm CLS.

- ***Mẫu kết quả***: Chọn mẫu kết quả muốn làm CLS.
- ***KT Chụp***: Tên kĩ thuật làm CLS.
- ***Film***: số lượng phim tiêu hao.
- ***Cản quang***: Check nếu có cản quang.
- ***Form mẫu***: Cho phép chỉnh sửa thông số phù hợp với bệnh nhân.
- ***Tab Image***: Chụp hình hoặc chọn hình để lưu hình của bệnh nhân lên hệ thống.
- ***Tab Video***: Lưu file file video (.mp4) lên hệ thống.
- ***Tab Attach File***: Chọn file lien quan tới bệnh nhân lưu trên hệ thống.(Chú ý: Nên nén lại file .zip cho nhẹ hệ thống)
- ***Kết luận***: Nhập kết luận sau khi làm CLS.
- ***Đề nghị***: Nhập đề nghị sau khi làm CLS.
- ***Ghi chú***: Nhập ghi chú nếu cần ghi chú.
- ***Photo***: Check vào photo nếu lưu hình.
- ***Video***: Check vào video nếu lưu video.
- ***Clotest***: Check vào Clotest nếu thực hiện.
- ***BS thực hiện***: Chọn bác sĩ thực hiện.
- ***Điều dưỡng***: Chọn người điều dưỡng phụ.

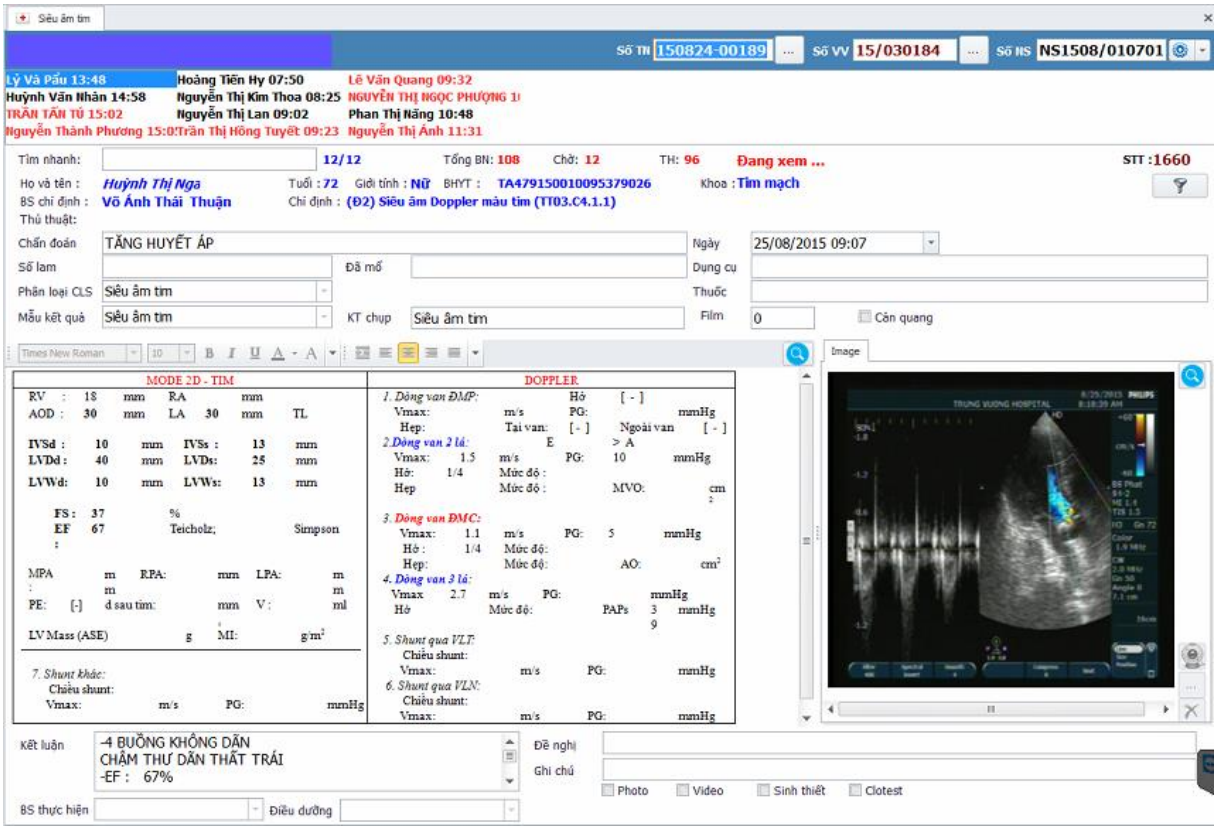

II.6.2.2. Cấu hình cho màn hình trả kết quả CLS.

***B1*:** Định nghĩa phân loại cận lâm sàng.

- Chức năng: Dùng để phân loại từng nhóm CLS. Tùy vào nhóm đó có 1 hay nhiều loại CLS.

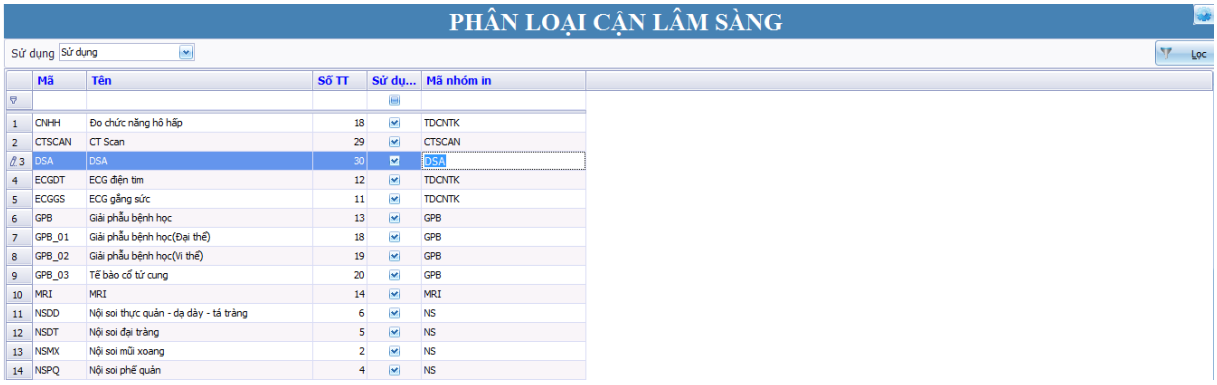

	Mã	Tên	Số TT	Sử dụ...	Mã nhóm in
1	CNHH	Đo chức năng hô hấp	18		TDCNTK
2	CTSCAN	CT Scan	29		CTSCAN
3	DSA	DSA	30		DSA
4	ECGDT	ECG điện tim	12		TDCNTK
5	ECGGS	ECG gắng sức	11		TDCNTK
6	GPB	Giải phẫu bệnh học	13		GPB
7	GPB_01	Giải phẫu bệnh học(Đại thể)	18		GPB
8	GPB_02	Giải phẫu bệnh học(Vi thể)	19		GPB
9	GPB_03	Tế bào cổ tử cung	20		GPB
10	MRI	MRI	14		MRI
11	NSDD	Nội soi thực quản - dạ dày - tá tràng	6		NS
12	NSDT	Nội soi đại tràng	5		NS
13	NSMX	Nội soi mũi xoang	2		NS
14	NSPQ	Nội soi phế quản	4		NS

B2: Tạo từ điển cho từng phân loại CLS

- Chức năng: Dùng để tạo từ điển mẫu kết quả cho từng loại CLS.1 phân loại có thể có 1 hoặc nhiều mẫu kết quả.Mỗi mẫu kết quả có thể nhập câu kết luận thường sử dụng nhất.

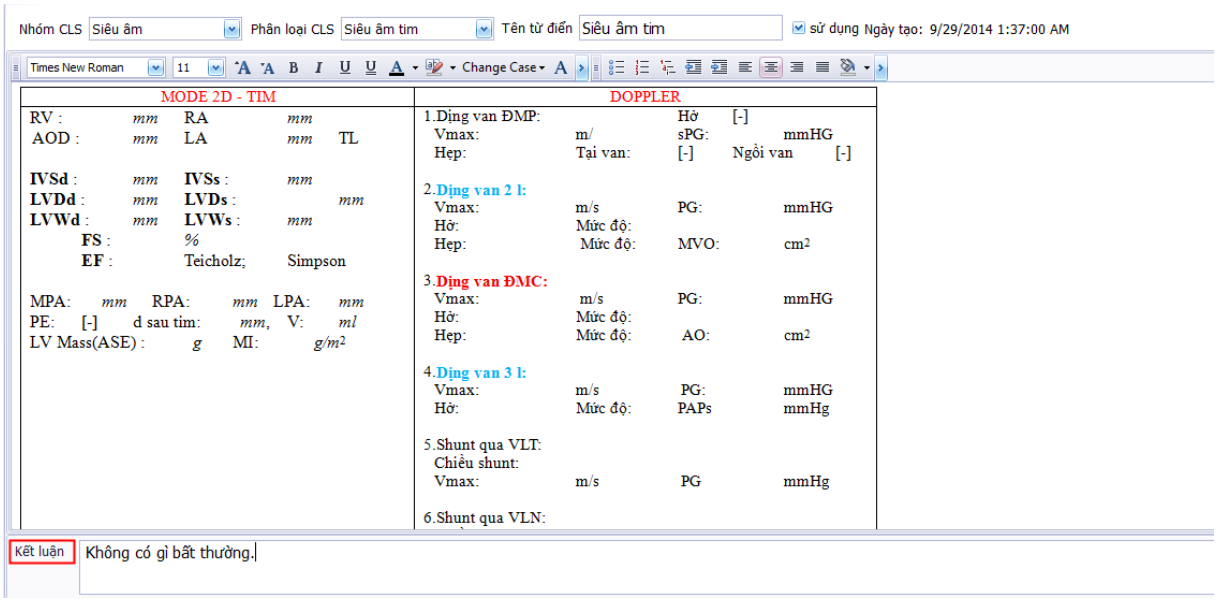

B3: Phân loại CLS cho chỉ định.

- Chức năng: Chọn phân loại CLS cho từng chỉ định để khi sử dụng màn hình trả kết quả CLS của phân loại nào thì chỉ tìm bệnh nhân có chỉ định của phân loại đó.
- Chú ý.Nếu Nhóm CLS nào chỉ sử dụng 1 màn hình trả kết quả thì có thể bỏ quả bước này vì lúc đó màn hình đó sẽ tìm bệnh nhân theo nhóm.

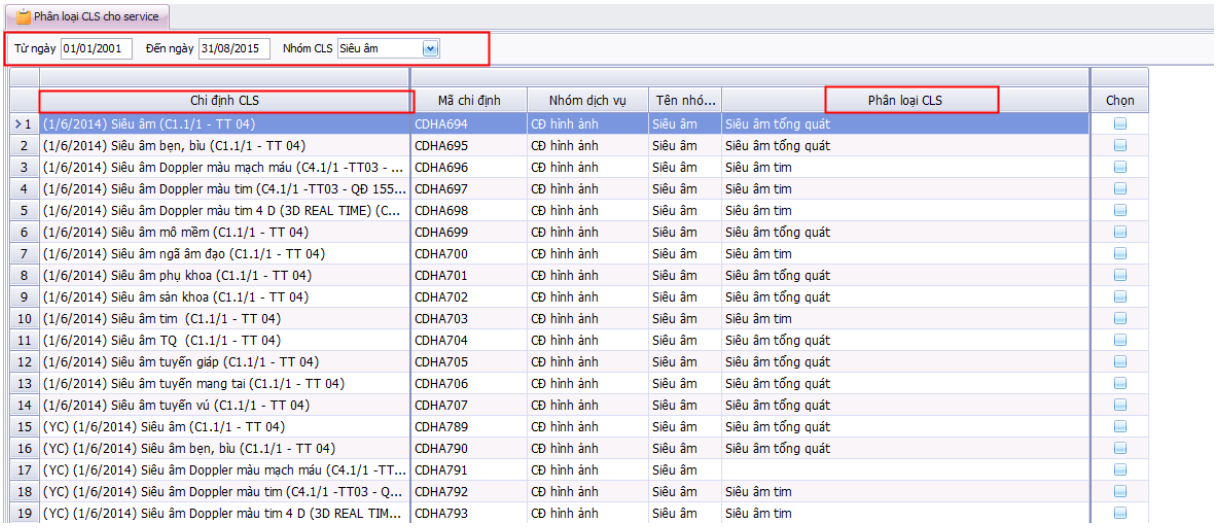

	Chỉ định CLS	Mã chỉ định	Nhóm dịch vụ	Tên nhó...	Phân loại CLS	Chọn
1	(1/6/2014) Siêu âm (C1.1/1 - TT 04)	CDHA694	CĐ hình ảnh	Siêu âm	Siêu âm tổng quát	
2	(1/6/2014) Siêu âm bẹn, bìu (C1.1/1 - TT 04)	CDHA695	CĐ hình ảnh	Siêu âm	Siêu âm tổng quát	
3	(1/6/2014) Siêu âm Doppler màu mạch máu (C4.1/1 -TT03 - ...	CDHA696	CĐ hình ảnh	Siêu âm	Siêu âm tim	
4	(1/6/2014) Siêu âm Doppler màu tim (C4.1/1 -TT03 - QĐ 155...	CDHA697	CĐ hình ảnh	Siêu âm	Siêu âm tim	
5	(1/6/2014) Siêu âm Doppler màu tim 4 D (3D REAL TIME) (C...	CDHA698	CĐ hình ảnh	Siêu âm	Siêu âm tim	
6	(1/6/2014) Siêu âm mô mềm (C1.1/1 - TT 04)	CDHA699	CĐ hình ảnh	Siêu âm	Siêu âm tổng quát	
7	(1/6/2014) Siêu âm ngã ba đạo (C1.1/1 - TT 04)	CDHA700	CĐ hình ảnh	Siêu âm	Siêu âm tim	
8	(1/6/2014) Siêu âm phụ khoa (C1.1/1 - TT 04)	CDHA701	CĐ hình ảnh	Siêu âm	Siêu âm tổng quát	
9	(1/6/2014) Siêu âm sản khoa (C1.1/1 - TT 04)	CDHA702	CĐ hình ảnh	Siêu âm	Siêu âm tổng quát	
10	(1/6/2014) Siêu âm tim (C1.1/1 - TT 04)	CDHA703	CĐ hình ảnh	Siêu âm	Siêu âm tim	
11	(1/6/2014) Siêu âm TQ (C1.1/1 - TT 04)	CDHA704	CĐ hình ảnh	Siêu âm	Siêu âm tổng quát	
12	(1/6/2014) Siêu âm tuyến giáp (C1.1/1 - TT 04)	CDHA705	CĐ hình ảnh	Siêu âm	Siêu âm tổng quát	
13	(1/6/2014) Siêu âm tuyến mang tai (C1.1/1 - TT 04)	CDHA706	CĐ hình ảnh	Siêu âm	Siêu âm tổng quát	
14	(1/6/2014) Siêu âm tuyến vú (C1.1/1 - TT 04)	CDHA707	CĐ hình ảnh	Siêu âm	Siêu âm tổng quát	
15	(YC) (1/6/2014) Siêu âm (C1.1/1 - TT 04)	CDHA789	CĐ hình ảnh	Siêu âm	Siêu âm tổng quát	
16	(YC) (1/6/2014) Siêu âm bẹn, bìu (C1.1/1 - TT 04)	CDHA790	CĐ hình ảnh	Siêu âm	Siêu âm tổng quát	
17	(YC) (1/6/2014) Siêu âm Doppler màu mạch máu (C4.1/1 -TT...	CDHA791	CĐ hình ảnh	Siêu âm		
18	(YC) (1/6/2014) Siêu âm Doppler màu tim (C4.1/1 -TT03 - Q...	CDHA792	CĐ hình ảnh	Siêu âm	Siêu âm tim	
19	(YC) (1/6/2014) Siêu âm Doppler màu tim 4 D (3D REAL TIM...	CDHA793	CĐ hình ảnh	Siêu âm	Siêu âm tim	

II.6.2.3. Trả kết quả nội soi thực quản – dạ dày – tá tràng.

- Chức năng: Trả kết quả cho bệnh nhân có những chỉ định thuộc phân loại nội soi thực quản – dạ dày – tá tràng.
- Thủ thuật: Chọn thủ thuật nếu có thực hiện.
- PTTT: Nhấn vào để nhập những thành viên tham làm thủ thuật để tính công sau này.

- Mẫu kết quả:

BỆNH VIỆN TRUNG VƯƠNG
KHOA CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH
266 Lý Thường Kiệt, P.14, Q.10
ĐT:(08)73036263 - (08)38656744

PHIẾU NỘI SOI
THỰC QUẢN - DẠ DÀY - TÁ TRÀNG
Số: NS1508/011837

Họ tên bệnh nhân: VƯƠNG THỊ ĐẶNG **Tuổi:** 49 **Giới tính:** Nữ
Khoa: PKYC Số 2.4 **Bác sĩ chỉ định:** Nguyễn Thị Thùy Linh
Chẩn đoán: (K29.1)Viêm dạ dày cấp khác **Ngày thực hiện:** 27/08/2015 08:19
Máy: Olympus **Vô cảm:** Lidocain Spray 10%

KẾT QUẢ NỘI SOI

Thực quản: Không thấy tổn thương

Tâm vị: Đường Z cách cung răng 40cm, không thấy tổn thương.

Dạ dày: Dạ dày đọng ít dịch.
Phình vị: Không thấy tổn thương.
Thân vị: Phía bờ cong lớn có 1 polyp, ĐK # 4 mm (Hình 1) sinh thiết 2 mẫu lấy trọn polyp làm giải phẫu bệnh lý
Hang vị: có nhiều loét nông , sinh thiết 2 mẫu làm giải phẫu bệnh lý (Hình)

Lỗ môn vị: Tròn đều, không hẹp.

Tá tràng: Hành tá tràng: Không thấy tổn thương.
Gối trên: không thấy tổn thương
Tá tràng D2: Không thấy tổn thương

Kết luận: -1 POLYP BỜ CONG LỚN THÂN VỊ- SINH THIẾT TRỌN POLYP
-LOÉT NÔNG HANG VỊ

Đề nghị:
Hình: X **Clotest: X** **Video:** **Sinh thiết: X**

Ngày 27 Tháng 8 Năm 2015
Bác sĩ thực hiện

BS. Ngô Hùng Trí

II.6.2.4. Trả kết quả nội soi đại tràng

- Chức năng: Trả kết quả cho bệnh nhân có những chỉ định thuộc phân loại nội soi đại tràng.
- Cách thực hiện giống nội soi thực quản – dạ dày – tá tràng.
- Mẫu kết quả:

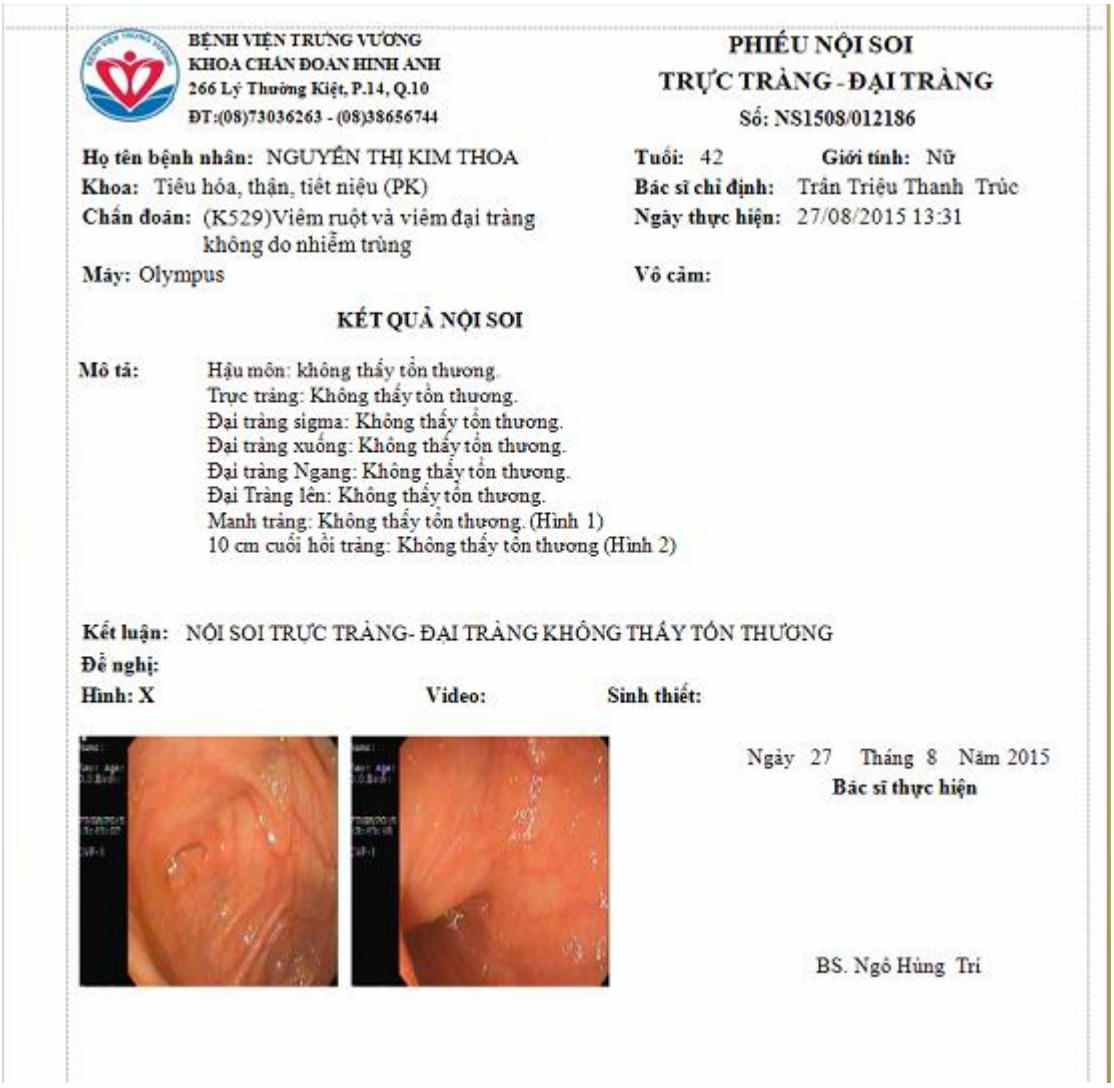

BỆNH VIỆN TRUNG VƯƠNG
KHOA CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH
266 Lý Thường Kiệt, P.14, Q.10
ĐT:(08)73036263 - (08)38656744

PHIẾU NỘI SOI
TRỰC TRÀNG - ĐẠI TRÀNG
Số: NS1508/012186

Họ tên bệnh nhân: NGUYỄN THỊ KIM THOA **Tuổi:** 42 **Giới tính:** Nữ
Khoa: Tiêu hóa, thận, tiết niệu (PK) **Bác sĩ chỉ định:** Trần Triệu Thanh Trúc
Chẩn đoán: (K529)Viêm ruột và viêm đại tràng không do nhiễm trùng **Ngày thực hiện:** 27/08/2015 13:31
Máy: Olympus **Vô cảm:**

KẾT QUẢ NỘI SOI

Mô tả:
Hậu môn: không thấy tổn thương.
Trực tràng: Không thấy tổn thương.
Đại tràng sigma: Không thấy tổn thương.
Đại tràng xuống: Không thấy tổn thương.
Đại tràng Ngang: Không thấy tổn thương.
Đại Tràng lên: Không thấy tổn thương.
Manh tràng: Không thấy tổn thương. (Hình 1)
10 cm cuối hồi tràng: Không thấy tổn thương (Hình 2)

Kết luận: NỘI SOI TRỰC TRÀNG- ĐẠI TRÀNG KHÔNG THẤY TỔN THƯƠNG
Đề nghị:
Hình: X **Video:** **Sinh thiết:**

Ngày 27 Tháng 8 Năm 2015
Bác sĩ thực hiện

BS. Ngô Hùng Trí

II.6.2.5. Trả kết quả nội soi tai mũi họng

- Chức năng: Trả kết quả cho bệnh nhân có những chỉ định thuộc phân loại nội soi tai mũi họng.
- Nội soi tai mũi họng không làm Thủ thuật.

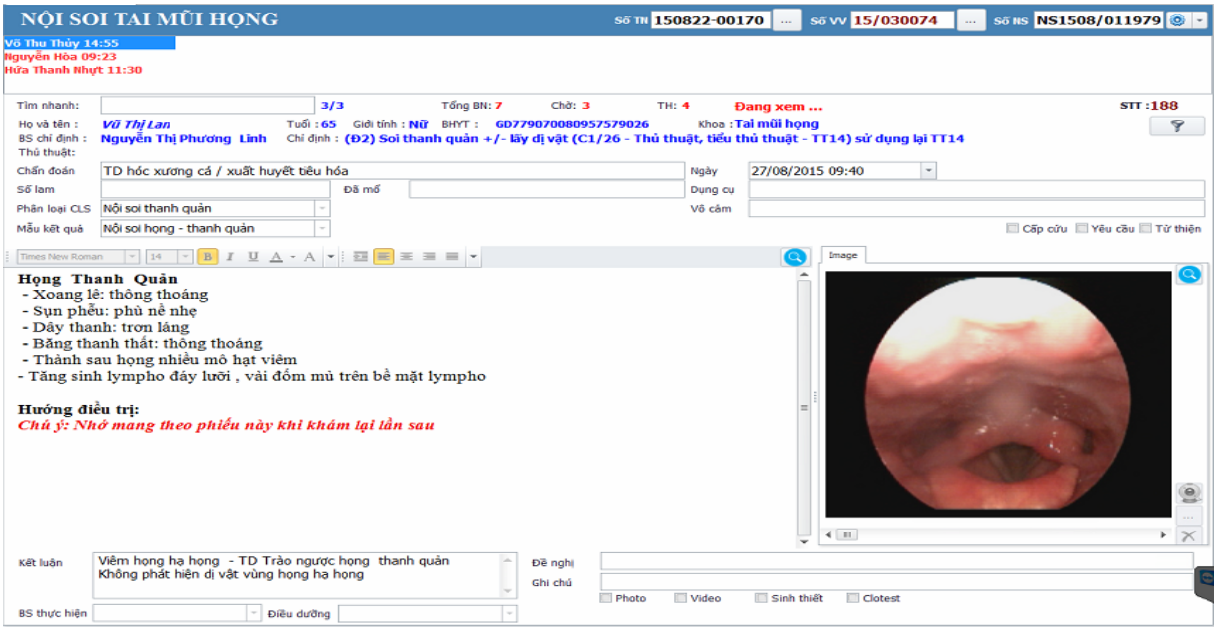

NỘI SOI TAI MŨI HỌNG
Số TN 150822-00170 Số VV 15/030074 Số NS NS1508/011979
Võ Thu Thủy 14:55
Nguyễn Hòa 09:23
Hứa Thanh Nhựt 11:30
Tìm nhanh: 3/3 Tổng BN: 7 Chờ: 3 TH: 4 Đang xem ... STT :188
Họ và tên : Vũ Thị Lan Tuổi : 65 Giới tính : Nữ BHYT : GD7790700809575790 26 Khoa : Tai mũi họng
BS chỉ định : Nguyễn Thị Phương Linh Chỉ định : (Đ2) Soi thanh quản +/- lấy dị vật (C1/26 - Thủ thuật, tiểu thủ thuật - TT14) sử dụng lại TT14
Thủ thuật:
Chẩn đoán TD hóc xương cá / xuất huyết tiêu hóa Ngày 27/08/2015 09:40
Số lam Đã mổ Dụng cụ
Phân loại CLS Nội soi thanh quản Vô cảm
Mẫu kết quả Nội soi họng - thanh quản Cấp cứu Yêu cầu Từ thiện

Họng Thanh Quản
- Xoang lê: thông thoáng
- Sụn phễu: phù nề nhẹ
- Dây thanh: trơn láng
- Băng thanh thất: thông thoáng
- Thành sau họng nhiều mô hạt viêm
- Tăng sinh lympho đáy lưỡi , vài đốm mủ trên bề mặt lympho

Hướng điều trị:
Chú ý: Nhớ mang theo phiếu này khi khám lại lần sau

Image

Kết luận: Viêm họng hạ họng - TD Trào ngược họng thanh quản
Không phát hiện dị vật vùng họng hạ họng
Đề nghị
Ghi chú
Photo Video Sinh thiết Clotest
BS thực hiện Điều dưỡng

- Mẫu kết quả:

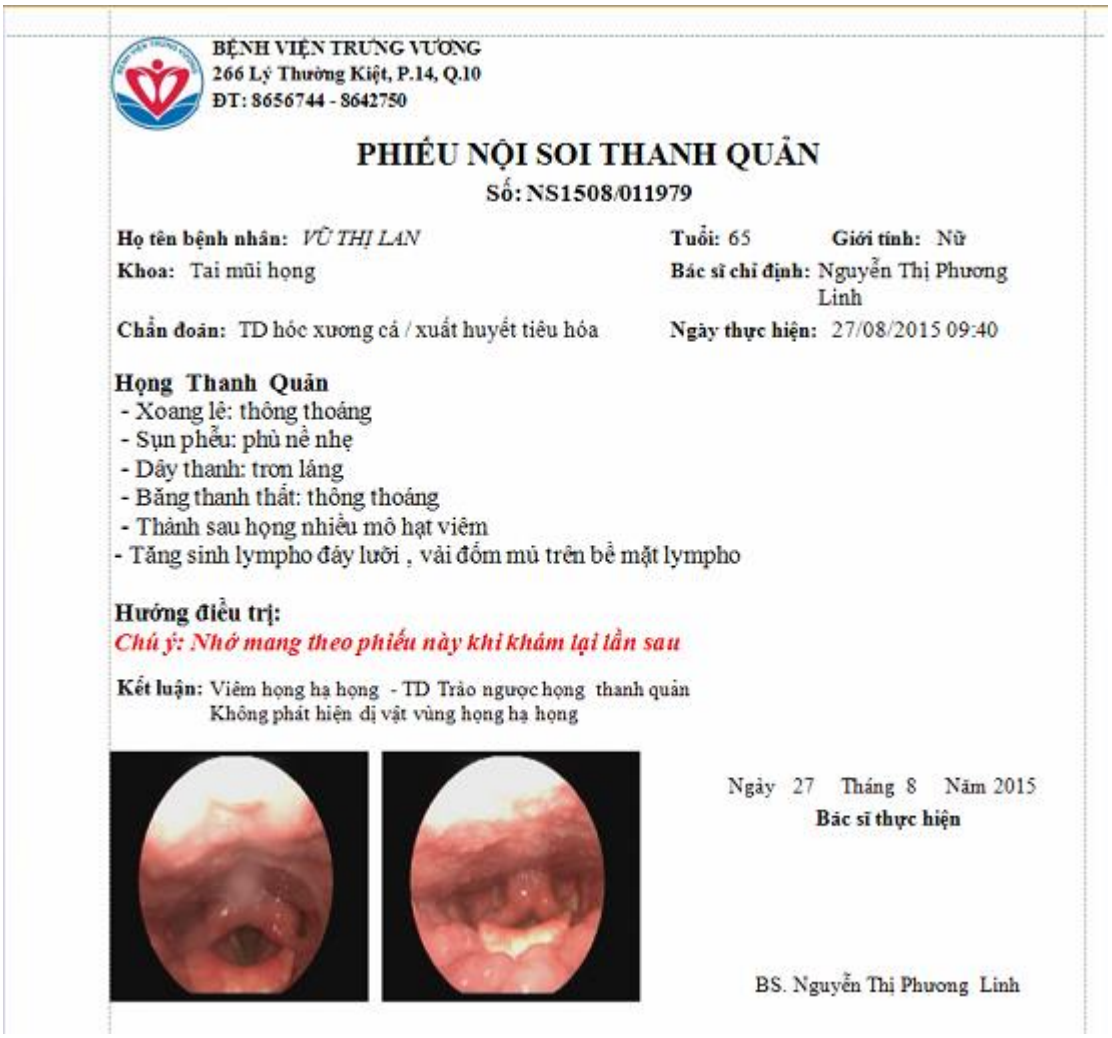

BỆNH VIỆN TRUNG VƯƠNG
266 Lý Thường Kiệt, P.14, Q.10
ĐT: 8656744 - 8642750

PHIẾU NỘI SOI THANH QUẢN

Số: NS1508/011979

Họ tên bệnh nhân: *VŨ THỊ LAN* **Tuổi:** 65 **Giới tính:** Nữ
Khoa: Tai mũi họng **Bác sĩ chỉ định:** Nguyễn Thị Phương Linh
Chẩn đoán: TD hóc xương cá / xuất huyết tiêu hóa **Ngày thực hiện:** 27/08/2015 09:40

Họng Thanh Quản
- Xoang lê: thông thoáng
- Sụn phễu: phù nề nhẹ
- Dây thanh: trơn láng
- Băng thanh thất: thông thoáng
- Thành sau họng nhiều mô hạt viêm
- Tăng sinh lympho đáy lưỡi , vài đốm mủ trên bề mặt lympho

Hướng điều trị:
Chú ý: Nhớ mang theo phiếu này khi khám lại lần sau

Kết luận: Viêm họng hạ họng - TD Trào ngược họng thanh quản
Không phát hiện dị vật vùng họng hạ họng

Ngày 27 Tháng 8 Năm 2015
Bác sĩ thực hiện

BS. Nguyễn Thị Phương Linh

II.6.2.6. Trả kết quả siêu âm

- Chức năng: Trả kết quả cho bệnh nhân có những chỉ định thuộc phân loại siêu âm.
- Các màn hình trả kết quả: Siêu âm tổng quát, siêu âm tim, siêu âm mắt, siêu âm mạch máu, siêu âm tại giường.

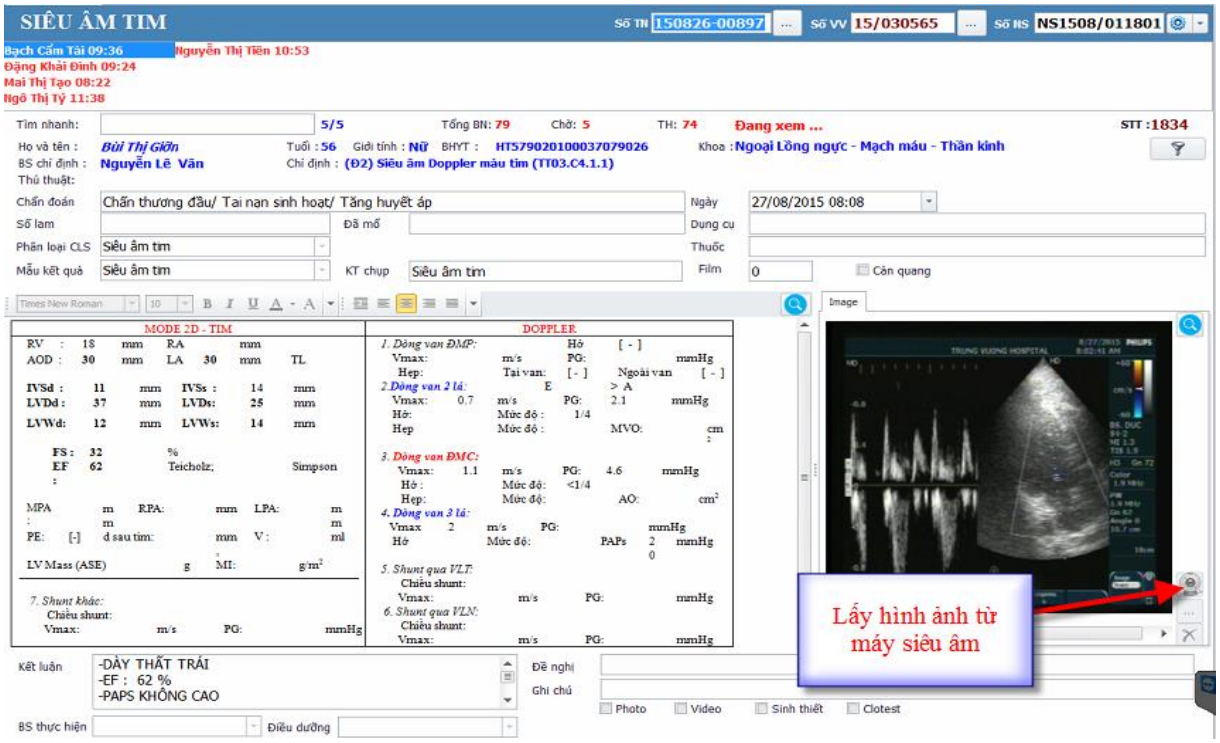

- Mẫu kết quả:

II.6.2.7. Trả kết quả X-Quang

- Chức năng: Trả kết quả cho bệnh nhân có những chỉ định thuộc nhóm Xquang

- Các màn hình trả kết quả: Xquang ngoại trú (PK29), Xquang nội trú (PK29), Xquang ngoại trú, Xquang nội trú.

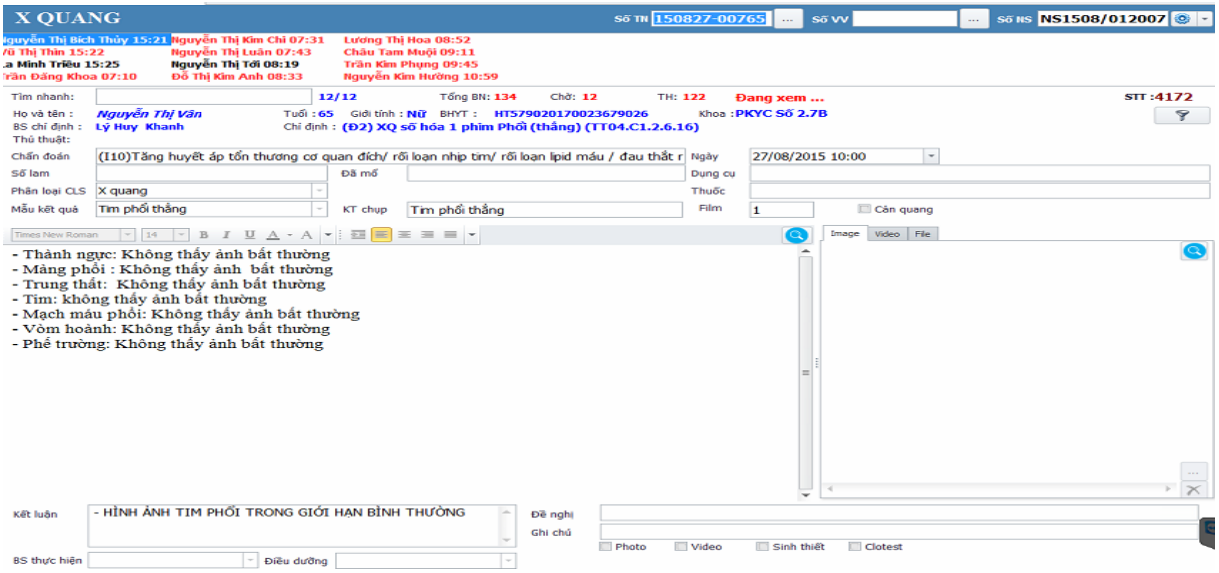

- Mẫu kết quả:

BỆNH VIỆN TRUNG VƯƠNG
KHOA CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH
PHÒNG X-QUANG

PHIẾU KẾT QUẢ PHIM X-QUANG

Số: NS1508/011875

Họ tên bệnh nhân: Lê Thị Bé **Tuổi:** 71 **Giới tính:** Nữ
Khoa điều trị: Điều trị ban ngày **Bác sĩ Chỉ định:** Nguyễn Tâm Niệm
Chẩn đoán: (Z01.7)Kiểm tra bằng xét nghiệm
Kỹ thuật chụp: Cột sống thắt lưng (T,N)

+ Phần mềm : Không thấy ảnh bất thường.
+ Hình dạng: Không thấy ảnh bất thường.
+ Đốt sống: Thắt lưng hóa D12. Gai xương L1 -> L5
+ Đĩa đệm: Không thấy ảnh bất thường.
+ Lỗ liên hợp: Không thấy ảnh bất thường
+ Cấu trúc cạnh sống: Không thấy ảnh bất thường.

Kết luận:

Thắt lưng hóa D12. Gai xương L1 -> L5

16:15; Ngày 27 Tháng 8 Năm 2015
Bác sĩ thực hiện

BS. LÊ VĂN TRUNG

II.6.2.8. Trả kết quả giải phẫu bệnh

- Chức năng: Trả kết quả cho bệnh nhân có những chỉ định thuộc nhóm giải phẫu bệnh.

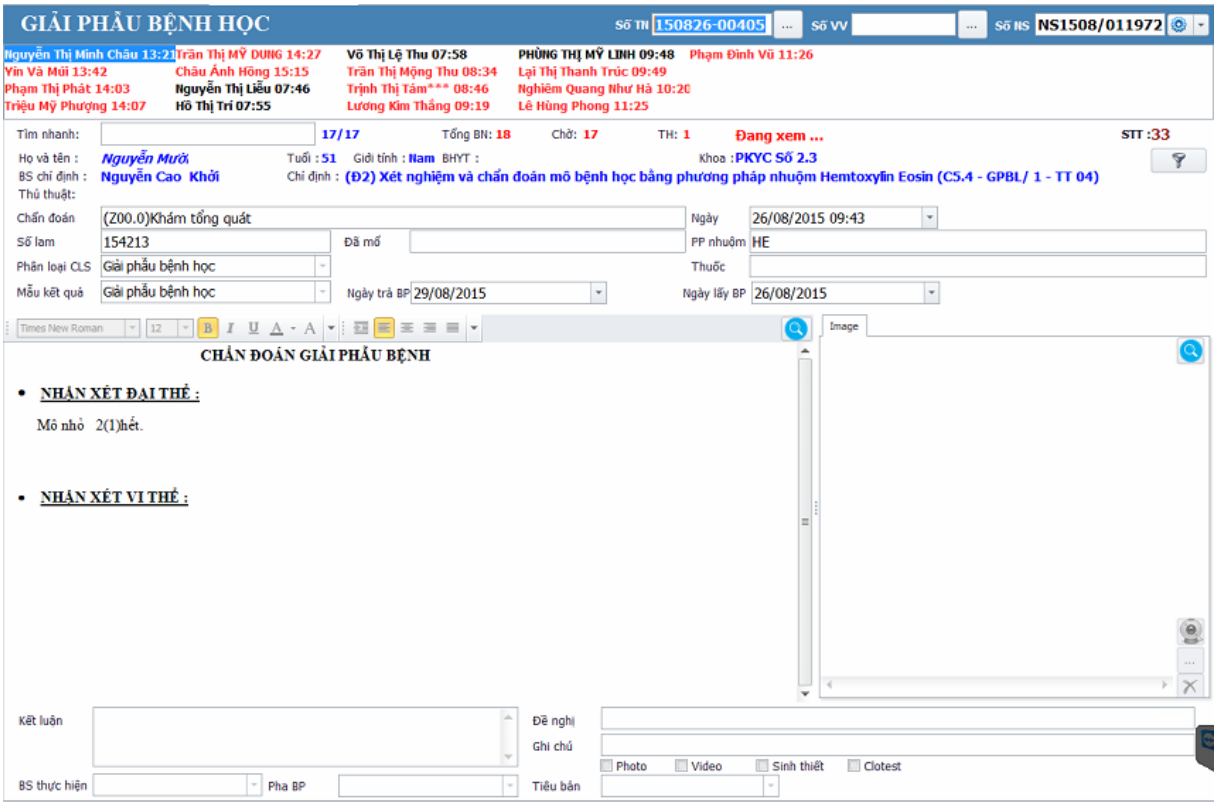

- Mẫu kết quả:

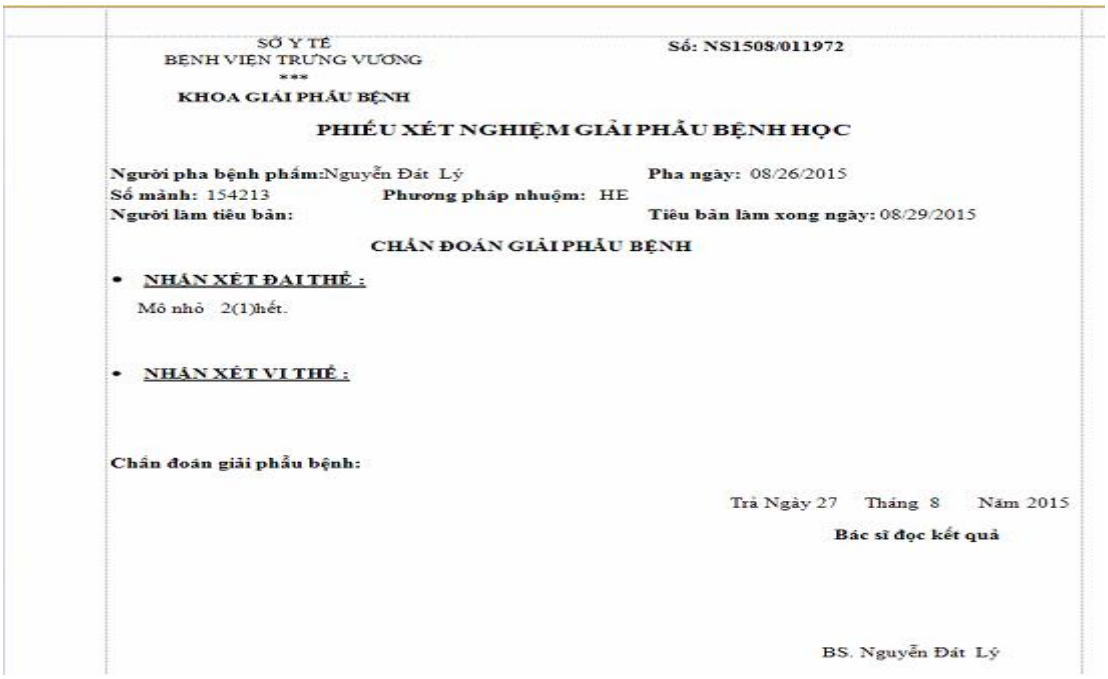

SỞ Y TẾ
BỆNH VIỆN TRUNG VƯƠNG
***
KHOA GIẢI PHẪU BỆNH

Số: NS1508/011972

PHIẾU XÉT NGHIỆM GIẢI PHẪU BỆNH HỌC

Người pha bệnh phẩm: Nguyễn Đát Lý **Pha ngày:** 08/26/2015
Số mảnh: 154213 **Phương pháp nhuộm:** HE
Người làm tiêu bản: **Tiêu bản làm xong ngày:** 08/29/2015

CHẨN ĐOÁN GIẢI PHẪU BỆNH

- **NHẬN XÉT ĐẠI THỂ :**
  Mô nhỏ 2(1)hết.
- **NHẬN XÉT VI THỂ :**

Chẩn đoán giải phẫu bệnh:

Trả Ngày 27 Tháng 8 Năm 2015
Bác sĩ đọc kết quả

BS. Nguyễn Đát Lý

II.6.2.9. Kết quả thăm dò chức năng

- Chức năng: Trả kết quả cho bệnh nhân có những chỉ định thuộc phân loại thăm dò chức năng.
- Các màn hình trả kết quả: Kết quả đo điện cơ - điện não, kết quả ECR gắng sức, đo chức năng hô hấp, trả kết quả ECG điện tim.

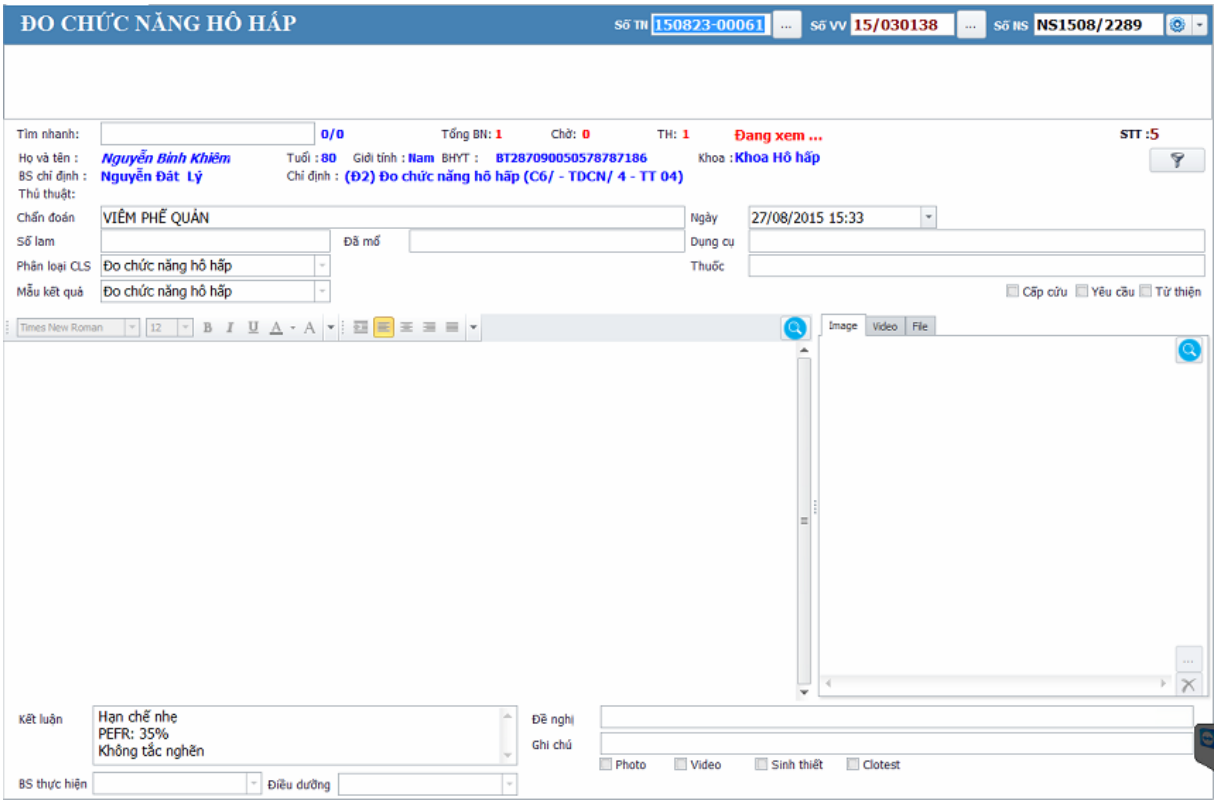

- Mẫu kết quả:

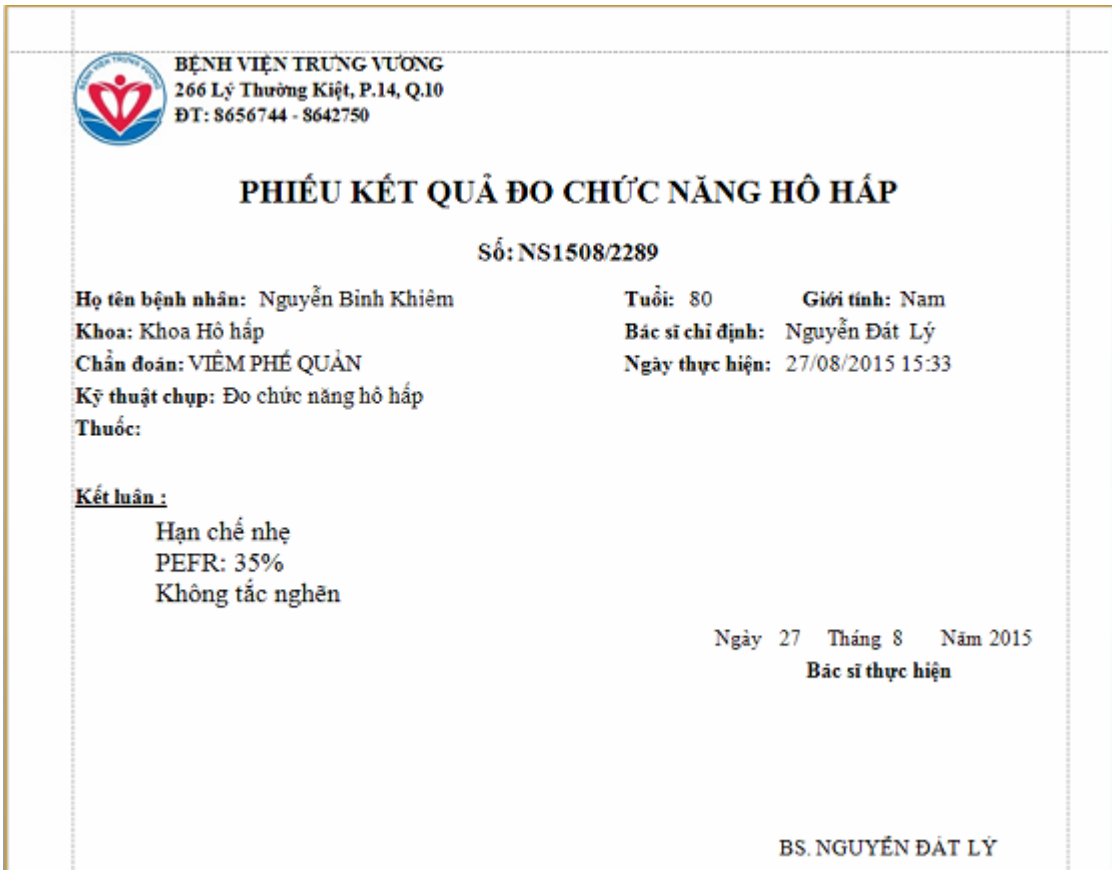

BỆNH VIỆN TRUNG VƯƠNG
266 Lý Thường Kiệt, P.14, Q.10
ĐT: 8656744 - 8642750

PHIẾU KẾT QUẢ ĐO CHỨC NĂNG HÔ HẤP

Số: NS1508/2289

Họ tên bệnh nhân: Nguyễn Bình Khiêm **Tuổi:** 80 **Giới tính:** Nam
Khoa: Khoa Hô hấp **Bác sĩ chỉ định:** Nguyễn Đát Lý
Chẩn đoán: VIÊM PHẾ QUẢN **Ngày thực hiện:** 27/08/2015 15:33
Kỹ thuật chụp: Đo chức năng hô hấp
Thuốc:

Kết luận :

Hạn chế nhẹ
PEFR: 35%
Không tắc nghẽn

Ngày 27 Tháng 8 Năm 2015
Bác sĩ thực hiện

BS. NGUYỄN ĐÁT LÝ

II.6.2.10. Kết quả MRI

- Chức năng: Trả kết quả cho bệnh nhân có những chỉ định thuộc nhóm MRI.

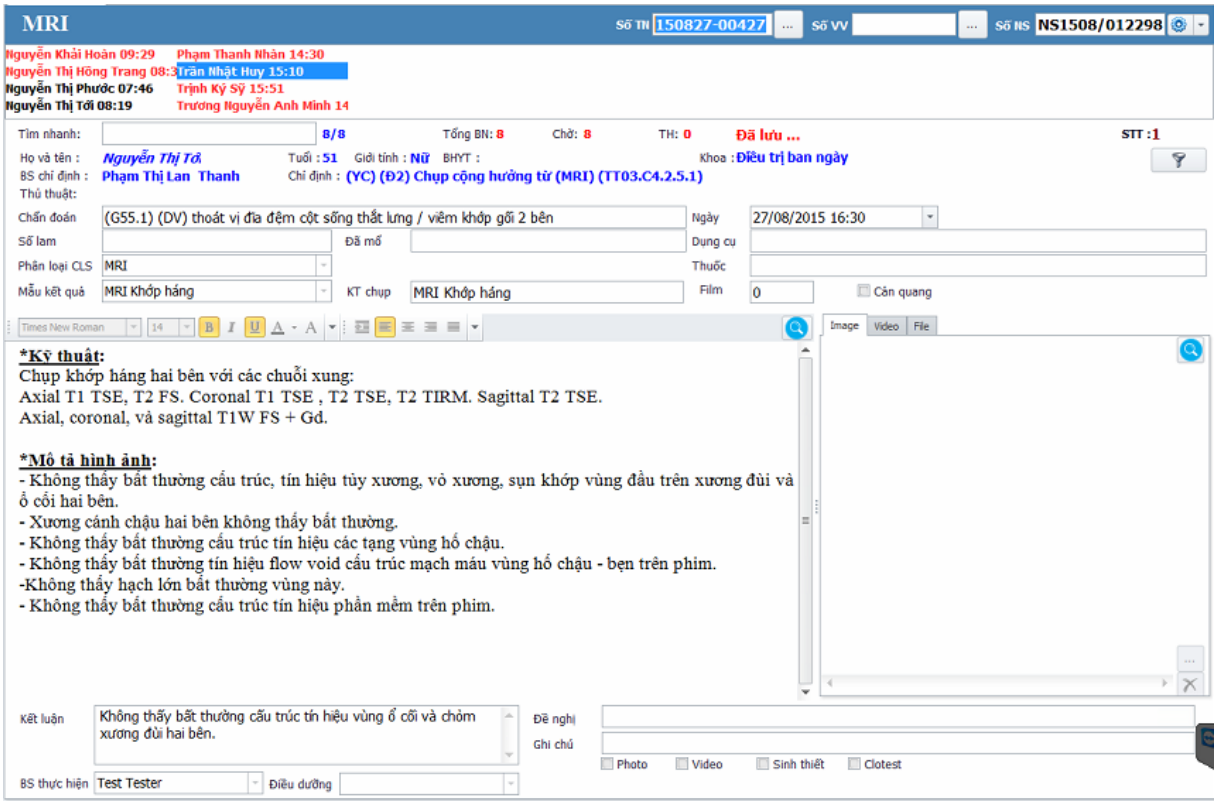

- Mẫu kết quả:

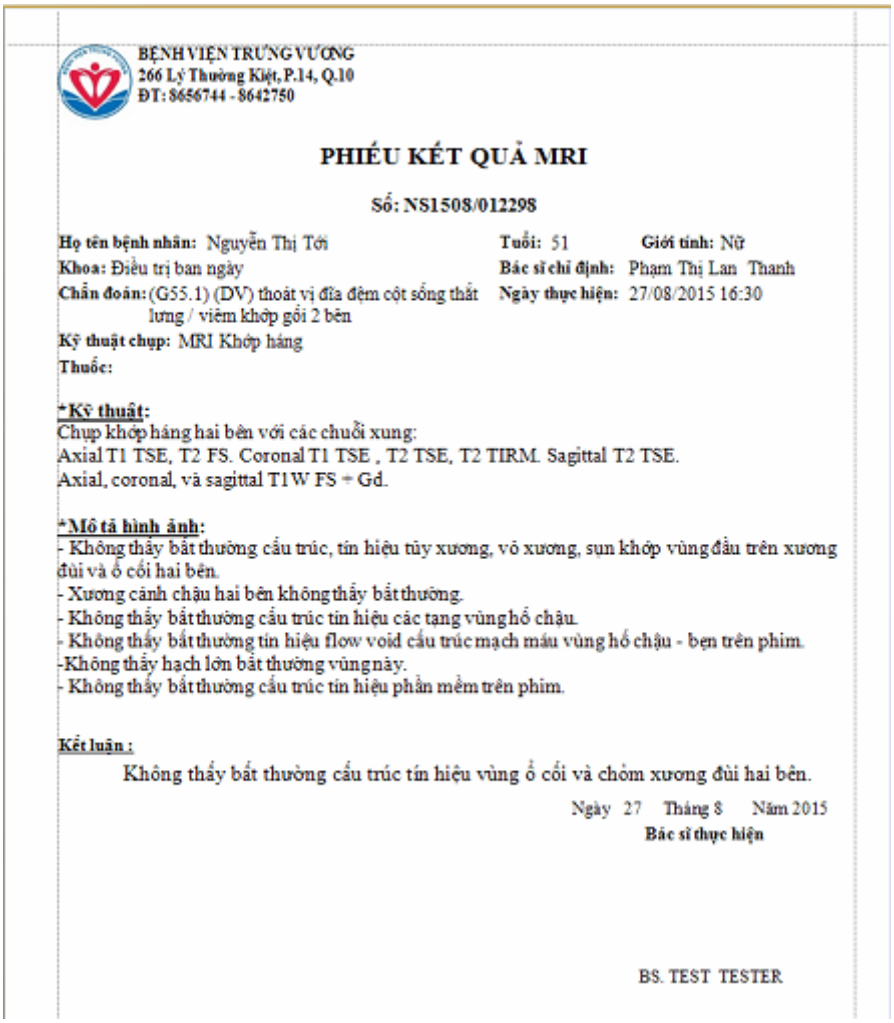

BỆNH VIỆN TRƯNG VƯƠNG
266 Lý Thường Kiệt, P.14, Q.10
ĐT: 8656744 - 8642750

PHIẾU KẾT QUẢ MRI

Số: NS1508/012298

Họ tên bệnh nhân: Nguyễn Thị Tới **Tuổi:** 51 **Giới tính:** Nữ
Khoa: Điều trị ban ngày **Bác sĩ chỉ định:** Phạm Thị Lan Thanh
Chẩn đoán: (G55.1) (DV) thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng / viêm khớp gối 2 bên **Ngày thực hiện:** 27/08/2015 16:30
Kỹ thuật chụp: MRI Khớp háng
Thuốc:

***Kỹ thuật:**
Chụp khớp háng hai bên với các chuỗi xung:
Axial T1 TSE, T2 FS. Coronal T1 TSE , T2 TSE, T2 TIRM. Sagittal T2 TSE.
Axial, coronal, và sagittal T1W FS + Gd.

***Mô tả hình ảnh:**
- Không thấy bất thường cấu trúc, tín hiệu tủy xương, vỏ xương, sụn khớp vùng đầu trên xương đùi và ổ cối hai bên.
- Xương cánh chậu hai bên không thấy bất thường.
- Không thấy bất thường cấu trúc tín hiệu các tạng vùng hố chậu.
- Không thấy bất thường tín hiệu flow void cấu trúc mạch máu vùng hố chậu - bẹn trên phim.
-Không thấy hạch lớn bất thường vùng này.
- Không thấy bất thường cấu trúc tín hiệu phần mềm trên phim.

Kết luận :
Không thấy bất thường cấu trúc tín hiệu vùng ổ cối và chỏm xương đùi hai bên.

Ngày 27 Tháng 8 Năm 2015
Bác sĩ thực hiện

BS. TEST TESTER

II.6.2.11. Kết quả CT - Scanner

- Chức năng: Trả kết quả cho bệnh nhân có những chỉ định thuộc nhóm CT – Scanner.

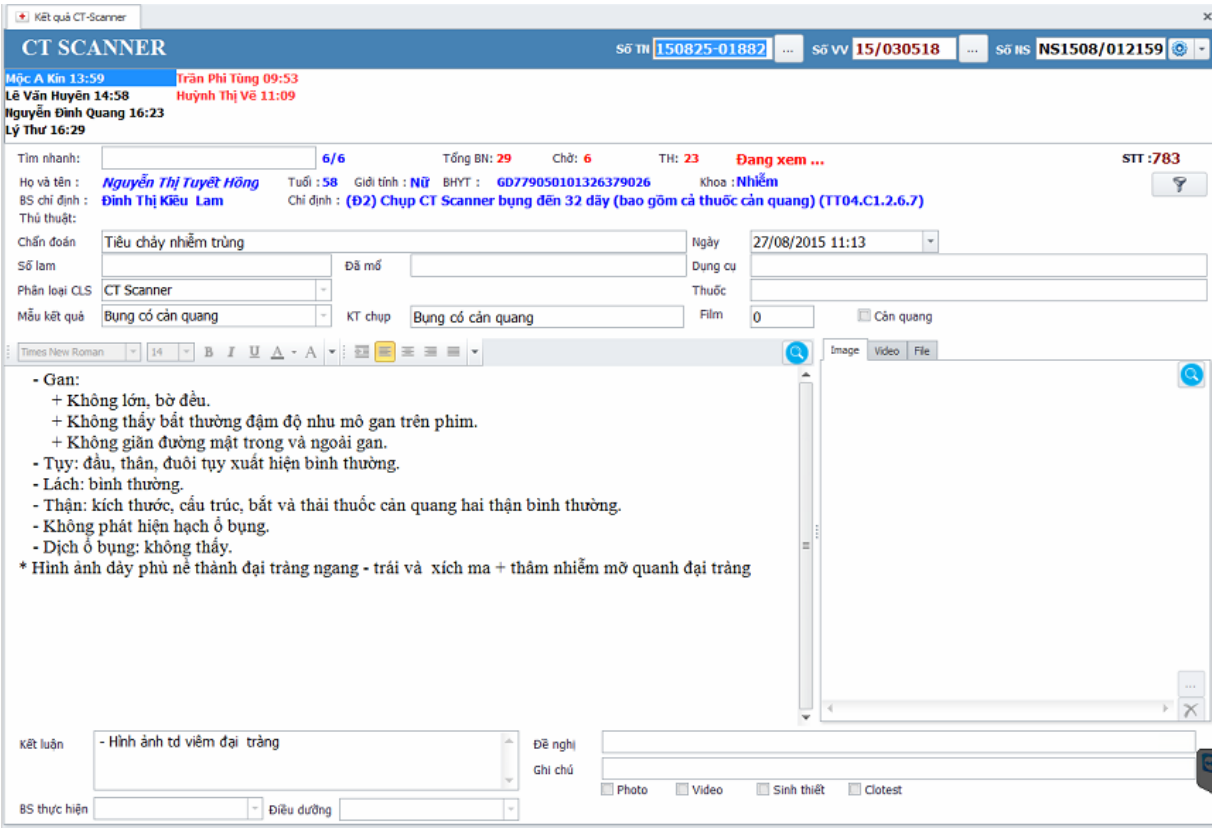

- Mẫu kết quả:

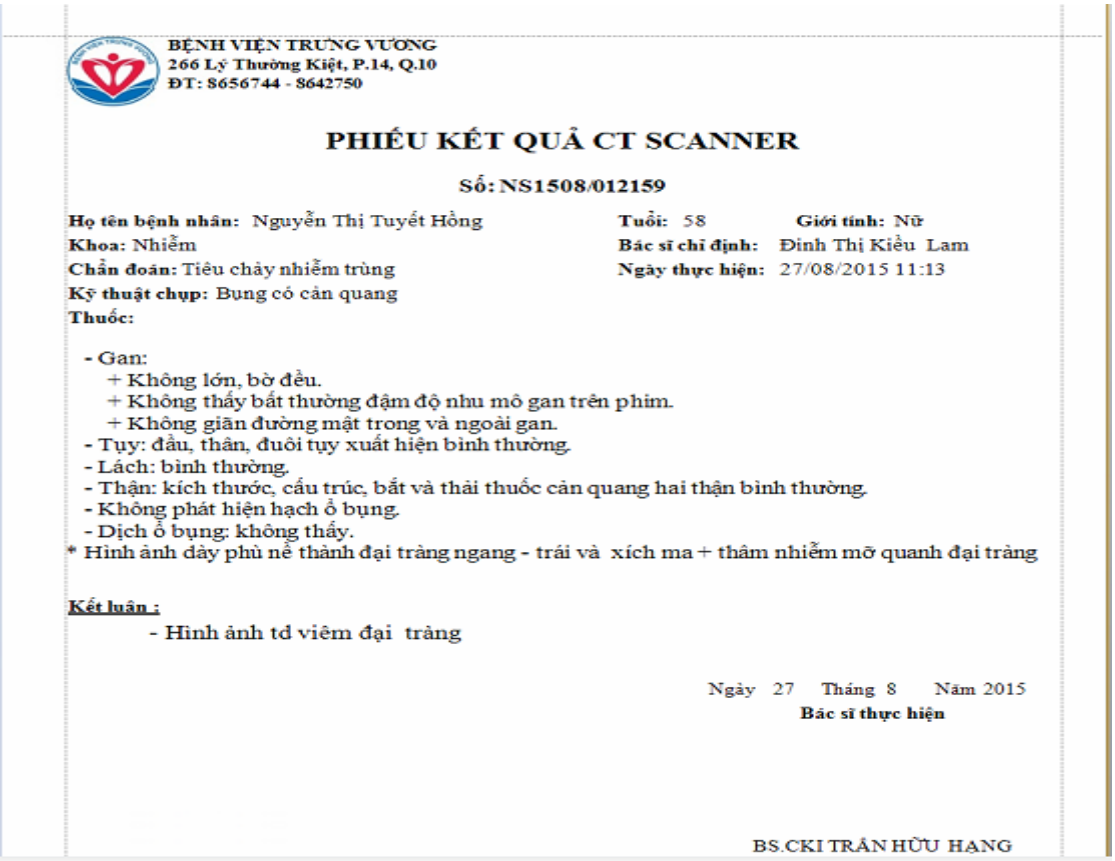

BỆNH VIỆN TRUNG VƯƠNG
266 Lý Thường Kiệt, P.14, Q.10
ĐT: 8656744 - 8642750

PHIẾU KẾT QUẢ CT SCANNER

Số: NS1508/012159

Họ tên bệnh nhân: Nguyễn Thị Tuyết Hồng **Tuổi:** 58 **Giới tính:** Nữ
Khoa: Nhiễm **Bác sĩ chỉ định:** Đinh Thị Kiều Lam
Chẩn đoán: Tiêu chảy nhiễm trùng **Ngày thực hiện:** 27/08/2015 11:13
Kỹ thuật chụp: Bụng có cản quang
Thuốc:

- Gan:
  + Không lớn, bờ đều.
  + Không thấy bất thường đậm độ nhu mô gan trên phim.
  + Không giãn đường mật trong và ngoài gan.
- Tụy: đầu, thân, đuôi tụy xuất hiện bình thường.
- Lách: bình thường.
- Thận: kích thước, cấu trúc, bắt và thải thuốc cản quang hai thận bình thường.
- Không phát hiện hạch ổ bụng.
- Dịch ổ bụng: không thấy.

* Hình ảnh dày phù nề thành đại tràng ngang - trái và xích ma + thâm nhiễm mỡ quanh đại tràng

Kết luận :

- Hình ảnh td viêm đại tràng

Ngày 27 Tháng 8 Năm 2015
Bác sĩ thực hiện

BS.CKI TRẦN HỮU HẠNG

II.6.2.12. Kết quả DSA

- Chức năng: Trả kết quả cho bệnh nhân có những chỉ định thuộc nhóm DSA.

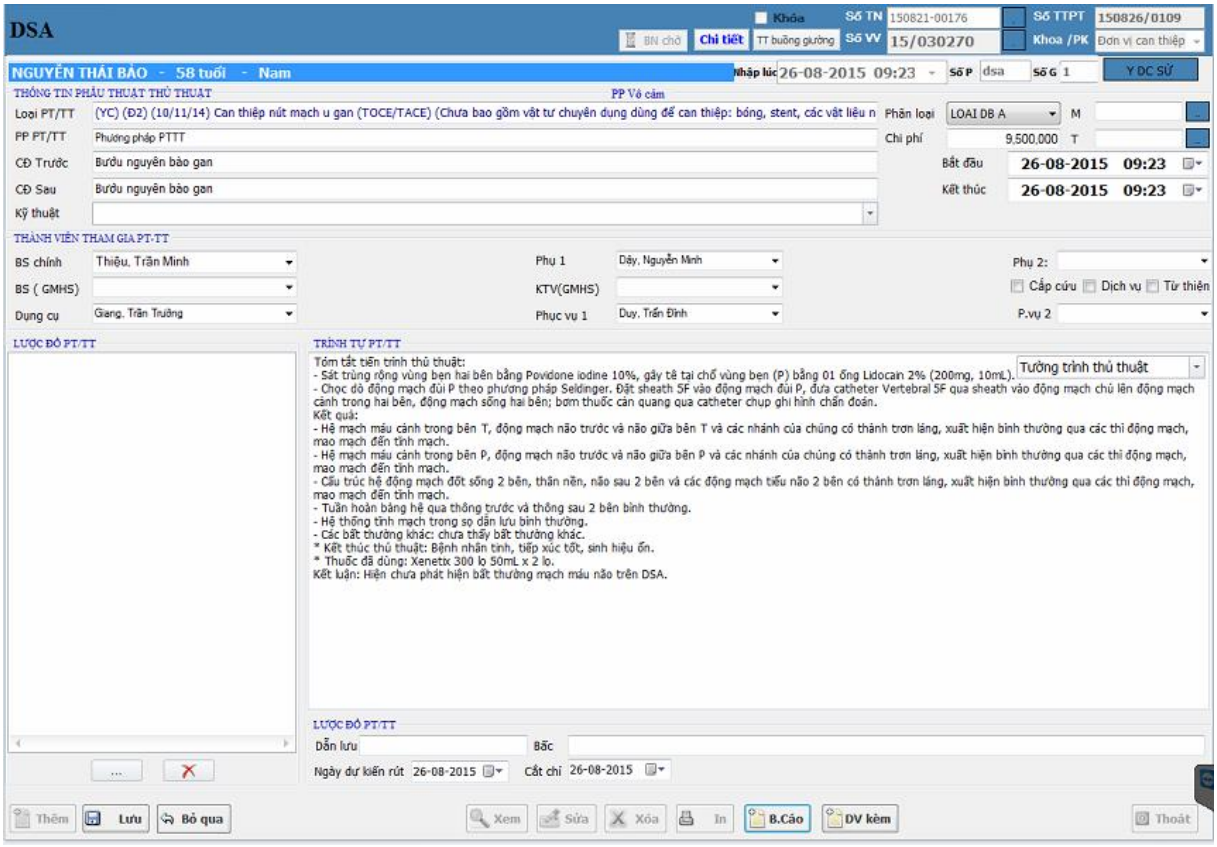

- Mẫu kết quả:

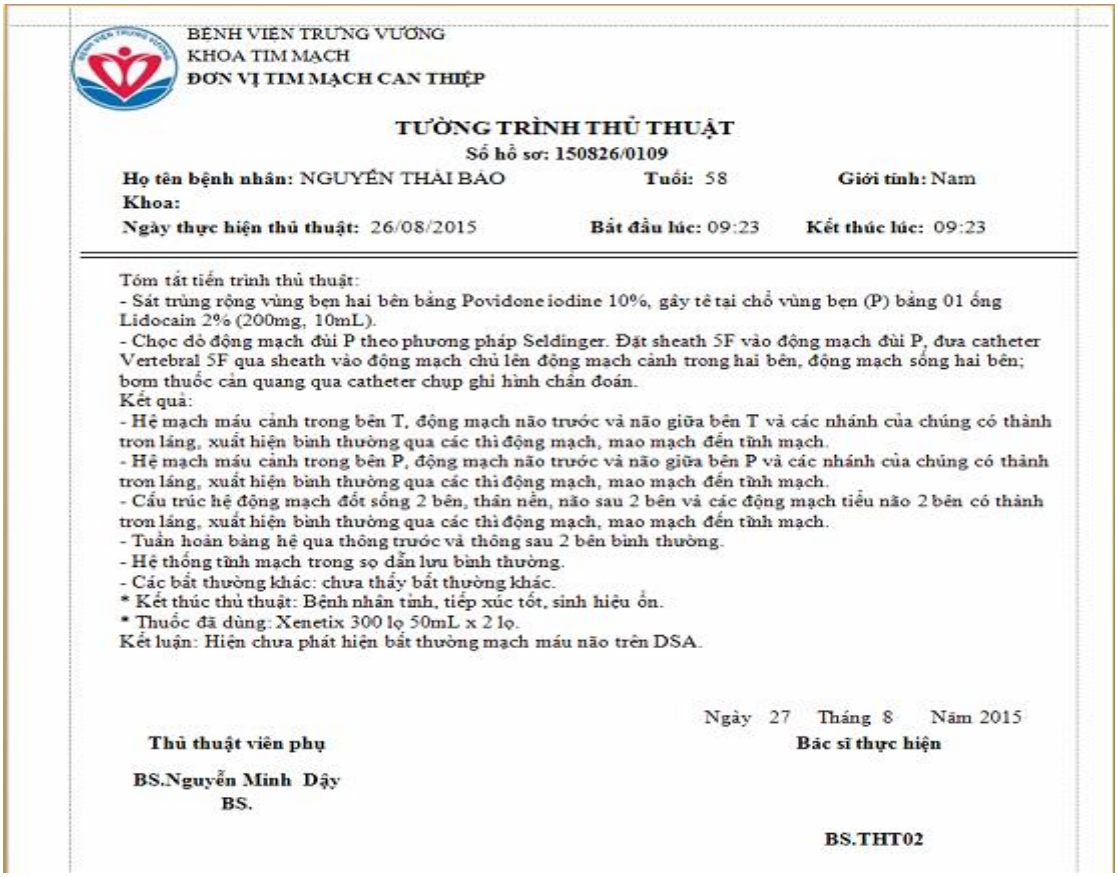

BỆNH VIỆN TRUNG VƯƠNG
KHOA TIM MẠCH
ĐƠN VỊ TIM MẠCH CAN THIỆP

TƯỜNG TRÌNH THỦ THUẬT
Số hồ sơ: 150826/0109

Họ tên bệnh nhân: NGUYỄN THÁI BẢO **Tuổi:** 58 **Giới tính:** Nam
Khoa:
Ngày thực hiện thủ thuật: 26/08/2015 **Bắt đầu lúc:** 09:23 **Kết thúc lúc:** 09:23

Tóm tắt tiến trình thủ thuật:
- Sát trùng rộng vùng bẹn hai bên bằng Povidone iodine 10%, gây tê tại chỗ vùng bẹn (P) bằng 01 ống Lidocain 2% (200mg, 10mL).
- Chọc dò động mạch đùi P theo phương pháp Seldinger. Đặt sheath 5F vào động mạch đùi P, đưa catheter Vertebral 5F qua sheath vào động mạch chủ lên động mạch cảnh trong hai bên, động mạch sống hai bên; bơm thuốc cản quang qua catheter chụp ghi hình chẩn đoán.
Kết quả:
- Hệ mạch máu cảnh trong bên T, động mạch não trước và não giữa bên T và các nhánh của chúng có thành trơn láng, xuất hiện bình thường qua các thì động mạch, mao mạch đến tĩnh mạch.
- Hệ mạch máu cảnh trong bên P, động mạch não trước và não giữa bên P và các nhánh của chúng có thành trơn láng, xuất hiện bình thường qua các thì động mạch, mao mạch đến tĩnh mạch.
- Cấu trúc hệ động mạch đốt sống 2 bên, thân nền, não sau 2 bên và các động mạch tiểu não 2 bên có thành trơn láng, xuất hiện bình thường qua các thì động mạch, mao mạch đến tĩnh mạch.
- Tuần hoàn bàng hệ qua thông trước và thông sau 2 bên bình thường.
- Hệ thống tĩnh mạch trong sọ dẫn lưu bình thường.
- Các bất thường khác: chưa thấy bất thường khác.
* Kết thúc thủ thuật: Bệnh nhân tỉnh, tiếp xúc tốt, sinh hiệu ổn.
* Thuốc đã dùng: Xenetix 300 lọ 50mL x 2 lọ.
Kết luận: Hiện chưa phát hiện bất thường mạch máu não trên DSA.

Ngày 27 Tháng 8 Năm 2015

Thủ thuật viên phụ **Bác sĩ thực hiện**

BS.Nguyễn Minh Dậy
BS.

BS.THT02

II.6.3. Báo cáo chung

II.6.3.1. Danh sách bệnh nhân theo ngày bác sĩ

- Chức năng: Danh sách liệt kê bệnh nhân theo ngày và theo bác sĩ.

- Điều kiện: Từ ngày tới ngày, nhóm CLS, phân loại CLS, phòng CLS

DANH SÁCH BỆNH NHÂN THỰC HIỆN CT SCANNER THEO NGÀY - BÁC SĨ

Từ ngày : 17/08/2015 Đến ngày : 31/08/2015

Ngày 17/08/2015
Bác sĩ Lê Văn Trung

STT	HỌ VÀ TÊN	NAM	NỮ	KHOA ĐIỀU TRỊ	THỰC HIỆN
1	Nguyễn Văn Bền	69		Ngoại Lồng ngực - Mạch máu - Thần kinh	Ngực có cản quang
2	Nguyễn Việt Vương	30		Khoa Cấp cứu	Bụng không có cản quang
3	Đoàn Văn An	49		Khoa Cấp cứu	Bụng có cản quang
4	Trần Thị Nương		49	Khoa Cấp cứu	Bụng có cản quang
5	Lê Quốc Cường	25		Khoa Cấp cứu	Bụng không có cản quang
6	Nguyễn Thu Như Vũ	30		Khoa Cấp cứu	Bụng không có cản quang
7	Trần Quốc Khánh	17		Khoa Cấp cứu	Bụng không có cản quang
8	Phan Thanh Sơn	55		Cấp cứu (PK)	Sọ não không thuốc cản quang
9	Vương Thị Thu Hà		52	Cấp cứu (PK)	Sọ não không thuốc cản quang

Tổng cộng : 9 ca trong ngày 17/08/2015

Bác sĩ Ngô Minh Tuấn

STT	HỌ VÀ TÊN	NAM	NỮ	KHOA ĐIỀU TRỊ	THỰC HIỆN
1	Nguyễn Thị Thảo		25	Điều trị ban ngày	Ngực có cản quang

Tổng cộng : 1 ca trong ngày 17/08/2015

Bác sĩ Nguyễn Tấn Quốc

STT	HỌ VÀ TÊN	NAM	NỮ	KHOA ĐIỀU TRỊ	THỰC HIỆN
1	Lê Thị Liễu		86	Khoa Cấp cứu	Sọ não không thuốc cản quang
2	Lâm Thị Gái		44	Khoa Cấp cứu	Bụng có cản quang
3	Nguyễn Văn Đức	70		Thần kinh	Sọ não cản quang
4	Nguyễn Bá Tông	60		PKYC Số 2.2	Sọ não không thuốc cản quang
5	Phạm Tại	76		PKYC Số 2.2	Sọ não không thuốc cản quang
6	Trần Nữ		60	Tim mạch	Sọ não không thuốc cản quang
7	Mạc Duy Chúc	33		PKYC Số 2.2	Xoang

II.6.3.2. Sổ bệnh nhân CLS

- Chức năng: Danh sách bệnh nhân thực hiện CLS
- Điều kiện: Từ ngày tới ngày, nhóm CLS, phân loại CLS.

DANH SÁCH BỆNH NHÂN THỰC HIỆN X QUANG

Từ ngày : 17/08/2015 Đến ngày : 31/08/2015

STT	HỌ VÀ TÊN	NAM	NỮ	ĐỊA CHỈ	BHYT	LOẠI CLS	BS CĐ	KHOA CĐ	KẾT QUẢ	BS CLS	KỸ THUẬT	FILM
1	Trần Thị Thu Lan		46	F. 5, Quận Tân Bình, Tp.Hồ Chí Minh		X quang HIR.TZ	Phạm Trịnh Quốc Khanh	Điều trị ban ngày	Mờ xoang sàng hai bên	Lê Văn Trung	Blondeau - HIR.TZ	1
2	Lê Thị Bé		71	, T.Đồng Tháp		X quang cột sống	Nguyễn Tâm Niệm	Điều trị ban ngày	Thất lưng hóa D12. Gai xương L1 -> L5	Lê Văn Trung	Cột sống thắt lưng (T,N)	1
3	Lê Thị Bé		71	, T.Đồng Tháp		X quang phổi	Nguyễn Tâm Niệm	Điều trị ban ngày	Tổn thương xơ vôi vùng sau xương đòn hai bên	Lê Văn Trung	Tim phổi thẳng	1
4	Nguyễn Thu Như Vũ	30		Thuận Giao Thuận An, T.Bình Dương		X quang	Phan Trường Nam	Cấp cứu (PK)	- Dị vật cản quang ngang L1-L3 lệch phải.	Lê Văn Trung	Bụng đứng không sửa soạn	1
5	Trần Thị Nương		49	F1 Tân Xuân Sóc Trăng, T.Sóc Trăng		X quang	Phan Trường Nam	Cấp cứu (PK)	- Liềm hơi dưới hoành (P).	Lê Văn Trung	Bụng đứng không sửa soạn	1
6	Lê Minh Dương	33		219 Lý Thường Kiệt P7, Quận 11, Tp.Hồ Chí Minh	X	X quang	Phan Trường Nam	Ngoại thận - Tiết niệu	- HÌNH KUB KHÔNG THẤY BẤT THƯỜNG	Nguyễn Tấn Quốc	K.U.B	1
7	Trần Thị Thu		52	3/131B Nhị Tân .TTN, Huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh	X	X quang tử chi	Phạm Ngọc Anh	PKYC Số 5 Chọn BS	- Hiện chưa thấy tổn thương xương ức	Lê Văn Trung	Xương ức	1
8	Nguyễn Minh Luân	29		895/30 Âu Cơ Tân Thành, Quận Tân phú, Tp.Hồ Chí Minh		X quang cột sống	Phạm Ngọc Anh	Ngoại Lồng ngực - Mạch máu - Thần kinh	- HÌNH ẢNH CỘT SỐNG TRONG GIỚI HẠN BÌNH THƯỜNG	Trần Minh Thiệu	Cột sống thắt lưng (T,N)	1
9	Bùi Trần Thành Nhân	22		130/24 Nghĩa Phát, P.7, Quận Tân Bình, Tp.Hồ Chí Minh	X	X quang	Trần Bình Thanh	Khoa Đau (PK)	- HÌNH ẢNH CỘT SỐNG TRONG GIỚI HẠN BÌNH THƯỜNG	Lê Văn Trung	Cột sống cổ (T,N)	1
10	Lê Thúy Hằng		31	Tổ 4 Ấp 1a Vĩnh Lộc A, Huyện Bình Chánh, Tp.Hồ Chí Minh	X	X quang	Nguyễn Quế Lan	Khoa Đau (PK)	- HÌNH ẢNH CỘT SỐNG TRONG GIỚI HẠN BÌNH THƯỜNG	Ngô Minh Tuấn	Cột sống cổ (T,N)	1
11	NGUYỄN THỊ TÍNH		65	47 KP3, TÂN THỚI NHẤT, Quận 12, Tp.Hồ Chí Minh	X	X quang cột sống	Nguyễn Quế Lan	Khoa Đau (PK)	- HÌNH ẢNH CỘT SỐNG TRONG GIỚI HẠN BÌNH THƯỜNG	Lê Văn Trung	Cột sống cổ (T,N,3/4)	2
12	Nguyễn Thị Kim Chi		58	230/18/10 TRƯỜNG CHINH, P13, Quận Tân Bình, Tp.Hồ Chí Minh	X	X quang tử chi	Võ Mộng Kiều Hạnh	Khoa Đau (PK)	- CẤU TRÚC XƯƠNG BÌNH THƯỜNG	Lê Văn Trung	cẳng chân (T)	1

II.6.3.3. Sổ bệnh nhân CLS(A4)

- Chức năng: Danh sách liệt kê bệnh nhân theo ngày và theo bác sĩ. Mẫu rút gọn của mẫu sổ bệnh nhân CLS.
- Điều kiện: Từ ngày tới ngày, nhóm CLS, phân loại CLS.

BỆNH VIỆN TRUNG VƯƠNG
266 Lý Thường Kiệt, P.14, Q.10
ĐT: 8656744 - 8642750

DANH SÁCH BỆNH NHÂN THỰC HIỆN X QUANG

Từ ngày : 17/08/2015 Đến ngày : 31/08/2015

STT	HỌ VÀ TÊN	TUỔI	KHOA ĐIỀU TRỊ	KỸ THUẬT CHỤP	BHYT	PHIM
1	Nguyễn Thu Như Vũ	30	Cấp cứu (PK)	Bụng đứng không sửa soạn		1
2	Trần Thị Nương	49	Cấp cứu (PK)	Bụng đứng không sửa soạn		1
3	Huỳnh Thị Mỹ Hoa	45	Điều trị ban ngày	Tim phổi thẳng		1
4	Lê Thị TƯ	52	PKYC Số 2.2	Cột sống cổ (T,N,3/4)	X	2
5	Nguyễn Thị Chung	59	PKYC Số 2.2	Cột sống cổ (T,N,3/4)	X	2
6	Nguyễn Thị Thanh	61	Nội tiết - Tổng hợp	Bàn chân (P)	X	1
7	Nguyễn Thị Huệ	42	Điều trị ban ngày	Bloudeau - HIRTZ		1
8	Lâm Quang Nhanh	54	Điều trị ban ngày	Cột sống thắt lưng (T,N)		1
9	Trần Thị Lư	58	Thần kinh (PK)	Cột sống cổ (T,N)	X	1
10	Nguyễn Thị Ngút	77	Điều trị ban ngày	Tim phổi thẳng		1
11	Tăng Mỹ Duyên	16	Điều trị ban ngày	Tim phổi thẳng		1
12	Nguyễn Ngọc Mỹ Hạnh	17	Điều trị ban ngày	Tim phổi thẳng		1
13	Nguyễn Ngọc Hiếu	19	Điều trị ban ngày	Tim phổi thẳng		1
14	Đặng Thị Nga	42	Điều trị ban ngày	Tim phổi thẳng		1
15	Nguyễn Thị Hồng Vân	23	PKYC Số 2.2	Cột sống cổ (T,N,3/4)	X	2
16	Võ Văn Trực	43	Điều trị ban ngày	Cột sống thắt lưng (T,N)		1
17	Nguyễn Hùng Trưng	25	Ngoại thận - Tiết niệu	K.U.B	X	1
18	Nguyễn Hùng Trưng	25	Ngoại thận - Tiết niệu	K.U.B	X	1
19	Nguyễn Thị Huệ	42	Điều trị ban ngày	Tim phổi thẳng		1
20	Lâm Quang Nhanh	54	Điều trị ban ngày	Tim phổi thẳng		1

II.6.3.4. Báo cáo số ca theo khoa

- Chức năng: Báo cáo tính tổng số ca theo khoa
- Điều kiện: Từ ngày tới ngày, nhóm CLS, phân loại CLS.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh Phúc
****

BÁO CÁO SỐ CA X QUANG

Từ ngày : 17/08/2015 **Đến ngày :** 31/08/2015

TÊN KHOA	SỐ CA	GHI CHÚ
Thận - Thận nhân tạo	27	
Điều trị ban ngày	72	
Nội tiết - Khớp A	1	
Chấn thương chỉnh hình	42	
Phẫu thuật - GMHS	3	
Bỏng - Tạo hình thẩm mỹ	10	
Khoa Cấp cứu	232	
Khoa Hô hấp	53	
Phụ sản	5	
Hô hấp (PK)	76	
Nhiễm - Da liễu	3	
PKYC Số 2.2	81	
PKYC Số 2.6B	9	
Khoa Đau (PK)	62	
Thần kinh	49	
Tiêu hóa	23	
Khoa D Nội	67	
PKYC Số 2.7A	11	
PKDV Khoa Tim mạch	24	
Ngoại tổng hợp	31	
Ngoại thận - Tiết niệu	35	

II.6.3.5. Thống kê số lượng bệnh nhân CLS

- Chức năng: Thống kê số lượng bác sĩ thực hiện bao nhiêu ca của từng ngày.
- Điều kiện: Từ ngày tới ngày, phân loại CLS.

THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG THỰC HIỆN SIÊU ÂM TỔNG QUÁT

Từ ngày : 17/08/2015 Đến ngày : 31/08/2015

Phân loại	Ngày	Đặng Thị Diễm	Nguyễn Kim Lương	Nguyễn Minh Phúc	yễn Thị Thu Thủy (CD)	Trần Cảnh Đức	Trần Minh Thiệu
iêu âm tổng quát	17/08/2015	10	92	1	6	2	
	18/08/2015	63	69	1	69		
	19/08/2015		64	13	79	1	
	20/08/2015	94	53	7			1
	21/08/2015	72		5	45	8	
	22/08/2015	168		6		6	
	23/08/2015			31			1
	24/08/2015		82	14		1	
	25/08/2015	63	61	1	74		
	26/08/2015	56	62	17	47	3	
	27/08/2015	54	45		35	9	
		580	**528**	**96**	**355**	**30**	**2**

II.6.3.6. Thống kê số lượng ca theo phân loại bác sĩ

- Chức năng: Thống kê tổng số ca theo bác sĩ.
- Điều kiện: Từ ngày tới ngày, nhóm CLS, phân loại CLS.

266 Lý Thường Kiệt, P.14, Q.10
ĐT: 8656744 - 8642750

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh Phúc

BÁO CÁO SỐ CA X QUANG

Từ ngày : 17/08/2015 Đến ngày : 31/08/2015

STT	BÁC SĨ CHỈ ĐỊNH	SỐ LƯỢNG
1	BS. Võ Mộng Kiều Hạnh	18
2	BS. Nguyễn Quế Lan	19
3	BS. Bùi Hữu Lượng	17
4	BS. Võ Anh Minh	2
5	BS. Bùi Quang Anh Phương	32
6	BS. Ngô Hoàng Kiến Tâm	1
7	BS. Nguyễn Đức Tâm	1
8	BS. Nguyễn Thị Thu Vân (NTQ)	12
9	BS. Phạm Hoàng Vũ	14
10	BS. Nguyễn Thúc Bội Anh	4
11	BS. Phan Thanh Hằng	4
12	BS. Trần Vũ Hiếu	11
13	BS. Nguyễn Thanh Huy	3
14	BS. Võ Thị Kim Ngân	7
15	BS. Trịnh Quốc Minh	4
16	BS. Nguyễn Tấn Quốc	2
17	BS. Nguyễn Anh Tri	6
18	BS. Nguyễn Văn Minh (Thần Kinh)	2

II.6.3.7. Báo cáo thủ thuật CLS

- Chức năng: Danh sách tính tổng số thủ thuật theo bác sĩ
- Điều kiện: Từ ngày tới ngày, nhóm CLS, phân loại CLS.

BÁO CÁO THỦ THUẬT NỘI SOI THỰC QUẢN - DẠ DÀY - TÁ TRÀNG

Từ ngày : 17/08/2015 **Đến ngày :** 31/08/2015

STT	MÃ SỐ NV	HỌ VÀ TÊN	LOẠI III		
			A	B	C
1	nhtri	Ngô Hùng Tri			
2	SAL01	Lê Kim Sang			
3	THP06	Phạm Đức Thân			

II.7. Quản lý phẫu thuật thủ thuật

II.7.1. Giới thiệu – Quy trình nghiệp vụ

- Quản lý chi tiết thông tin phẫu thuật, thủ thuật của bệnh nhân, theo dõi vật tư, y dụng cụ sử dụng, báo cáo phẫu thuật thủ thuật.
- Các chức năng chính
- Định nghĩa gói dịch vụ phẫu thuật thủ thuật
- Cập nhật thông tin chi tiết phẫu thuật thủ thuật
- Các danh mục: phân loại, qui định số người tham gia,..

II.7.2. Các màn hình chính

II.7.2.1. Định nghĩa thông tin gói dịch vụ

- Định nghĩa các dịch vụ của phẫu thuật thủ thuật

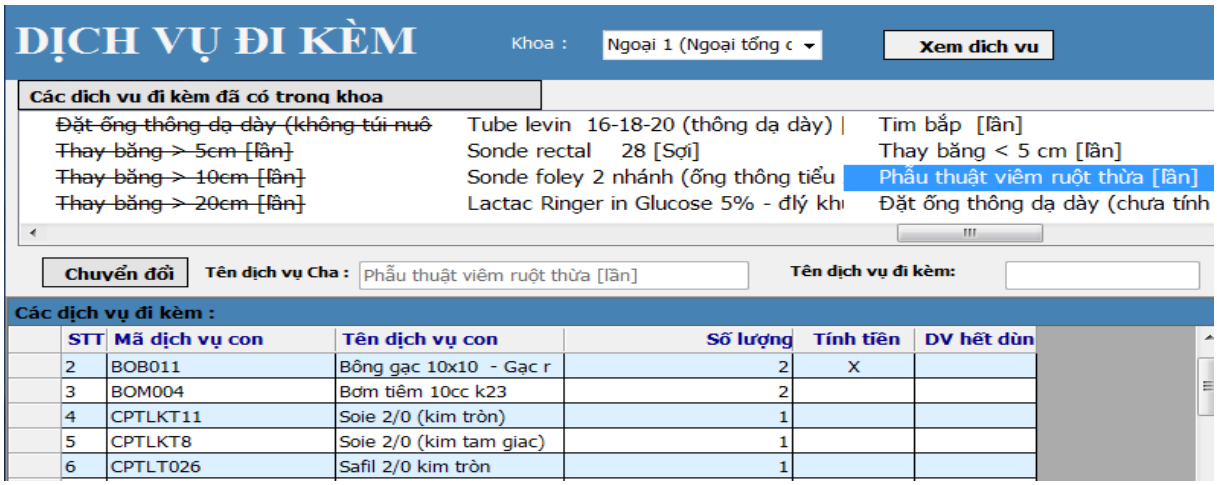

-

II.7.2.2. Các danh mục quản lý phẫu thuật thủ thuật

- 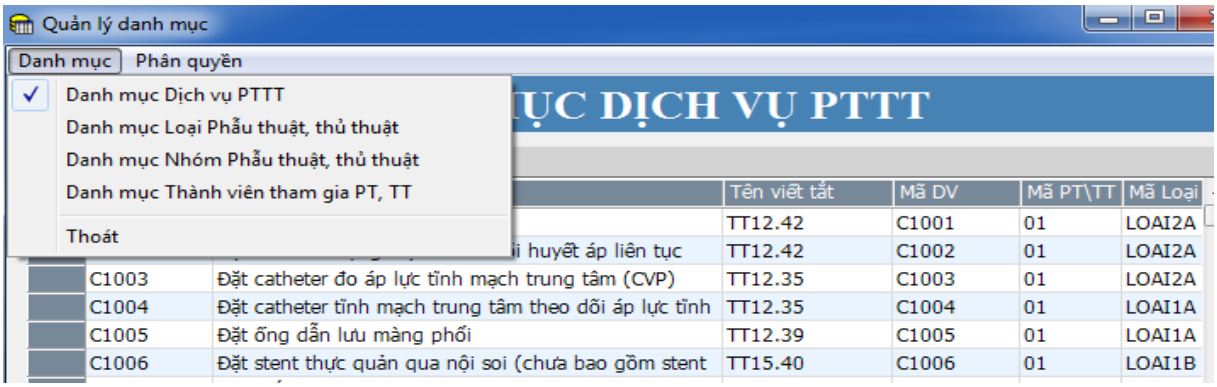

-

II.7.2.3. Thông tin phẫu thuật thủ thuật

- Thông tin chi tiết của phẫu thuật thủ thuật
- Phân loại
- Thông tin chi tiết
- Thông tin về người thực hiện:
- Bác sĩ chính, phụ
- Bác sĩ gây mê hồi sức
- Phục vụ
- Lược đồ
- Trình tự phẫu thuật thủ thuật
- In phiếu phẫu thuật thủ thuật (mẫu 14/BV-01)
- Cập nhật vật tư y dụng cụ sử dụng

- 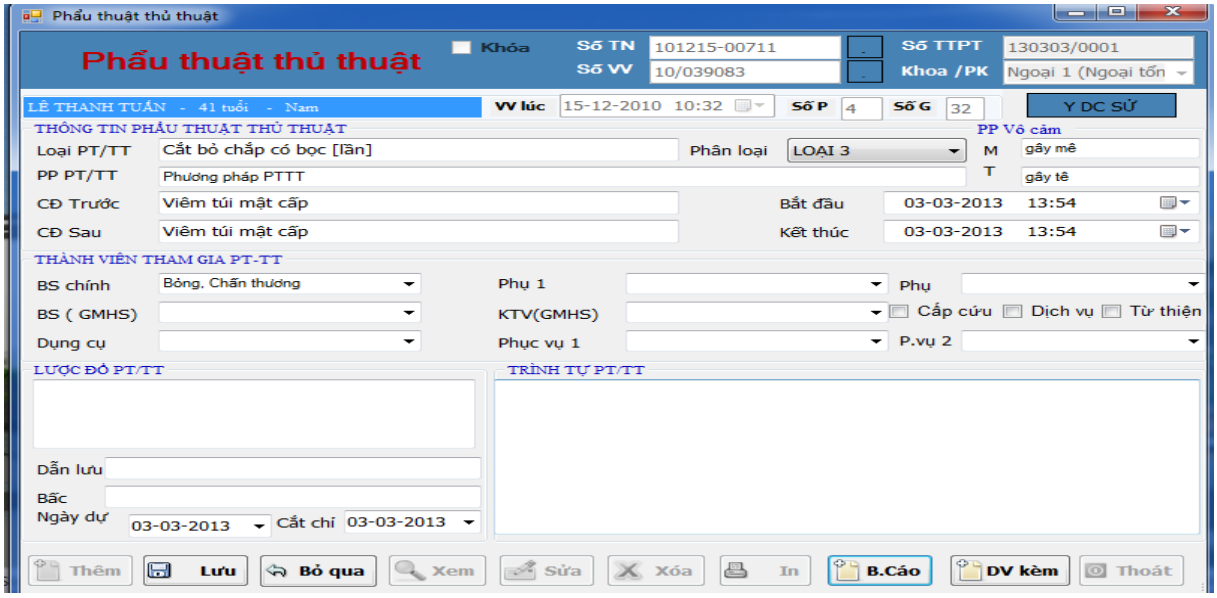

- Thông tin chi tiết vật tư tiêu hao sử dụng

- 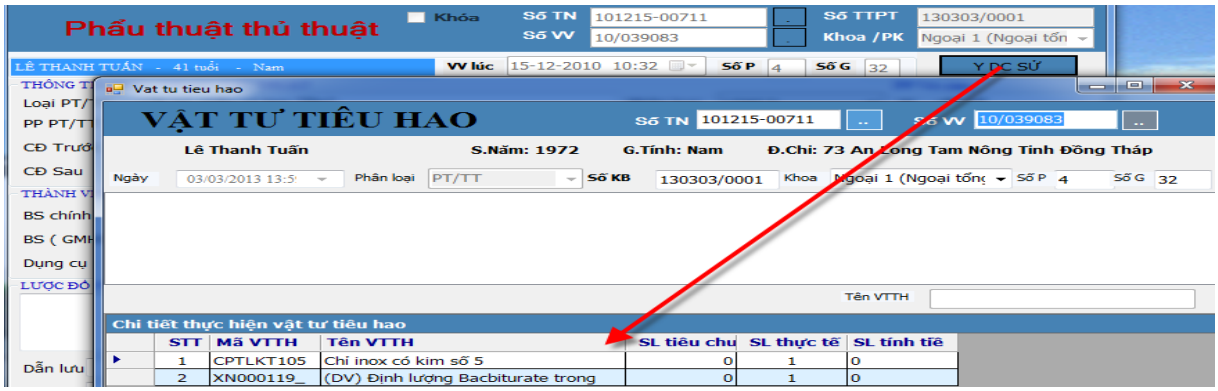

- In phiếu phẩu thuật thủ thuật

TT Y TẾ TP. HỒ CHÍ MINH
BV CẤP CỨU TRƯNG VƯƠNG

PHIẾU PHẪU THUẬT - THỦ THUẬT

MS: 14/BV - 01
Số vào viện: 10/039083

- Họ tên người bệnh : **Lê Thanh Tuấn** Tuổi: **41** Giới : **Nam**
- Khoa : Ngoại 1 (Ngoại tổng quát) Buồng: 4 Giường: 32
- Vào viện lúc : **10** giờ **32** phút, ngày **15** Tháng **12** năm **2010**
- Phẫu thuật / Thủ thuật lúc : **13** giờ **54** phút, ngày **3** Tháng **3** năm **2013**
- Kết thúc : **13** giờ **54** phút, ngày **3** Tháng **3** năm **2013**
- Chuẩn đoán : - Trước Phẫu thuật / thủ thuật : Viêm túi mật cấp
  - Sau Phẫu thuật / thủ thuật : Viêm túi mật cấp
- Phương pháp phẫu thuật, Thủ thuật : Cắt bỏ chắp có bọc

Phương pháp PTTT - Loại Phẫu thuật : LOẠI 3

- Phương pháp vô cảm : - Mê gây mê - Tê gây tê
- Bác sĩ phẫu thuật chính : Chấn thương Bỏng - Phụ I : - Phụ II :
- Bác sĩ (GMHS) : - KTV(GMHS) :
- Dụng cụ: - Phục vụ 1: - P.vụ 2

LƯỢC ĐỒ PHẪU THUẬT/THỦ THUẬT	TRÌNH TỰ PHẪU THUẬT, THỦ THUẬT

II.7.2.4. Báo cáo phẫu thuật, thủ thuật thuật

- 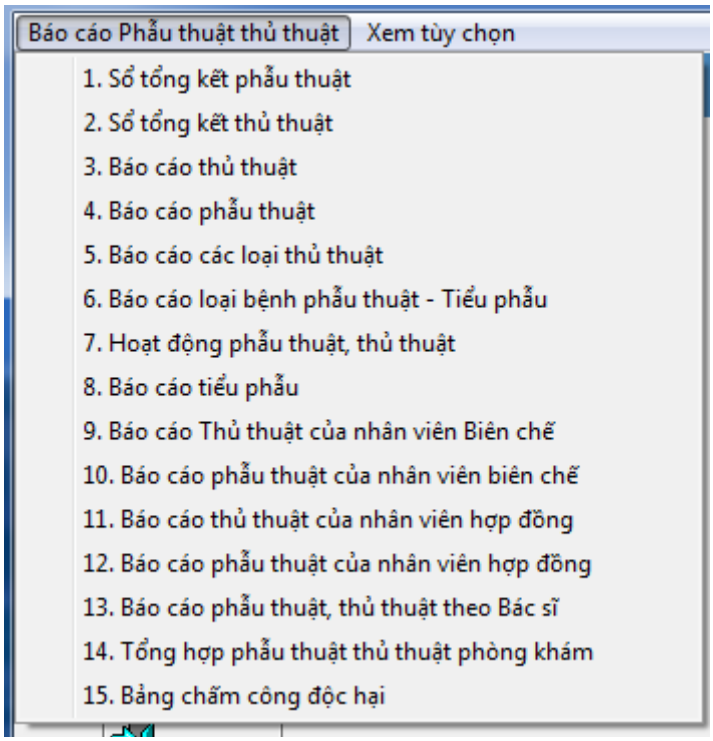

-
- 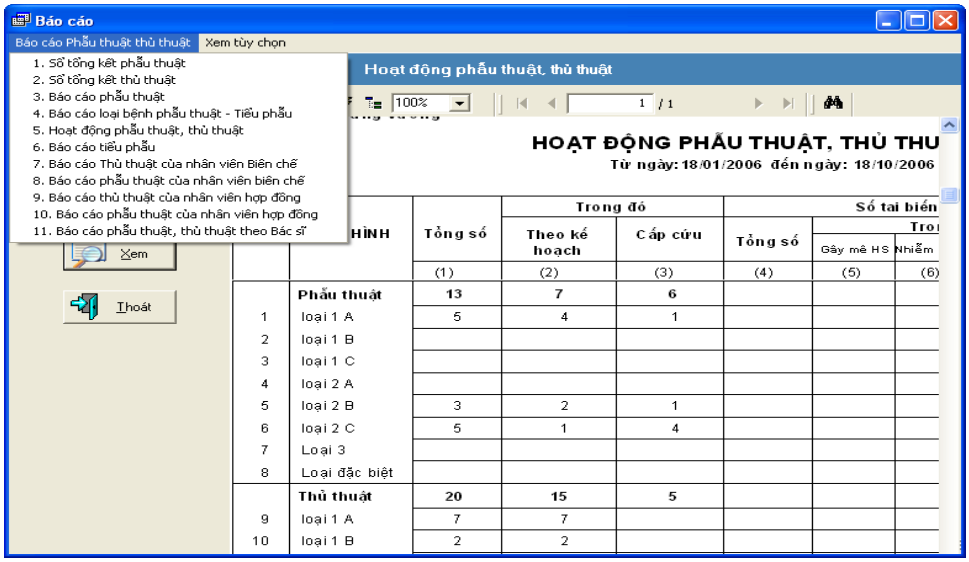

II.8. Quản lý vật tư tiêu hao

II.8.1. Giới thiệu

- Quản lý chi tiết thông tin vật tư tiêu hao sử dụng cho bệnh nhân khi thực hiện y lệnh, khi tiến hành phẫu thuật thủ thuật, quản lý việc nhận và cấp phát vật tư giữa kho (vật tư thiết bị, bông băng hóa chất, …) và khoa, giữa khoa và bệnh nhân.
- Các chức năng chính
- Cập nhật công khai vật tư sử dụng cho bệnh nhân
- Lập phiếu yêu cầu vật tư
- Quản lý nhập xuất tồn tại các kho (bông băng hóa chất, hành chánh quản trị, …)

II.8.2. Các màn hình chính

II.8.2.1. Công khai vật tư cho bệnh nhân

- Cập nhật công khai vật tư chi tiết theo y lệnh hằng ngày
- Cập nhật vật tư tiêu hao sử dụng cho phẫu thuật thủ thuật
- Nhập vật tư tiêu hao cho bệnh nhân điều trị nội trú, bệnh nhân thực hiện phẫu thuật, bệnh nhân từ phòng khám ..v.v…
- Nhập vật tư tiêu hao, ứng với mỗi loại dịch vụ vật tư tiêu hao thường có các dịch vụ đi kèm. Do dó, chương trình có hỗ trợ nhập các dịch vụ đi kèm được định nghĩa trong khoa nhằm hỗ trợ nhập một cách nhanh chóng
- 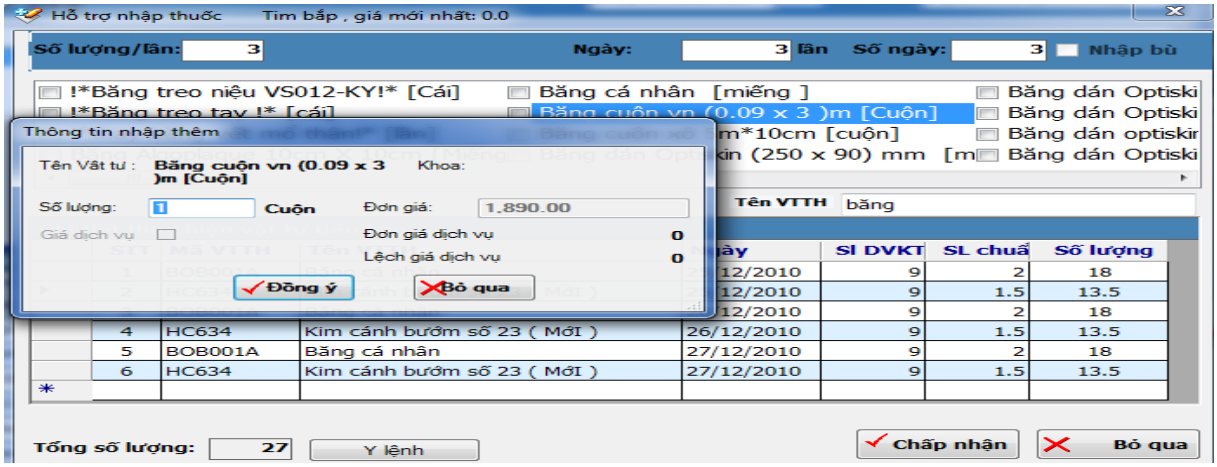

- Tổng hợp các dịch vụ kỹ thuật sử dụng vật tư tiêu hao (cập nhật từ y lệnh hằng ngày)
- 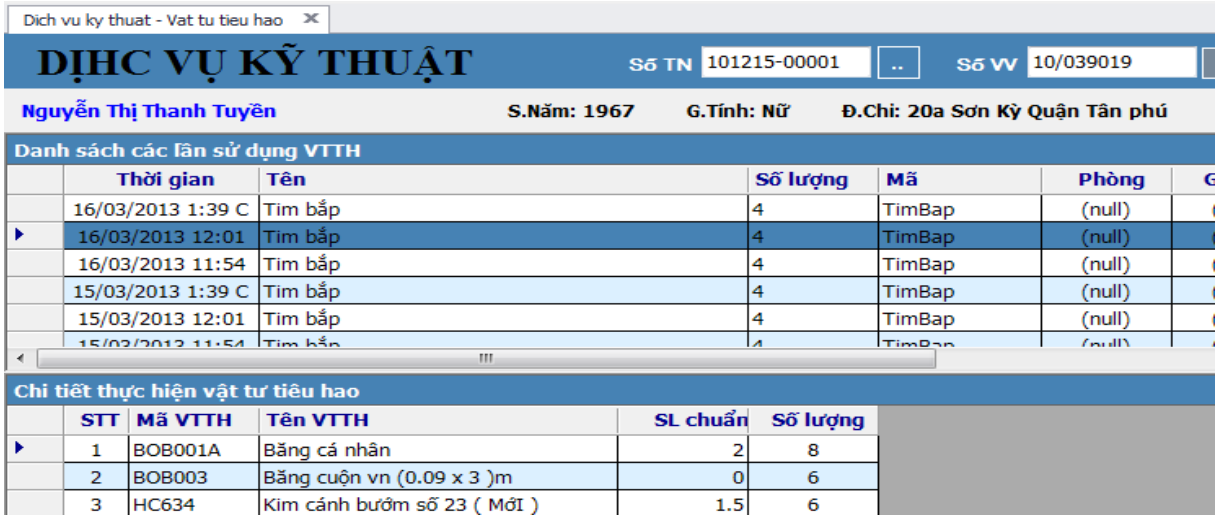

- Tổng hợp tất cả các vật tư tiêu hao phát sinh sử dụng cho bệnh nhân
- 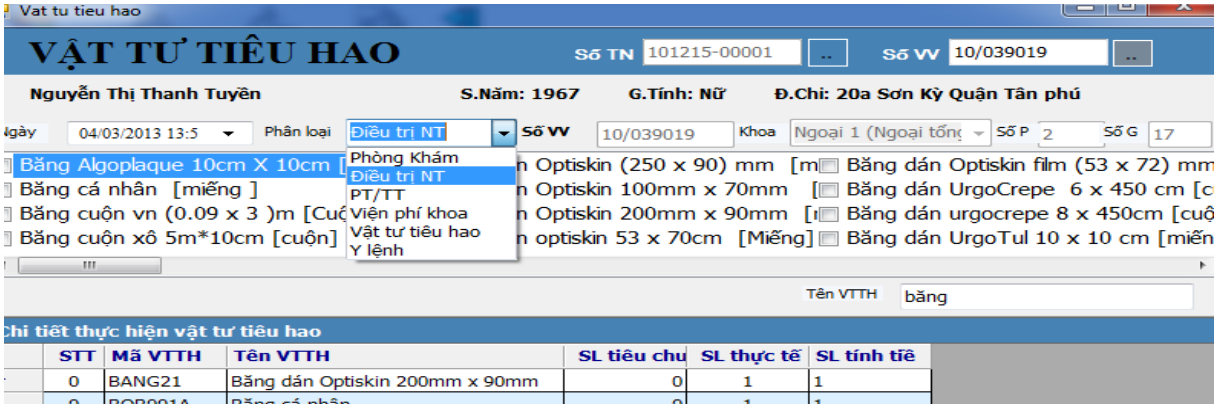

- Vật tư tiêu hao sử dụng trong gói dịch vụ kỹ thuật

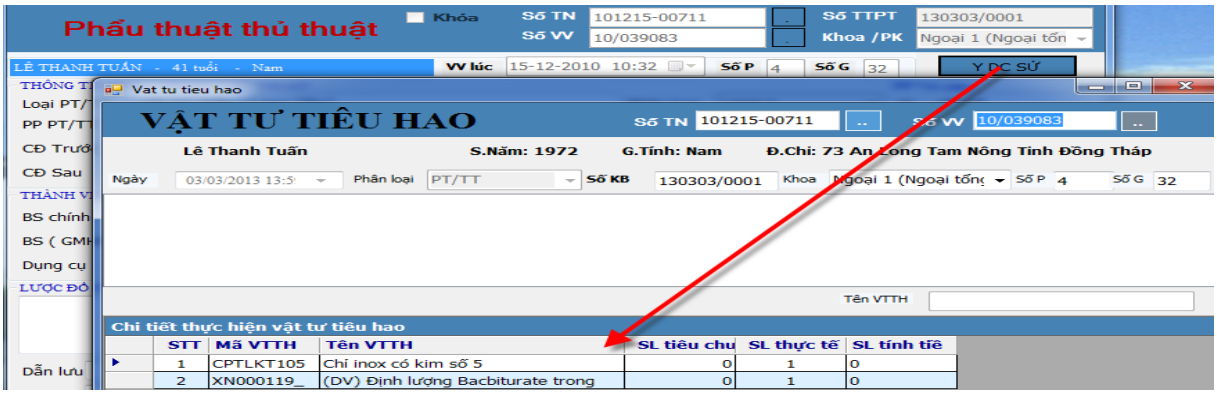

- In công khai vật tư tiêu hao sử dụng

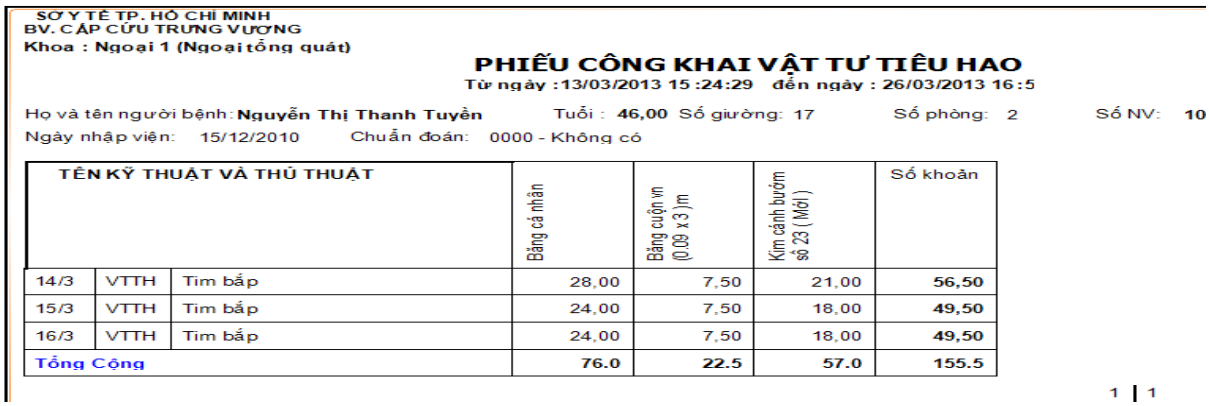

SỞ Y TẾ TP. HỒ CHÍ MINH
BV. CẤP CỨU TRƯNG VƯƠNG
Khoa : Ngoại 1 (Ngoại tổng quát)

PHIẾU CÔNG KHAI VẬT TƯ TIÊU HAO
Từ ngày :13/03/2013 15:24:29 đến ngày : 26/03/2013 16:5

Họ và tên người bệnh: **Nguyễn Thị Thanh Tuyền** Tuổi : **46,00** Số giường: 17 Số phòng: 2 Số NV: 10
Ngày nhập viện: 15/12/2010 Chuẩn đoán: 0000 - Không có

TÊN KỸ THUẬT VÀ THỦ THUẬT			Băng cá nhân	Băng cuộn vn (0,09 x 3)m	Kim cánh bướm số 23 (Mới)	Số khoản
14/3	VTTH	Tim bắp	28,00	7,50	21,00	**56,50**
15/3	VTTH	Tim bắp	24,00	7,50	18,00	**49,50**
16/3	VTTH	Tim bắp	24,00	7,50	18,00	**49,50**
Tổng Cộng			**76.0**	**22.5**	**57.0**	**155.5**

1 | 1

-

II.8.2.2. Lập phiếu yêu cầu vật tư

- Tổng hợp các vật tư sử dụng và yêu cầu cơ số tại khoa, khoa lập phiếu yêu cầu cho từng kho tương ứng để lãnh vật tư từ kho (Y dịch cụ/thiết bị y tế, Bông băng/hóa chất, ấn phẩm,…).

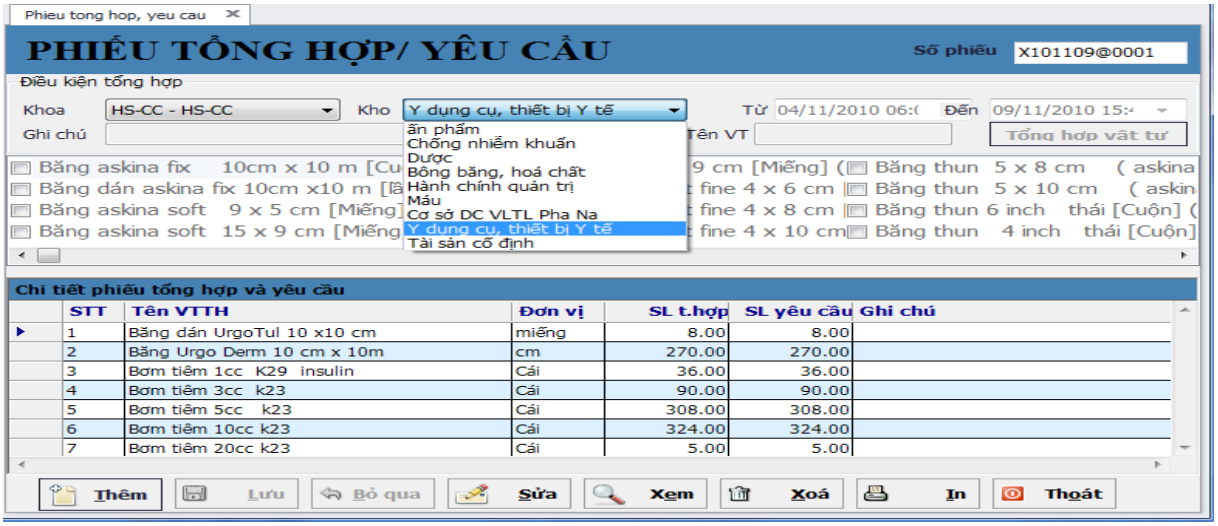

II.8.2.3. Lập phiếu trả vật tư

- Khi vật tư hư hao hay bệnh nhân không sử dụng khoa sẽ lập phiếu trả

- 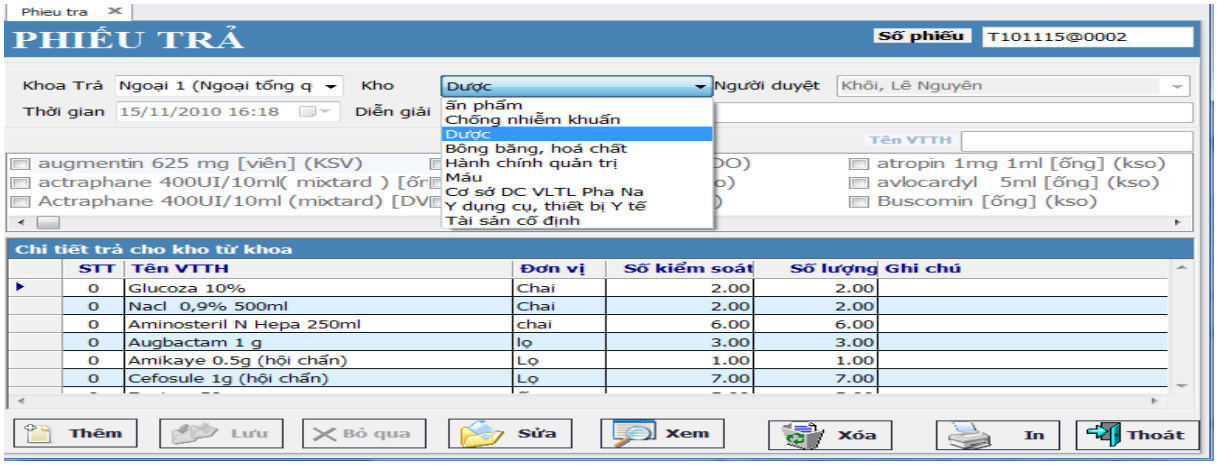

- In phiếu trả

- 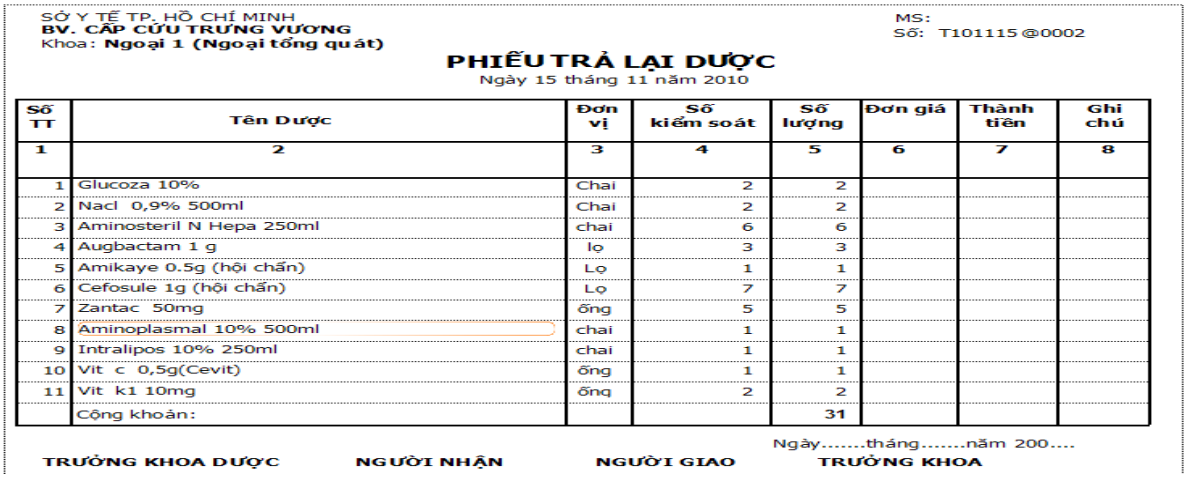

SỞ Y TẾ TP. HỒ CHÍ MINH
BV. CẤP CỨU TRƯNG VƯƠNG
Khoa: **Ngoại 1 (Ngoại tổng quát)**

MS:
Số: T101115 @0002

PHIẾU TRẢ LẠI DƯỢC
Ngày 15 tháng 11 năm 2010

Số TT	Tên Dược	Đơn vị	Số kiểm soát	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Glucoza 10%	Chai	2	2			
2	Nacl 0,9% 500ml	Chai	2	2			
3	Aminosteril N Hepa 250ml	chai	6	6			
4	Augbactam 1 g	lọ	3	3			
5	Amikaye 0.5g (hội chẩn)	Lọ	1	1			
6	Cefosule 1g (hội chẩn)	Lọ	7	7			
7	Zantac 50mg	ống	5	5			
8	Aminoplasmal 10% 500ml	chai	1	1			
9	Intralipos 10% 250ml	chai	1	1			
10	Vit c 0,5g(Cevit)	ống	1	1			
11	Vit k1 10mg	ống	2	2			
	Cộng khoản:			31			

Ngày.....tháng.....năm 200....

TRƯỞNG KHOA DƯỢC **NGƯỜI NHẬN** **NGƯỜI GIAO** **TRƯỞNG KHOA**

II.8.2.4. Phiếu nhập kho tại các kho

- Cập nhập phiếu nhập kho

-

II.8.2.5. Phiếu xuất kho tại các kho

- Lập phiếu xuất kho

- 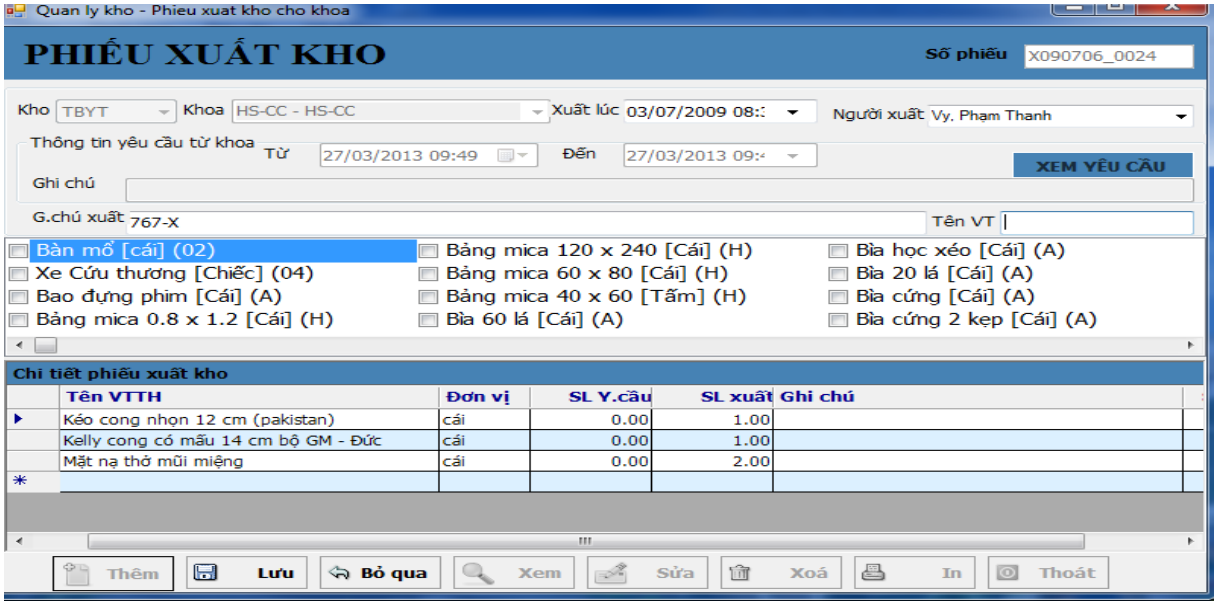

- Tự động lấy số liệu yêu cầu từ các khoa

- 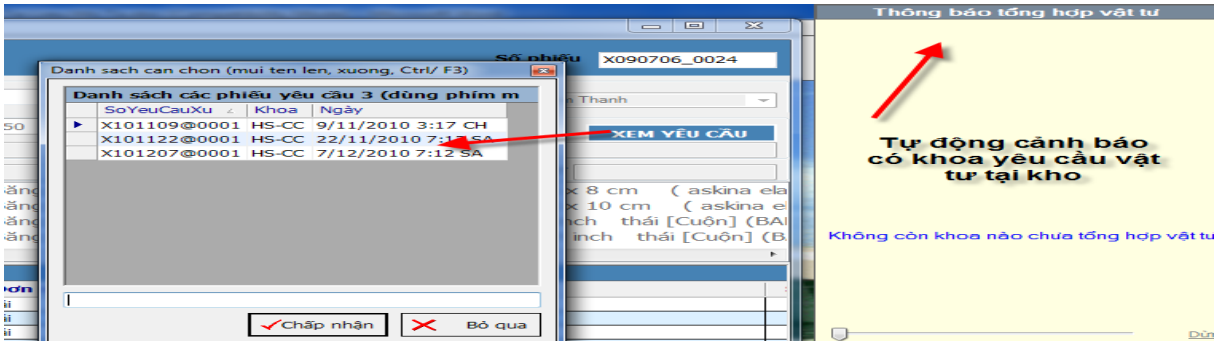

- In phiếu xuất kho

- 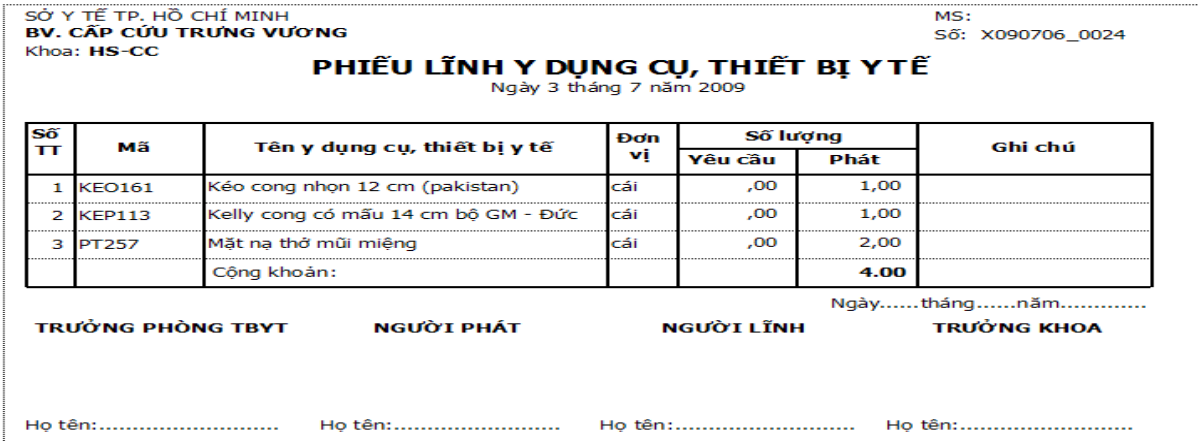

SỞ Y TẾ TP. HỒ CHÍ MINH
BV. CẤP CỨU TRƯNG VƯƠNG
Khoa: **HS-CC**

MS:
Số: X090706_0024

PHIẾU LĨNH Y DỤNG CỤ, THIẾT BỊ Y TẾ
Ngày 3 tháng 7 năm 2009

Số TT	Mã	Tên y dụng cụ, thiết bị y tế	Đơn vị	Số lượng		Ghi chú
				Yêu cầu	Phát	
1	KEO161	Kéo cong nhọn 12 cm (pakistan)	cái	,00	1,00	
2	KEP113	Kelly cong có mẫu 14 cm bộ GM - Đức	cái	,00	1,00	
3	PT257	Mặt nạ thở mũi miệng	cái	,00	2,00	
		Cộng khoản:			4.00	

Ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG PHÒNG TBYT | NGƯỜI PHÁT | NGƯỜI LĨNH | TRƯỞNG KHOA

Họ tên:..... Họ tên:..... Họ tên:..... Họ tên:.....

II.8.2.6. Báo cáo vật tư

- Sổ theo dõi y dụng cụ sử dụng

Khoa/ phòng: Ngoại 1 (Ngoại tổng quát)
Kho: Tất cả

SỔ THEO DÕI Y DỤNG CỤ SỬ DỤNG

Từ ngày :26/12/2010 07:46 đến ngày : 26/12/2010 17:56

Họ tên bệnh nhân / Y dụng cụ		Bơm tiêm 10cc k23	Bơm tiêm 5cc k23	Gằng khám ngắn - dối	Gòn viên 100gr	Kim nhựa các số	Tổng cộng
26/12	Nguyễn Thị Phượng	3.0	3.0	6.0	0.1	3.0	15.1
	Phạm Thị Phí		2.0	2.0			4.0
	Tổng Cộng	3.0	5.0	8.0	0.1	3.0	19.1
Tổng Cộng		**3.0**	**5.0**	**8.0**	**0.1**	**3.0**	**19.1**

-

- Công khai vật tự

SỞ Y TẾ TP. HỒ CHÍ MINH
BV. CẤP CỨU TRƯNG VƯƠNG
Khoa : Ngoại 1 (Ngoại tổng quát)

PHIẾU CÔNG KHAI VẬT TƯ TIÊU HAO

Từ ngày :13/03/2013 15:24:29 đến ngày : 26/03/2013 16:5

Họ và tên người bệnh: **Nguyễn Thị Thanh Tuyền** Tuổi : **46,00** Số giường: 17 Số phòng: 2 Số NV: **10**
Ngày nhập viện: 15/12/2010 Chuẩn đoán: 0000 - Không có

TÊN KỸ THUẬT VÀ THỦ THUẬT			Băng cá nhân	Băng cuộn vn (0,09 x 3)m	Kim cánh bướm số 23 (Mới)	Số khoản
14/3	VTTH	Tim bắp	28,00	7,50	21,00	**56,50**
15/3	VTTH	Tim bắp	24,00	7,50	18,00	**49,50**
16/3	VTTH	Tim bắp	24,00	7,50	18,00	**49,50**
Tổng Cộng			**76.0**	**22.5**	**57.0**	**155.5**

1 | 1

-

- Báo cáo nhập xuất tồn

BV.CẤP CỨU TRƯNG VƯƠNG
TRƯỞNG PHÒNG TBYT
2113-TS TBYT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

BÁO CÁO NHẬP XUẤT TỒN KHO Y DỤNG CỤ, THIẾT BỊ Y TẾ THÁNG 12/2010
(TỪ 12/26 ĐẾN 12/26)

SỐ TT	MÃ	LOẠI SẢN PHẨM	ĐVT	ĐƠN GIÁ	TỒN ĐẦU THÁNG		NHẬP TRONG THÁNG		XUẤT TRONG THÁNG		TỒN CUỐI THÁNG		GHI
					SỐ LƯỢNG	THÀNH TIỀN	SỐ LƯỢNG	THÀNH TIỀN	SỐ LƯỢNG	THÀNH TIỀN	SỐ LƯỢNG	THÀNH TIỀN	
1	021	Bàn mổ	cái										
2	041	Xe Cứu thương	Chiếc										
3	A01	Bao đựng phim	Cái										
4	BANG002	Băng askina soft 9 x 5 cm	Miếng	2,351	50	117,564					50	117,564	
5	BANG005	Băng thun askina elastfine 4 x 6 cm	Cuộn										
6	BANG006	Băng thun askina elastfine 4 x 8 cm	Cuộn	7,295	65	474,175					65	474,175	

-

- Các báo cáo khác

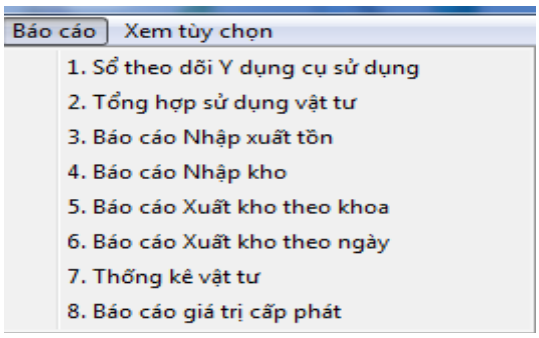

-

II.9. Kế toán

II.9.1. Giới thiệu

Phân hệ tài chính - kế toán quản lí toàn bộ thu – chi, công nợ, nhập - xuất vật tư, hàng hóa Đảm bảo cho kế toán viên theo dõi được toàn bộ dòng luân chuyển tiền tệ trong bệnh viện.

Hệ thống mở rộng theo yêu cầu của bệnh viện cũng như của sở y tế, bộ y tế.

Hệ thống các báo cáo đáp ứng đầy đủ thông tin cần thiết cho kếtoán viên.

II.9.2. Tiền mặt

II.9.2.1. Phiếu thu tiền mặt

Dùng để lập phiếu thu tiền mặt, có thể là thu tiền bệnh nhân, thu hoàn ứng, thu tiền dịch vụ…

Mẫu biểu dùng để nhập một phiếu thu tiền mặt:

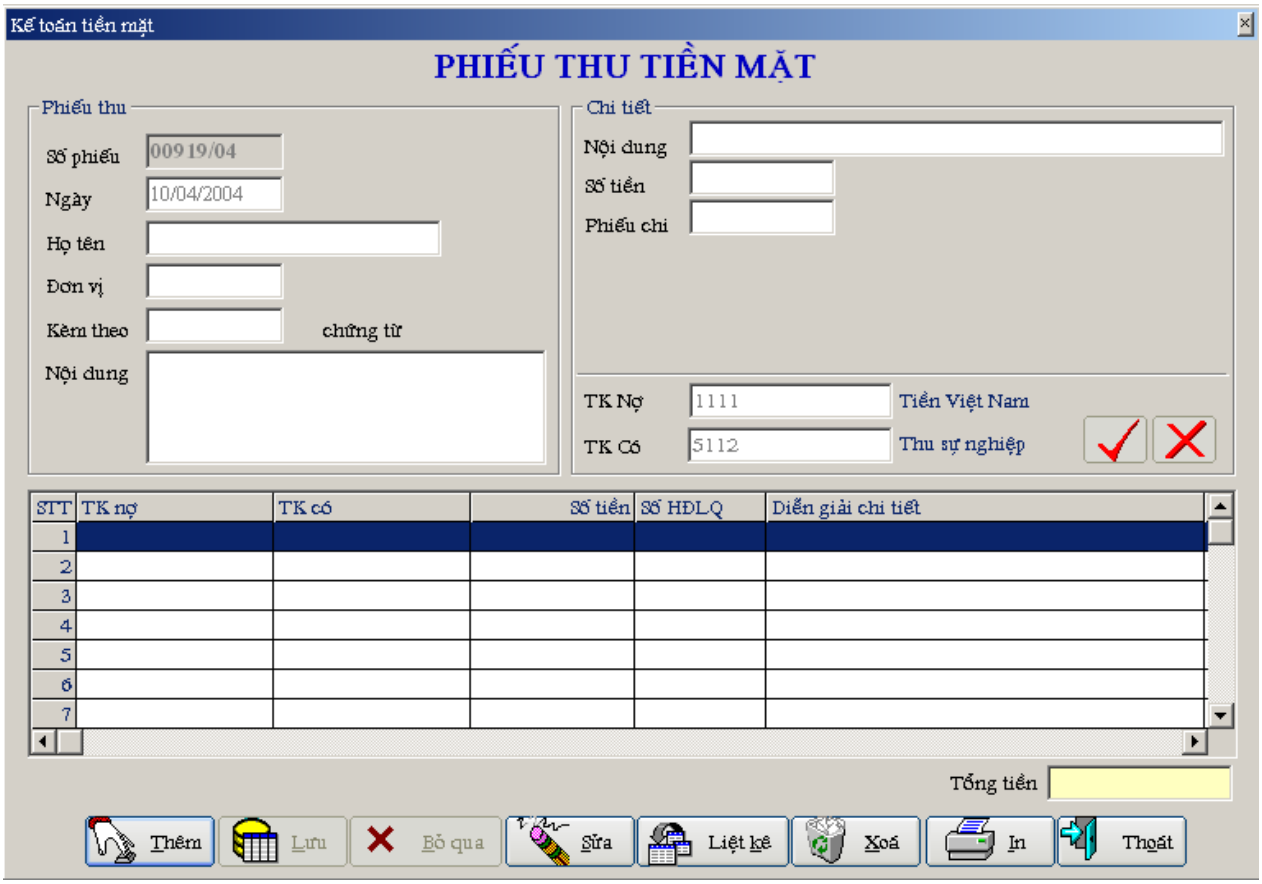

Thông tin chung cần cung cấp phiếu thu:

Số phiếu thu: được tăng tự động theo năm, người dùng không thể sửa được.

Ngày lập phiếu thu

Tên người nộp tiền

Đơn vị người nộp tiền

Số chứng từ kèm theo

Nội dung của phiếu thu

Trong một phiếu thu, người sử dụng có thể lập được nhiều định khoản, ví dụ như, thu tiền của người bệnh A, nhưng trong đó có thu tiền viện phí và thu tiền siêu âm, thu tiền thuốc…. Các định khoản này được làm ở phần chi tiết, trong mỗi phần đều có:

Nội dung thu tiền: nội dung chi tiết của mỗi khoản tiền thu

Số tiền thu

Số phiếu chi: nếu là phiếu hoàn tạm ứng thì phải cung cấp thêm số phiếu đã chi tạm ứng trước đây để tính toán lại số dư của người được tạm ứng.

Tài khoản nợ: giá trị mặc định là 1111.

Tài khoản có: tùy theo thu tiền từ nguồn nào mà người sử dụng nhập vào cho hợp lí.

Trong quá trình sử dụng, có nhiều phát sinh trong danh mục đơn vị, danh mục tài khoản, vật tư…nên chương trình có hỗ trợ người sử dụng nhập nhanh và chính xác các thông tin này. Ở tất cả các hộp nhập mà thông tin được quản lí bằng danh mục thì nhấn vào nút F3 trên bàn phím sẽ hiển thị các danh mục tương ứng, người dùng chỉ việc chọn tài khoản (nếu là danh mục tài khoản) tương ứng, số tài khoản được chọn sẽ được điền vào hộp nhập.

Màn hình hỗ trợ nhập liệu:

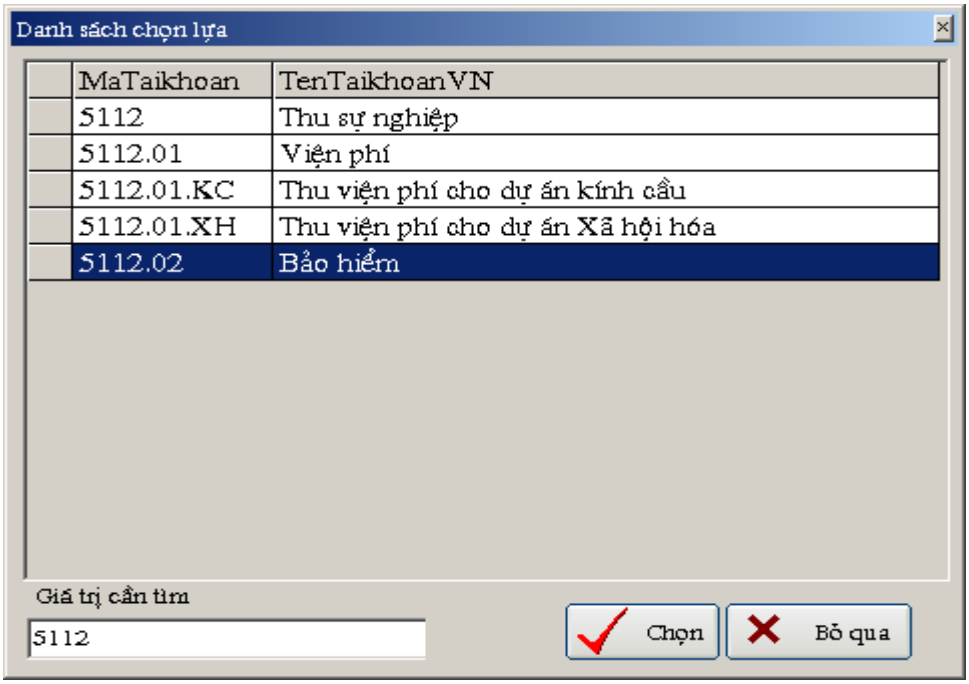

Các thao tác cơ bản trên một phiếu thu:

Thêm: Thêm một phiếu thu mới. Nếu đang sửa hay đang nhập một phiếu mới thì không sử dụng được chức năng này.

Lưu: Lưu phiếu thu thông tin hiện hành của phiếu thu vào cơ sở dữ liệu.

Bỏ qua: Phục hồi lại các thông tin của phiếu thu đang thao tác.

Sửa: Cho phép cập nhật phiếu thu hiện hành.

Liệt kê: liệt kê các phiếu thu đã được lập trước đây. Chương trình hỗ trợ người sử dụng chọn phiếu thu theo thời gian lập phiếu hay theo số phiếu thu.

Xóa: Xóa phiếu thu hiện hành.

In: Xem phiếu thu hiện hành trước khi in. Hình thức hiển thị phiếu thu sẽ giống như khi in ra giấy in.

Thoát: Thoát khỏi mẫu biểu lập phiếu thu.

Mẫu báo cáo phiếu thu tiền mặt

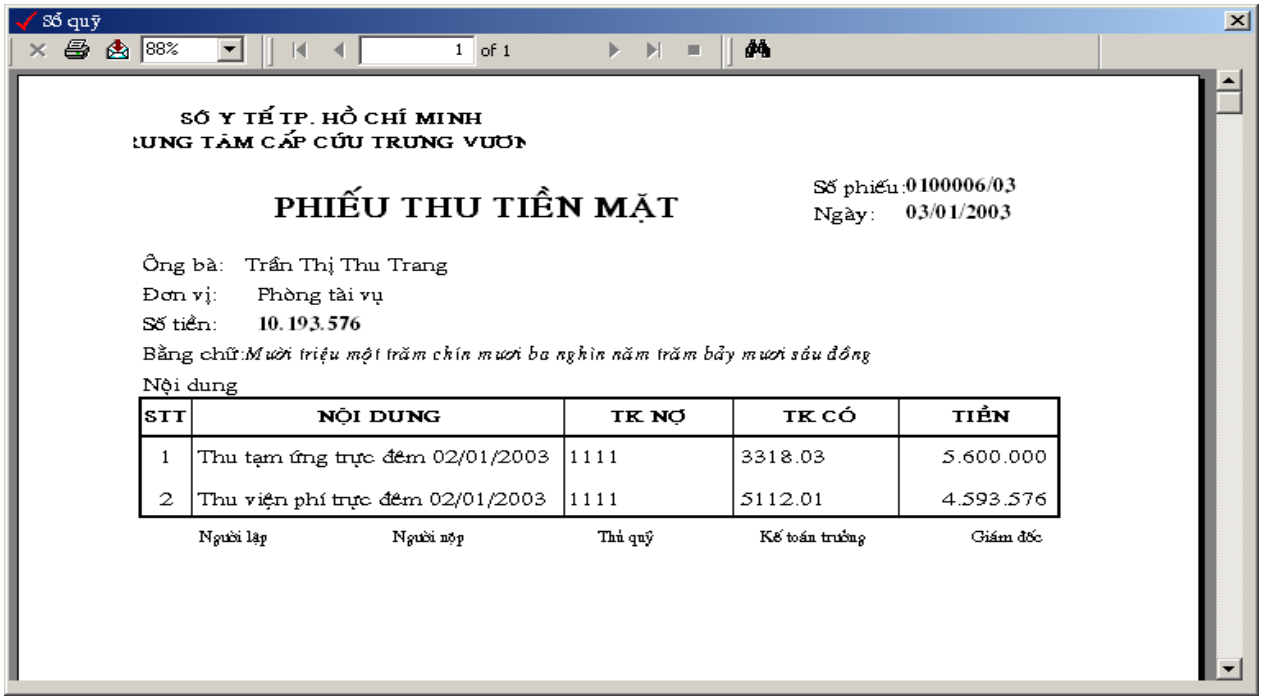

II.9.2.2. Phiếu chi tiền mặt

Mẫu biểu dùng để lập một phiếu chi tiền mặt. Ở đây, người sử dụng có thể lập phiếu chi tiền tạm ứng cho nhân viên trong đơn vị, chi trả công nợ, hoặc chi tiền cho một cá nhân nào đó để đi thanh toán cho nhà cung cấp…

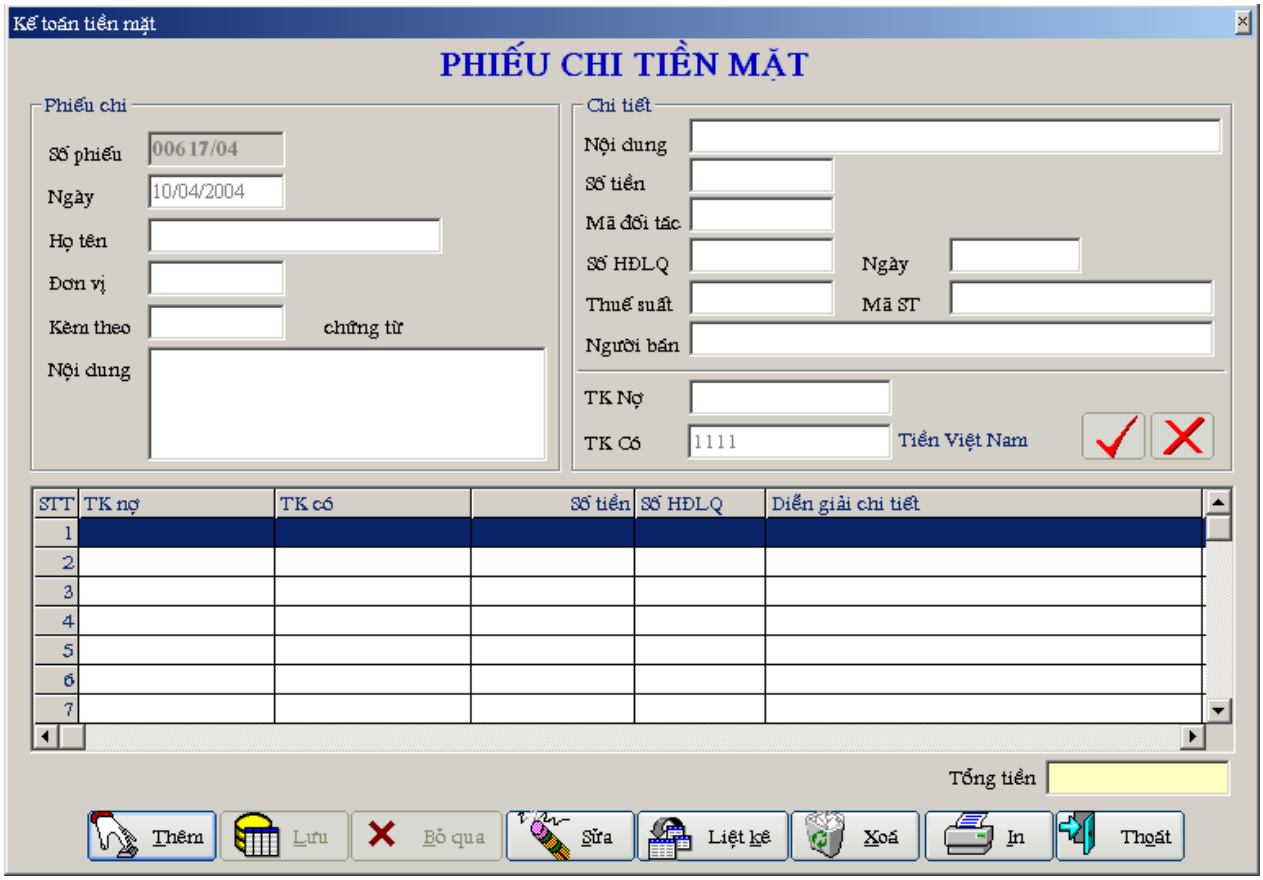

Thông tin chung cần cung cấp phiếu chi:

Số phiếu chi: được tăng tự động theo năm, người dùng không thể sửa được.

Ngày lập phiếu chi

Tên người nhận tiền

Đơn vị người nhận tiền

Số chứng từ kèm theo

Nội dung của phiếu chi

Phần chi tiết của phiếu chi:

Nội dung chi tiền: nội dung chi tiết của mỗi khoản tiền được chi

Số tiền chi

Mã đối tác: Ở đây xác định là chi tiền cho ai. Khi chọn xong đối tác thì các hóa đơn chưa thanh toán sẽ được lọc cho riêng đối tác này. Giá trị mặc định là mã đơn vị được lấy ở phần chung, người sử dụng sửa lại cho phù hợp khi chi tiền cho một nhân viên thanh toán cho nhiều nhà cung cấp.

Số hóa đơn: Số hóa đơn cần thanh toán. Chương trình hỗ trợ người sử dụng chọn các hóa đơn chưa thanh toán, các hóa đơn này đã được lập trước đây khi mua vật tư hay hàng hóa. Có thể thanh toán cho một hóa đơn không có trong danh mục các hóa đơn chưa thanh toán.

Ngày hóa đơn: ngày của hóa đơn được thanh toán. Nếu hóa đơn này được chọn từ danh mục ra thì các thông tin là ngày hóa đơn, số tiền được tự động hiển thị.

Thuế suất: thuế suất của hóa đơn.

Mã số thuế: mã số thuế người bán. Cần thiết khi thanh toán hóa đơn lẻ (không nằm trong danh mục hóa đơn chưa thanh toán).

Người bán: Tên đơn vị bán hàng. Cần thiết khi thanh toán hóa đơn lẻ (không nằm trong danh mục hóa đơn chưa thanh toán).

Tài khoản nợ: tùy theo chi tiền cho mục đích nào mà người sử dụng nhập vào cho hợp lí.

Tài khoản có: Giá trị mặc định là 1111.

Các hỗ trợ và chức năng trên phiếu chi đều giống như mẫu biểu lập phiếu thu.

Thao tác cơ bản trên một phiếu chi:

Thêm: Thêm một phiếu chi mới. Nếu đang sửa hay đang nhập một phiếu mới thì không sử dụng được chức năng này.

Lưu: Lưu phiếu chi thông tin hiện hành của phiếu chi vào cơ sở dữ liệu.

Bỏ qua: Phục hồi lại các thông tin của phiếu chi đang thao tác.

Sửa: Cho phép cập nhật phiếu chi hiện hành.

Liệt kê: liệt kê các phiếu chi đã được lập trước đây. Chương trình hỗ trợ người sử dụng chọn phiếu chi theo thời gian lập phiếu hay theo số phiếu chi.

Xóa: Xóa phiếu chi hiện hành.

In: Xem phiếu chi hiện hành trước khi in. Hình thức hiển thị phiếu chi sẽ giống như khi in ra giấy in.

Thoát: Thoát khỏi mẫu biểu lập phiếu chi.

Mẫu báo cáo phiếu chi tiền mặt

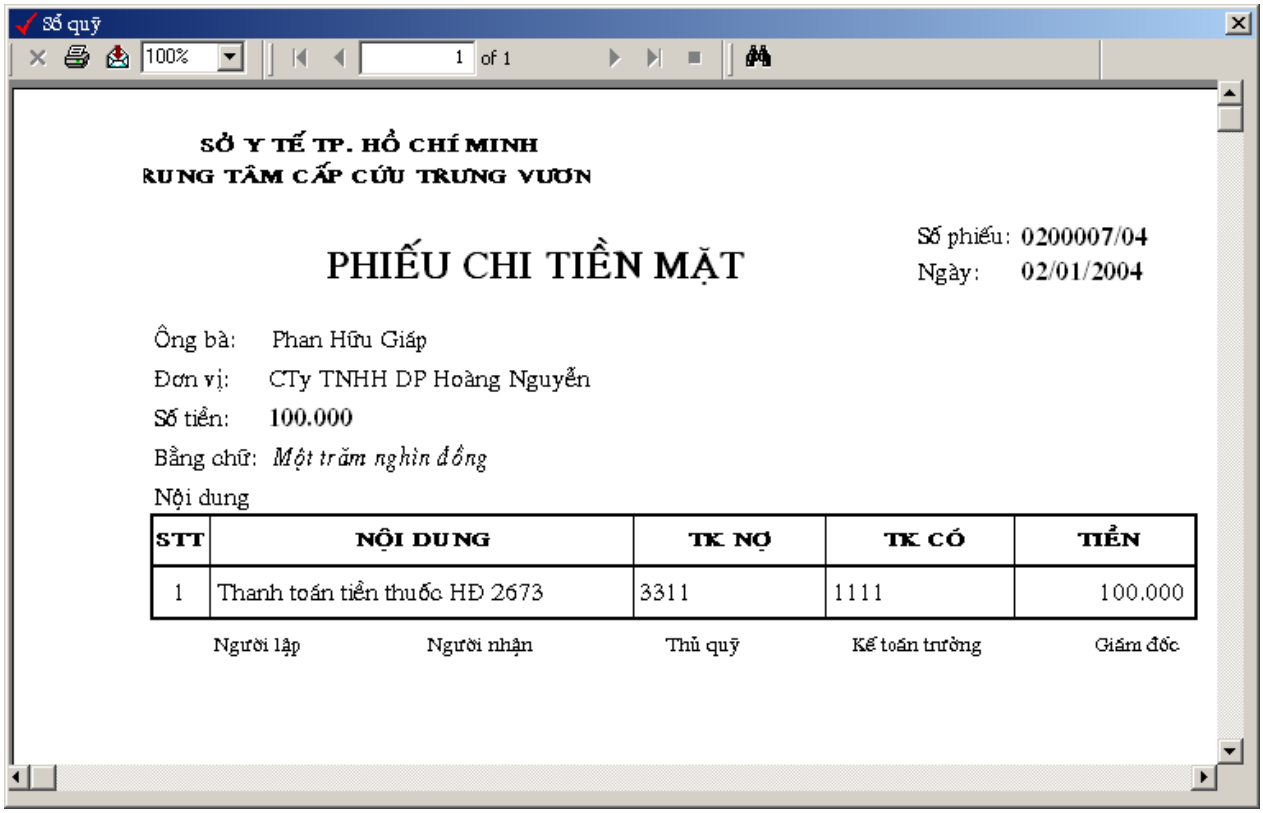
Sổ quỹ

100% 1 of 1

SỞ Y TẾ TP. HỒ CHÍ MINH
RUNG TÂM CẤP CỨU TRƯNG VƯƠN

PHIẾU CHI TIỀN MẶT

Số phiếu: 0200007/04
Ngày: 02/01/2004

Ông bà: Phan Hữu Giáp
Đơn vị: CTy TNHH DP Hoàng Nguyễn
Số tiền: 100.000
Bằng chữ: *Một trăm nghìn đồng*
Nội dung

STT	NỘI DUNG	TK NỢ	TK CÓ	TIỀN
1	Thanh toán tiền thuốc HĐ 2673	3311	1111	100.000

Người lập Người nhận Thủ quỹ Kế toán trưởng Giám đốc

II.9.3. Ngân hàng

II.9.3.1. Phiếu thu chuyển khoản

Mẫu biểu để nhập phiếu thu chuyển khoản: Dùng để lập các chứng từ làm tăng lượng tiền gửi ngân hàng.

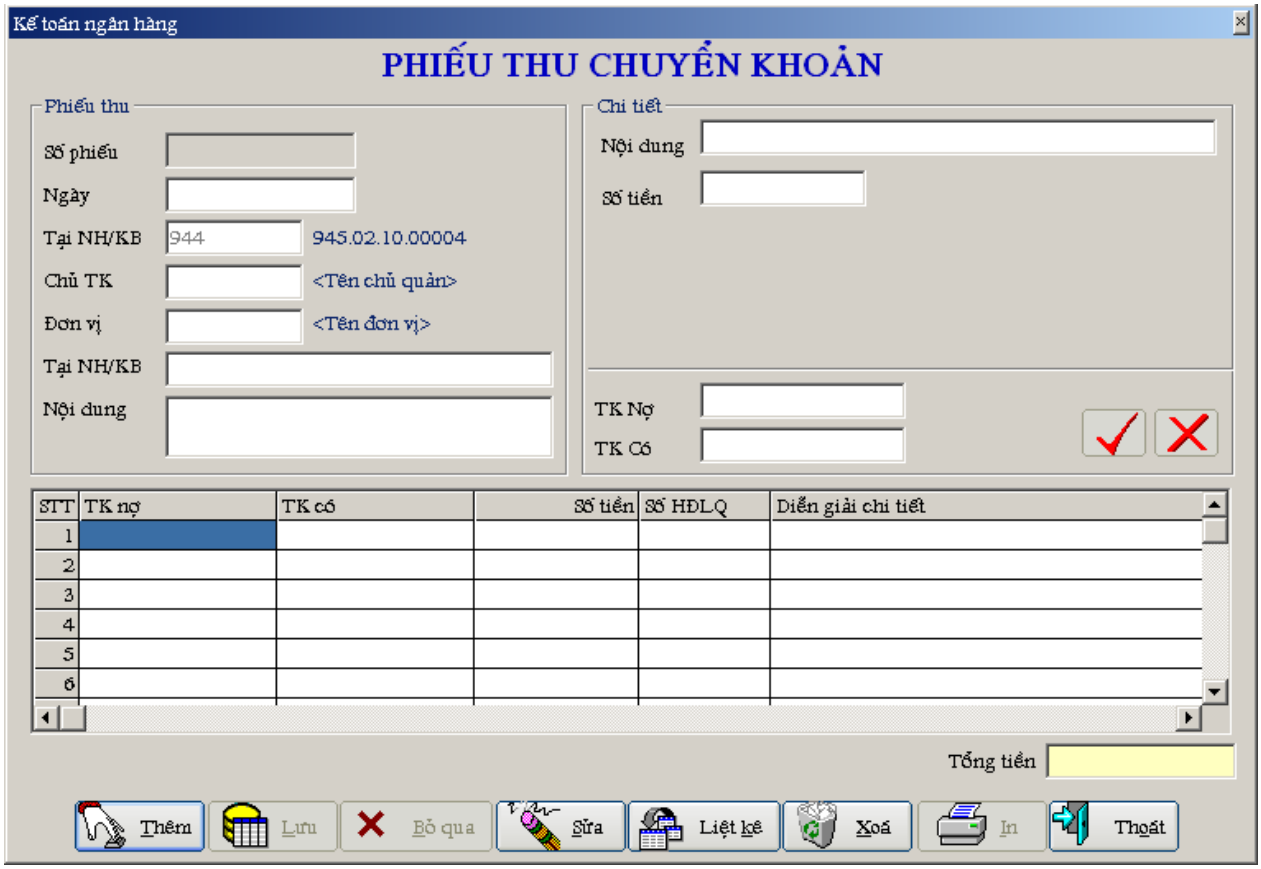

Thông tin chung cần cung cấp phiếu thu chuyển khoản:

Số phiếu thu: được tăng tự động theo năm, người dùng không thể sửa được.

Ngày lập phiếu thu

Ngân hàng

Chủ tài khoản

Đơn vị

Nội dung của phiếu thu

Tương tự như các phiếu thu chi tiền mặt, người sử dụng có thể lập được nhiều định khoản, ví dụ như, lượng tiền gửi ngân hàng tăng do rút tiền từ ngân sách về gửi vào ngân hàng, từ quỹ tiền mặt, …. Các định khoản này được làm ở phần chi tiết, trong mỗi phần đều có:

Nội dung: nội dung chi tiết của mỗi khoản tiền.

Số tiền

Tài khoản nợ: giá trị mặc định là 1121.

Tài khoản có: tùy theo thu tiền từ nguồn nào mà người sử dụng nhập vào cho hợp lí.

Các thao tác cơ bản trên một phiếu thu:

Thêm: Thêm một phiếu thu mới. Nếu đang sửa hay đang nhập một phiếu mới thì không sử dụng được chức năng này.

Lưu: Lưu phiếu thu thông tin hiện hành của phiếu thu vào cơ sở dữ liệu.

Bỏ qua: Phục hồi lại các thông tin của phiếu thu đang thao tác.

Sửa: Cho phép cập nhật phiếu thu hiện hành.

Liệt kê: liệt kê các phiếu thu đã được lập trước đây. Chương trình hỗ trợ người sử dụng chọn phiếu thu theo thời gian lập phiếu hay theo số phiếu thu.

Xóa: Xóa phiếu thu hiện hành.

In: Xem phiếu thu hiện hành trước khi in. Hình thức hiển thị phiếu thu sẽ giống như khi in ra giấy in.

Thoát: Thoát khỏi mẫu biểu lập phiếu thu.

Mẫu báo cáo phiếu thu chuyển khoản

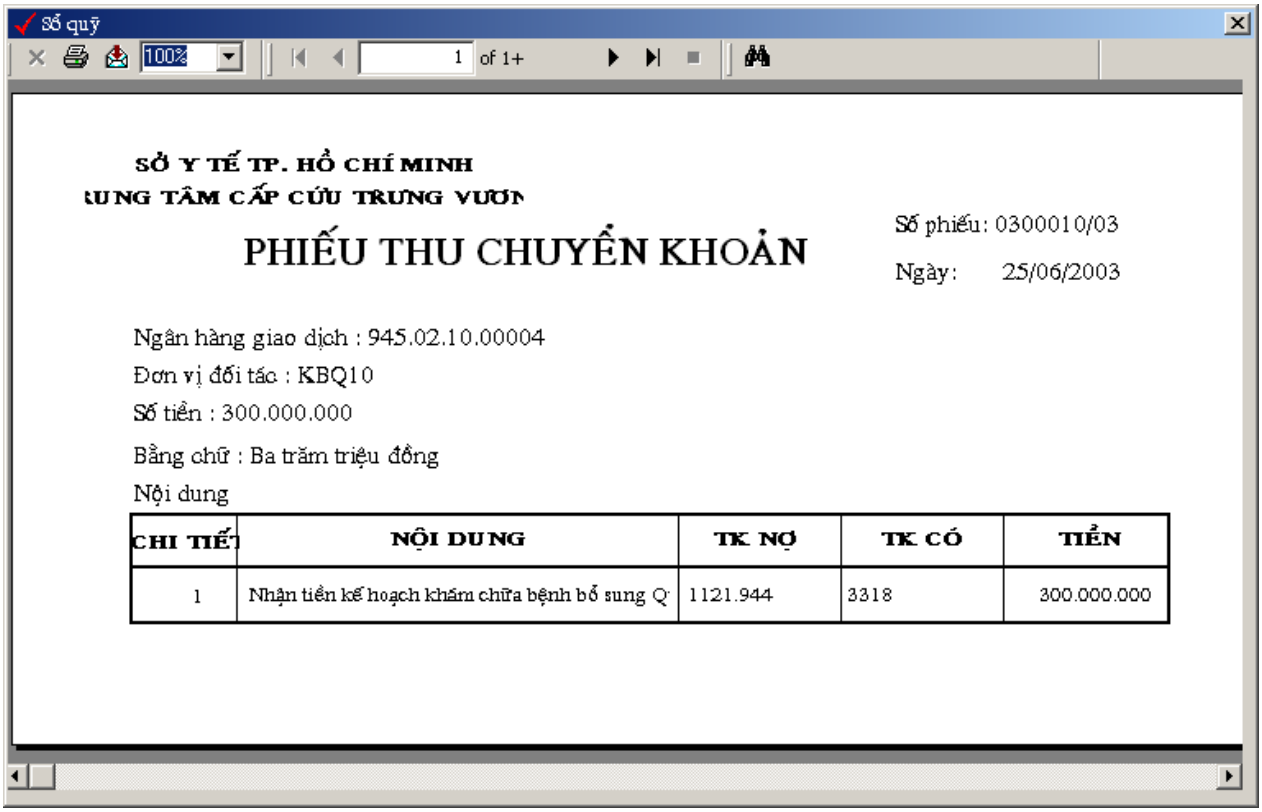

Sổ quỹ

100% 1 of 1+

SỞ Y TẾ TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM CẤP CỨU TRUNG VƯƠN

PHIẾU THU CHUYỂN KHOẢN

Số phiếu: 0300010/03
Ngày: 25/06/2003

Ngân hàng giao dịch : 945.02.10.00004
Đơn vị đối tác : KBQ10
Số tiền : 300.000.000
Bằng chữ : Ba trăm triệu đồng
Nội dung

CHI TIẾT	NỘI DUNG	TK NỢ	TK CÓ	TIỀN
1	Nhận tiền kế hoạch khám chữa bệnh bổ sung Q	1121.944	3318	300.000.000

II.9.3.2. Phiếu chi chuyển khoản

Mẫu biểu lập một phiếu chi chuyển khoản: Dùng để lập các chứng từ ghi giảm lượng tiền gửi ngân hàng.

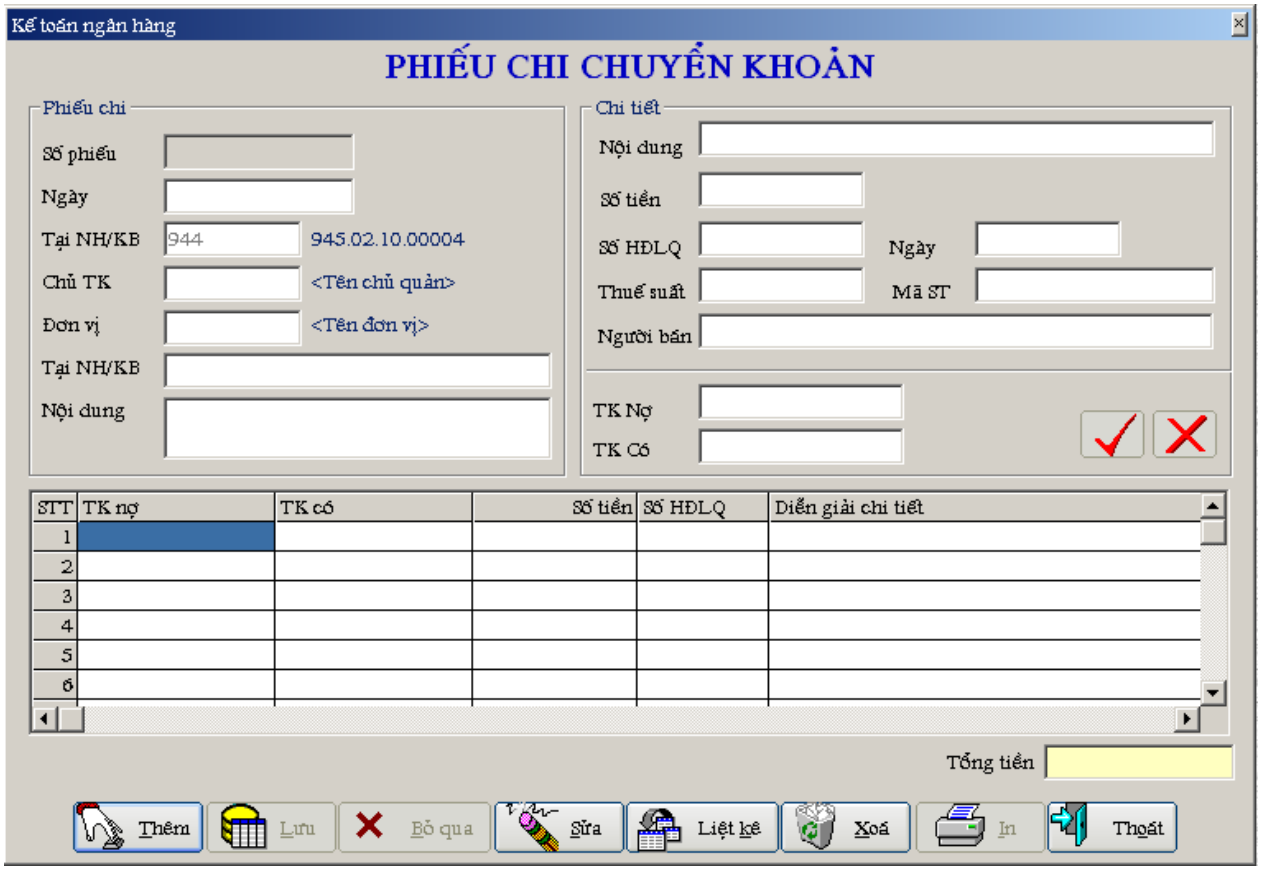

Thông tin chung cần cung cấp phiếu chi chuyển khoản:

Số phiếu chi: được tăng tự động theo năm, người dùng không thể sửa được.

Ngày lập phiếu chi

Ngân hàng

Chủ tài khoản

Đơn vị

Nội dung của phiếu chi

Phần chi tiết của phiếu chi chuyển khoản:

Nội dung chi tiền: nội dung chi tiết của mỗi khoản tiền được chi

Số tiền chi

Số hóa đơn: Số hóa đơn cần thanh toán. Chương trình hỗ trợ người sử dụng chọn các hóa đơn chưa thanh toán, các hóa đơn này đã được lập trước đây khi mua vật tư hay hàng hóa. Có thể thanh toán cho một hóa đơn không có trong danh mục các hóa đơn chưa thanh toán.

Ngày hóa đơn: ngày của hóa đơn được thanh toán. Nếu hóa đơn này được chọn từ danh mục ra thì các thông tin là ngày hóa đơn, số tiền được tự động hiển thị.

Thuế suất: thuế suất của hóa đơn.

Mã số thuế: mã số thuế người bán. Cần thiết khi thanh toán hóa đơn lẻ (không nằm trong danh mục hóa đơn chưa thanh toán).

Người bán: Tên đơn vị bán hàng. Cần thiết khi thanh toán hóa đơn lẻ (không nằm trong danh mục hóa đơn chưa thanh toán).

Tài khoản nợ: tùy theo chi tiền cho mục đích nào mà người sử dụng nhập vào cho hợp lí.

Tài khoản có: Giá trị mặc định là 1121.

Các hỗ trợ và chức năng trên phiếu chi đều giống như mẫu biểu lập phiếu thu.

Thao tác cơ bản trên một phiếu chi chuyển khoản:

Thêm: Thêm một phiếu chi chuyển khoản mới. Nếu đang sửa hay đang nhập một phiếu mới thì không sử dụng được chức năng này.

Lưu: Lưu thông tin hiện hành của phiếu chi vào cơ sở dữ liệu.

Bỏ qua: Phục hồi lại các thông tin của phiếu chi đang thao tác.

Sửa: Cho phép cập nhật phiếu chi hiện hành.

Liệt kê: liệt kê các phiếu chi đã được lập trước đây. Chương trình hỗ trợ người sử dụng chọn phiếu chi theo thời gian lập phiếu hay theo số phiếu chi.

Xóa: Xóa phiếu chi hiện hành.

In: Xem phiếu chi hiện hành trước khi in. Hình thức hiển thị phiếu chi sẽ giống như khi in ra giấy in. Tuỳ theo ngân hàng và sự lựa chọn của người dùng mà chương trình sẽ hiển thị báo cáo tương ứng. Có 3 hình thức: Uỷ nhiệm chi, Phiếu lĩnh tiền mặt, Phiếu chi chuyển khoản.

Thoát: Thoát khỏi mẫu biểu lập phiếu chi chuyển khoản.

Mẫu báo cáo Ủy nhiệm chi

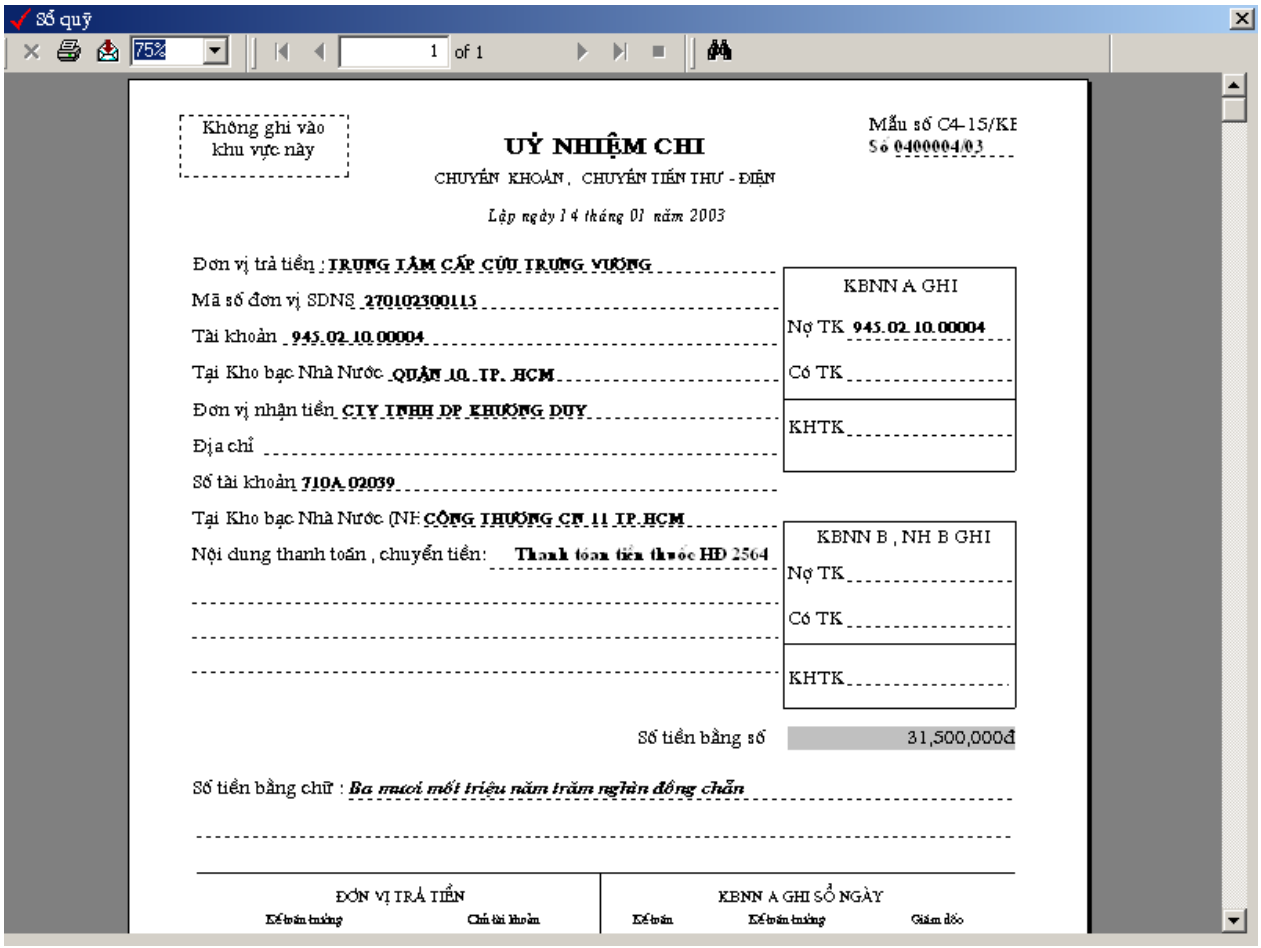

Sổ quỹ

75% 1 of 1

Không ghi vào khu vực này

Mẫu số C4-15/KE
Số 0400004/03

UỶ NHIỆM CHI

CHUYỂN KHOẢN , CHUYỂN TIỀN THƯ - ĐIỆN

Lập ngày 14 tháng 01 năm 2003

Đơn vị trả tiền : TRUNG TÂM CẤP CỨU TRUNG VƯƠNG
Mã số đơn vị SDNS 2701023001115
Tài khoản 945.02.10.00004
Tại Kho bạc Nhà Nước QUẬN 10 TP. HCM
Đơn vị nhận tiền CTY TNHH DP KHƯƠNG DUY
Địa chỉ
Số tài khoản 710A.02039
Tại Kho bạc Nhà Nước (NH CÔNG THƯƠNG CN 11 TP.HCM
Nội dung thanh toán , chuyển tiền: Thanh toán tiền thuốc HĐ 2564

KBNN A GHI
Nợ TK 945.02.10.00004
Có TK
KHTK

KBNN B , NH B GHI
Nợ TK
Có TK
KHTK

Số tiền bằng số 31,500,000đ

Số tiền bằng chữ : *Ba mươi mốt triệu năm trăm nghìn đồng chẵn*

ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN
Kế toán trưởng | Chủ tài khoản

KBNN A GHI SỔ NGÀY
Kế toán | Kế toán trưởng | Giám đốc

Mẫu báo cáo phiếu lĩnh tiền mặt

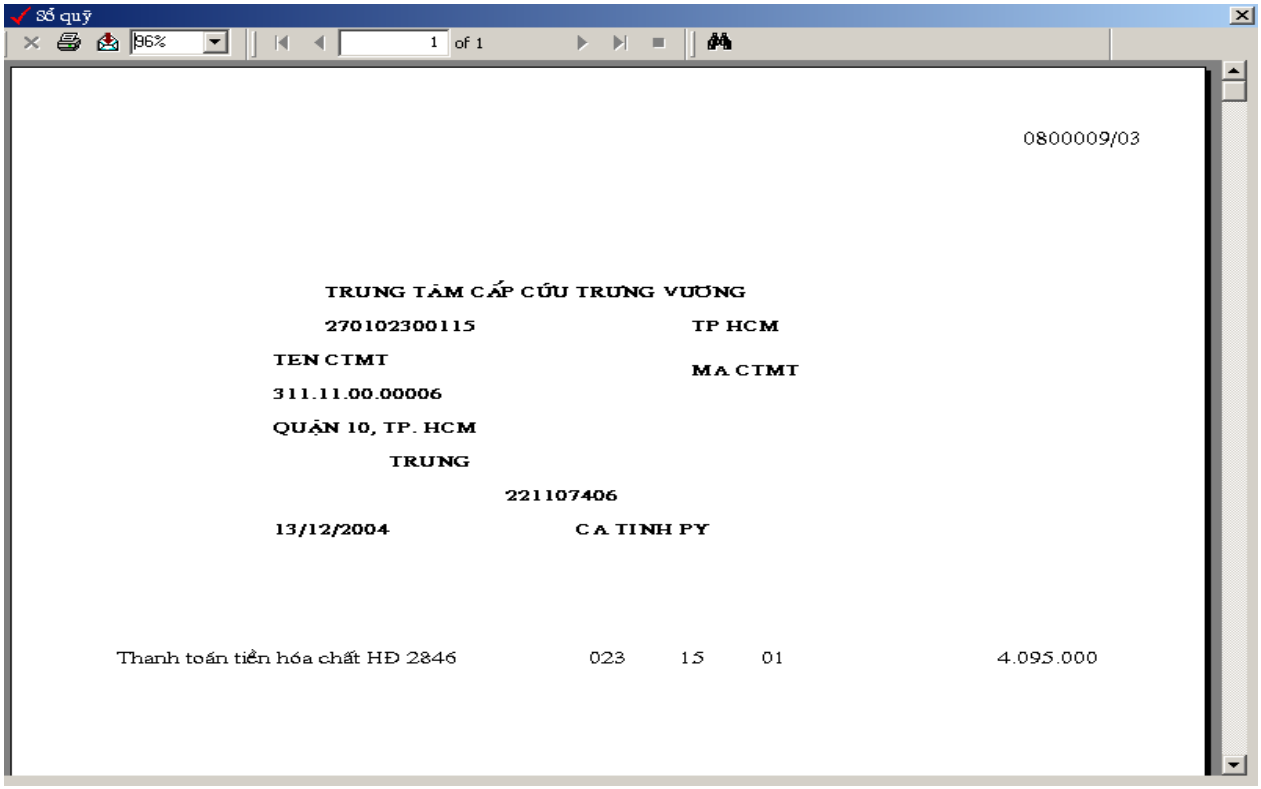

Mẫu báo cáo rút tiền

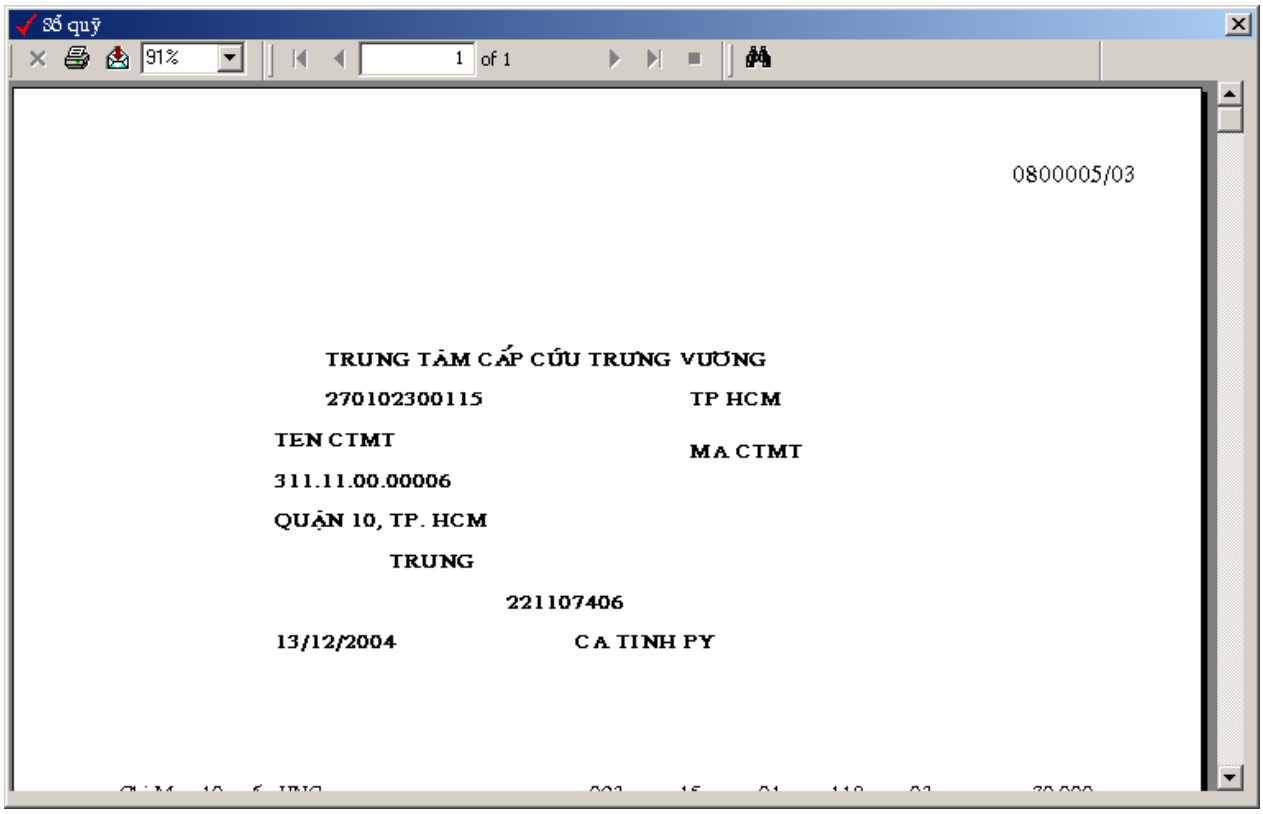

II.9.4. **Vật tư**

II.9.4.1. Phiếu nhập vật tư

Phiếu nhập bao gồm các phiếu nhập vật tư các kho hành chánh quản trị, ấn phẩm, dược, thiết bị y tế, hoá chất. Vì các phiếu nhập là giống nhau, xin giới thiệu cách lập một phiếu nhập dược.

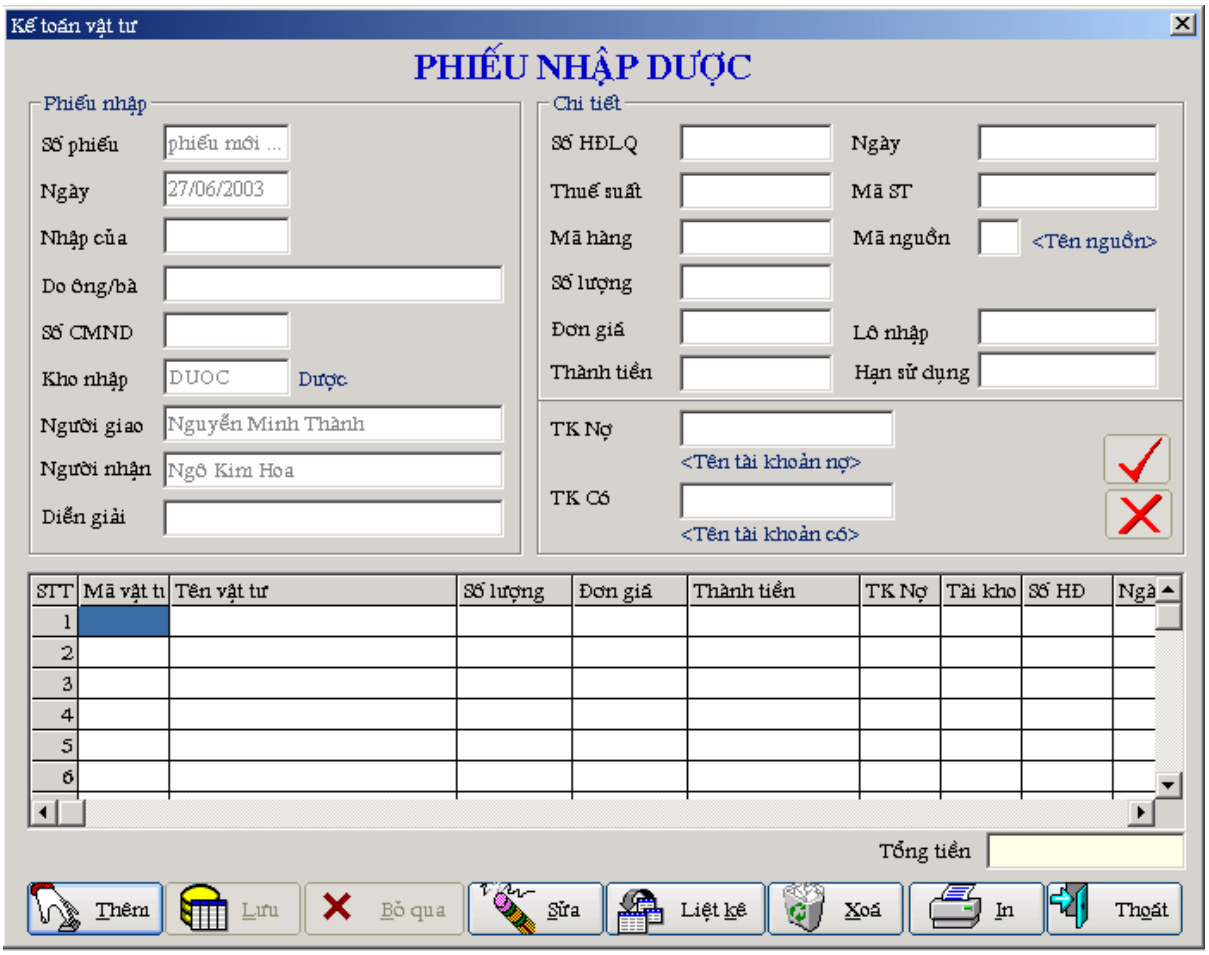

Thông tin chung cần cung cấp phiếu nhập:

Số phiếu nhập: được tăng tự động theo năm, người dùng không thể sửa được.

Ngày lập phiếu: ngày lập phiếu nhập.

Nhập của: Nhập của nhà cung cấp nào.

Ông, bà: Người đại diện của nhà cung cấp.

Số CMND: Số chứng minh nhân dân của người đại diện.

Kho nhập: Xác định kho nhập. Khi xác định xong mã kho thì trên danh mục hàng hóa hỗ trợ sẽ chỉ hiển thị các mặt hàng thuộc kho này để tránh trường hợp người dùng nhập vào hàng hóa thuộc kho khác.

Người giao: Người giao hàng.

Người nhận: người nhận hàng.

Diễn giải: Diễn giải cho phiếu nhập.

Phần chi tiết của phiếu nhập hàng:

Số hóa đơn liên quan: Số hóa đơn nhập.

Ngày lập hóa đơn: ngày lập hóa đơn nhập.

Thuế suất: thuế suất của hóa đơn.

Mã số thuế: mã số thuế người bán.

Mã hàng: Mã hàng hóa được nhập về.

Mã nguồn: Xác định nguồn nhập. Khi chọn xong hàng hóa và nguồn thì chương trình sẽ tự động định khoản theo nguồn.

Số lượng: Số lượng nhập.

Đơn giá: đơn giá nhập. Chương trình tự tính căn cứ theo thành tiền.

Thành tiền: thành tiền. Để bảo đảm rằng số tiền phiếu nhập luôn luôn đúng với số tiền hóa đơn (vì lý do làm tròn số, đôi khi người bán sửa thành tiền không đúng bằng tích của số lượng và đơn giá) người dùng nhập thành tiền vào để chương trình tự tính đơn giá.

Lô nhập: Xác định hàng hóa thuộc lô nhập nào. Cần thiết khi nhập các hàng hóa có thời gian sử dụng nhất định như hóa chất, thuốc…

Hạn sử dụng: Hạn sử dụng của hàng hóa. Cần thiết khi nhập các hàng hóa có thời gian sử dụng nhất định như hóa chất, thuốc…

Tài khoản nợ: Giá trị mặc định được cung cấp khi người dùng chọn xong mã hàng hóa

Tài khoản có: Giá trị mặc định được cung cấp khi người dùng chọn xong mã hàng hóa và mã nguồn.

Các hỗ trợ và chức năng trên phiếu chi đều giống như mẫu biểu lập phiếu thu.

Thao tác cơ bản trên một phiếu nhập vật tư:

Thêm: Thêm một phiếu nhập vật tư mới. Nếu đang sửa hay đang nhập một phiếu mới thì không sử dụng được chức năng này.

Lưu: Lưu thông tin hiện hành của phiếu nhập vào cơ sở dữ liệu.

Bỏ qua: Phục hồi lại các thông tin của phiếu nhập đang thao tác.

Sửa: Cho phép cập nhật phiếu nhập hiện hành.

Liệt kê: liệt kê các phiếu nhập đã được lập trước đây. Chương trình hỗ trợ người sử dụng chọn phiếu theo thời gian lập phiếu hay theo số phiếu nhập.

Xóa: Xóa phiếu nhập hiện hành.

In: Xem phiếu nhập hiện hành trước khi in. Hình thức hiển thị phiếu nhập sẽ giống như khi in ra giấy in.

Thoát: Thoát khỏi mẫu biểu lập phiếu nhập vật tư.

Mẫu báo cáo biên bản kiểm nhập vật tư

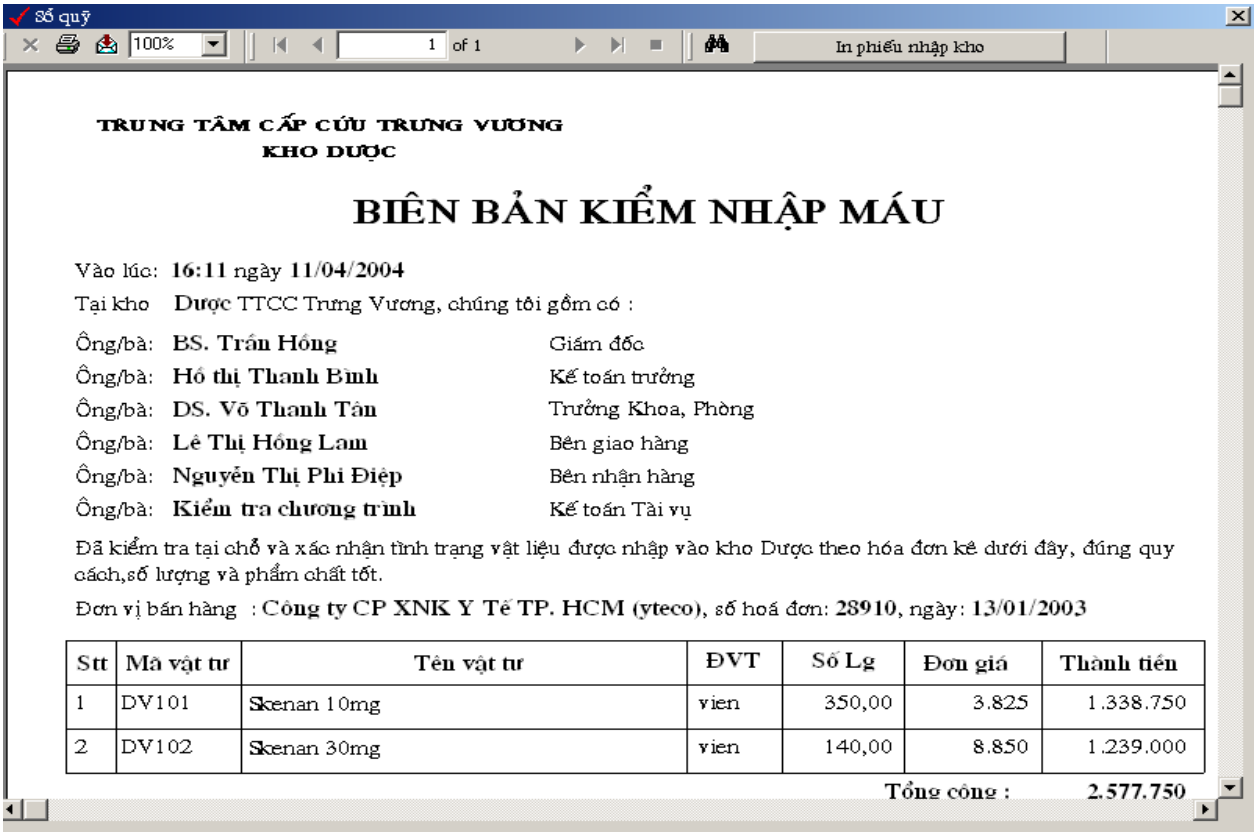

Sổ quỹ

100% 1 of 1 In phiếu nhập kho

TRUNG TÂM CẤP CỨU TRƯNG VƯƠNG
KHO DƯỢC

BIÊN BẢN KIỂM NHẬP MÁU

Vào lúc: 16:11 ngày 11/04/2004
Tại kho Dược TTCC Trưng Vương, chúng tôi gồm có :

Ông/bà: BS. Trần Hồng — Giám đốc
Ông/bà: Hồ thị Thanh Bình — Kế toán trưởng
Ông/bà: DS. Võ Thanh Tân — Trưởng Khoa, Phòng
Ông/bà: Lê Thị Hồng Lam — Bên giao hàng
Ông/bà: Nguyễn Thị Phi Điệp — Bên nhận hàng
Ông/bà: Kiểm tra chương trình — Kế toán Tài vụ

Đã kiểm tra tại chỗ và xác nhận tình trạng vật liệu được nhập vào kho Dược theo hóa đơn kê dưới đây, đúng quy cách,số lượng và phẩm chất tốt.

Đơn vị bán hàng : Công ty CP XNK Y Tế TP. HCM (yteco), số hoá đơn: 28910, ngày: 13/01/2003

Stt	Mã vật tư	Tên vật tư	ĐVT	Số Lg	Đơn giá	Thành tiền
1	DV101	Skenan 10mg	vien	350,00	3.825	1.338.750
2	DV102	Skenan 30mg	vien	140,00	8.850	1.239.000

Tổng cộng : 2.577.750

Mẫu báo cáo phiếu nhập vật tư

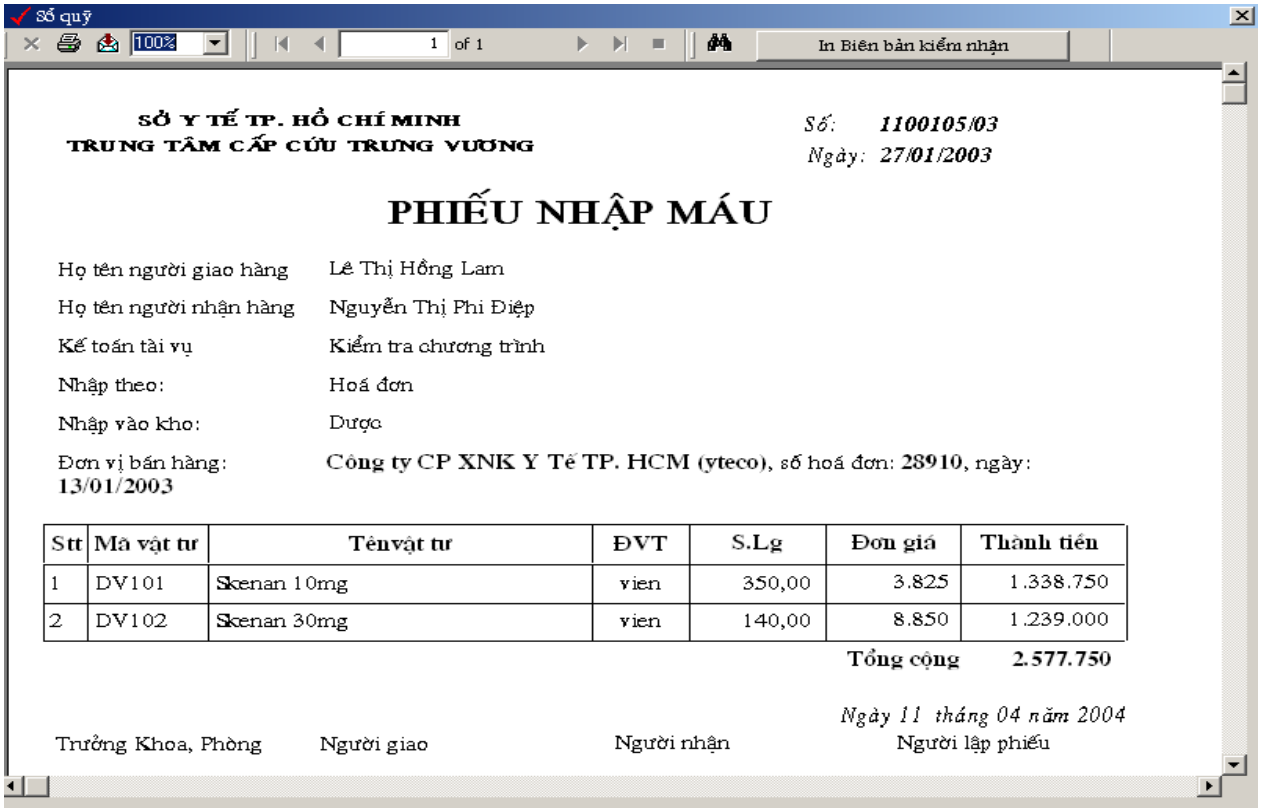

Sổ quỹ

100% 1 of 1 In Biên bản kiểm nhận

SỞ Y TẾ TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM CẤP CỨU TRƯNG VƯƠNG

Số: ***1100105/03***
Ngày: ***27/01/2003***

PHIẾU NHẬP MÁU

Họ tên người giao hàng: Lê Thị Hồng Lam

Họ tên người nhận hàng: Nguyễn Thị Phi Điệp

Kế toán tài vụ: Kiểm tra chương trình

Nhập theo: Hoá đơn

Nhập vào kho: Dược

Đơn vị bán hàng: **Công ty CP XNK Y Tế TP. HCM (yteco)**, số hoá đơn: **28910**, ngày: **13/01/2003**

Stt	Mã vật tư	Tênvật tư	ĐVT	S.Lg	Đơn giá	Thành tiền
1	DV101	Skenan 10mg	vien	350,00	3.825	1.338.750
2	DV102	Skenan 30mg	vien	140,00	8.850	1.239.000
					Tổng cộng	**2.577.750**

Ngày 11 tháng 04 năm 2004

Trưởng Khoa, Phòng | Người giao | Người nhận | Người lập phiếu

II.9.4.2. Phiếu xuất vật tư

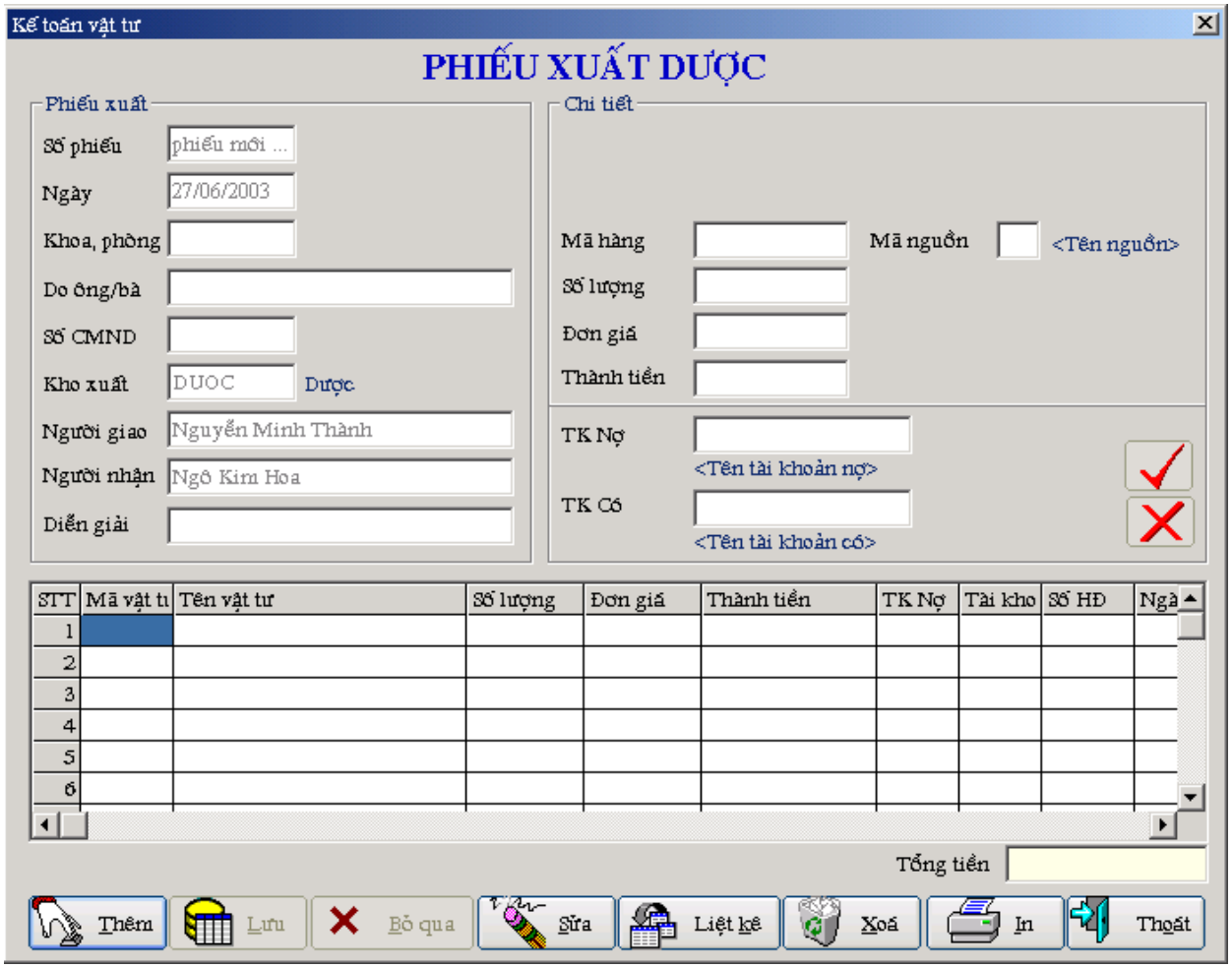

Thông tin chung cần cung cấp phiếu xuất:

Số phiếu xuất: được tăng tự động theo năm, người dùng không thể sửa được.

Ngày lập phiếu: ngày lập phiếu xuất.

Khoa, phòng: xuất cho khoa, phòng nào trong bệnh viện.

Ông, bà: Người đại diện của khoa.

Số CMND: Số chứng minh nhân dân của người đại diện.

Kho xuất: Xác định kho xuất. Khi xác định xong mã kho thì trên danh mục hàng hóa hỗ trợ sẽ chỉ hiển thị các mặt hàng thuộc kho này để tránh trường hợp người dùng nhập vào hàng hóa thuộc kho khác.

Người giao: Người giao hàng.

Người nhận: người nhận hàng.

Diễn giải: Diễn giải cho phiếu xuất.

Phần chi tiết của xuất:

Mã hàng: Mã hàng hóa xuất .

Mã nguồn: Xác định nguồn xuất hàng. Khi chọn xong hàng hóa và nguồn thì chương trình sẽ tự động định khoản theo nguồn.

Số lượng: Số lượng xuất.

Đơn giá: đơn giá nhập. Chương trình lấy đơn giá bình quân tháng trước. Nếu tháng trước không có thì đơn giá sẽ là đơn giá nhập trong tháng.

Thành tiền: Chương trình tự tính theo số lượng và đơn giá.

Tài khoản nợ: Giá trị mặc định được cung cấp khi người dùng chọn xong mã hàng hóa

Tài khoản có: Giá trị mặc định được cung cấp khi người dùng chọn xong mã hàng hóa và mã nguồn.

Các hỗ trợ và chức năng trên phiếu chi đều giống như mẫu biểu lập phiếu thu.

Thao tác cơ bản trên một phiếu xuất vật tư:

Thêm: Thêm một phiếu xuất vật tư mới. Nếu đang sửa hay đang nhập một phiếu mới thì không sử dụng được chức năng này.

Lưu: Lưu thông tin hiện hành của phiếu xuất vào cơ sở dữ liệu.

Bỏ qua: Phục hồi lại các thông tin của phiếu xuất đang thao tác.

Sửa: Cho phép cập nhật phiếu xuất hiện hành.

Liệt kê: liệt kê các phiếu xuất đã được lập trước đây. Chương trình hỗ trợ người sử dụng chọn phiếu theo thời gian lập phiếu hay theo số phiếu xuất.

Xóa: Xóa phiếu xuất hiện hành.

In: Xem phiếu xuất hiện hành trước khi in. Hình thức hiển thị phiếu xuất sẽ giống như khi in ra giấy in.

Thoát: Thoát khỏi mẫu biểu lập phiếu xuất vật tư.

Mẫu báo cáo xuất vật tư

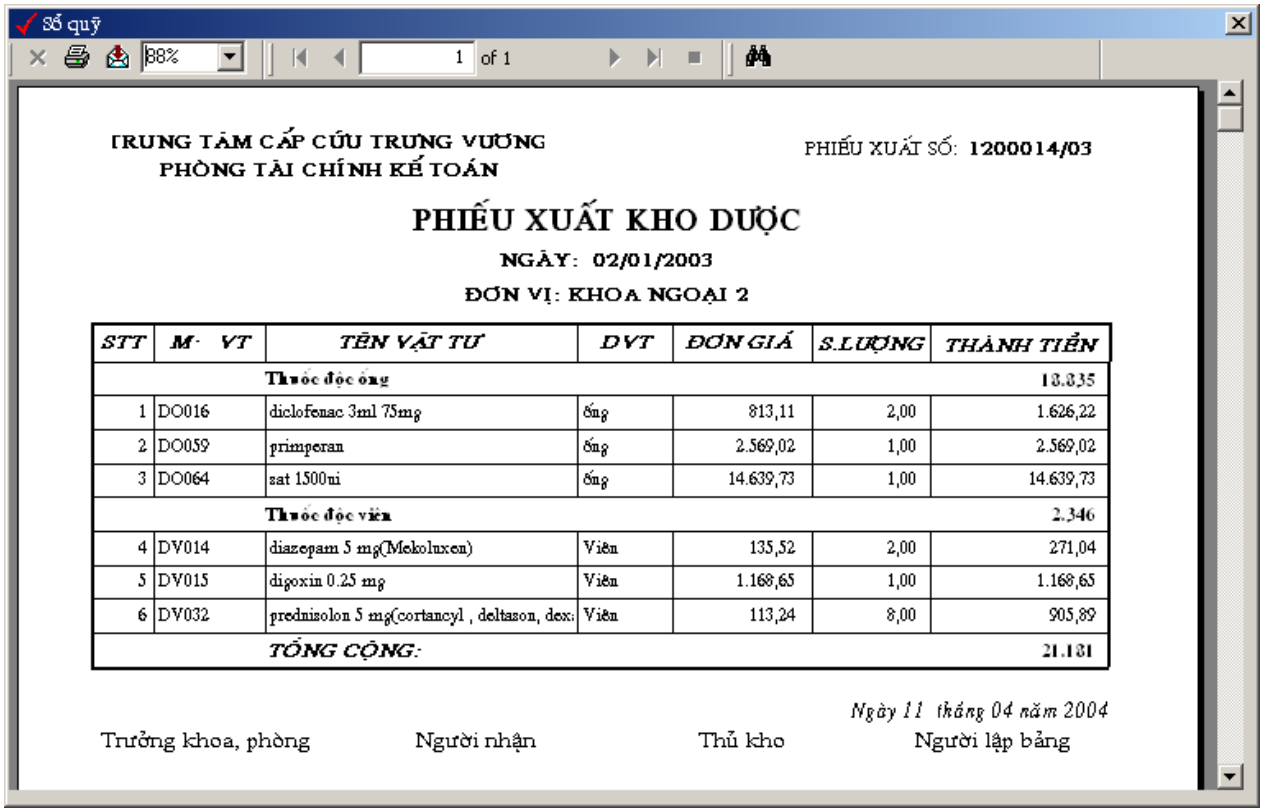

Sổ quỹ

88% 1 of 1

TRUNG TÂM CẤP CỨU TRƯNG VƯƠNG
PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

PHIẾU XUẤT SỐ: **1200014/03**

PHIẾU XUẤT KHO DƯỢC

NGÀY: 02/01/2003

ĐƠN VỊ: KHOA NGOẠI 2

STT	M- VT	TÊN VẬT TƯ	DVT	ĐƠN GIÁ	S.LƯỢNG	THÀNH TIỀN
		Thuốc độc ống				18.835
1	DO016	diclofenac 3ml 75mg	ống	813,11	2,00	1.626,22
2	DO059	primperan	ống	2.569,02	1,00	2.569,02
3	DO064	sat 1500ui	ống	14.639,73	1,00	14.639,73
		Thuốc độc viên				2.346
4	DV014	diazepam 5 mg(Mekoluxen)	Viên	135,52	2,00	271,04
5	DV015	digoxin 0.25 mg	Viên	1.168,65	1,00	1.168,65
6	DV032	prednisolon 5 mg(cortancyl , deltason, dex:	Viên	113,24	8,00	905,89
		TỔNG CỘNG:				21.181

Ngày 11 tháng 04 năm 2004

Trưởng khoa, phòng Người nhận Thủ kho Người lập bảng

II.9.4.3. Cập nhật giá cho phòng khám

Cuối tháng người sử dụng sẽ dùng màn hình này để chuyển giá vật tư để phòng khám có thể luôn sử dụng được giá mới nhất.

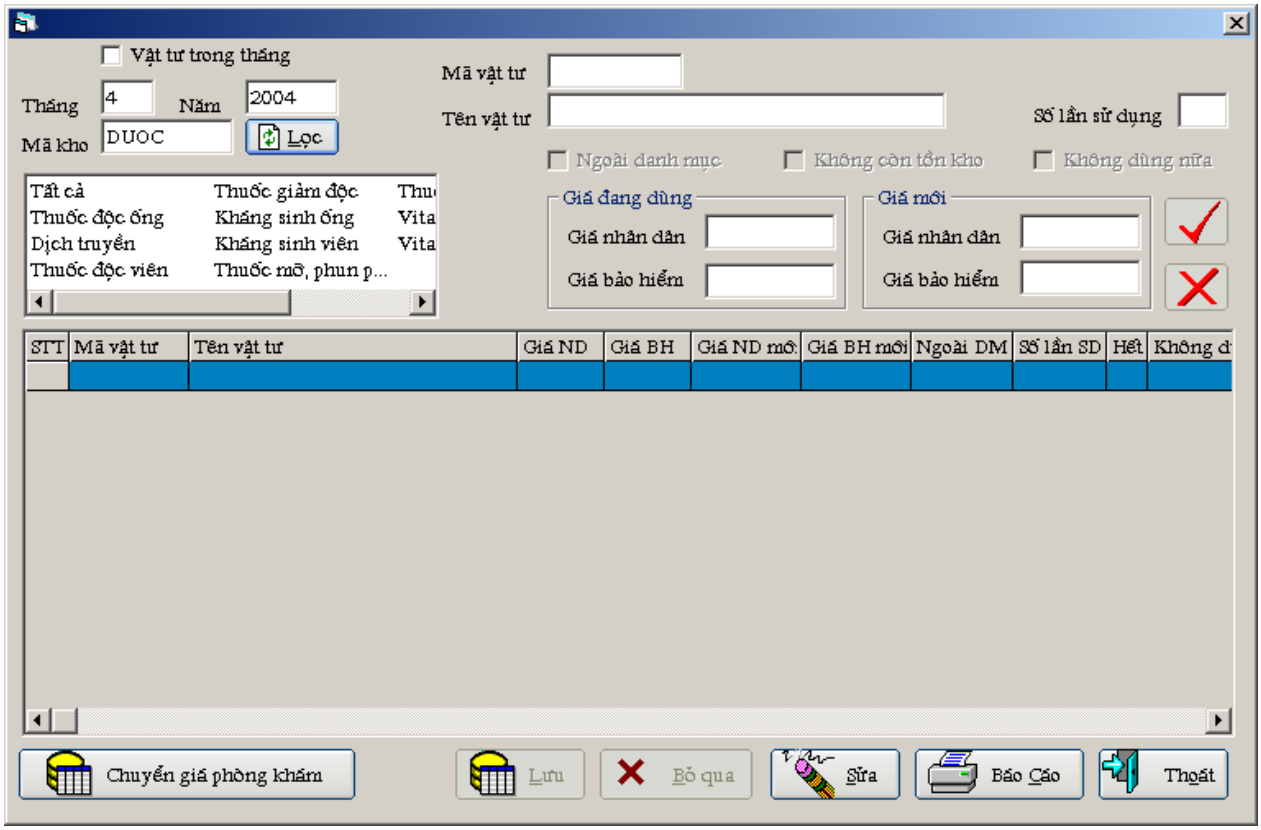

Thông tin cần cung cấp:

Tháng: tháng cần chuyển giá.

Năm: Năm cần chuyển giá.

Kho: Kho cần chuyển giá.

Sau khi cung cấp đủ thông tin thì người sử dụng sủ dụng chức năng để lọc số liệu mới nhất. Các vật tư này bao gồm luôn các vật tư có trong danh mục dùng nhiều lần. Sau khi có số liệu thì người dùng có thể thay đổi giá cho thích hợp. Giá tiền của mỗi hàng hóa, vật tư là giá tồn kho cuối tháng này. Vì vậy số liệu sẽ chính xác khi các nghiệp vụ nhập - xuất của kho được chọn đã hoàn tất.

Báo cáo chuyển giá

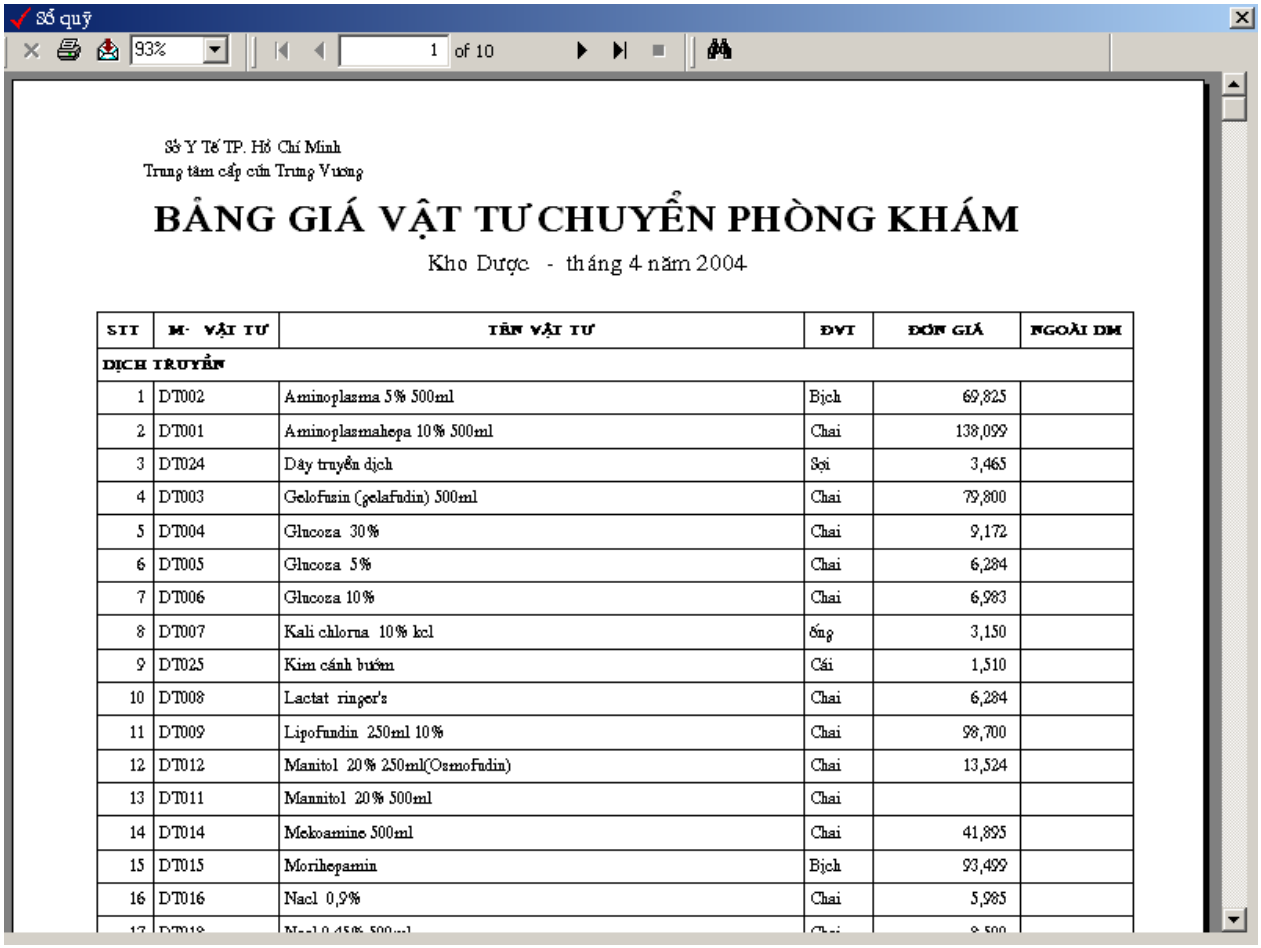

Sổ quỹ

93% 1 of 10

Sở Y Tế TP. Hồ Chí Minh
Trung tâm cấp cứu Trưng Vương

BẢNG GIÁ VẬT TƯ CHUYỂN PHÒNG KHÁM

Kho Dược - tháng 4 năm 2004

STT	M- VẬT TƯ	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	ĐƠN GIÁ	NGOÀI DM
DỊCH TRUYỀN					
1	DT002	Aminoplasma 5% 500ml	Bịch	69,825	
2	DT001	Aminoplasmahepa 10% 500ml	Chai	138,099	
3	DT024	Dây truyền dịch	Sợi	3,465	
4	DT003	Gelofusin (gelafudin) 500ml	Chai	79,800	
5	DT004	Glucoza 30%	Chai	9,172	
6	DT005	Glucoza 5%	Chai	6,284	
7	DT006	Glucoza 10%	Chai	6,983	
8	DT007	Kali chlorua 10% kcl	ống	3,150	
9	DT025	Kim cánh bướm	Cái	1,510	
10	DT008	Lactat ringer's	Chai	6,284	
11	DT009	Lipofundin 250ml 10%	Chai	98,700	
12	DT012	Manitol 20% 250ml(Osmofudin)	Chai	13,524	
13	DT011	Mannitol 20% 500ml	Chai		
14	DT014	Mekoamine 500ml	Chai	41,895	
15	DT015	Morihepamin	Bịch	93,499	
16	DT016	Nacl 0,9%	Chai	5,985	

II.9.4.4. Kiểm kê vật tư cuối năm

Cuối năm người sử dụng chọn màn hình này để cập nhật lại số liệu tồn kho cuối năm của số sách so với số liệu do kiểm kê thực tế.

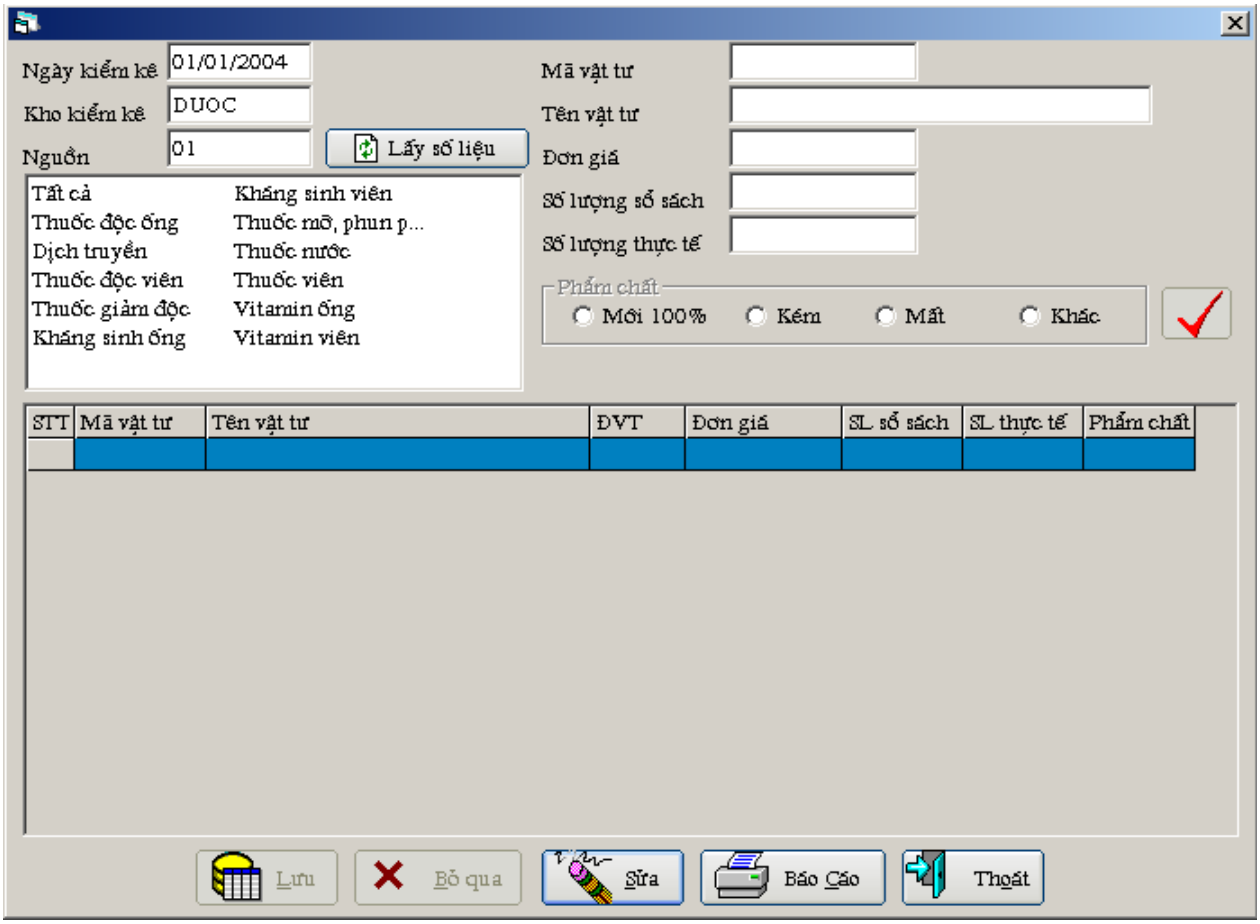

Thông tin cần cung cấp:

Ngày kiểm kê: Ngày thực hiện việc kiểm kê.

Kho kiểm kê: Xác định kho kiểm kê.

Nguồn kiểm kê: Xác định nguồn hàng kiểm kê.

Sau khi nhập đầy đủ số liệu thì người sử dụng thực hiện chức năng lọc số liệu để lấy số liệu mới nhất. Người sử dụng sửa các thông tin về số lượng, phẩm chất vật tư cho đúng với số liệu thực tế.

Báo cáo kiểm kê

Sổ quỹ

66% 1 of 19

DANH SÁCH KIỂM KÊ DƯỢC - NGUỒN MUA

Thời điểm 0 giờ ngày 01/01/2004

STT	TÊN GOI, QUI CÁCH	ĐVT	HẠN SD	ĐƠN GIÁ	THEO SỔ SÁCH		THEO KIỂM KÊ		CHÊNH LỆCH THỪA		CHÊNH LỆCH THIẾU		PHẨM CHẤT			GHI CHÚ
					SỐ LƯỢNG	SỐ TIỀN	SỐ LƯỢNG	SỐ TIỀN	SỐ LƯỢNG	SỐ TIỀN	SỐ LƯỢNG	SỐ TIỀN	mới 100%	hỏng	mất	
1	**DỊCH TRUYỀN**															
1	Aminoplasma 5% 500ml	Bịch	01/05/06	69.825	204	21.226.797	204	21.226.797								
2	Aminoplasmahepa 10% 500ml	Chai	01/05/06	127.560	115	15.819.407	115	15.819.407								
3	Dây truyền dịch	Sợi	01/11/03	3.465	3.738	12.952.169	3.738	12.952.169								
4	Gelofusin (gelafusin) 500ml	Chai	01/05/06	79.800	116	9.256.800	116	9.256.800								
5	Glucoza 20%	Chai	01/07/06	9.119	322	2.936.196	322	2.936.196								
6	Glucoza 5%	Chai	01/11/06	6.335	991	6.228.177	991	6.228.177								
7	Glucoza 10%	Chai	01/11/06	6.976	1.479	10.317.507	1.479	10.317.507								
8	Kali chloruа 10% kcl	Ống	01/04/03	3.151	1.045	3.292.627	1.045	3.292.627								
9	Kim cánh bướm	Cái	01/03/03	1.363	5.637	7.689.045	5.637	7.689.045								
10	Lactat ringer's	Chai	01/10/06	6.282	430	2.701.447	430	2.701.447								
11	Lipofundin 250ml 10%	Chai	01/05/05	98.700	141	13.916.700	141	13.916.700								
12	Manitol 20% 250ml(Osmofundin)	Chai	01/06/03	13.524	67	906.122	67	906.122								
13	Melocamine 500ml	Chai	02/05/06	41.895	827	34.647.154	827	34.647.154								
14	Morphesamin	Bịch	01/06/06	93.464	174	16.262.737	174	16.262.737								
15	Nacl 0,9%	Chai	01/11/06	5.965	1.012	6.036.861	1.012	6.036.861								
16	Nacl 0,45% 500ml	Chai	02/01/04	8.500	81	688.500	81	688.500								
17	Nacl 3% 100ml	Chai	01/05/04	8.500	113	960.500	113	960.500								
18	Nahco3 4,2% 250ml	Chai	01/01/05	46.725	60	2.803.517	60	2.803.517								
19	Nahco3 8,4% 10ml	Chai	01/10/04	4.762	88	419.067	88	419.067								
20	Neo amiyu 200ml	Bịch	01/02/06	93.178	179	16.678.889	179	16.678.889								
	CỘNG NHÓM					135.760.203		135.760.203								
2	**KHÁNG SINH ỐNG**															
1	Alfacef 1g	lọ	01/03/05	70.000	1.123	78.610.393	1.123	78.610.393								
2	Amoklav 1,2g	lọ	01/02/04	35.000	25	875.002	25	875.002								
3	Ampicillin 1g	Lọ	01/03/06	2.047	100	204.634	100	204.634								
4	Augmentin 1g	Lọ	01/10/05	39.000	1.687	65.677.178	1.687	65.677.178								

Trang 1/19

II.9.5. Tìm kiếm

Chương trình hỗ trợ người sử dụng tìm kiếm nhanh một thông tin nào đó. Sau khi nhập đủ các thông tin cần tìm thì hệ thống sẽ liệt kê các chứng từ phát sinh phù hợp với điều kiện người sử dụng nhập vào. Click đôi chuột vào cột số chứng từ thì chương trình sẽ mở chứng từ đó trên mẫu biểu thích hợp.

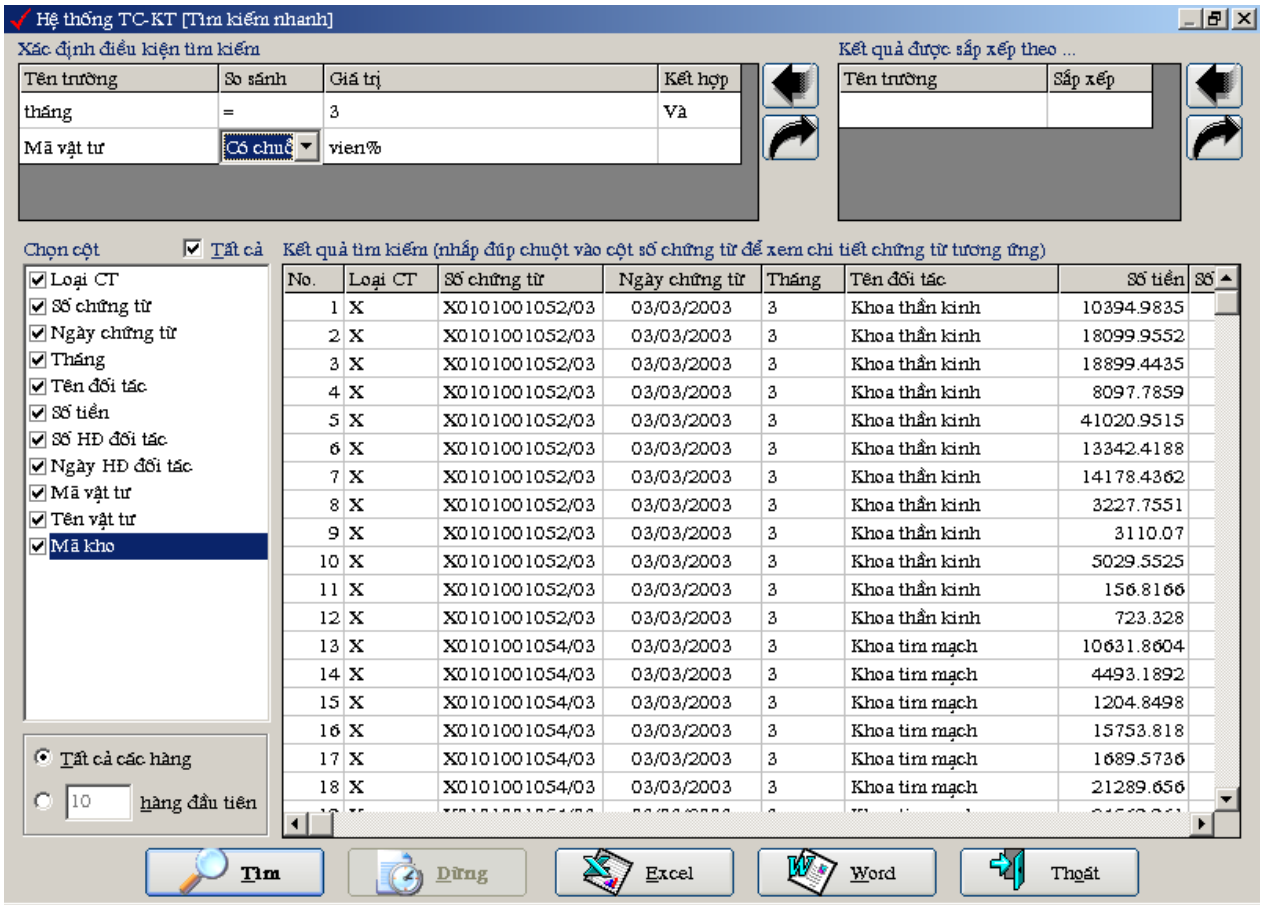

II.9.6. Nhập đầu kỳ

II.9.6.1. Nhập số dư tài khoản

Dùng để nhập số dư tài khoản đến thời điểm sử dụng chương trình. Dùng một lần khi bắt đầu sử dụng chương trình

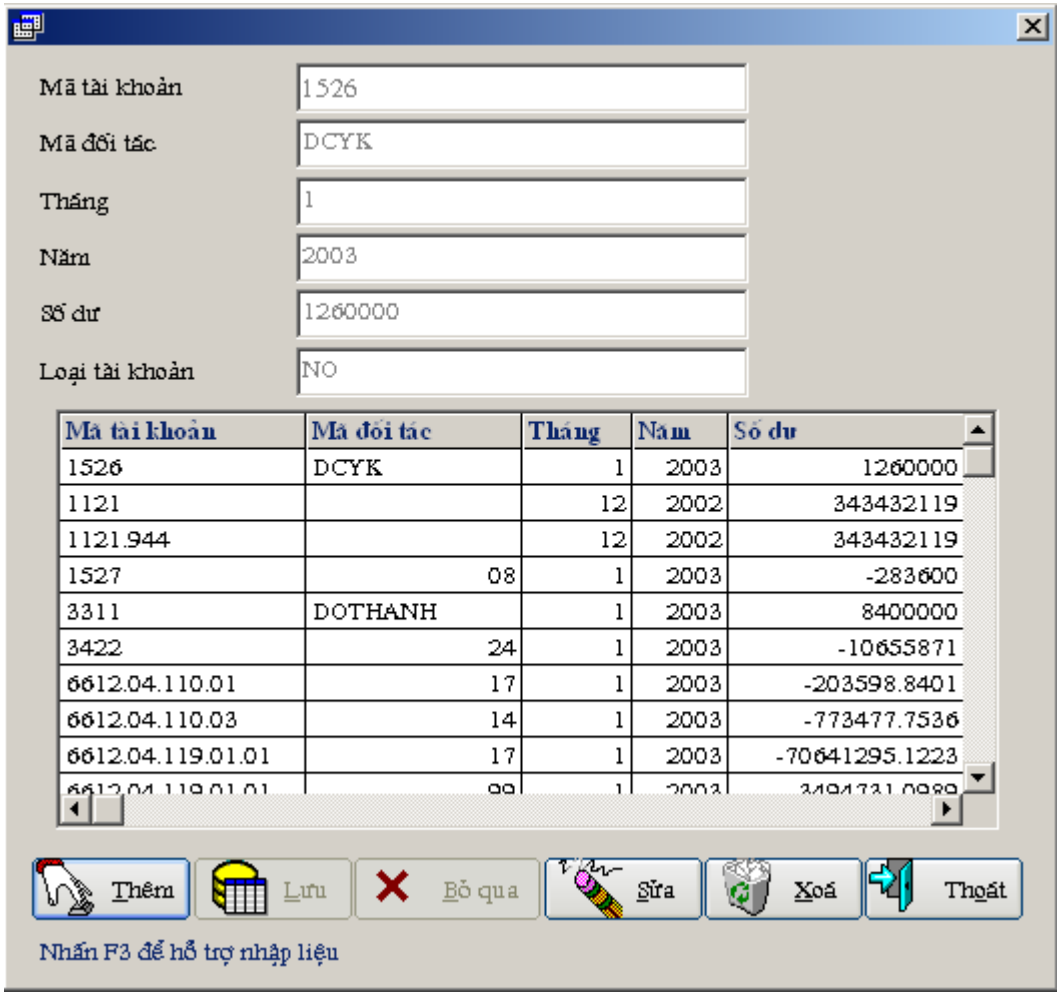
Mã tài khoản
1526
Mã đối tác
DCYK
Tháng
1
Năm
2003
Số dư
1260000
Loại tài khoản
NO
Mã tài khoản | Mã đối tác | Tháng | Năm | Số dư
1526 | DCYK | 1 | 2003 | 1260000
1121 | | 12 | 2002 | 343432119
1121.944 | | 12 | 2002 | 343432119
1527 | 08 | 1 | 2003 | -283600
3311 | DOTHANH | 1 | 2003 | 8400000
3422 | 24 | 1 | 2003 | -10655871
6612.04.110.01 | 17 | 1 | 2003 | -203598.8401
6612.04.110.03 | 14 | 1 | 2003 | -773477.7536
6612.04.119.01.01 | 17 | 1 | 2003 | -70641295.1223
Thêm
Lưu
Bỏ qua
Sửa
Xoá
Thoát
Nhấn F3 để hỗ trợ nhập liệu

II.9.6.2. Nhập tồn kho đầu kỳ

Nhập số tồn kho của vật tư đến thời điểm sử dụng chương trình. Dùng một lần khi bắt đầu sử dụng chương trình.

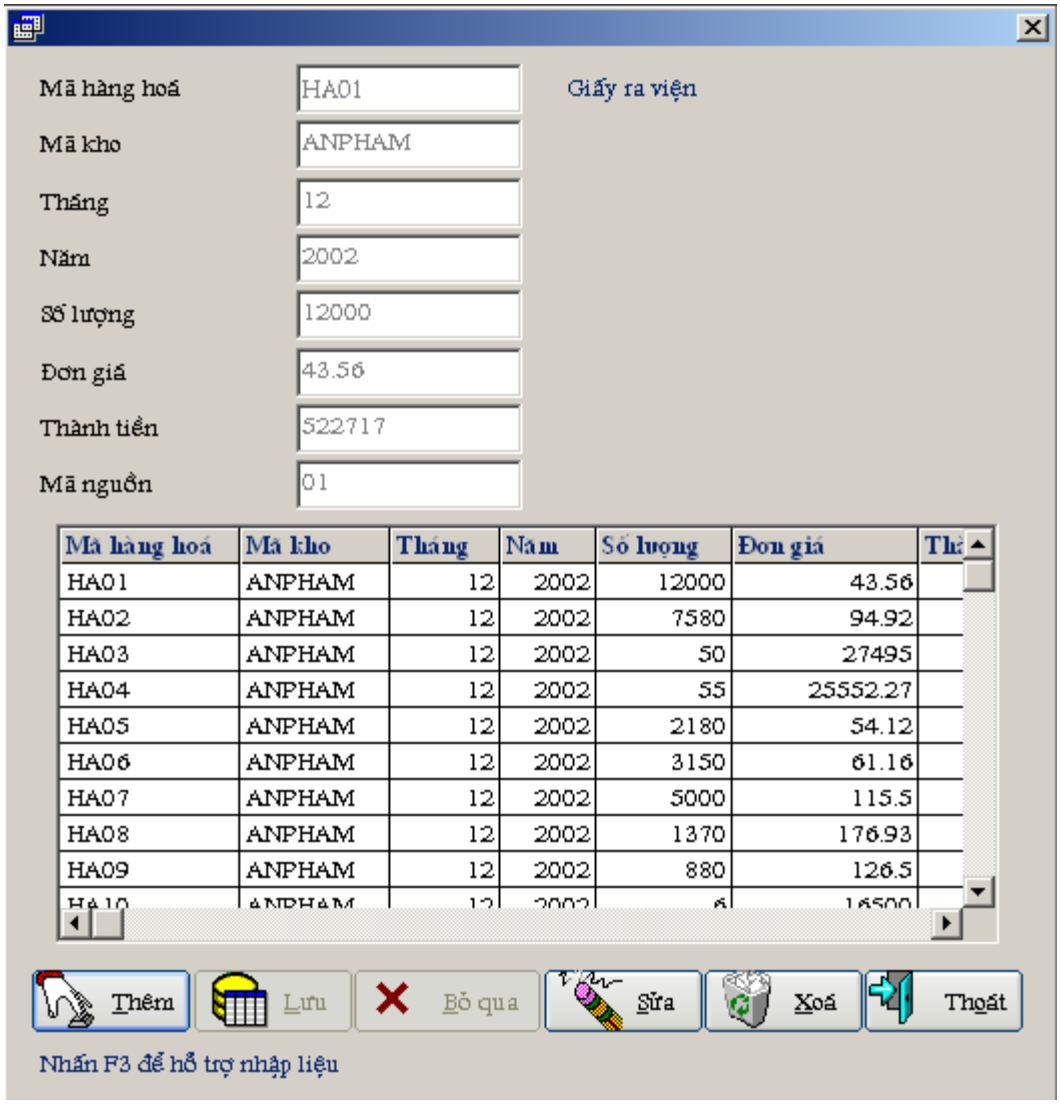

II.9.7. Danh mục

Chương trình hiện quản lí các danh mục :

Danh mục tài khoản

Danh mục loại đối tác

Danh mục đối tác (khoa, phòng)

Danh mục ngân hàng

Danh mục kho

Danh mục nhóm vật tư

Danh mục vật tư

Danh mục vật tư dùng nhiều lần

II.9.8. Báo cáo

II.9.8.1. Báo cáo kế toán thanh toán

Số quỹ

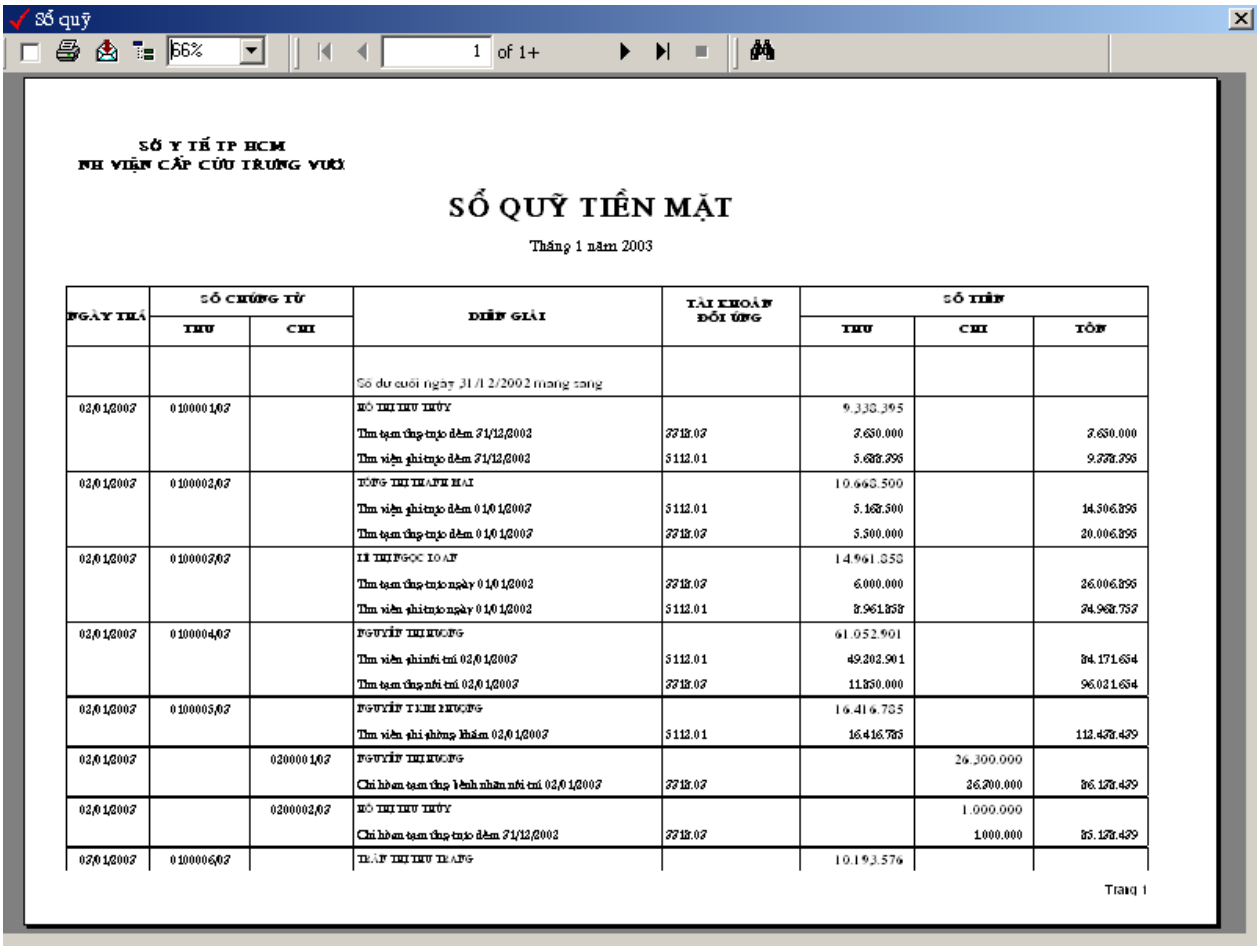

Sổ quỹ

66% 1 of 1+

SỞ Y TẾ TP HCM
NH VIỆN CẤP CỨU TRƯNG VƯƠ

SỔ QUỸ TIỀN MẶT

Tháng 1 năm 2003

NGÀY THÁ	SỐ CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TÀI KHOẢN ĐỐI ỨNG	SỐ TIỀN		
	THU	CHI			THU	CHI	TỒN
			Số dư cuối ngày 31/12/2002 mang sang				
02/01/2003	0100001/03		NÔ THI THU THỦY		9.338.395		
			Thu tạm ứng trả đêm 31/12/2002	3312.03	3.650.000		3.650.000
			Thu viện phí trả đêm 31/12/2002	5112.01	5.688.396		9.338.396
02/01/2003	0100002/03		TÔNG THI THANH HAI		10.668.500		
			Thu viện phí trả đêm 01/01/2003	5112.01	5.168.500		14.506.896
			Thu tạm ứng trả đêm 01/01/2003	3312.03	5.500.000		20.006.896
02/01/2003	0100003/03		LÊ THI NGỌC TOÀN		14.961.858		
			Thu tạm ứng trả ngày 01/01/2003	3312.03	6.000.000		26.006.896
			Thu viện phí trả ngày 01/01/2003	5112.01	8.961.858		34.968.758
02/01/2003	0100004/03		NGUYỄN THI HƯƠNG		61.052.901		
			Thu viện phí nhi trú 02/01/2003	5112.01	49.202.901		84.171.654
			Thu tạm ứng nhi trú 02/01/2003	3312.03	11.850.000		96.021.654
02/01/2003	0100005/03		NGUYỄN TRẦN HƯƠNG		16.416.785		
			Thu viện phí phòng khám 02/01/2003	5112.01	16.416.785		112.438.439
02/01/2003		0200001/03	NGUYỄN THI HƯƠNG			26.300.000	
			Chi hoàn tạm ứng bệnh nhân nhi trú 02/01/2003	3312.03		26.300.000	86.138.439
02/01/2003		0200002/03	NÔ THI THU THỦY			1.000.000	
			Chi hoàn tạm ứng trả đêm 31/12/2002	3312.03		1.000.000	85.138.439
02/01/2003	0100006/03		TRẦN THI THU TRANG		10.193.576		

Trang 1

Nhật ký tiền gửi ngân hàng

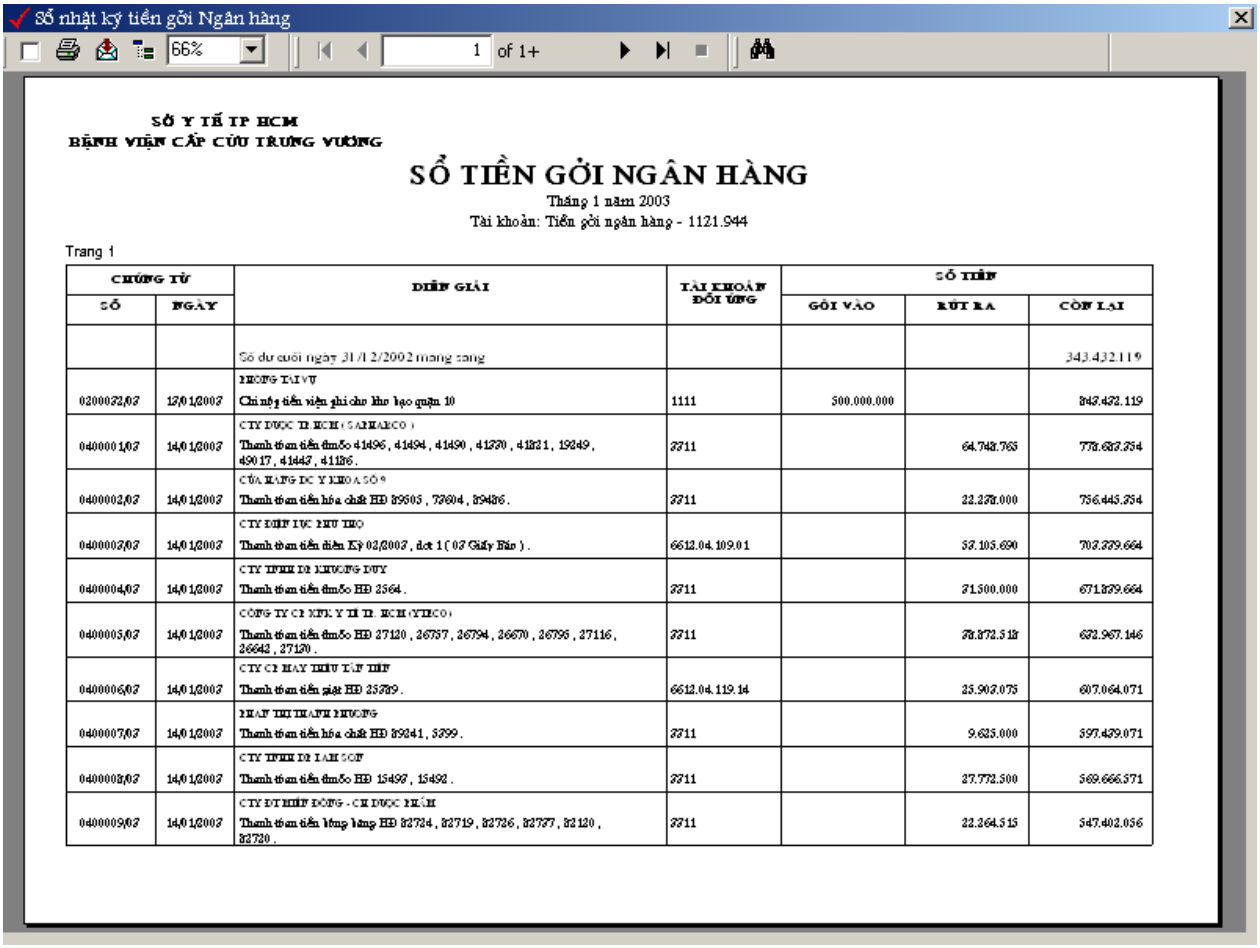

Sổ nhật ký tiền gởi Ngân hàng

66% 1 of 1+

SỞ Y TẾ TP HCM
BỆNH VIỆN CẤP CỨU TRƯNG VƯƠNG

SỔ TIỀN GỞI NGÂN HÀNG

Tháng 1 năm 2003

Tài khoản: Tiền gởi ngân hàng - 1121.944

Trang 1

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TÀI KHOẢN ĐỐI ỨNG	SỐ TIỀN		
SỐ	NGÀY			GỞI VÀO	RÚT RA	CÒN LẠI
		Số dư cuối ngày 31/12/2002 mang sang				343.432.119
0200032/03	13/01/2003	HƯỞNG TẠI VỤ Chi nộp tiền viện phí cho kho lạo quận 10	1111	500.000.000		843.432.119
0400001/03	14/01/2003	CTY DƯỢC TP HCM (SAPHARCO) Thanh toán tiền theo số 41496 , 41494 , 41490 , 41230 , 41321 , 19249 , 49017 , 41447 , 41136 .	3711		64.743.763	778.688.354
0400002/03	14/01/2003	CỬA HÀNG DC Y KHOA SỐ 9 Thanh toán tiền hóa chất HĐ 89605 , 73604 , 89486 .	3711		22.278.000	756.445.354
0400003/03	14/01/2003	CTY DIỆN LỰC PHÚ THỌ Thanh toán tiền điện Kỳ 02/2003 , đợt 1 (03 Giấy Báo) .	6612.04.109.01		53.105.690	703.339.664
0400004/03	14/01/2003	CTY TNHH DỊ KHƯƠNG DUY Thanh toán tiền theo HĐ 2564 .	3711		31.500.000	671.839.664
0400005/03	14/01/2003	CÔNG TY CP VTYT Y TẾ TP. HCM (YTHCO) Thanh toán tiền theo HĐ 27120 , 26757 , 26794 , 26670 , 26796 , 27116 , 26642 , 27120 .	3711		38.872.518	632.967.146
0400006/03	14/01/2003	CTY CP HAY THIỀU TẤT THẮP Thanh toán tiền giặt HĐ 25789 .	6612.04.119.14		25.903.075	607.064.071
0400007/03	14/01/2003	NHÀ THỜ THÁNH PHƯƠNG Thanh toán tiền hóa chất HĐ 89241 , 5399 .	3711		9.635.000	597.429.071
0400008/03	14/01/2003	CTY TNHH DỊ TÂM SƠN Thanh toán tiền theo HĐ 15492 , 15492 .	3711		27.772.500	569.666.571
0400009/03	14/01/2003	CTY DT HIỆP ĐỒNG - CH DƯỢC PHẨM Thanh toán tiền hàng hóa HĐ 82724 , 82719 , 82726 , 82727 , 82120 , 82720 .	3711		22.264.515	547.402.056

Bảng đối chiếu hạn mức kinh phí

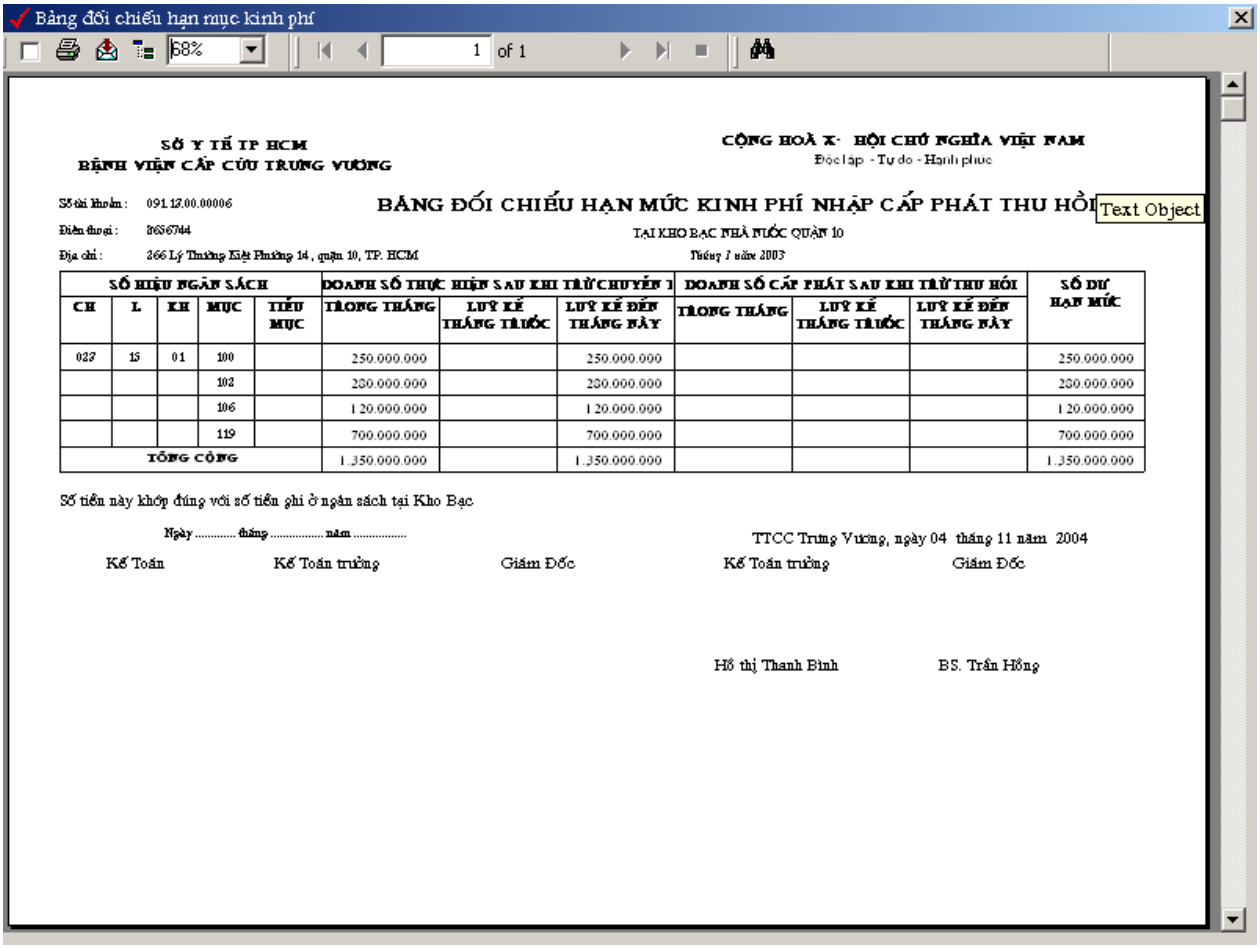

Bảng đối chiếu hạn mục kinh phí

68% 1 of 1

SỞ Y TẾ TP HCM
BỆNH VIỆN CẤP CỨU TRƯNG VƯƠNG

CỘNG HOÀ X- HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số tài khoản : 091.17.00.00006
Điện thoại : 8656744
Địa chỉ : 366 Lý Thường Kiệt Phường 14 , quận 10, TP. HCM

BẢNG ĐỐI CHIẾU HẠN MỨC KINH PHÍ NHẬP CẤP PHÁT THU HỒI

Text Object

TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC QUẬN 10
Tháng 7 năm 2003

SỐ HIỆU NGÂN SÁCH					DOANH SỐ THỰC HIỆN SAU KHI TRỪ CHUYỂN I			DOANH SỐ CẤP PHÁT SAU KHI TRỪ THU HỒI			SỐ DƯ HẠN MỨC
CH	L	KH	MỤC	TIỂU MỤC	TRONG THÁNG	LUỸ KẾ THÁNG TRƯỚC	LUỸ KẾ ĐẾN THÁNG NÀY	TRONG THÁNG	LUỸ KẾ THÁNG TRƯỚC	LUỸ KẾ ĐẾN THÁNG NÀY	
027	15	01	100		250.000.000		250.000.000				250.000.000
			102		230.000.000		230.000.000				230.000.000
			106		120.000.000		120.000.000				120.000.000
			119		700.000.000		700.000.000				700.000.000
TỔNG CỘNG					1.350.000.000		1.350.000.000				1.350.000.000

Số tiền này khớp đúng với số tiền ghi ở ngân sách tại Kho Bạc

Ngày ..... tháng ..... năm .....

TTCC Trưng Vương, ngày 04 tháng 11 năm 2004

Kế Toán | Kế Toán trưởng | Giám Đốc | Kế Toán trưởng | Giám Đốc

Hồ thị Thanh Bình | BS. Trần Hồng

Số kinh phí

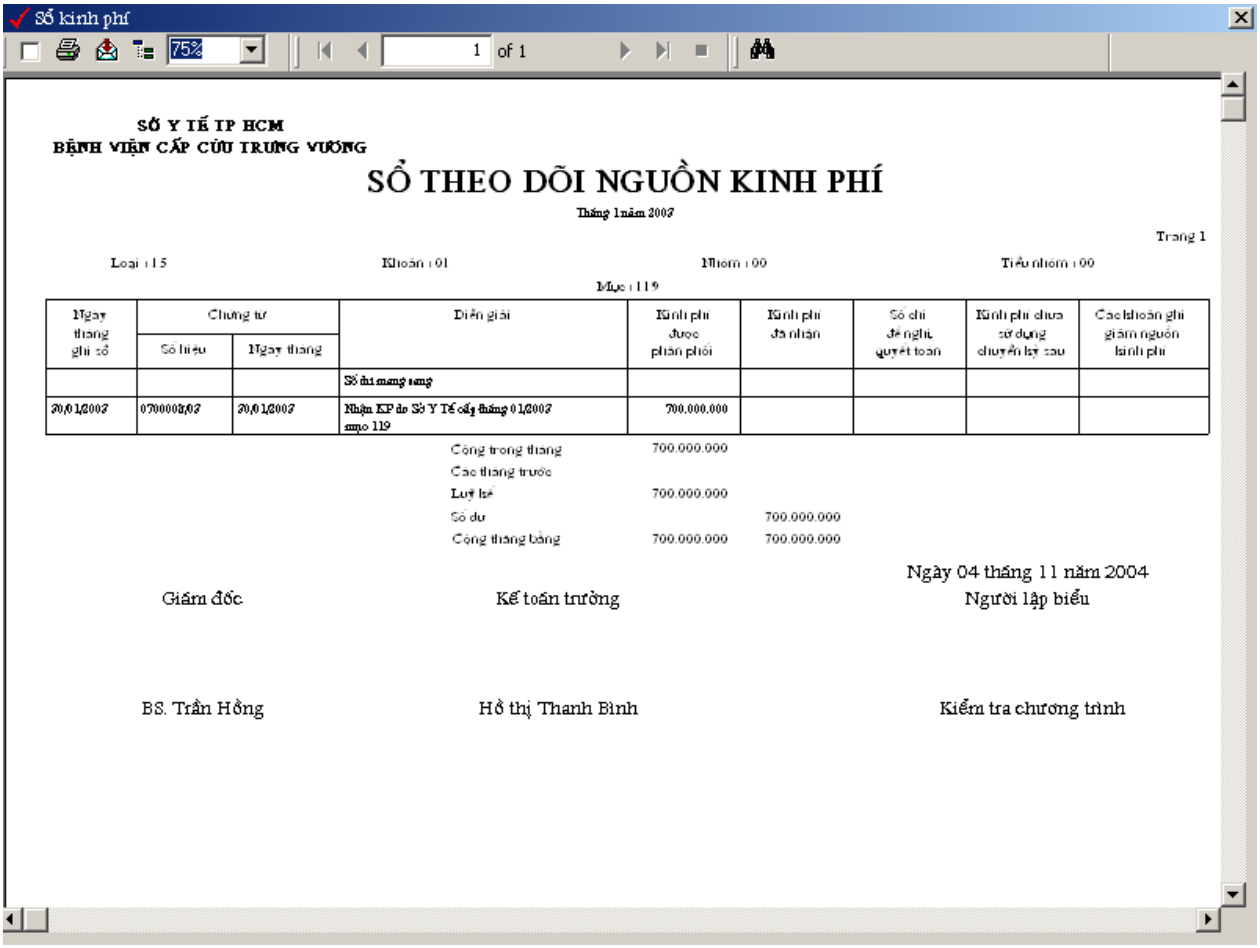

Sổ kinh phí

75% 1 of 1

SỞ Y TẾ TP HCM
BỆNH VIỆN CẤP CỨU TRUNG VƯƠNG

SỔ THEO DÕI NGUỒN KINH PHÍ

Tháng 1 năm 2003

Trang 1

Loại : 15 Khoản : 01 Nhóm : 00 Tiểu nhóm : 00

Mục : 119

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Kinh phí được phân phối	Kinh phí đã nhận	Số chi đề nghị quyết toán	Kinh phí chưa sử dụng chuyển kỳ sau	Các khoản ghi giảm nguồn kinh phí
	Số hiệu	Ngày tháng						
			Số dư mang sang					
20/01/2003	0700003/03	20/01/2003	Nhận KP do Sở Y Tế cấp tháng 01/2003 mục 119	700.000.000				
			Cộng trong tháng	700.000.000				
			Các tháng trước					
			Luỹ kế	700.000.000				
			Số dư		700.000.000			
			Cộng tháng bàng	700.000.000	700.000.000			

Ngày 04 tháng 11 năm 2004

Giám đốc | Kế toán trưởng | Người lập biểu

BS. Trần Hồng | Hồ thị Thanh Bình | Kiểm tra chương trình

Giấy đối chiếu xác nhận số dư ngân hàng

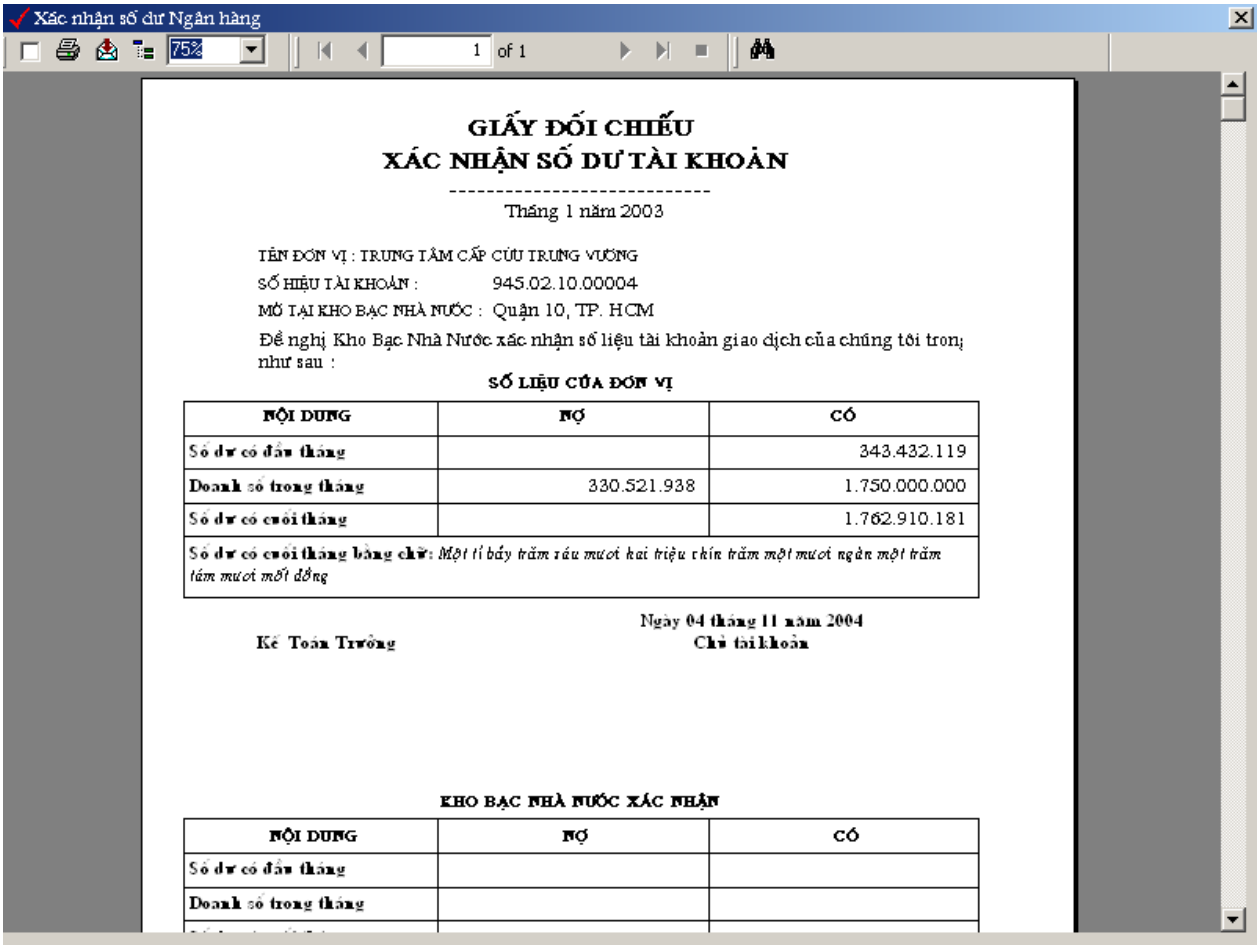

Xác nhận số dư Ngân hàng

75% 1 of 1

GIẤY ĐỐI CHIẾU
XÁC NHẬN SỐ DƯ TÀI KHOẢN

Tháng 1 năm 2003

TÊN ĐƠN VỊ : TRUNG TÂM CẤP CỨU TRUNG VƯƠNG
SỐ HIỆU TÀI KHOẢN : 945.02.10.00004
MỞ TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC : Quận 10, TP. HCM
Đề nghị Kho Bạc Nhà Nước xác nhận số liệu tài khoản giao dịch của chúng tôi trong như sau :

SỐ LIỆU CỦA ĐƠN VỊ

NỘI DUNG	NỢ	CÓ
Số dư có đầu tháng		343.432.119
Doanh số trong tháng	330.521.938	1.750.000.000
Số dư có cuối tháng		1.762.910.181
Số dư có cuối tháng bằng chữ: *Một tỉ bảy trăm sáu mươi hai triệu chín trăm một mươi ngàn một trăm tám mươi mốt đồng*		

Ngày 04 tháng 11 năm 2004
Kế Toán Trưởng — Chủ tài khoản

KHO BẠC NHÀ NƯỚC XÁC NHẬN

NỘI DUNG	NỢ	CÓ
Số dư có đầu tháng		
Doanh số trong tháng		

Bảng liệt kê các hóa đơn nhập

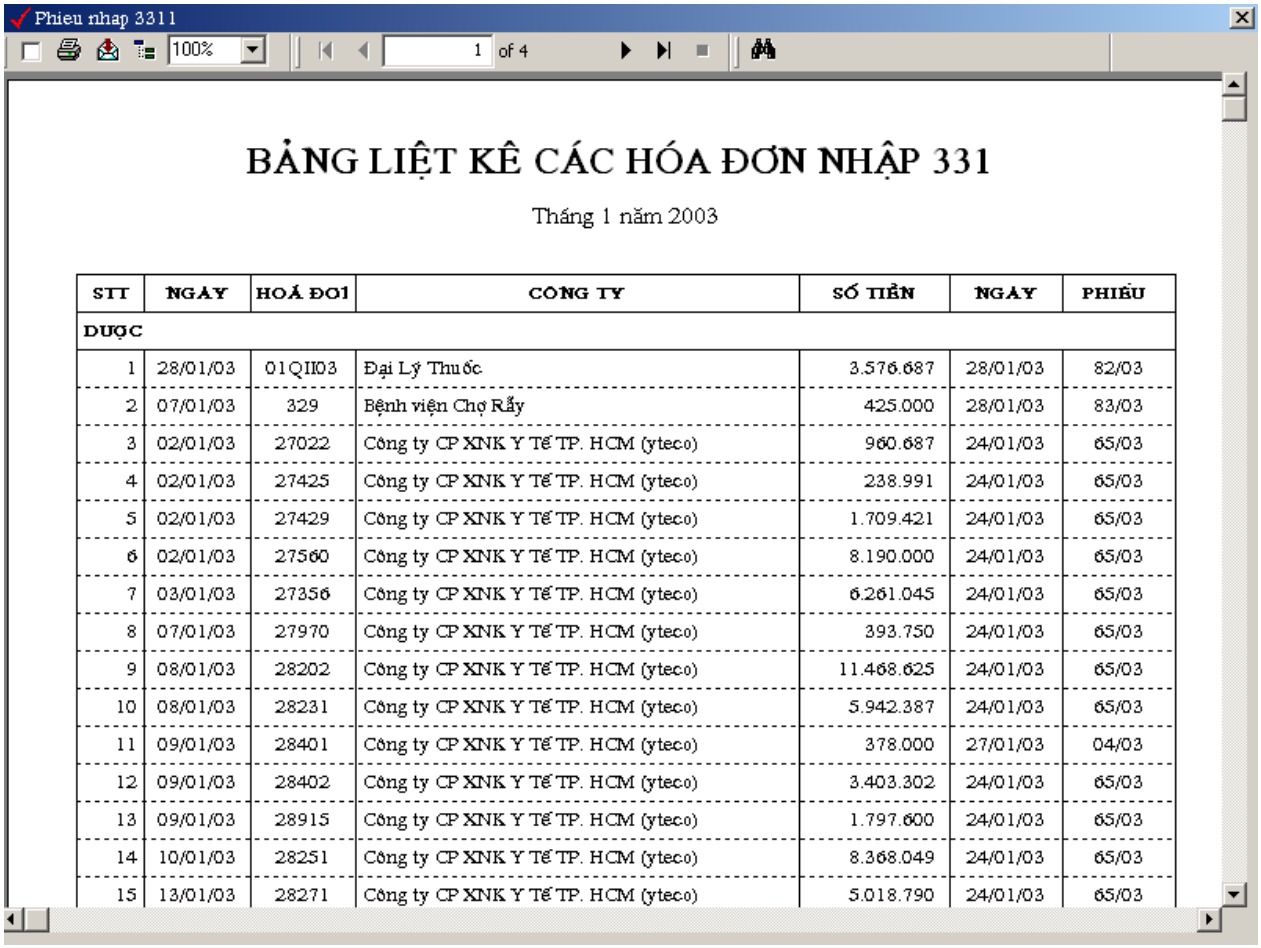

Phieu nhap 3311

100% 1 of 4

BẢNG LIỆT KÊ CÁC HÓA ĐƠN NHẬP 331

Tháng 1 năm 2003

STT	NGAY	HOÁ ĐO1	CÔNG TY	SỐ TIỀN	NGAY	PHIẾU
DƯỢC						
1	28/01/03	01QII03	Đại Lý Thuốc	3.576.687	28/01/03	82/03
2	07/01/03	329	Bệnh viện Chợ Rẫy	425.000	28/01/03	83/03
3	02/01/03	27022	Công ty CP XNK Y Tế TP. HCM (yteco)	960.687	24/01/03	65/03
4	02/01/03	27425	Công ty CP XNK Y Tế TP. HCM (yteco)	238.991	24/01/03	65/03
5	02/01/03	27429	Công ty CP XNK Y Tế TP. HCM (yteco)	1.709.421	24/01/03	65/03
6	02/01/03	27560	Công ty CP XNK Y Tế TP. HCM (yteco)	8.190.000	24/01/03	65/03
7	03/01/03	27356	Công ty CP XNK Y Tế TP. HCM (yteco)	6.261.045	24/01/03	65/03
8	07/01/03	27970	Công ty CP XNK Y Tế TP. HCM (yteco)	393.750	24/01/03	65/03
9	08/01/03	28202	Công ty CP XNK Y Tế TP. HCM (yteco)	11.468.625	24/01/03	65/03
10	08/01/03	28231	Công ty CP XNK Y Tế TP. HCM (yteco)	5.942.387	24/01/03	65/03
11	09/01/03	28401	Công ty CP XNK Y Tế TP. HCM (yteco)	378.000	27/01/03	04/03
12	09/01/03	28402	Công ty CP XNK Y Tế TP. HCM (yteco)	3.403.302	24/01/03	65/03
13	09/01/03	28915	Công ty CP XNK Y Tế TP. HCM (yteco)	1.797.600	24/01/03	65/03
14	10/01/03	28251	Công ty CP XNK Y Tế TP. HCM (yteco)	8.368.049	24/01/03	65/03
15	13/01/03	28271	Công ty CP XNK Y Tế TP. HCM (yteco)	5.018.790	24/01/03	65/03

II.9.8.2. Báo cáo kế toán vật tư

Báo cáo nhập kho

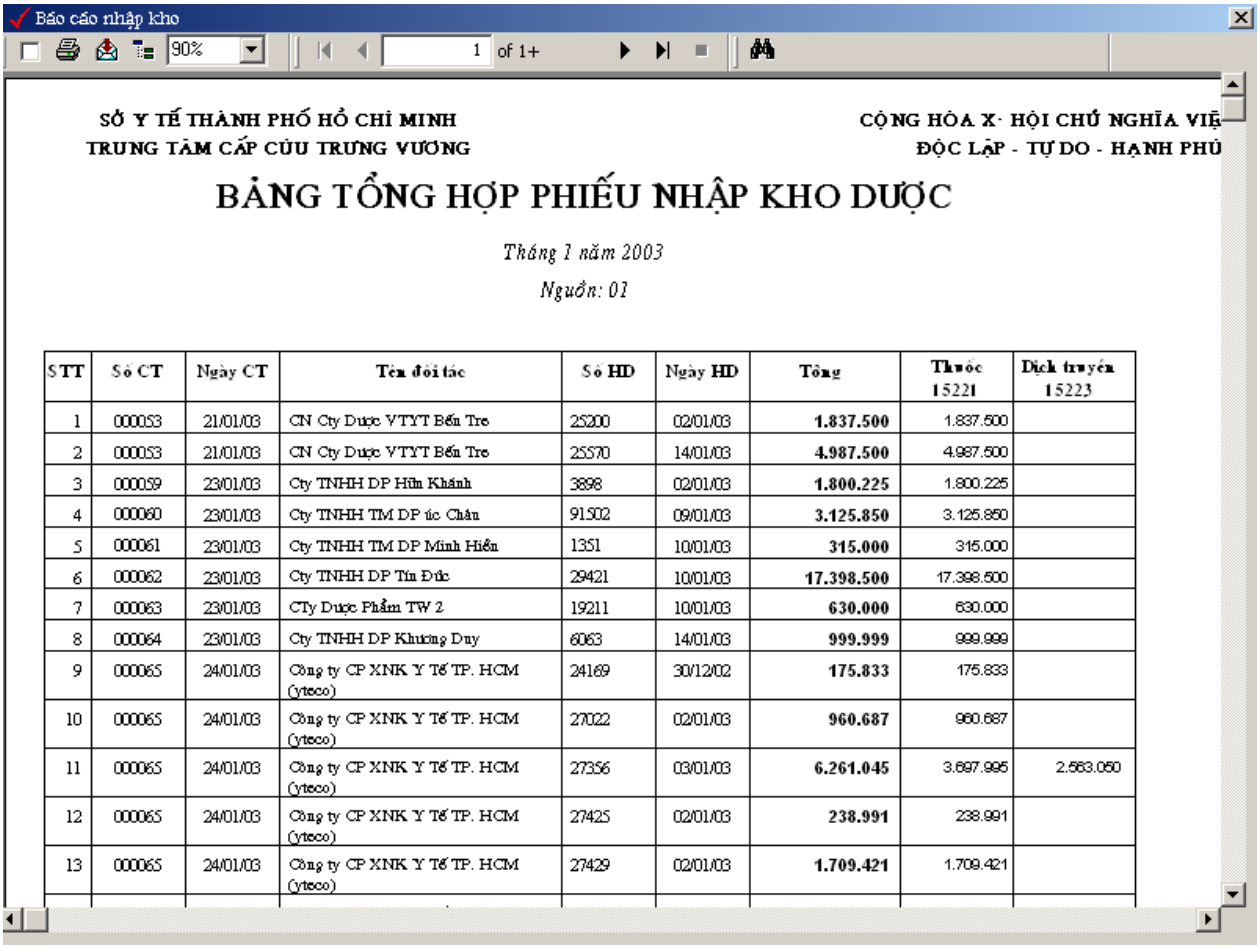

Báo cáo nhập kho

90% 1 of 1+

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM CẤP CỨU TRƯNG VƯƠNG

CỘNG HÒA X- HỘI CHỦ NGHĨA VIỆ
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚ

BẢNG TỔNG HỢP PHIẾU NHẬP KHO DƯỢC

Tháng 1 năm 2003

Nguồn: 01

STT	Số CT	Ngày CT	Tên đối tác	Số HD	Ngày HD	Tổng	Thuốc 15221	Dịch truyền 15223
1	000053	21/01/03	CN Cty Dược VTYT Bến Tre	25200	02/01/03	**1.837.500**	1.837.500	
2	000053	21/01/03	CN Cty Dược VTYT Bến Tre	25570	14/01/03	**4.987.500**	4.987.500	
3	000059	23/01/03	Cty TNHH DP Hữu Khánh	3898	02/01/03	**1.800.225**	1.800.225	
4	000060	23/01/03	Cty TNHH TM DP ức Châu	91502	09/01/03	**3.125.850**	3.125.850	
5	000061	23/01/03	Cty TNHH TM DP Minh Hiền	1351	10/01/03	**315.000**	315.000	
6	000062	23/01/03	Cty TNHH DP Tín Đức	29421	10/01/03	**17.398.500**	17.398.500	
7	000063	23/01/03	CTy Dược Phẩm TW 2	19211	10/01/03	**630.000**	630.000	
8	000064	23/01/03	Cty TNHH DP Khương Duy	6063	14/01/03	**999.999**	999.999	
9	000065	24/01/03	Công ty CP XNK Y Tế TP. HCM (yteco)	24169	30/12/02	**175.833**	175.833	
10	000065	24/01/03	Công ty CP XNK Y Tế TP. HCM (yteco)	27022	02/01/03	**960.687**	960.687	
11	000065	24/01/03	Công ty CP XNK Y Tế TP. HCM (yteco)	27356	03/01/03	**6.261.045**	3.697.995	2.563.050
12	000065	24/01/03	Công ty CP XNK Y Tế TP. HCM (yteco)	27425	02/01/03	**238.991**	238.991	
13	000065	24/01/03	Công ty CP XNK Y Tế TP. HCM (yteco)	27429	02/01/03	**1.709.421**	1.709.421	

Báo cáo xuất kho

Báo cáo xuất kho

90% 1 of 1+

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM CẤP CỨU TRƯNG VƯƠNG

CỘNG HÒA X- HỘI CHỦ NGHĨA VIỆ
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚ

BẢNG TỔNG HỢP PHIẾU XUẤT KHO DƯỢC

Tháng 1 năm 2003

Nguồn: 01

STT	Số CT	Ngày CT	Tên đối tác	Tổng	Thuốc 15221	Dịch truyền 15223
1	000005	02/01/03	Khoa nội tổng quát	**387.948**	387.948	
2	000006	02/01/03	Khoa hồi sức cấp cứu	**2.202.506**	2.202.506	
3	000007	02/01/03	Khoa thần kinh	**43.011**	43.011	
4	000008	02/01/03	Khoa hô hấp	**731.623**	731.623	
5	000009	02/01/03	Khoa tim mạch	**536.002**	536.002	
6	000010	02/01/03	Khoa tiêu hóa	**34.387**	34.387	
7	000011	02/01/03	Khoa nhiễm	**5.885**	5.885	
8	000012	02/01/03	Khoa sản	**128.026**	128.026	
9	000013	02/01/03	Khoa ngoại 1	**331.154**	331.154	
10	000014	02/01/03	Khoa ngoại 2	**21.181**	21.181	
11	000015	02/01/03	Liên chuyên khoa	**20.610**	20.610	
12	000016	02/01/03	Khoa cấp cứu tổng hợp	**322.918**	322.918	
13	000017	02/01/03	Khoa pm_hp	**3.510.918**	3.510.918	
14	000018	02/01/03	Khoa cấp cứu ngoại viện	**9.023**	9.023	
15	000019	02/01/03	Khoa tiêu hóa	**51.677**	51.677	
16	000020	02/01/03	Khoa cấp cứu tổng hợp	**3.615**	3.615	

Báo cáo nhập/xuất cuối ngày

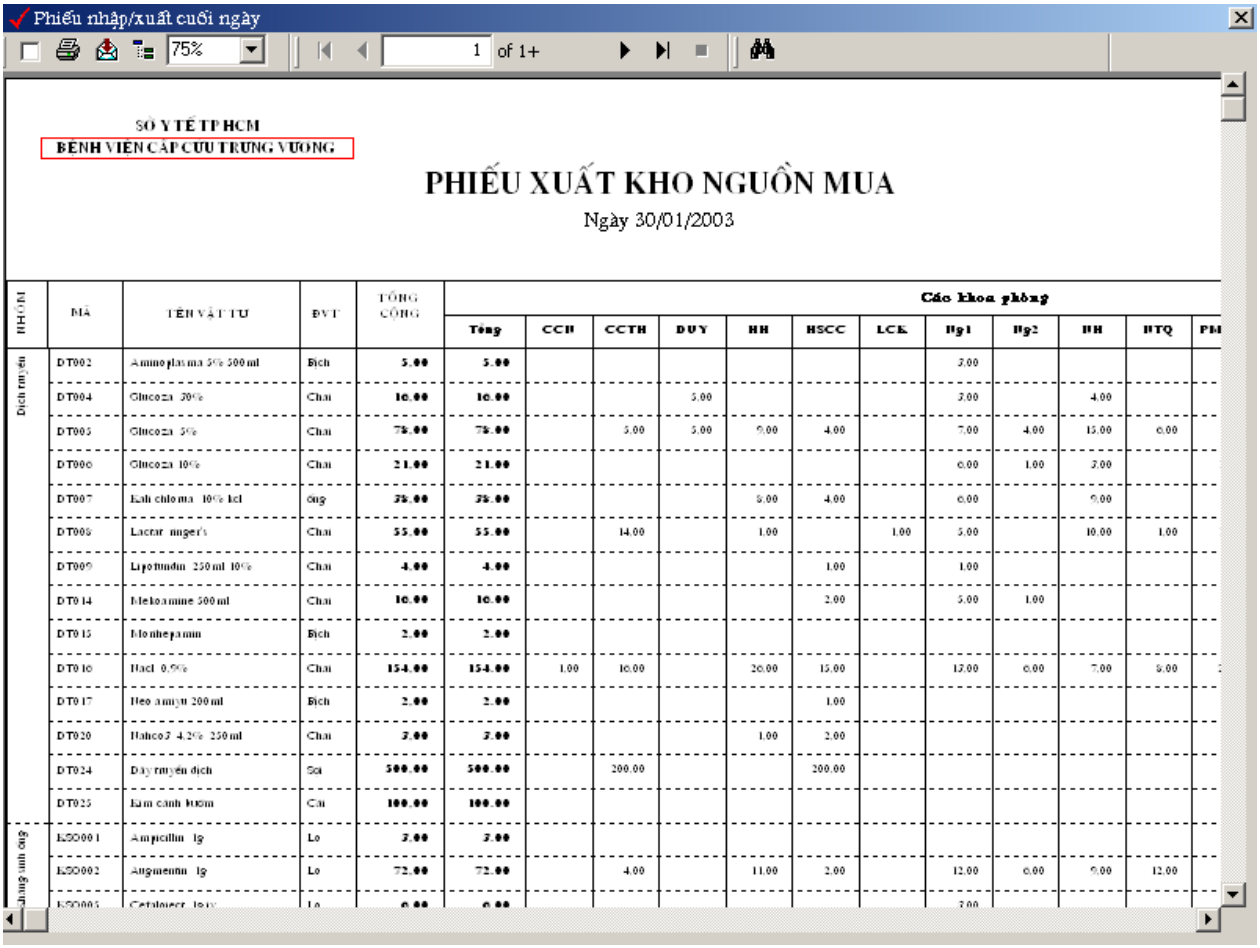

NHÓM	MÃ	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	TỔNG CỘNG	Các khoa phòng											
					Tổng	CCH	CCTH	DUY	HH	HSCC	LCK	Hg1	Hg2	HH	HTQ	PM
Dịch truyền	DT002	Aminoplasma 5% 500ml	Bịch	5.00	5.00							3.00				
	DT004	Glucoza 20%	Chai	10.00	10.00			5.00				3.00		4.00		
	DT005	Glucoza 5%	Chai	75.00	75.00		5.00	5.00	9.00	4.00		7.00	4.00	15.00	6.00	
	DT006	Glucoza 10%	Chai	21.00	21.00							6.00	1.00	3.00		
	DT007	Kali chloma 10% kcl	ống	35.00	35.00				9.00	4.00		6.00		9.00		
	DT008	Lacrar ringer's	Chai	55.00	55.00		14.00		1.00		1.00	5.00		10.00	1.00	
	DT009	Lipofundin 250ml 10%	Chai	4.00	4.00					1.00		1.00				
	DT014	Metoamine 500ml	Chai	10.00	10.00					2.00		5.00	1.00			
	DT015	Monhepamin	Bịch	2.00	2.00											
	DT016	Nacl 0,9%	Chai	154.00	154.00	1.00	10.00		20.00	15.00		12.00	6.00	7.00	5.00	
	DT017	Neo amyn 200ml	Bịch	2.00	2.00					1.00						
	DT020	Nahco3 4,2% 250ml	Chai	3.00	3.00				1.00	2.00						
	DT024	Dây truyền dịch	Sợi	500.00	500.00		200.00			200.00						
	DT025	Kim cánh bướm	Cái	100.00	100.00											
Kháng sinh	KS0001	Ampicillin 1g	Lọ	3.00	3.00											
	KS0002	Augmentin 1g	Lọ	72.00	72.00		4.00		11.00	2.00		12.00	6.00	9.00	12.00	
	KS0003	Cefotaxer 1g iv	Lọ	0.00	0.00							2.00				

Nhập xuất tồn kho cuối tháng

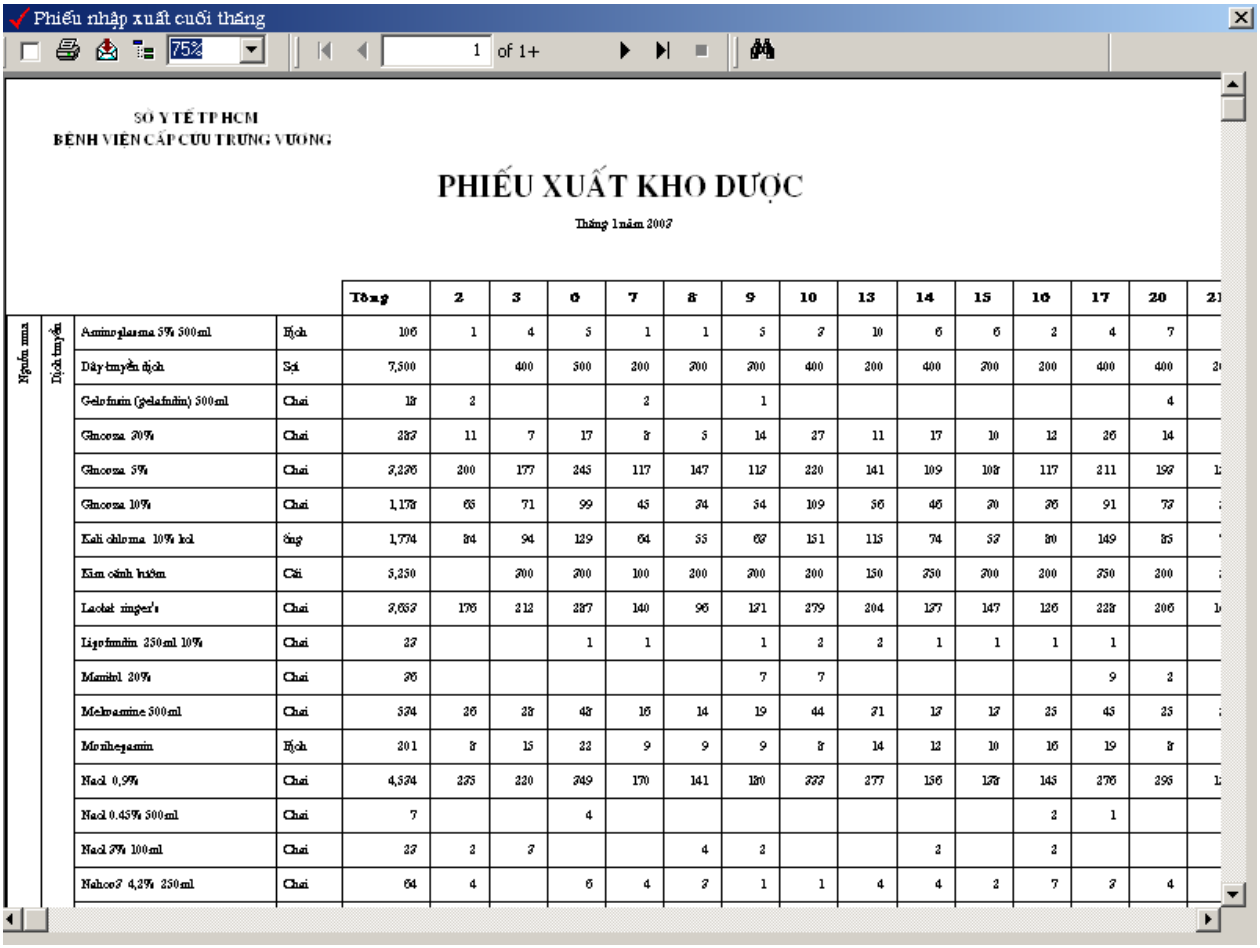

Phiếu nhập xuất cuối tháng

75% 1 of 1+

SỞ Y TẾ TP HCM
BỆNH VIỆN CẤP CỨU TRƯNG VƯƠNG

PHIẾU XUẤT KHO DƯỢC

Tháng 1 năm 2007

				Tổng	2	3	6	7	8	9	10	13	14	15	16	17	20	21
Nguồn mua	Dịch truyền	Aminoplasma 5% 500ml	Bịch	106	1	4	5	1	1	5	7	10	6	6	2	4	7	
		Dây truyền dịch	Sợi	7,500		400	500	200	200	200	400	200	400	300	200	400	400	2
		Gelofusin (gelafudin) 500ml	Chai	18	2			2		1							4	
		Glucoza 20%	Chai	337	11	7	17	8	5	14	27	11	17	10	12	26	14	
		Glucoza 5%	Chai	3,236	200	177	245	117	147	112	220	141	109	108	117	211	198	1
		Glucoza 10%	Chai	1,178	65	71	99	45	34	54	109	56	46	20	26	91	77	
		Kali chlorua 10% kcl	Ống	1,774	84	94	129	64	55	68	151	115	74	57	80	149	85	
		Kim cánh bướm	Cái	5,250		200	200	100	200	200	200	150	250	300	200	250	200	
		Lactat ringer's	Chai	3,632	176	212	237	140	96	121	279	204	127	147	126	228	206	1
		Ligofundin 250ml 10%	Chai	23			1	1		1	2	2	1	1	1	1		
		Mannitol 20%	Chai	26						7	7					9	2	
		Melvamine 500ml	Chai	534	26	28	48	16	14	19	44	31	17	17	25	45	25	
		Monohepamin	Bịch	201	8	15	22	9	9	9	8	14	12	10	16	19	8	
		Nacl 0,9%	Chai	4,534	235	220	349	170	141	120	337	277	156	178	145	276	298	1
		Nacl 0.45% 500ml	Chai	7			4								2	1		
		Nacl 3% 100ml	Chai	23	2	3			4	2			2		2			
		Nahco3 4,2% 250ml	Chai	64	4		6	4	3	1	1	4	4	2	7	3	4	

Nhập xuất tồn kho

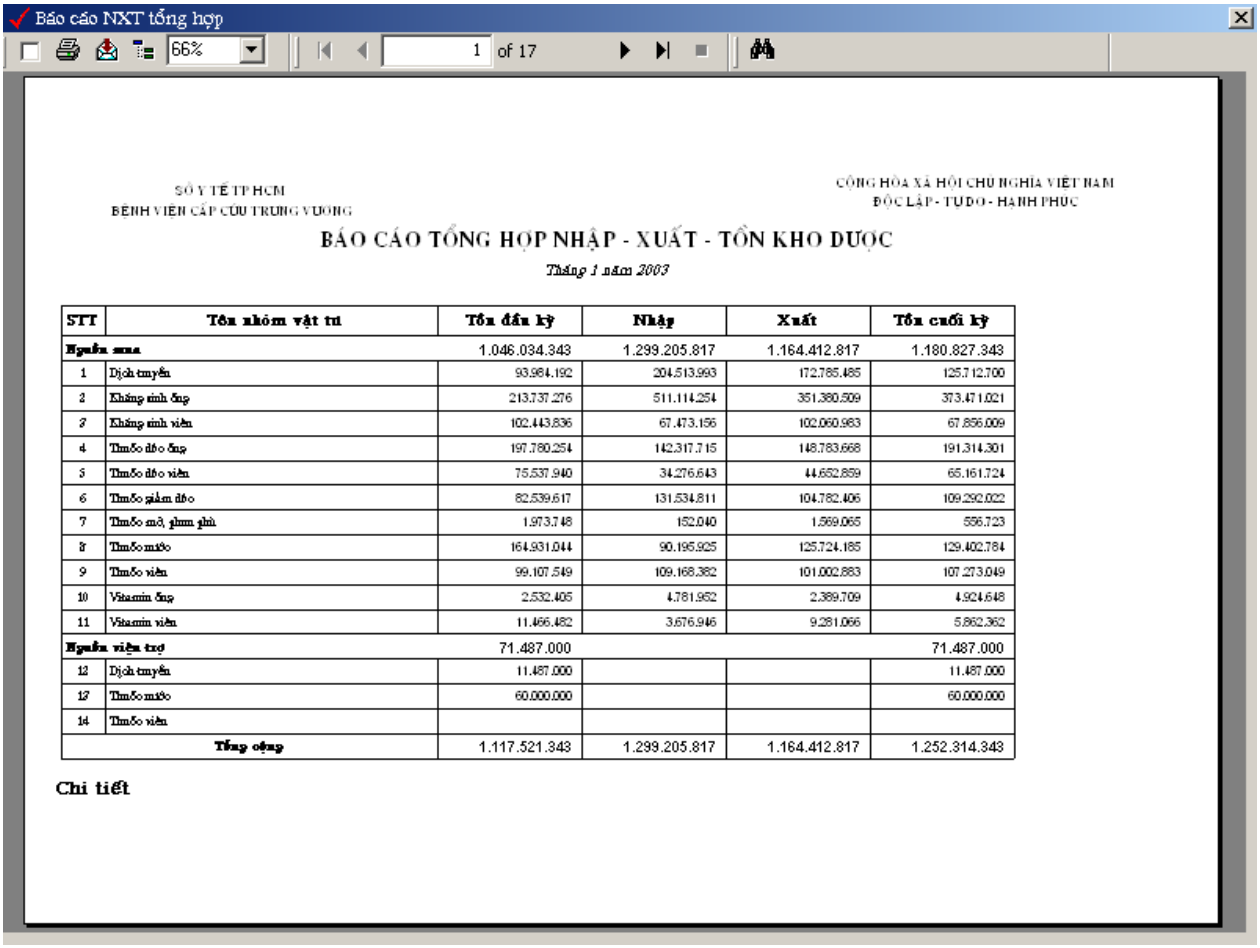

Báo cáo NXT tổng hợp

66% 1 of 17

SỞ Y TẾ TP HCM
BỆNH VIỆN CẤP CỨU TRUNG VƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

BÁO CÁO TỔNG HỢP NHẬP - XUẤT - TỒN KHO DƯỢC

Tháng 1 năm 2003

STT	Tên nhóm vật tư	Tồn đầu kỳ	Nhập	Xuất	Tồn cuối kỳ
Nguồn sưa		1.046.034.343	1.299.205.817	1.164.412.817	1.180.827.343
1	Dịch truyền	93.984.192	204.513.993	172.785.485	125.712.700
2	Kháng sinh ống	213.737.276	511.114.254	351.380.509	373.471.021
3	Kháng sinh viên	102.443.836	67.473.156	102.060.983	67.856.009
4	Thuốc tiêu ống	197.780.254	142.317.715	148.783.668	191.314.301
5	Thuốc tiêu viên	75.537.940	34.276.643	44.652.859	65.161.724
6	Thuốc giảm đau	82.539.617	131.534.811	104.782.406	109.292.022
7	Thuốc mỡ, phun, dầu	1.973.748	152.040	1.569.065	556.723
8	Thuốc mắt	164.931.044	90.195.925	125.724.185	129.402.784
9	Thuốc viên	99.107.549	109.168.382	101.002.883	107.273.049
10	Vitamin ống	2.532.405	4.781.952	2.389.709	4.924.648
11	Vitamin viên	11.466.482	3.676.946	9.281.066	5.862.362
Nguồn viện trợ		71.487.000			71.487.000
12	Dịch truyền	11.487.000			11.487.000
13	Thuốc mắt	60.000.000			60.000.000
14	Thuốc viên				
	Tổng cộng	1.117.521.343	1.299.205.817	1.164.412.817	1.252.314.343

Chi tiết

Nhập xuất tồn kho theo nhóm hàng hóa

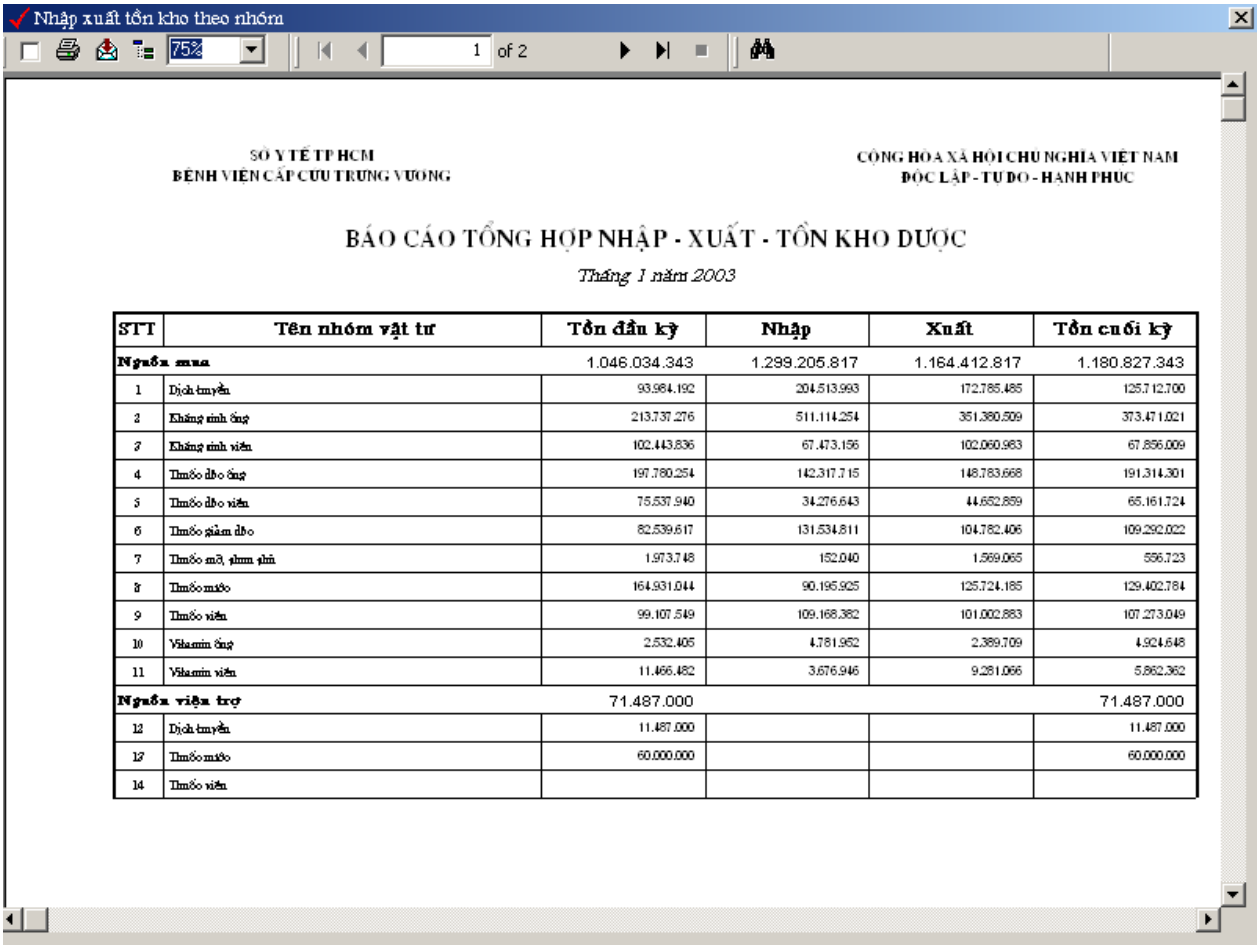

Nhập xuất tồn kho theo nhóm

75% 1 of 2

SỞ Y TẾ TP HCM
BỆNH VIỆN CẤP CỨU TRƯNG VƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

BÁO CÁO TỔNG HỢP NHẬP - XUẤT - TỒN KHO DƯỢC

Tháng 1 năm 2003

STT	Tên nhóm vật tư	Tồn đầu kỳ	Nhập	Xuất	Tồn cuối kỳ
Nguồn mua		1.046.034.343	1.299.205.817	1.164.412.817	1.180.827.343
1	Dịch truyền	93.984.192	204.513.993	172.785.485	125.712.700
2	Kháng sinh ống	213.737.276	511.114.254	351.380.509	373.471.021
3	Kháng sinh viên	102.443.836	67.473.156	102.060.983	67.856.009
4	Tim mạch ống	197.780.254	142.317.715	148.783.668	191.314.301
5	Tim mạch viên	75.537.940	34.276.643	44.652.859	65.161.724
6	Tim mạch giảm đau	82.539.617	131.534.811	104.782.406	109.292.022
7	Tim mạch mỡ, phun phủ	1.973.748	152.040	1.569.065	556.723
8	Tim mạch máu	164.931.044	90.195.925	125.724.185	129.402.784
9	Tim mạch viên	99.107.549	109.168.382	101.002.883	107.273.049
10	Vitamin ống	2.532.405	4.781.952	2.389.709	4.924.648
11	Vitamin viên	11.466.482	3.676.946	9.281.066	5.862.362
Nguồn viện trợ		71.487.000			71.487.000
12	Dịch truyền	11.487.000			11.487.000
13	Tim mạch máu	60.000.000			60.000.000
14	Tim mạch viên				

Chi tiết nhập - xuất vật tư

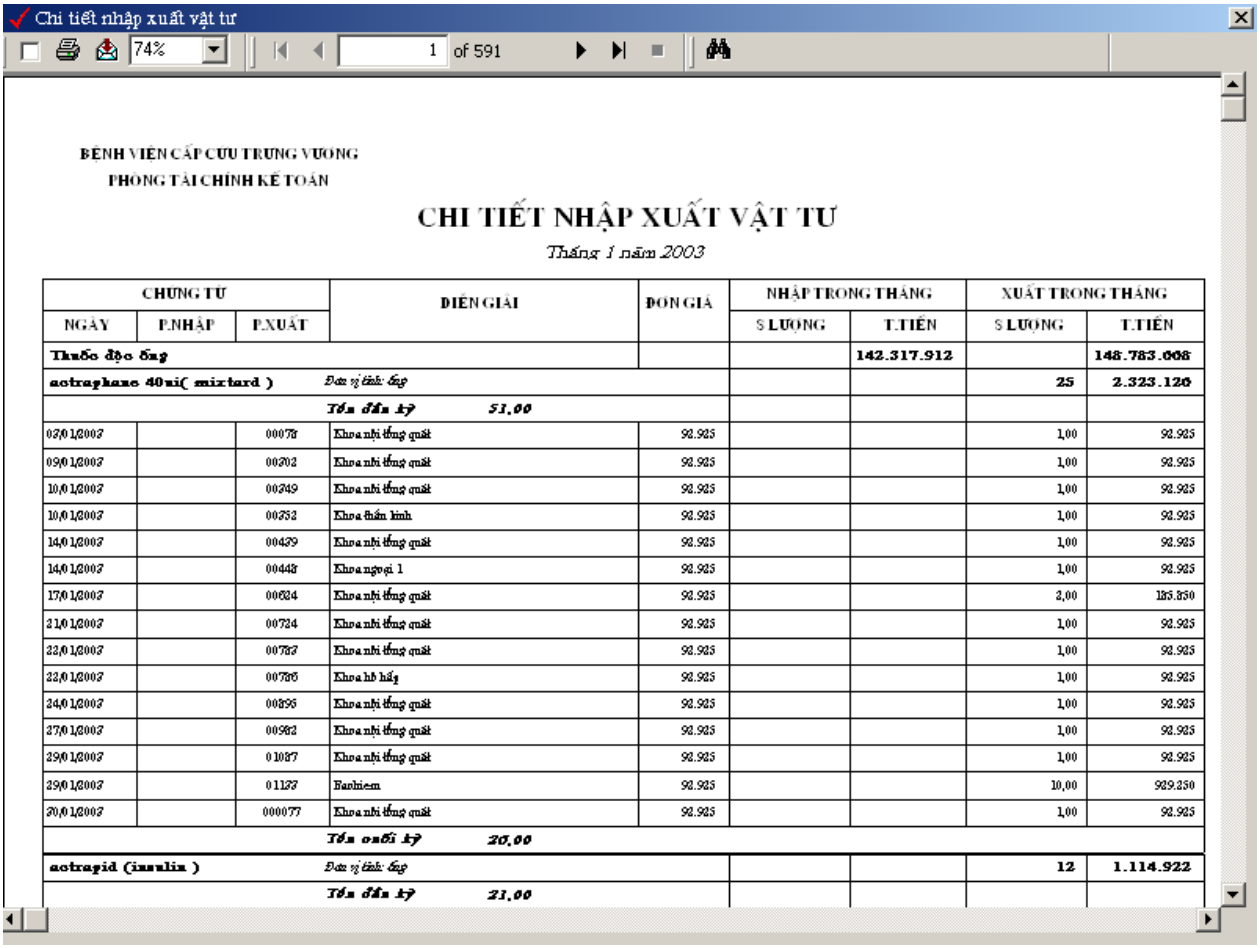

Chi tiết nhập xuất vật tư

74% 1 of 591

BỆNH VIỆN CẤP CỨU TRƯNG VƯƠNG
PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

CHI TIẾT NHẬP XUẤT VẬT TƯ

Tháng 1 năm 2003

CHỨNG TỪ			DIỄN GIẢI	ĐƠN GIÁ	NHẬP TRONG THÁNG		XUẤT TRONG THÁNG	
NGÀY	P.NHẬP	P.XUẤT			S LƯỢNG	T.TIỀN	S LƯỢNG	T.TIỀN
Thuốc độc bảng						**142.317.912**		**148.783.068**
actraphane 40ui(mixtard)			*Đơn vị tính: ống*				**25**	**2.323.120**
			Tồn đầu kỳ ***51,00***					
03/01/2003		00078	Khoa nhi tổng quát	92.925			1,00	92.925
09/01/2003		00202	Khoa nhi tổng quát	92.925			1,00	92.925
10/01/2003		00349	Khoa nhi tổng quát	92.925			1,00	92.925
10/01/2003		00352	Khoa thần kinh	92.925			1,00	92.925
14/01/2003		00439	Khoa nhi tổng quát	92.925			1,00	92.925
14/01/2003		00448	Khoa ngoại 1	92.925			1,00	92.925
17/01/2003		00624	Khoa nhi tổng quát	92.925			2,00	185.850
21/01/2003		00724	Khoa nhi tổng quát	92.925			1,00	92.925
22/01/2003		00787	Khoa nhi tổng quát	92.925			1,00	92.925
22/01/2003		00786	Khoa hồi sức	92.925			1,00	92.925
24/01/2003		00896	Khoa nhi tổng quát	92.925			1,00	92.925
27/01/2003		00982	Khoa nhi tổng quát	92.925			1,00	92.925
29/01/2003		01087	Khoa nhi tổng quát	92.925			1,00	92.925
29/01/2003		01177	Ngoài viện	92.925			10,00	929.250
30/01/2003		000077	Khoa nhi tổng quát	92.925			1,00	92.925
			Tồn cuối kỳ ***20,00***					
actrapid (insulin)			*Đơn vị tính: ống*				**12**	**1.114.922**
			Tồn đầu kỳ ***21,00***					

Phiếu kế toán vật tư

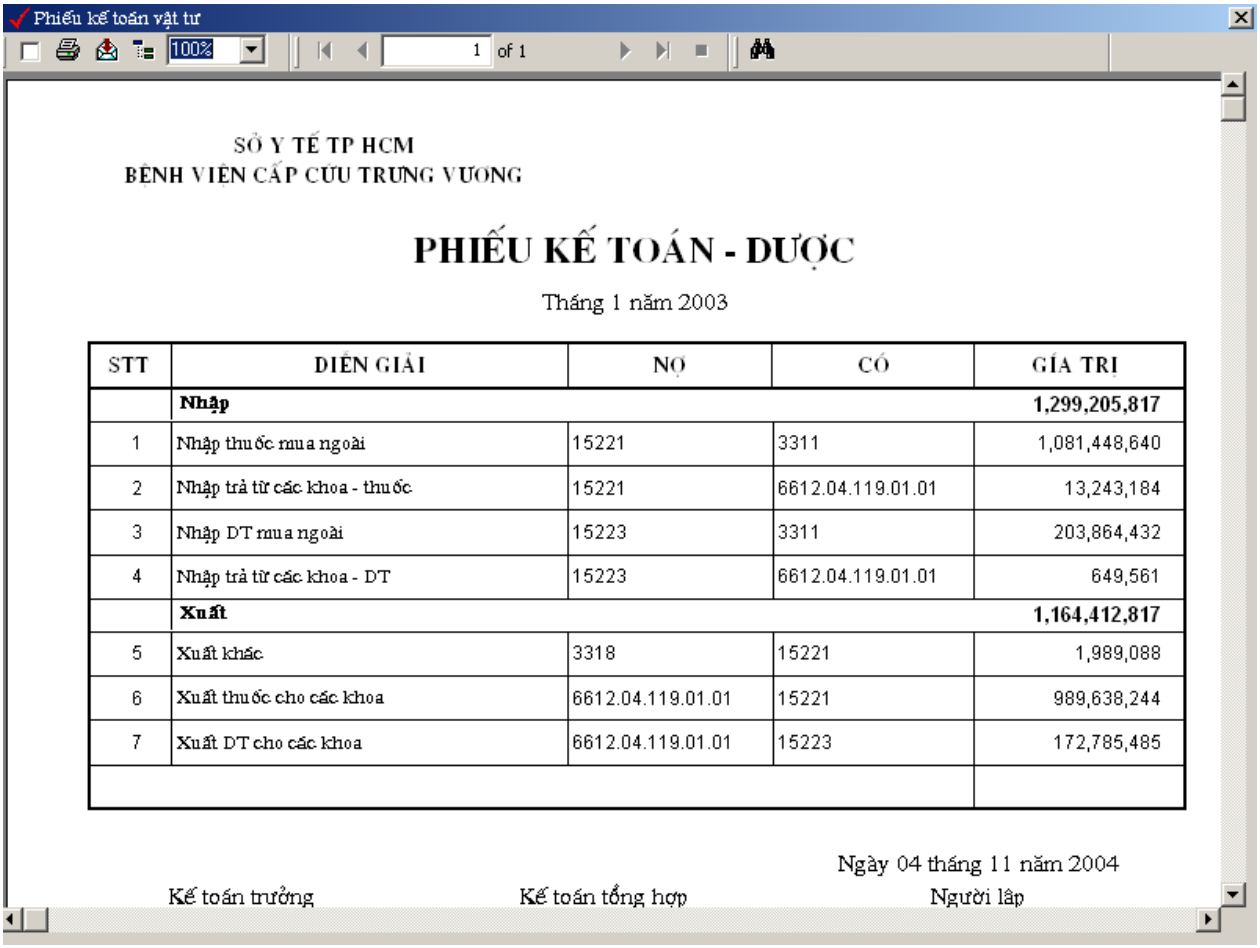

Phiếu kế toán vật tư

100% 1 of 1

SỞ Y TẾ TP HCM
BỆNH VIỆN CẤP CỨU TRƯNG VƯƠNG

PHIẾU KẾ TOÁN - DƯỢC

Tháng 1 năm 2003

STT	DIỄN GIẢI	NỢ	CÓ	GIÁ TRỊ
	Nhập			**1,299,205,817**
1	Nhập thuốc mua ngoài	15221	3311	1,081,448,640
2	Nhập trả từ các khoa - thuốc	15221	6612.04.119.01.01	13,243,184
3	Nhập DT mua ngoài	15223	3311	203,864,432
4	Nhập trả từ các khoa - DT	15223	6612.04.119.01.01	649,561
	Xuất			**1,164,412,817**
5	Xuất khác	3318	15221	1,989,088
6	Xuất thuốc cho các khoa	6612.04.119.01.01	15221	989,638,244
7	Xuất DT cho các khoa	6612.04.119.01.01	15223	172,785,485

Ngày 04 tháng 11 năm 2004

Kế toán trưởng Kế toán tổng hợp Người lập

Bảng giá vật tư

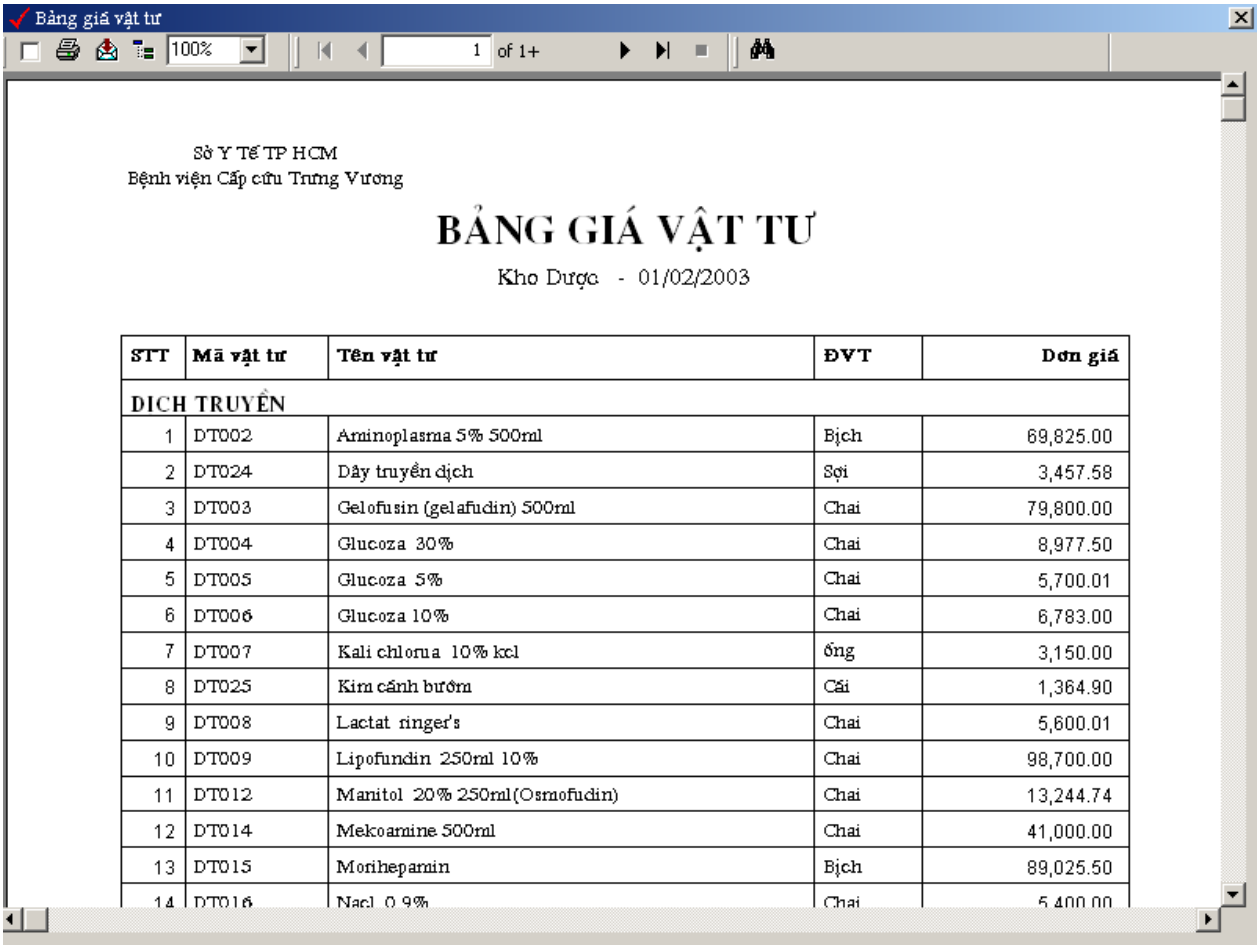

Bảng giá vật tư

100% 1 of 1+

Sở Y Tế TP HCM
Bệnh viện Cấp cứu Trưng Vương

BẢNG GIÁ VẬT TƯ

Kho Dược - 01/02/2003

STT	Mã vật tư	Tên vật tư	ĐVT	Đơn giá
DICH TRUYỀN				
1	DT002	Aminoplasma 5% 500ml	Bịch	69,825.00
2	DT024	Dây truyền dịch	Sợi	3,457.58
3	DT003	Gelofusin (gelafudin) 500ml	Chai	79,800.00
4	DT004	Glucoza 30%	Chai	8,977.50
5	DT005	Glucoza 5%	Chai	5,700.01
6	DT006	Glucoza 10%	Chai	6,783.00
7	DT007	Kali chlorua 10% kcl	ống	3,150.00
8	DT025	Kim cánh bướm	Cái	1,364.90
9	DT008	Lactat ringer's	Chai	5,600.01
10	DT009	Lipofundin 250ml 10%	Chai	98,700.00
11	DT012	Manitol 20% 250ml(Osmofudin)	Chai	13,244.74
12	DT014	Mekoamine 500ml	Chai	41,000.00
13	DT015	Moriheparin	Bịch	89,025.50
14	DT016	Nacl 0,9%	Chai	5,400.00

Báo cáo tổng hợp – chi tiết nhập xuất tồn

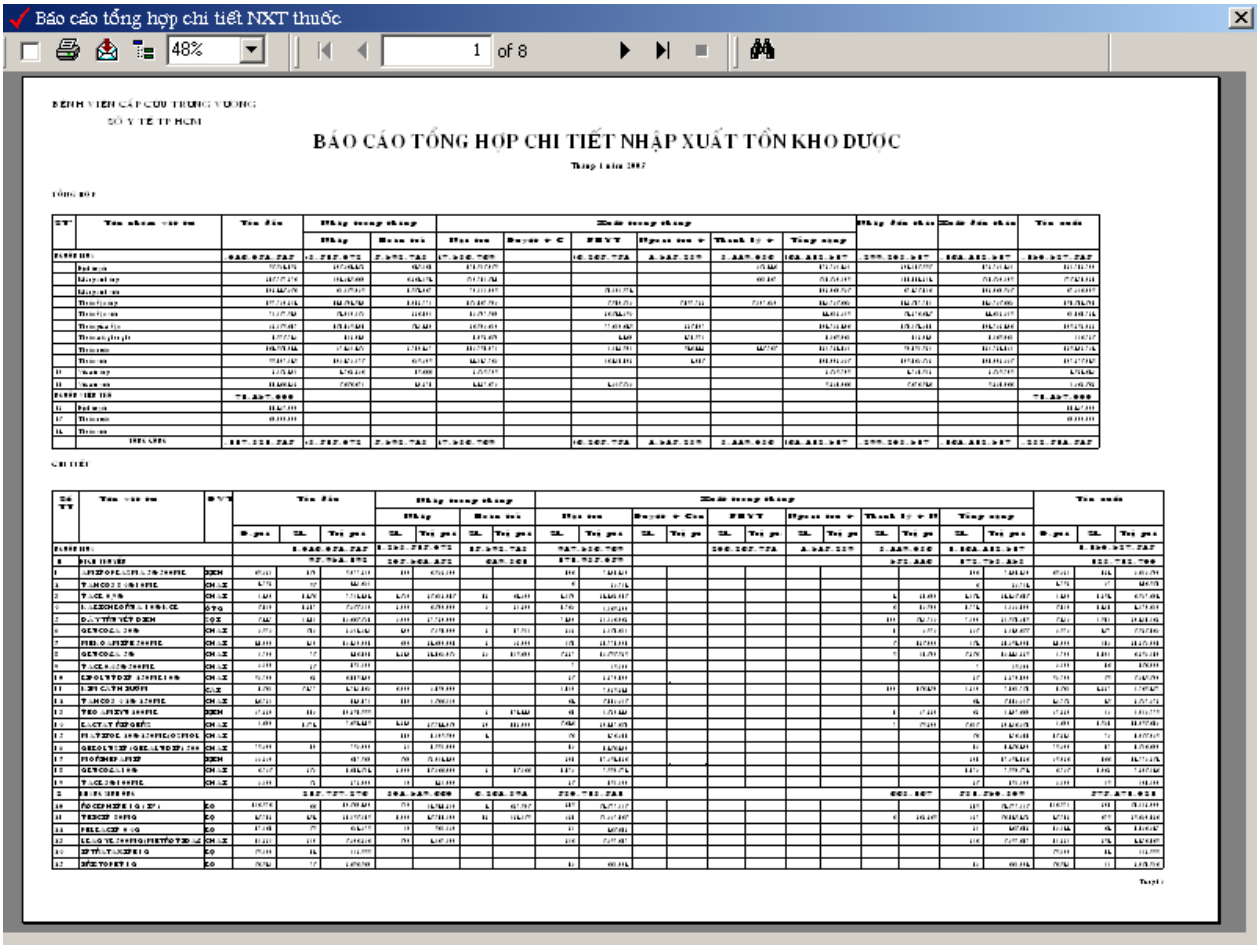

Bảng kê bông băng xuất cho khoa Chống nhiễm khuẩn

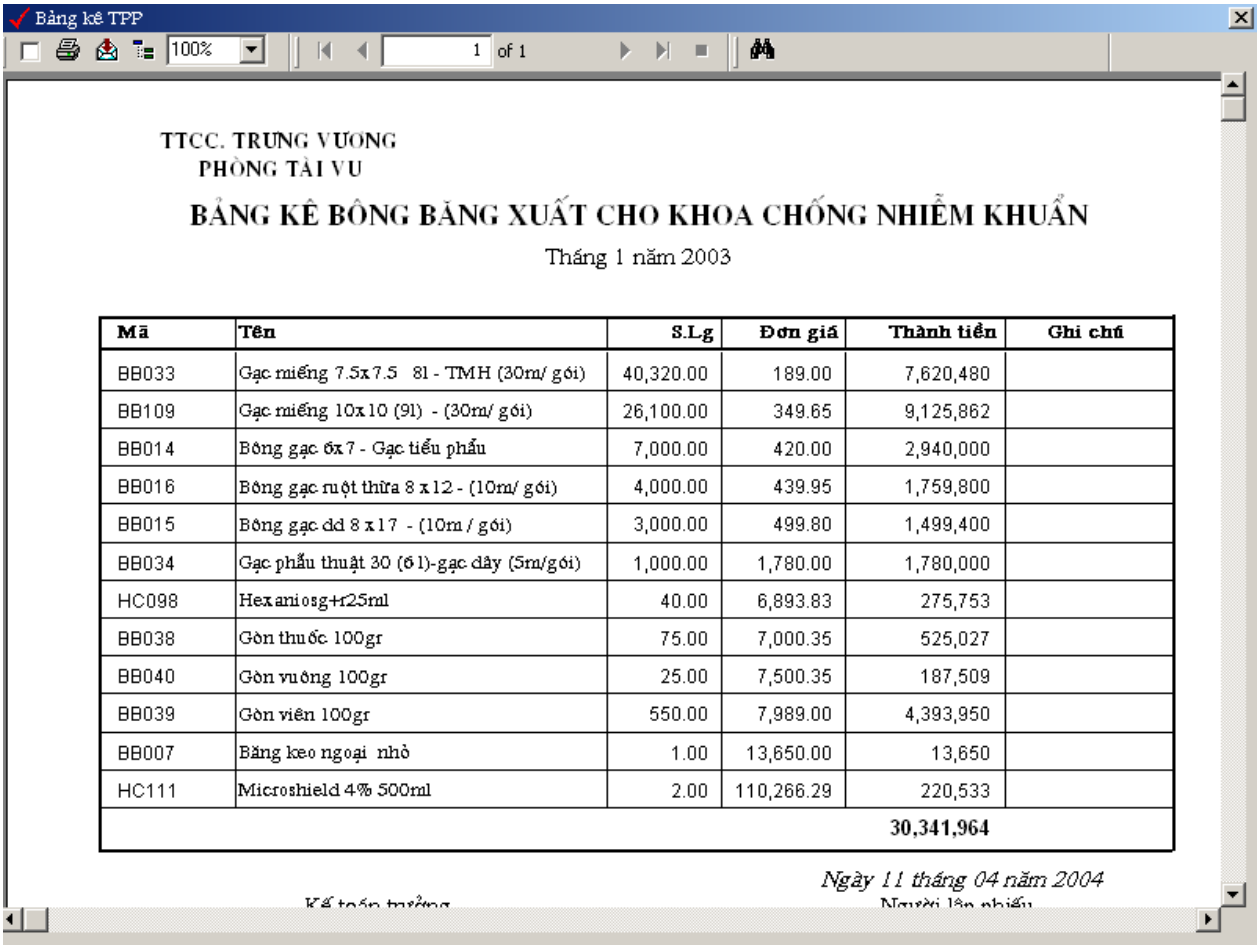

Bảng kê TPP

TTCC. TRƯNG VƯƠNG
PHÒNG TÀI VỤ

BẢNG KÊ BÔNG BĂNG XUẤT CHO KHOA CHỐNG NHIỄM KHUẨN

Tháng 1 năm 2003

Mã	Tên	S.Lg	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
BB033	Gạc miếng 7.5x7.5 8l - TMH (30m/ gói)	40,320.00	189.00	7,620,480	
BB109	Gạc miếng 10x10 (9l) - (30m/ gói)	26,100.00	349.65	9,125,862	
BB014	Bông gạc 6x7 - Gạc tiểu phẫu	7,000.00	420.00	2,940,000	
BB016	Bông gạc ruột thừa 8 x 12 - (10m/ gói)	4,000.00	439.95	1,759,800	
BB015	Bông gạc dd 8 x 17 - (10m / gói)	3,000.00	499.80	1,499,400	
BB034	Gạc phẫu thuật 30 (6 l)-gạc dây (5m/gói)	1,000.00	1,780.00	1,780,000	
HC098	Hexaniosg+r25ml	40.00	6,893.83	275,753	
BB038	Gòn thuốc 100gr	75.00	7,000.35	525,027	
BB040	Gòn vuông 100gr	25.00	7,500.35	187,509	
BB039	Gòn viên 100gr	550.00	7,989.00	4,393,950	
BB007	Băng keo ngoại nhỏ	1.00	13,650.00	13,650	
HC111	Microshield 4% 500ml	2.00	110,266.29	220,533	
				30,341,964	

Ngày 11 tháng 04 năm 2004

Báo cáo nóng nhập xuất tồn kho.

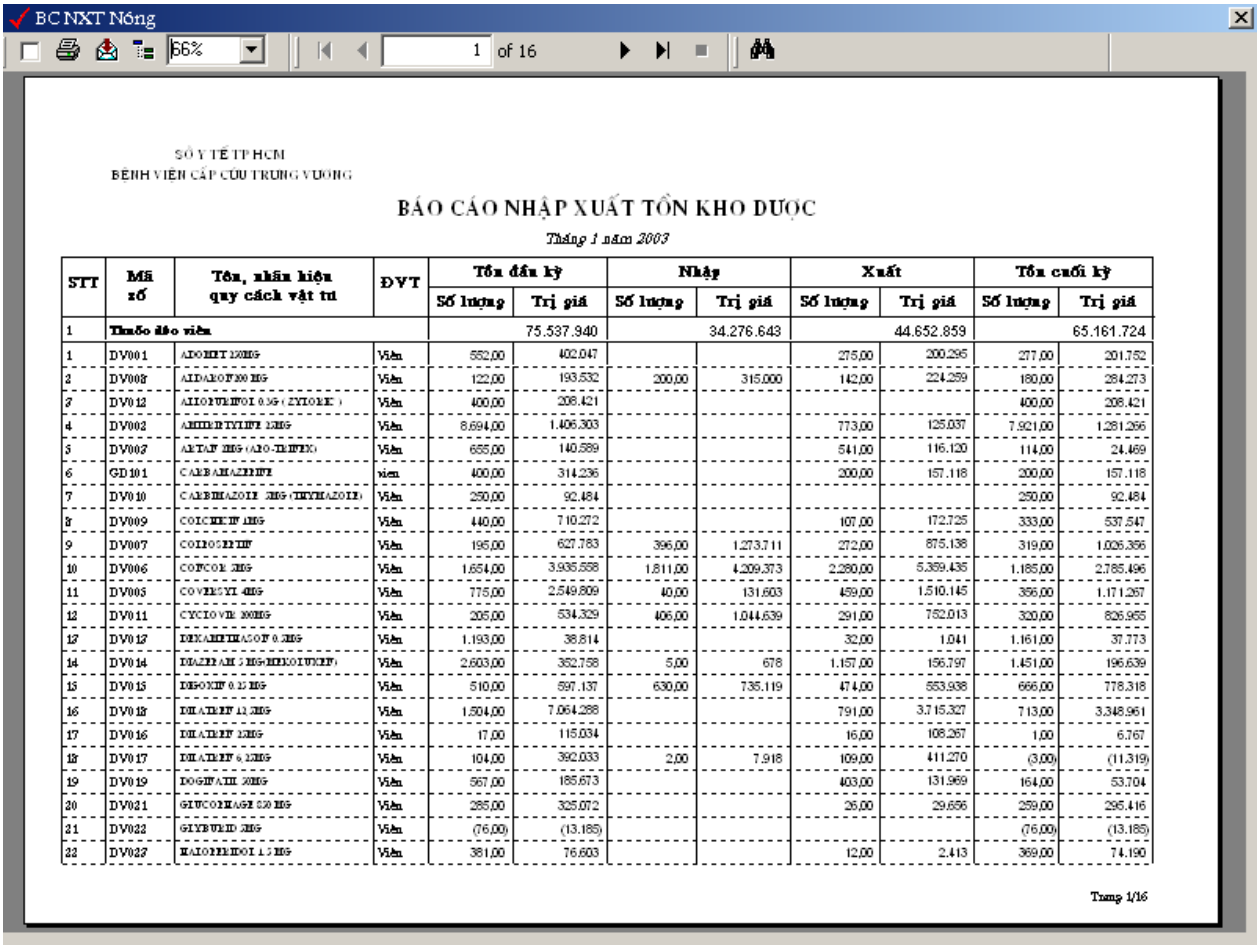

BC NXT Nông

66% 1 of 16

SỞ Y TẾ TP HCM
BỆNH VIỆN CẤP CỨU TRƯNG VƯƠNG

BÁO CÁO NHẬP XUẤT TỒN KHO DƯỢC

Tháng 1 năm 2003

STT	Mã số	Tên, nhãn hiệu quy cách vật tư	ĐVT	Tồn đầu kỳ		Nhập		Xuất		Tồn cuối kỳ	
				Số lượng	Trị giá	Số lượng	Trị giá	Số lượng	Trị giá	Số lượng	Trị giá
1	**Thuốc điều viên**				75.537.940		34.276.643		44.652.859		65.161.724
1	DV001	ADOBRIT 100MG	Viên	552,00	402.047			275,00	200.295	277,00	201.752
2	DV002	ALDAROT 200 MG	Viên	122,00	193.532	200,00	315.000	142,00	224.259	180,00	284.273
3	DV012	ALLOPURINOL 0,3G (ZYLORIC)	Viên	400,00	208.421					400,00	208.421
4	DV002	AMIKIN TYLINE 125MG	Viên	8.694,00	1.406.303			773,00	125.037	7.921,00	1.281.266
5	DV003	AMTAN 200MG (ALO-TEMPEX)	Viên	655,00	140.589			541,00	116.120	114,00	24.469
6	GD101	CARBAMAZEPINE	viên	400,00	314.236			200,00	157.118	200,00	157.118
7	DV010	CARBIMAZOLE 5MG (THYMAZOLE)	Viên	250,00	92.484					250,00	92.484
8	DV009	COLCHICIN 1MG	Viên	440,00	710.272			107,00	172.725	333,00	537.547
9	DV007	COLIOSERTIN	Viên	195,00	627.783	396,00	1.273.711	272,00	875.138	319,00	1.026.356
10	DV006	COPCOL 5MG	Viên	1.654,00	3.935.558	1.811,00	4.209.373	2.280,00	5.359.435	1.185,00	2.785.496
11	DV005	COVERSYL 4MG	Viên	775,00	2.549.809	40,00	131.603	459,00	1.510.145	356,00	1.171.267
12	DV011	CYCLOVIR 200MG	Viên	205,00	534.329	406,00	1.044.639	291,00	752.013	320,00	826.955
13	DV013	DEXAMETHASOF 0,5MG	Viên	1.193,00	38.814			32,00	1.041	1.161,00	37.773
14	DV014	DIAZEPAM 5MG(RELIUM)	Viên	2.603,00	352.758	5,00	678	1.157,00	156.797	1.451,00	196.639
15	DV015	DIGOXIN 0,25 MG	Viên	510,00	597.137	630,00	735.119	474,00	553.938	666,00	778.318
16	DV018	DILATREN 12,5MG	Viên	1.504,00	7.064.288			791,00	3.715.327	713,00	3.348.961
17	DV016	DILATREN 25MG	Viên	17,00	115.034			16,00	108.267	1,00	6.767
18	DV017	DILATREN 6,25MG	Viên	104,00	392.033	2,00	7.918	109,00	411.270	(3,00)	(11.319)
19	DV019	DOGMATIL 50MG	Viên	567,00	185.673			403,00	131.969	164,00	53.704
20	DV021	GLUCOPHAGE 850 MG	Viên	285,00	325.072			26,00	29.656	259,00	295.416
21	DV022	GLYBURID 5MG	Viên	(76,00)	(13.185)					(76,00)	(13.185)
22	DV027	HALOPERIDOL 1,5 MG	Viên	381,00	76.603			12,00	2.413	369,00	74.190

Trang 1/16

Lũy kế nhập xuất vật tư

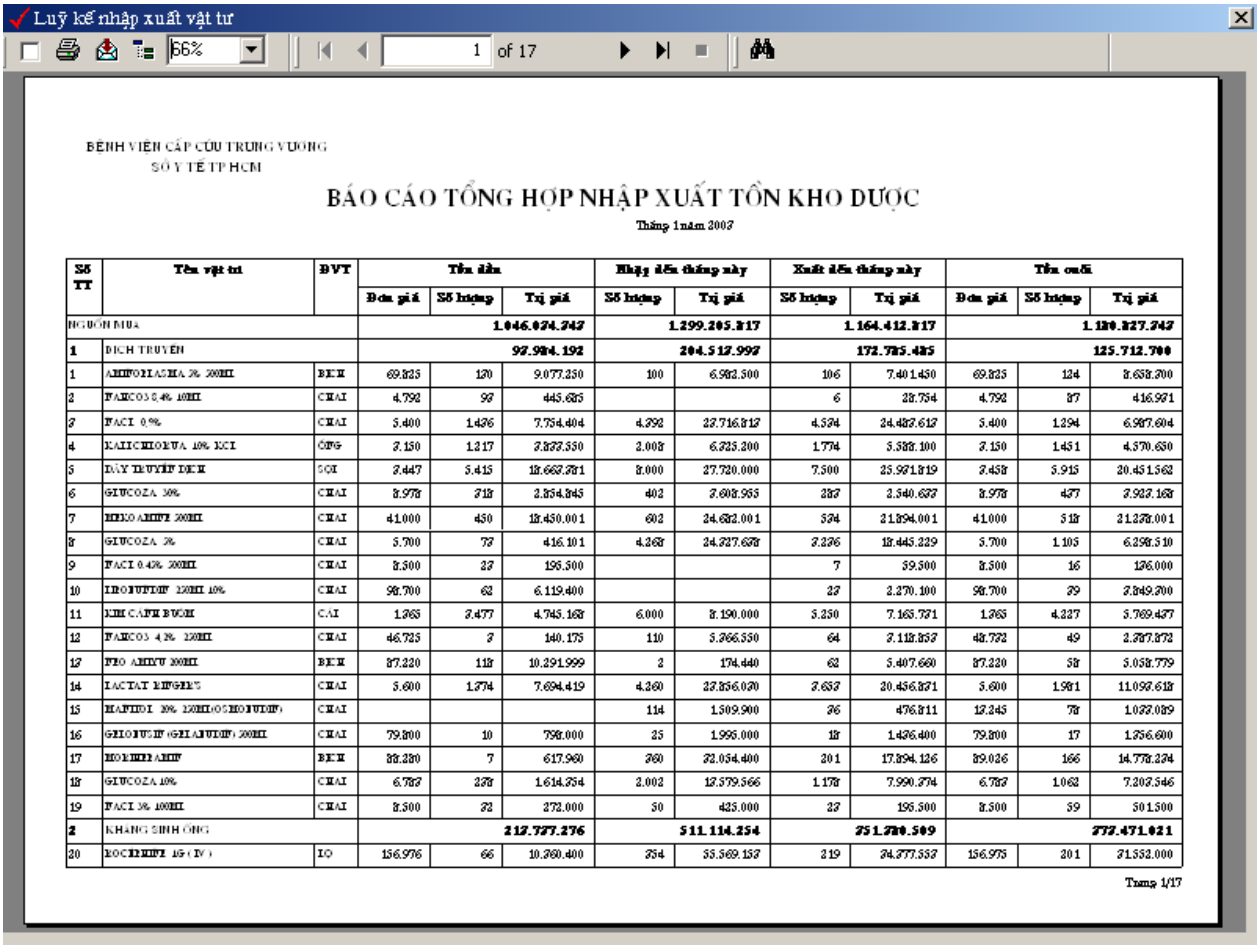

Luỹ kế nhập xuất vật tư

66% 1 of 17

BỆNH VIỆN CẤP CỨU TRUNG VƯƠNG
SỞ Y TẾ TP HCM

BÁO CÁO TỔNG HỢP NHẬP XUẤT TỒN KHO DƯỢC

Tháng 1 năm 2007

SỐ TT	Tên vật tư	ĐVT	Tồn đầu			Nhập đến tháng này		Xuất đến tháng này		Tồn cuối		
			Đơn giá	Số lượng	Trị giá	Số lượng	Trị giá	Số lượng	Trị giá	Đơn giá	Số lượng	Trị giá
NGUỒN MUA					1.046.074.747		1.299.205.817		1.164.412.817			1.180.827.747
1	DỊCH TRUYỀN				97.984.192		204.512.997		172.785.485			125.712.700
1	AMINOPLASMA 5% 500ml	BỊCH	69.825	120	9.077.250	100	6.982.500	106	7.401.450	69.825	124	8.658.300
2	FAMCOS 8,4% 10ml	CHAI	4.792	97	445.685			6	28.754	4.792	87	416.931
3	NACL 0,9%	CHAI	5.400	1.436	7.754.404	4.392	23.716.812	4.534	24.482.612	5.400	1.294	6.987.604
4	KALICLORUA 10% 10CC	ỐNG	3.150	1.217	3.833.550	2.008	6.325.200	1.774	5.588.100	3.150	1.451	4.570.650
5	DÂY TRUYỀN DỊCH	SỢI	3.447	5.415	18.663.381	8.000	27.720.000	7.500	25.971.819	3.458	5.915	20.451.562
6	GLUCOZA 30%	CHAI	8.978	318	2.854.845	402	3.608.955	287	2.540.687	8.978	437	3.923.168
7	HEMOAMINE 500ml	CHAI	41.000	450	18.450.001	602	24.682.001	574	21.894.001	41.000	518	21.238.001
8	GLUCOZA 5%	CHAI	5.700	73	416.101	4.268	24.327.678	3.236	18.445.229	5.700	1.105	6.298.510
9	NACL 0,45% 500ml	CHAI	8.500	23	195.500			7	59.500	8.500	16	136.000
10	HEOPLYDIN 250ml 10%	CHAI	98.700	62	6.119.400			23	2.270.100	98.700	39	3.849.300
11	KIM CƯƠNG BƠM	CÁI	1.365	3.477	4.745.168	6.000	8.190.000	5.250	7.165.731	1.365	4.227	5.769.437
12	FAMCOS 4,2% 250ml	CHAI	46.725	3	140.175	110	5.366.550	64	3.118.837	48.732	49	2.387.872
13	PEO AMIYU 500ml	BỊCH	87.220	118	10.291.999	2	174.440	62	5.407.660	87.220	58	5.058.779
14	LACTAT RINGER'S	CHAI	5.600	1.374	7.694.419	4.260	23.856.020	3.637	20.456.871	5.600	1.981	11.093.618
15	MANNOL 20% 250ml(OSMOPLUDIN)	CHAI				114	1.509.900	36	476.811	12.245	78	1.033.089
16	GELOPUSIN (GELAPLUDIN) 500ml	CHAI	79.800	10	798.000	25	1.995.000	18	1.436.400	79.800	17	1.356.600
17	HOMEMAMIN	BỊCH	88.280	7	617.960	360	32.054.400	201	17.894.126	89.026	166	14.778.234
18	GLUCOZA 10%	CHAI	6.783	238	1.614.254	2.002	12.379.566	1.178	7.990.274	6.783	1.062	7.203.546
19	NACL 3% 100ml	CHAI	8.500	32	272.000	50	425.000	23	195.500	8.500	59	501.500
2	KHÁNG SINH ỐNG				212.727.276		511.114.254		351.780.509			372.471.021
20	ROCEPHIN 1G (IV)	LỌ	156.976	66	10.360.400	354	55.569.137	219	34.377.537	156.975	201	31.552.000

Trang 1/17

Chi tiết nhập – xuất sản phẩm dở dang

Nhập - xuất SPDD

100% 1 of 1

BẢNG LIỆT KÊ NHẬP - XUẤT SPDD

Tháng 3 năm 2003

STT	SỐ PHIẾU	NGÀY	TÊN HÀNG HOÁ	ĐVT	S. LƯỢNG	SỐ TIỀN
NHẬP SPDD						
1	00073	31/03/03	Vải trải giường	Tấm	14	626.181
2	00073	31/03/03	Khăn lông trung	Cái	10	23.000
3	00076	31/03/03	Vải trải giường	Tấm	9	402.545
4	00076	31/03/03	Dây cột bệnh nhân	m	9	12.600
5	00076	31/03/03	Khăn lông nhỏ (1)	Cái	100	92.000
6	00074	31/03/03	Vải trải giường	Tấm	40	1.789.088
7	00077	31/03/03	Vải trải giường	Tấm	12	536.726
8	00077	31/03/03	Quần áo bệnh nhân	Bộ	13	377.000
9	00077	31/03/03	Khăn lông nhỏ (1)	Cái	100	92.000
10	00079	31/03/03	Khăn lông nhỏ (1)	Cái	40	36.800
			TỔNG CỘNG			**3.987.940**
XUẤT SPDD						
11	00020	07/03/03	áo mổ dài	Cái	28	588.000
12	00020	07/03/03	áo Nội Soi	Cái	6	48.600
13	00020	07/03/03	áo lót mổ	Cái	20	378.000

II.9.8.3. **Báo cáo kế toán tổng hợp**

Sổ chi tiết các tài khoản

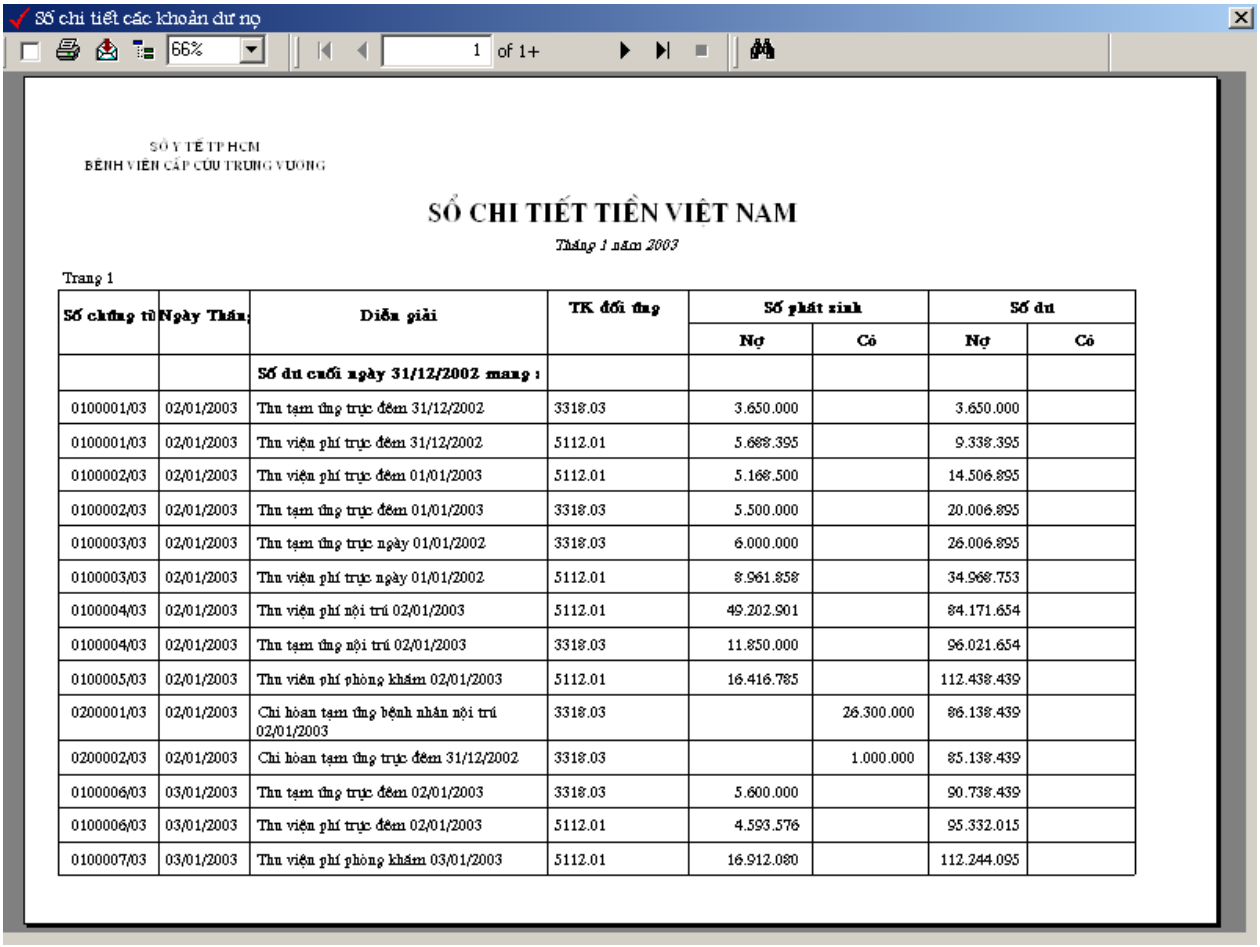

Sổ chi tiết các khoản dư nợ

66% 1 of 1+

SỞ Y TẾ TP HCM
BỆNH VIỆN CẤP CỨU TRUNG VƯƠNG

SỔ CHI TIẾT TIỀN VIỆT NAM

Tháng 1 năm 2003

Trang 1

Số chứng từ	Ngày Tháng	Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
				Nợ	Có	Nợ	Có
		Số dư cuối ngày 31/12/2002 mang :					
0100001/03	02/01/2003	Thu tạm ứng trực đêm 31/12/2002	3318.03	3.650.000		3.650.000	
0100001/03	02/01/2003	Thu viện phí trực đêm 31/12/2002	5112.01	5.688.395		9.338.395	
0100002/03	02/01/2003	Thu viện phí trực đêm 01/01/2003	5112.01	5.168.500		14.506.895	
0100002/03	02/01/2003	Thu tạm ứng trực đêm 01/01/2003	3318.03	5.500.000		20.006.895	
0100003/03	02/01/2003	Thu tạm ứng trực ngày 01/01/2002	3318.03	6.000.000		26.006.895	
0100003/03	02/01/2003	Thu viện phí trực ngày 01/01/2002	5112.01	8.961.858		34.968.753	
0100004/03	02/01/2003	Thu viện phí nội trú 02/01/2003	5112.01	49.202.901		84.171.654	
0100004/03	02/01/2003	Thu tạm ứng nội trú 02/01/2003	3318.03	11.850.000		96.021.654	
0100005/03	02/01/2003	Thu viện phí phòng khám 02/01/2003	5112.01	16.416.785		112.438.439	
0200001/03	02/01/2003	Chi hoàn tạm ứng bệnh nhân nội trú 02/01/2003	3318.03		26.300.000	86.138.439	
0200002/03	02/01/2003	Chi hoàn tạm ứng trực đêm 31/12/2002	3318.03		1.000.000	85.138.439	
0100006/03	03/01/2003	Thu tạm ứng trực đêm 02/01/2003	3318.03	5.600.000		90.738.439	
0100006/03	03/01/2003	Thu viện phí trực đêm 02/01/2003	5112.01	4.593.576		95.332.015	
0100007/03	03/01/2003	Thu viện phí phòng khám 03/01/2003	5112.01	16.912.080		112.244.095	

Sổ cái

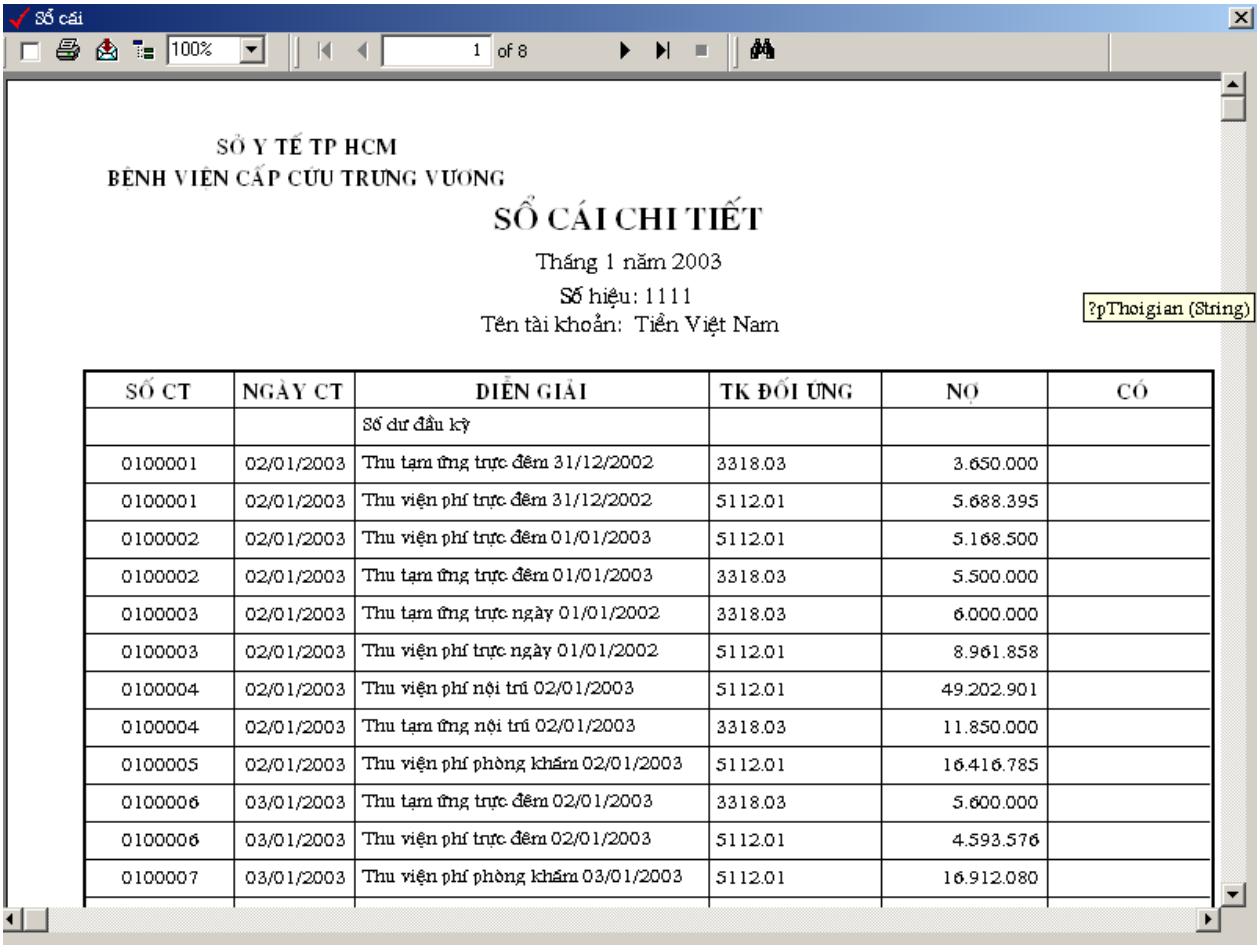

Sổ cái

100% 1 of 8

SỞ Y TẾ TP HCM
BỆNH VIỆN CẤP CỨU TRƯNG VƯƠNG

SỔ CÁI CHI TIẾT

Tháng 1 năm 2003

Số hiệu: 1111

Tên tài khoản: Tiền Việt Nam

?pThoigian (String)

SỐ CT	NGÀY CT	DIỄN GIẢI	TK ĐỐI ỨNG	NỢ	CÓ
		Số dư đầu kỳ			
0100001	02/01/2003	Thu tạm ứng trực đêm 31/12/2002	3318.03	3.650.000	
0100001	02/01/2003	Thu viện phí trực đêm 31/12/2002	5112.01	5.688.395	
0100002	02/01/2003	Thu viện phí trực đêm 01/01/2003	5112.01	5.168.500	
0100002	02/01/2003	Thu tạm ứng trực đêm 01/01/2003	3318.03	5.500.000	
0100003	02/01/2003	Thu tạm ứng trực ngày 01/01/2002	3318.03	6.000.000	
0100003	02/01/2003	Thu viện phí trực ngày 01/01/2002	5112.01	8.961.858	
0100004	02/01/2003	Thu viện phí nội trú 02/01/2003	5112.01	49.202.901	
0100004	02/01/2003	Thu tạm ứng nội trú 02/01/2003	3318.03	11.850.000	
0100005	02/01/2003	Thu viện phí phòng khám 02/01/2003	5112.01	16.416.785	
0100006	03/01/2003	Thu tạm ứng trực đêm 02/01/2003	3318.03	5.600.000	
0100006	03/01/2003	Thu viện phí trực đêm 02/01/2003	5112.01	4.593.576	
0100007	03/01/2003	Thu viện phí phòng khám 03/01/2003	5112.01	16.912.080	

Bảng cân đối số phát sinh

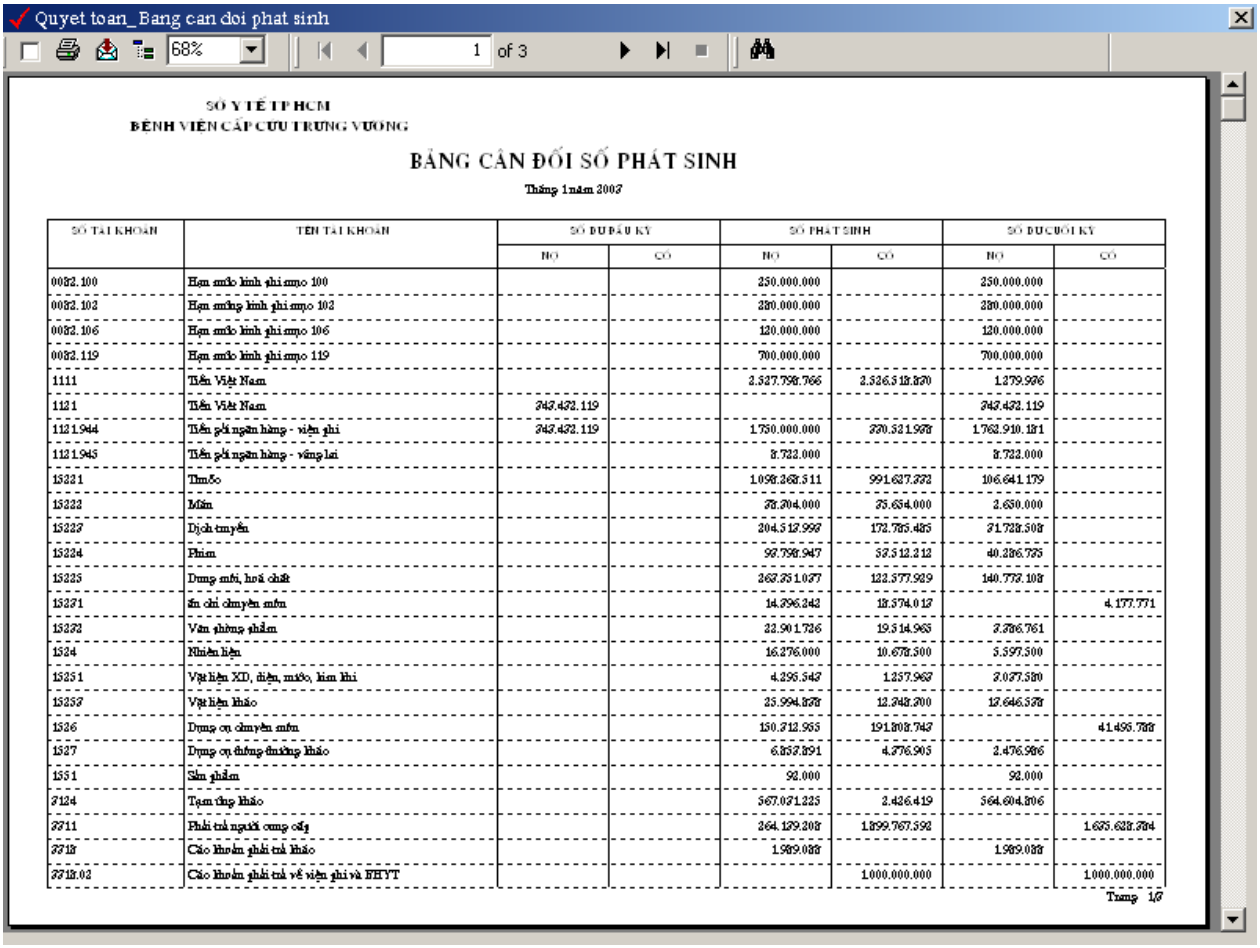

Quyet toan_Bang can doi phat sinh

68% 1 of 3

SỞ Y TẾ TP HCM
BỆNH VIỆN CẤP CỨU TRƯNG VƯƠNG

BẢNG CÂN ĐỐI SỐ PHÁT SINH

Tháng 1 năm 2007

SỐ TÀI KHOẢN	TÊN TÀI KHOẢN	SỐ DƯ ĐẦU KỲ		SỐ PHÁT SINH		SỐ DƯ CUỐI KỲ	
		NỢ	CÓ	NỢ	CÓ	NỢ	CÓ
0082.100	Hạn mức kinh phí mạo 100			250.000.000		250.000.000	
0082.102	Hạn mức kinh phí mạo 102			280.000.000		280.000.000	
0082.106	Hạn mức kinh phí mạo 106			120.000.000		120.000.000	
0082.119	Hạn mức kinh phí mạo 119			700.000.000		700.000.000	
1111	Tiền Việt Nam			3.527.798.766	2.326.512.820	1.279.996	
1121	Tiền Việt Nam	343.432.119				343.432.119	
1121.944	Tiền gửi ngân hàng - viện phí	343.432.119		1.750.000.000	320.521.928	1.762.910.191	
1121.945	Tiền gửi ngân hàng - vãng lai			8.722.000		8.722.000	
13321	Thuốc			1.098.268.511	991.627.332	106.641.179	
13322	Máu			78.204.000	75.634.000	2.630.000	
13323	Dịch truyền			204.512.999	172.785.485	31.728.508	
13324	Phim			92.798.947	52.512.212	40.286.735	
13325	Dụng cụ, hoá chất			262.351.077	122.577.929	140.773.108	
13331	ấn chỉ chuyên môn			14.396.242	18.574.013		4.177.771
13332	Văn phòng phẩm			22.901.726	19.514.965	3.386.761	
1324	Nhiên liệu			16.276.000	10.678.500	5.597.500	
13251	Vật liệu XD, điện, nước, khí khí			4.295.542	1.257.962	3.037.580	
13252	Vật liệu khác			25.994.878	12.348.300	13.646.578	
1326	Dụng cụ chuyên môn			150.312.955	191.808.743		41.495.788
1327	Dụng cụ thông thường khác			6.852.891	4.276.905	2.476.986	
1351	Sản phẩm			92.000		92.000	
3124	Tạm ứng khác			567.031.225	2.426.419	564.604.806	
3311	Phải trả người cung cấp			264.129.208	1.899.767.592		1.635.638.384
3318	Các khoản phải trả khác			1.989.088		1.989.088	
3318.02	Các khoản phải trả về viện phí và BHYT				1.000.000.000		1.000.000.000

Trang 1/3

Phiếu kế toán

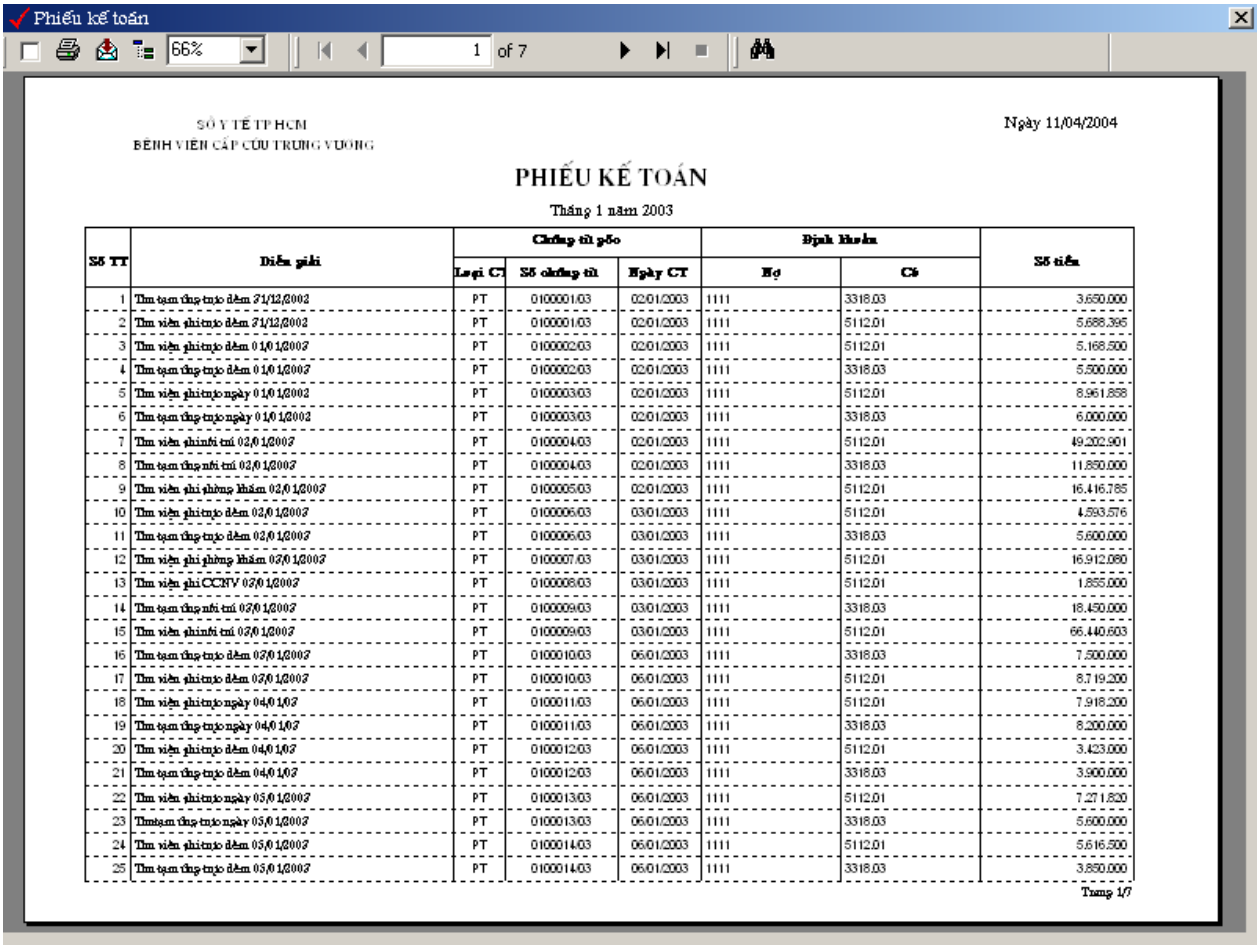

Phiếu kế toán

66% 1 of 7

SỞ Y TẾ TP HCM
BỆNH VIỆN CẤP CỨU TRƯNG VƯƠNG

Ngày 11/04/2004

PHIẾU KẾ TOÁN

Tháng 1 năm 2003

Số TT	Diễn giải	Chứng từ gốc			Định khoản		Số tiền
		Loại CT	Số chứng từ	Ngày CT	Nợ	Có	
1	Thu tạm ứng trả trước đêm 31/12/2002	PT	0100001.03	02/01/2003	1111	3318.03	3.650.000
2	Thu viện phí trả trước đêm 31/12/2002	PT	0100001.03	02/01/2003	1111	5112.01	5.688.395
3	Thu viện phí trả trước đêm 01/01/2003	PT	0100002.03	02/01/2003	1111	5112.01	5.168.500
4	Thu tạm ứng trả trước đêm 01/01/2003	PT	0100002.03	02/01/2003	1111	3318.03	5.500.000
5	Thu viện phí trả trước ngày 01/01/2003	PT	0100003.03	02/01/2003	1111	5112.01	8.961.858
6	Thu tạm ứng trả trước ngày 01/01/2003	PT	0100003.03	02/01/2003	1111	3318.03	6.000.000
7	Thu viện phí nội trú 02/01/2003	PT	0100004.03	02/01/2003	1111	5112.01	49.202.901
8	Thu tạm ứng nội trú 02/01/2003	PT	0100004.03	02/01/2003	1111	3318.03	11.850.000
9	Thu viện phí phòng khám 02/01/2003	PT	0100005.03	02/01/2003	1111	5112.01	16.416.785
10	Thu viện phí trả trước đêm 02/01/2003	PT	0100006.03	03/01/2003	1111	5112.01	4.593.576
11	Thu tạm ứng trả trước đêm 02/01/2003	PT	0100006.03	03/01/2003	1111	3318.03	5.600.000
12	Thu viện phí phòng khám 03/01/2003	PT	0100007.03	03/01/2003	1111	5112.01	16.912.080
13	Thu viện phí CCNV 03/01/2003	PT	0100008.03	03/01/2003	1111	5112.01	1.855.000
14	Thu tạm ứng nội trú 03/01/2003	PT	0100009.03	03/01/2003	1111	3318.03	18.450.000
15	Thu viện phí nội trú 03/01/2003	PT	0100009.03	03/01/2003	1111	5112.01	66.440.603
16	Thu tạm ứng trả trước đêm 03/01/2003	PT	0100010.03	06/01/2003	1111	3318.03	7.500.000
17	Thu viện phí trả trước đêm 03/01/2003	PT	0100010.03	06/01/2003	1111	5112.01	8.719.200
18	Thu viện phí trả trước ngày 04/01/03	PT	0100011.03	06/01/2003	1111	5112.01	7.918.200
19	Thu tạm ứng trả trước ngày 04/01/03	PT	0100011.03	06/01/2003	1111	3318.03	8.200.000
20	Thu viện phí trả trước đêm 04/01/03	PT	0100012.03	06/01/2003	1111	5112.01	3.423.000
21	Thu tạm ứng trả trước đêm 04/01/03	PT	0100012.03	06/01/2003	1111	3318.03	3.900.000
22	Thu viện phí trả trước ngày 05/01/2003	PT	0100013.03	06/01/2003	1111	5112.01	7.271.820
23	Thu tạm ứng trả trước ngày 05/01/2003	PT	0100013.03	06/01/2003	1111	3318.03	5.600.000
24	Thu viện phí trả trước đêm 05/01/2003	PT	0100014.03	06/01/2003	1111	5112.01	5.616.500
25	Thu tạm ứng trả trước đêm 05/01/2003	PT	0100014.03	06/01/2003	1111	3318.03	3.850.000

Trang 1/7

Tổng hợp tạm ứng

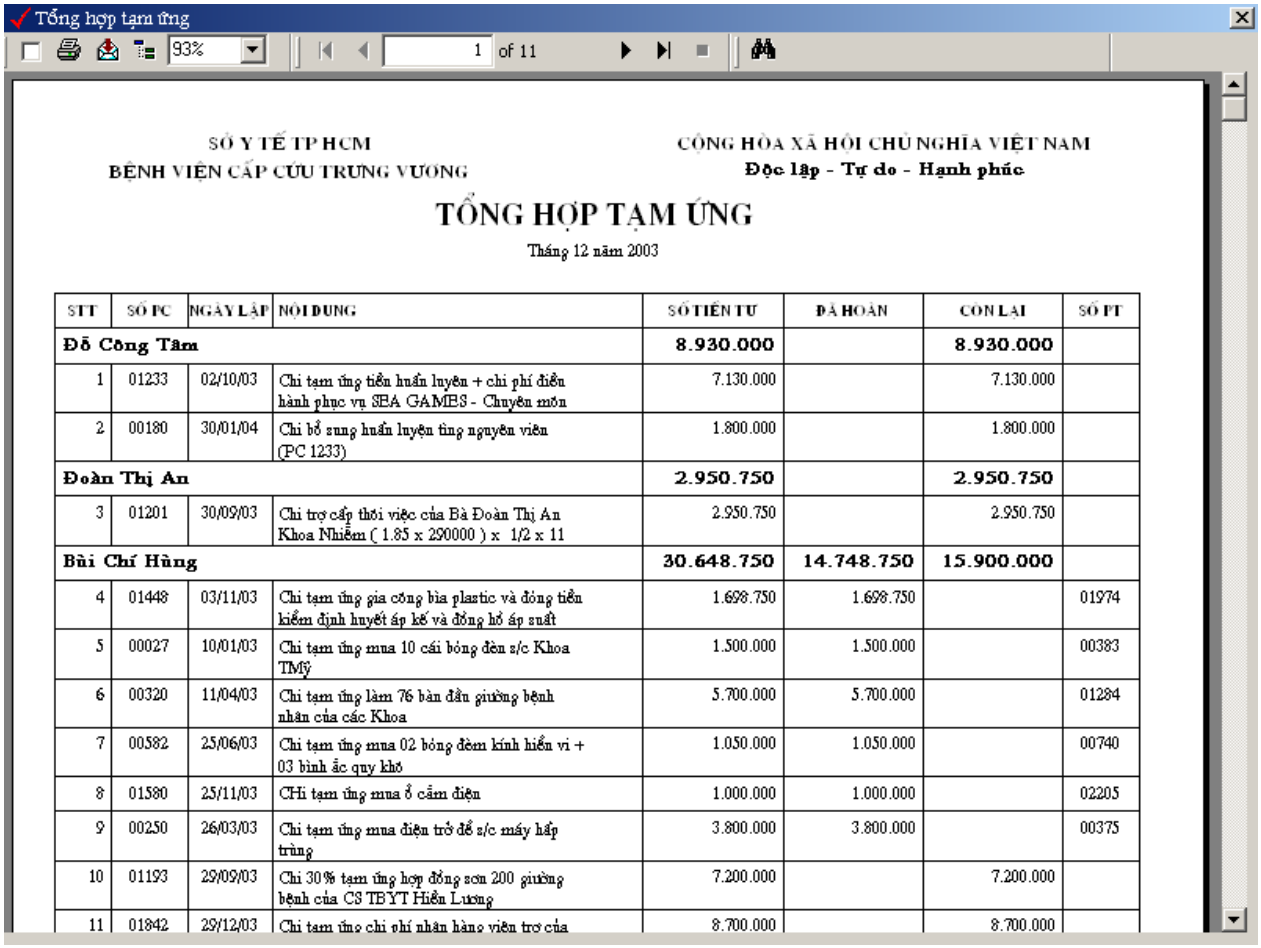

Tổng hợp tạm ứng

93% 1 of 11

SỞ Y TẾ TP HCM
BỆNH VIỆN CẤP CỨU TRƯNG VƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỔNG HỢP TẠM ỨNG

Tháng 12 năm 2003

STT	SỐ PC	NGÀY LẬP	NỘI DUNG	SỐ TIỀN TƯ	ĐÃ HOÀN	CÒN LẠI	SỐ PT
Đỗ Công Tâm				**8.930.000**		**8.930.000**	
1	01233	02/10/03	Chi tạm ứng tiền huấn luyện + chi phí điều hành phục vụ SEA GAMES - Chuyên môn	7.130.000		7.130.000	
2	00180	30/01/04	Chi bổ sung huấn luyện tăng nguyên viên (PC 1233)	1.800.000		1.800.000	
Đoàn Thị An				**2.950.750**		**2.950.750**	
3	01201	30/09/03	Chi trợ cấp thôi việc của Bà Đoàn Thị An Khoa Nhiễm (1.85 x 290000) x 1/2 x 11	2.950.750		2.950.750	
Bùi Chí Hùng				**30.648.750**	**14.748.750**	**15.900.000**	
4	01448	03/11/03	Chi tạm ứng gia công bìa plastic và đóng tiền kiểm định huyết áp kế và đồng hồ áp suất	1.698.750	1.698.750		01974
5	00027	10/01/03	Chi tạm ứng mua 10 cái bóng đèn s/c Khoa TMỹ	1.500.000	1.500.000		00383
6	00320	11/04/03	Chi tạm ứng làm 76 bàn đầu giường bệnh nhân của các Khoa	5.700.000	5.700.000		01284
7	00582	25/06/03	Chi tạm ứng mua 02 bóng đèm kính hiển vi + 03 bình ắc quy khô	1.050.000	1.050.000		00740
8	01580	25/11/03	CHi tạm ứng mua ổ cắm điện	1.000.000	1.000.000		02205
9	00250	26/03/03	Chi tạm ứng mua điện trở để s/c máy hấp trùng	3.800.000	3.800.000		00375
10	01193	29/09/03	Chi 30% tạm ứng hợp đồng scn 200 giường bệnh của CS TBYT Hiền Lương	7.200.000		7.200.000	
11	01842	29/12/03	Chi tạm ứng chi phí nhân hàng viên trợ của	8.700.000		8.700.000	